N° 148 Mars 1930

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ HỌC

I

Chính-trị-học là học cách trị nước, nghĩa là khảo xét về các phương-pháp dựng thành ra quốc-gia cùng chính-phủ và qui-định sự quan-hệ của quốc-gia với quốc-dân cùng các quốc-gia khác thế nào. Người ta thường phân-biệt ra « chính-trị-học » (*science politique*) và «chính-trị-thuật» (*art politique*). Chính-trị-học là khảo-sát các hiện-tượng về chính-trị để tìm cho ra mành-mối cùng phép-tắc ; chính-trị-thuật là nghiên-cứu các hiện-tượng ấy để tìm cách châm-chước thay-đổi cho thích-hợp với sự lợi-ích của quốc-gia và quốc-dân. Song sự phân-biệt đó, tưởng cũng không cần gì. Khoa chính-trị quyết không phải là một khoa thuần-lý. Phàm các nhà chuyên-trị về chính-trị-học không phải là những tay « bác-học » (*des savants*) mà thôi, lại là những tay « thiện-nghệ » (*des artistes*) nữa, nghĩa là khảo-cứu về chính-trị là đều có ý mong để ứng-dụng ra thực-sự cả. Hoặc-giả nói như thế thì chính-trị không thể cho là một khoa-học được, gọi là một khoa-học là gọi lạm vậy. Đây không cần phải biện nghĩa chữ « khoa-học » cho lôi-thôi. Trong cuộc sinh-hoạt của xã-hội, cố-nhiên là có những hiện-tượng về chính-trị cũng đủ có giường-mối, có thống-hệ cho các học-giả dụng-công chuyên-khảo vậy. Chính-trị-học tuy chưa được hoàn-toàn đích-xác như các khoa khác, như số-học, hóa-học, v. v., nhưng tưởng cũng có thể gọi là một khoa-học được. Phàm các xã-hội, dù đã văn-minh hay còn chửa khai-hóa, dù hình-trạng khác nhau thế nào mặc lòng, đều có một điều giống nhau, là đều có một chính-phủ cầm quyền thống-trị, và dưới thì người dân phục-tùng quyền ấy. Chính-trị-học chính là học sự quan-hệ hai bên với nhau thế nào.

Như vậy thì chính-trị-học vẫn có quan-hệ với nhiều các khoa-học khác có khi lẫn hẳn với các khoa-học ấy, dần dần mãi mới thoát-li ra được. Như chính-trị-học là vừa thuộc về xã-hội-học, luân-lý-học, triết-lý-học. Kinh-tế-học chính là thoát thai ở chính-trị-học mà biệt-lập ra một khoa-học ngoài ; tài-chính-học, công-pháp, tư-pháp-học, v. v., đều có mật-thiết quan-hệ với chính-trị-học cả. Trong bài này không thể xét về sự quan-hệ của chính-trị-học với các khoa-học đó thế nào. Đây chỉ dẫn-chứng lịch-sử mà khảo-sát về cái vấn-đề cốt-yếu về chính-trị-học, xem từ xưa đến nay đã từng giải-quyết ra thế nào, vấn-đề ấy tóm lại mấy câu như sau này : Trong một nước quyền thống-trị với dân thụ-trị, phải đối-đãi với nhau theo những phép-tắc thế nào, tức là cái tôn-chỉ của quyền chính-phủ là thế nào, và giới-hạn quyền ấy thế nào ? — Nhân đó lại xét đến quyền-lợi và nghĩa-vụ của cá-nhân đối với chính-phủ thế nào.

Xét ra hết thảy các lý-thuyết xướng lên để giải-quyết cái vấn-đề ấy từ xưa đến nay, đều xuất-nhập hai cái thuyết

cực-đoan như sau này. Một thuyết thì cho quốc-gia là tuyệt-đối, gồm hết thảy các quyền-lợi, tự có một cái nhân-cách đặc-biệt với người ta, thậm-chí không cho cá-nhân vào đâu cả, cho là đối với quốc-gia không có giá-trị gì. Một thuyết thì lại trái lại, chỉ lấy người ta làm trọng, chỉ mưu-cầu cho bản-thân người ta được hoàn-toàn phát-đạt, cho cái chức-vụ của quốc-gia là không đủ khinh-trọng gì, thậm-chí muốn tiêu-diệt cả quốc-gia đi cũng có. Cái thuyết trên là thuộc về xã-hội-chủ-nghĩa, thuyết dưới thì thuộc về cá-nhân-chủ-nghĩa. Tuy-nhiên hai tiếng xã-hội và cá-nhân-chủ-nghĩa này người ta thường dùng theo một nghĩa khác, và các nhà triết-học cũng chưa định được rõ hẳn nghĩa nào là nhất-định : có một cách giải xã-hội-chủ-nghĩa tức là cá-nhân-chủ-nghĩa đem đến cực-đoan, vì cái tôn-chỉ của xã-hội-chủ-nghĩa chính là mưu cho mỗi người ở trong xã-hội được sinh-tồn một cách thỏa-đáng ; mà cá-nhân-chủ-nghĩa tức là xã-hội-chủ-nghĩa đem đến cực-đoan, vì cá-nhân-chủ-nghĩa cho rằng hết thảy mọi người đều có quyền-lợi bằng-đẳng như nhau, và phải mưu cho được hưởng sự bình-đẳng ấy. Nay muốn cho khỏi hiểu lầm, lẫn-lộn nghĩa nọ với nghĩa kia, thì trong bài này ta định nghĩa hai tiếng ấy như sau này : xã-hội-chủ-nghĩa, hay là gọi cho đúng hơn là quốc-gia-chủ-nghĩa, là gồm những lý-thuyết về chính-trị muốn tăng-gia cái quyền-hạn của quốc-gia hay của chính-phủ lên ; còn cá-nhân-chủ-nghĩa là gồm những lý-thuyết muốn hạn-chế quyền-hạn ấy lại. Còn như hai chủ-nghĩa ấy xét về một phương-diện khác thực có quan-hệ với nhau, làm lần lót cho nhau, thì lẽ ấy đã cố-nhiên rồi, vì cái mục-đích của hai phái cũng là chủ mưu sự lợi-ích cho người ta ở trong xã-hội, duy phương pháp không giống nhau mà thôi.

Nói về chính-trị-học từ thượng-cổ cho đến cuối thế-kỷ thứ 18.

Về thượng-cổ. — Sau khi người ta biết ở cùng nhau thành xã-hội, biết lý-hội được lẽ quan-hệ kẻ thống-trị với kẻ thụ-trị trong xã-hội, bấy giờ cũng còn lâu mãi mới dựng thành ra khoa chính-trị-học. Nhưng kể từ khi xã-hội mới phôi-thai, đã phảng-phất có cái tư-tưởng mơ-màng về sự quan-hệ người ta với nhau trong xã-hội. Cái hình-thể xã-hội thứ nhất chắc là gia đình, và kẻ thống-trị cái xã-hội nhỏ đó là người gia-trưởng có quyền chủ-trương đối với hết thảy các người khác ở trong nhà. Cái phạm-vi của gia-đình rồi dần dần bởi sức mạnh, bởi ở sự cần dùng mở rộng mãi ra, và những xã-hội thứ nhất tức là các họ, gồm nhiều nhà lại, mà đứng đầu là người tộc-trưởng, có quyền thống-trị cả trong họ, nhưng quyền ấy cũng có hạn-chế ít nhiều, vì còn có quyền các gia-trưởng ở dưới. Đến một thời-kỳ sau, thì quyền thống-trị có một cái tính-cách thần-thánh, thuộc về tôn-giáo. Xem như thế thì sự quan-hệ chính-trị của người ta với nhau bắt đầu có ba mối : cường-quyền, huyết-thống và tôn-giáo. Bấy giờ quyền thống-trị là tuyệt-đối ; người tộc-trưởng hay tù-trưởng đối với các người trong họ hay trong bộ-lạc có quyền sinh-sát, thực là ông chúa-tể, ai ai cũng phải ngưỡng-vọng vào mới có thể sống được.

Về cổ-đại ở Đông-phương. — Các sách sử-ký hồi này cũng còn ghi chép được dấu vết về phép chính-trị đời thượng-cổ ấy. Như thường thường thời cái lối bộ-lạc đời thượng-cổ, nay đã mất dần đi hết rồi, và đến đời cổ-

đại có lịch-sử phân-minh thì các xã-hội đều theo về chính - thể quân-chủ thần-quyền, cái tính-cách gia-tộc như xưa không còn nữa và kẻ thống-trị với kẻ thụ-trị mỗi ngày một xa cách nhau, quyền trên lại càng thêm mạnh lên.

Ở mấy dân-tộc cổ, đã có văn-minh sớm, như Ấn-độ và Chi-na, thì tự xưa đã thấy bàn-bạc nghiên - cứu đến lẽ chính-trị. Như Ấn-độ thời bộ luật của ông thánh MANOU đã nói rõ về cái chế-độ giai-cấp của phái Bà-la-môn. Theo chế-độ ấy thì trong xã-hội duy có cấp Bà-la-môn là hạng người tu-hành học-vấn, mới có chủ - quyền đối với các hạng người khác. Nước vẫn có vua, nhưng theo như trong luật nói thì vua tức là một vị thiên-thần, hiện xuống cầm quyền ; tuy-nhiên vua cũng phải kính-trọng Bà la-môn, vì trong xã-hội duy có kẻ tu-hành mới có quyền chúa-tể. Đạo Phật sánh với đạo Bà-la-môn thì có cái giá-trị đạo-đức cao hơn, đạo Phật xướng lên cái thuyết chúng-sinh đều bình-đẳng cả, kết-quả là bỏ cả sự phân-biệt giai-cấp và phái thần-quyền. Nhưng đạo Phật không chuyên-trị về việc chính-trị, chỉ chăm dạy người ta tu-hành, không chăm dạy cho biết làm dân.

Đến như người Tàu thì lại cần về việc trị dân lắm. Khổng-phu-tử là một người sùng-cổ, đã từng xướng ra một cái luân-lý cao, tuy không đặt thành một nền chính-trị hoàn - toàn, nhưng lấy ông vua làm cái trụ cho nước, mà cho vua không phải là một bậc thần-linh siêu nhân-loại vậy, cũng là một người như mọi người khác, có thể sửa mình cho hay lên được, và cho phép trị nước không phải là thuộc thần-quyền chi, chính là tự người ta đặt ra, có thể dần dần sửa - sang cho hoàn-bị được. Ông vua đứng đầu trong nước phải có quyền tuyệt-đối, nhưng vua có đức thì quyền ấy mới là chánh - đáng. Hai trăm năm sau Khổng-phu-tử, có Mạnh-tử, tư-tưởng về chính-trị lại bạo hơn nữa. Ông thường khuyên răn quở mắng các vua chúa, ông cho chủ-quyền trong nước là trên trời dưới dân thỏa-hiệp nhau mà dựng ra, và ông nói rằng : « Trong nước dân là qui, rồi đến xã-tắc, rồi sau rốt mới đến vua. » Ông thật là nhà mở đường cho các nhà triết-học Hi-lạp sau này.

Còn các dân-tộc Đông-phương khác thì về đường chính-trị kém Tàu nhiều lắm. Như kinh *Zend Avesta* của Ba-tư thì nói về nghi-lễ nhiều hơn là về chính-trị. Các nước quân-chủ ở *Assyrie* và *Babylonie*, thì dùng những cách chính-trị tàn-nhẫn và hủ-bại lắm. Duy có Ai-cập văn-minh hơn nhiều. Nhưng phép chính-trị của người Ai-cập cũng là thuộc về thần-quyền, vua với bọn thầy tu thường tranh quyền nhau, và quyền ấy bao giờ cũng là quyền chuyên-chế tuyệt-đối, chỉ có mấy cái phép-tắc cổ về luân-lý và về tôn-giáo là hạn-chế được chút-đỉnh mà thôi. Dân Do-thái thì theo một lối chính-trị cũng lạ, khó giải-thích cho rõ được. Tức là một cái chính-thể thần-quyền vẫn giữ cái chế-độ gia-tộc mà lại hơi có khuynh-hướng về đường dân-chủ nữa. Quyền chúa-tể là thuộc về Thượng-đế, duy Thượng-đế mới có quyền sở-hữu hết thảy, Thượng-đế ủy quyền cho các ngôi các bậc, nhưng cái chế-độ gia-tộc vẫn còn, không mất hẳn.

Nói tóm lại, về cổ-đại ở Đông-phương cho quyền chúa-tể trong nước là tự thần-minh ủy cho một người hay một hạng người nào. Kẻ ở dưới quyền ấy là kẻ thụ-trị, không có quyền-lợi gì cả. Hạn-chế cái quyền tuyệt-đối của kẻ cầm quyền thống-trị thì chỉ có mượn sức luân-lý và sức tôn-giáo mà thôi. Các nước Đông-phương duy có nước Tàu là đã khám-phá được mấy phép cốt-yếu về chính-trị, Hi-lạp sau này sẽ suy-diễn và giải-thích thêm ra.

Về cổ-đại Hi-lạp và La-mã. — Ở Hi-lạp, đạo thờ tổ-tiên là làm gốc cho gia-đình, và lập-thành ra xã-hội. Ông FUSTEL DE COULANGES trong sách khảo về xã-hội cổ Hi-lạp, đã chứng rõ rằng chính đạo thờ người chết đã định ra luật-pháp trong gia-đình và trong tôn-tộc, lại đặt ra luật-lệ trong xã-hội và cách cai-trị các thị-tỉnh; các sách điển-chương hồi đầu vừa là sách nghi-lễ, vừa là sách luật-lệ. Pháp-luật không phải là do ý-chí một người hay là một hạng người đồng ý mà lập ra. Pháp-luật chính là tôn-giáo ứng-dụng ra việc giao-tế người ta với nhau. Tức là kẻ công-dân tham-dự vào sự lễ-bái chung, khiến cho có quyền-lợi về xã-hội và về chính-trị. Tiếng tổ-quốc có một cái nghĩa thần-bí thâm-trầm. Phàm người ta có cái gì là thiết-tha, là quí-báu, là gồm ở trong tổ-quốc cả. Không ai nghĩ đến rằng lợi riêng của cá-nhân có thể đối lại với tổ-quốc được. PLATON (Bá-lạp-đồ) nói rằng: « Chính tổ-quốc sinh ra ta, nuôi cho ta, dạy cho ta. » Quyền tự-do của cá-nhân, đời bấy giờ không biết đến; lương-tâm của người ta cũng không thoát khỏi được quyền chuyên-chế của xã-hội. Chính-trị-học của cổ-đại Hi-lạp La-mã là lấy cá-nhân phải hoàn-toàn phục-tòng xã-hội làm điều cốt-yếu đệ-nhất.

Nhưng mà nhân vì lòng tôn-giáo thay đổi, cái tư-tưởng đó cũng dần dần thay đổi. Văn-minh càng tiến-bộ, thì cái lòng tôn-kính quỉ-thần cũng mất dần. Có người cho thần là một mối trừu-tượng, tức là một cái quan-niệm rõ-ràng hơn là linh-hồn người ta vậy. PYTHAGORE (Tất đạt-kha) thì tưởng-tượng về đấng tuyệt-đích một cách mơ-hồ, thường tỏ ra khinh-bỉ các sự lễ-bái trong dân-gian và các lối chính-trị. ANAXAGORE (An-na-tát-kha) thì siêu-việt lên rất cao, quan-niệm đấng tuyệt-đích là một đấng toàn-trí chủ-trương cả vũ-trụ, nhưng đối với nghĩa-vụ người dân trong nước, thì cho là điều tiểu-tiết không thèm nói đến. Phái « ngụy-biện » (*Sophistes*), xem ra còn có ảnh-hưởng hơn. Phái này phản-đối các cổ-lễ cổ-tục, vừa công-kích những chế-độ cũ của xã-hội, vừa công-kích những sự mê-tín về tôn-giáo. Đem các luật-phép của nhà-nước ra mà phân xét, rồi xướng lên một cái đạo có nghĩa khoan-dung hơn, hợp với nhân-đạo hơn, dạy rằng muốn trị nước không thể cứ lấy những cổ-tục cổ-lễ làm bằng-cứ được, cần phải biết dẫn-dụ cho người ta hiểu, khuyến-hướng cho người ta theo.

SOCRATE (Tô-cách-lạp) là thuộc về phái ngụy-biện đó, ông không phục các cổ-điển, ông cho rằng đạo ở đời là đi in trong tâm-tính người ta, chân-lý phải trọng hơn là lễ-tục, công-lý phải theo hơn là pháp-luật. Ông vẫn khuyên rằng trong cách cư-xử hàng ngày cứ nên theo phép nước, theo lễ-tục mà làm, nhưng ông thường bài-bác những cái chế-độ trái với lẽ phải, và khuyến-khích các nhà chính-trị phải ra sức nghiên-cứu, ra sức hành-động. Và chính-trị-học của ông cũng chưa có tính-cách khoa-học, chỉ chuyên nhất về đường thực-dụng và đường luân-lý, dạy về các nghĩa-vụ trong xã-hội cũng như các nghĩa-vụ trong gia-đình, không có thuyết-lý cao-xa gì cả. Ông vì phải thần-quyền vu cho tội cổ-động dị-đoan mà phải chết, sự chết của ông tức là chứng rằng quốc-gia không nên can-thiệp đến sự tư-tưởng của người dân.

Ảnh-hưởng của ông sâu-xa lắm. Kế sau có vô-số các nhà triết-học thảo-luận tự-do về các phép-tắc trong nhân-quần xã-hội. Như PLATON (Bá-lạp-đồ), CRITON (Khắc-lợi-đôn), ANTISTHENES (An-đề-ti-đề), SPEUSIPPE (Ti-ban-tiết-bao), ARISTOTE (Á-lý-sĩ-đa-đức) THÉOPHRASTE (Kiều-phất-lạp-ti), và nhiều

nhà khác nữa, soạn ra sách bàn về chính-trị, nghiên-cứu các vấn-đề lớn thuộc về cách tổ-chức quốc-gia, thuộc về quan-quyền và sự phục-tòng quan-quyền, về quyền-lợi nghĩa-vụ của người dân.

Thực ra thì PLATON vẫn còn chưa thoát-ly được cái quyền áp-chế của các tư-tưởng cũ. Quốc-gia ông tưởng-tượng ra vẫn còn là quốc-gia Hi-lạp cũ. Phạm-vi rất nhỏ-hẹp, dân-số không hơn 5000 người. Cách chính-trị vẫn còn sắp-đặt theo lối cũ. Người dân không có chút quyền tự-do gì. Nhà lập-pháp không có chủ-ý giúp cho cá-nhân được phát-đạt, chỉ chăm giữ cho đoàn-thể được vững-vàng mà thôi. Gia-đình cũng dường như bị ắt đi, để khỏi trở-ngại đến xã-hội. Chỉ có quốc-gia là có quyền sở-hữu ; chỉ có quốc-gia là có quyền tự-do. Chỉ có quốc-gia là đặt ra được tôn-giáo, ai không tin theo như quốc-gia thì phải tội chết. Tuy-nhiên trong học-thuyết của PLATON, cũng đã có ít nhiều tư-tưởng mới. PLATON cũng như SOCRATE, và các nhà triết-học về phái ngụy-biện, cho rằng phép-tắc của luân-lý chính-trị là ở tự người ta, cổ-điển không đáng tôn-trọng gì, chỉ nên lấy chính-lý làm cốt, và phàm pháp-luật phải có hợp với nhân-tâm chính-lý thì mới là pháp-luật công-bằng. Vả lại PLATON có soạn hai bộ sách về chính-trị, thì bộ « Pháp-luật-luận » *Lois*) bàn-bạc lại có ý rộng-rãi hơn bộ « Cộng-hòa-luận» (*République*). Trong bộ pháp-luật-luận thì cá-nhân còn có chút quyền-lợi, gia-đình và quyền sở-hữu vẫn còn để chứ chưa bỏ đi hẳn, các giai-cấp trong xã-hội thì không có khu-biệt nhất-định và chỉ lấy tài-sản mà phân-biệt thôi ; lại có nói đến quyền công-cử, đến trách-nhiệm các quan thẩm-phán ; thế thì đủ chứng rằng người dân cũng đã được hưởng chút quyền tự-do vậy, Còn ngoại-giả thì cái gì cũng thuộc quyền quốc-gia cả, như quốc-gia định các phần gia-tài, chủ mọi sự hôn-thú, đặt cả phép-tắc cho thi-học, cho âm-nhạc, định các nghi-thức về sự lễ-bái. Chính-trị-học của PLATON không phải hẳn là lối chính-trị cổ của Hi-lạp, nhưng ông cùng với ông SOCRATE là người sáng-lập ra luân-lý-học ở Hi-lạp, thì chính-trị của ông là liền với luân-lý, cái quan-niệm quốc-gia của ông đã căn-cứ ở cổ-tục một phần, lại thêm liền với cái quan-niệm nghĩa-vụ của ông xướng ra nữa, thành ra quốc-gia đối với cá-nhân là toàn-quyền chuyên-chế, cá-nhân không còn có địa-vị gì nữa. Đến ARISTOTE (A-lý-sĩ-đa-đức), thì mới thấy xuất-hiện ra lần thứ nhất cái tư-tưởng nên giải-phóng cho người ta được khỏi cái quyền chuyên-chế của quốc-gia ; có lẽ trước ông, duy có ông Mạnh-tử ở nước Tầu là khởi lên cái tư-tưởng lấy dân làm trọng hơn nước như thế. ARISTOTE nói rằng phàm học về đạo chí-thiện, phải xét đến điều thiện trong quốc-gia thế nào, mới thật là hoàn-toàn. Ông bèn dùng phép quan-sát và phép phân-tích để nghiên-cứu về nghĩa quốc-gia và nghĩa pháp-luật, nói rằng : « Pháp luật tức là lẽ phải ». Phàm đặt ra pháp luật, không phải cần lấy cho đúng với thói-tục của tổ-tiên, nhưng mà cầu lấy thế nào là hay, thế nào là cần. Vẫn biết rằng lịch-sử-thượng thì gia-đình là nguồn-gốc của quốc-gia, nhưng thể-chế quốc-gia, nghĩa-vụ quốc-gia khác với gia-đình, Ông nói rằng : « Quốc-gia chẳng qua là một cái đoàn-thể những người bằng-đẳng với nhau cùng nhau tìm cách sinh-hoạt cho dễ-dàng sung-sướng.» Trừ có hạng nô-bộc, người ta ai ai cũng được tự-do cả. Quyền quan-tư đối với dân chỉ là quyền kẻ bình-đẳng đối với kẻ bình-đẳng mà thôi. Chính khác với quyền người gia-trưởng là ở đó. Cá-nhân có quyền sở-hữu, và quyền ấy phải tôn-trọng. Quốc-gia

không phải là một cái nguyên-thể cao-siêu chân chính như trong học-thuyết của PLATON, nhưng là họp những cá-nhân đặc-biệt mà thành ra.

Những tư-tưởng ấy là tư-tưởng mới cả. Nhưng trong học-thuyết của ARISTOTE còn có điều gần với thời-đại bấy giờ hơn. Ông cũng như PLATON, cho đạo đức là mục-đích, là cứu-cánh của quốc-gia. Quyền công-dân là gốc ở đạo-đức. Kẻ lao-động không có rỗi thì giờ mà làm việc đạo-đức được, cho nên không có quyền công-dân. Duy có hàng thầm-quan, hàng võ-sĩ là có quyền công-dân, quyền sở-hữu mà thôi. Việc giáo-dục ở cả trong tay Quốc-gia phải gây lấy những tình-cảm công-cộng trong dân-gian và dạy cho người ta theo về đạo-đức. Quốc-gia phải hạn-chế sự bình-đẳng hay sự bất-bình-đẳng thế nào cho khỏi thái-quá mà sinh ra họa-loạn.

Nói cho đúng thì trừ một vài điều đặc-biệt, còn đại-khái có thể cho ARISTOTE là người trước nhất đã ra tay phá cái lý-tưởng quốc-gia tuyệt-đối và đem một cách mới-mẻ nghị-luận về các vấn-đề chính-trị. Ông dùng phép quan-sát mà nghiên-cứu về chính-trị; ông đem chính-trị thoát-li hẳn ra ngoài phạm-vi tập-tục cùng tôn-giáo, lại có ý muốn phân-biệt cả với luân-lý nữa, thật có thể suy-tôn là tay sáng-tạo ra khoa chính-trị-học vậy.

Triết-học ARISTOTE và PLATON chưa hề có xét đến vấn-đề nhân-quyền, chỉ mới xét về vấn-đề dân-quyền mà thôi. Có dân-quyền gọi là hạng công-dân (*citoyen*), ngoài hạng công-dân còn có những giai-cấp hạ đẳng, như hạng lao-động, hạng nô-lệ. Cá-nhân đối với quốc-gia cũng không kể vào đâu cả. Bấy giờ mới có mấy học-phái nổi lên phản đối hai cái lý-thuyết đó.

DIOGÈNE vẫn đã tự-xưng mình là dân của thế-giới và cho chỉ có việc thống-trị cả thế-giới là đáng cho người quân-tử chú-ý mà thôi. Phái EPICURE thì làm ra cái thái-độ chế-bác cả các chế-độ chính-trị cùng nghĩa-vụ làm dân, cho quốc-gia không được quyền chuyên-chế, lại hầu như xướng ra cái thuyết « xã ước » thiên-nhiên nữa. EPICURE nói rằng: « Luật-pháp chẳng qua là một cái ước lợi-ích công-cộng, khiến cho người ta đừng ai làm thiệt-hại ai, đừng ai bị thiệt-hại ai. » Cho công lý là căn-cứ ở một cái công-ước chủ lấy lợi-ích lẫn nhau. Trong sách LUCRÈCE có tả một cách rất văn-hoa về sự thành-lập các quốc-gia xã-hội, và làm sao lúc đầu là thời-kỳ võ-lực lại dần dần chuyển sang thời-kỳ pháp-luật vậy. Trái lại thời phái cổ-học lại phản-đối cái thuyết về luật thiên-nhiên CARNEADE thì bác cái lý-tưởng về công-lý tuyệt-đối, lấy cớ rằng ý-kiến người ta thường là phân vân trái-ngược nhau, phép chính-trị chỉ có lý cường-quyền mà thôi.

Phái *Stoïciens* trước nhất lấy cái lý-tưởng công lý tức là luật thiên-nhiên làm gốc cho triết-học của mình, cho cái luật thiên-nhiên ấy là căn-cứ ở bản-thể loài người, ở cái tính-cách loài người có liên-tiếp với thần minh. Thuyết ấy, sau này CICÉRON đem truyền-bá ra và chủ-trương một cách đắc-lực lắm. Phàm công-lý là phải gốc tự thiên-nhiên. Công-lý mà ở ngoài thiên-nhiên là hư-huyền cả. Trên quốc-gia còn có chính-lý, còn có pháp-luật. Các quốc-gia đặc biệt là những bộ-phận của một cái đại-toàn-thể do chính lý chi-phối. Học thuyết của phái *Stoïciens* thiên về đạo-đức hơn là chính-trị, nên đối với quốc-gia có cái thái-độ tiêu-cực. Học trò phái này về sau như bọn POLYBE, CICÉRON có tán-dương cái chính-thể cộng-hòa của La-mã, cùng các chính-thể ôn-hòa khác, nhưng tự mình không có xướng lên một cái lý-thuyết đặc-

biệt gì về chính-trị cả. Song cứ cái chi-hướng của phái này thì thực đã làm dao-động cái lý-tưởng quốc-gia, không được vững-vàng như trước nữa, cho người ta ngoài cái phận-sự làm dân còn phận-sự làm người, và cái nghĩa-vụ tối-cao của người ta không phải là phụng-sự quốc-gia, mà phải trau-dồi đạo-đức và đẹp lòng Thượng-đế vậy.

Người La-mã về đời Đế-quốc xem ra không ưa nghị-luận về chính-trị thuần túy. Các nhà tư-tưởng độc-lập thời nghiên-cứu về đạo-đức luân-lý. Các nhà luật-học thời chú-giải bổ-chính về pháp-luật, và xét ra đại-khái cũng là xuất-nhập cái tư-tưởng tự-do của phái *Stoïciens*. Cứ pháp-luật cổ của La-mã thời gia-đình là gốc ở quyền gia-trưởng, quyền sở-hữu là cái đặc-quyền của người công-dân La-mã, và khế-ước đã lập-thành văn-tự là có cái tính-cách thần-thánh bất-khả-xâm-phạm; pháp-luật ấy có ý nghiêm-khắc, các nhà luật-học đời bấy giờ mới đem một cái quan-niệm về công-lý hợp với nhân-đạo hơn mà thế vào. Các nhà ấy giải nghĩa công-lý là cái phép-tắc do lẽ phải thiên-nhiên đặt ra trong loài người ta. GAIUS nói rằng: «Sự lợi-ích của xã-hội không thể làm phi được cái quyền-lợi thiên-nhiên.» Dân bấy giờ ở dưới quyền quân chủ chuyên-chế, mà các nhà ấy công-nhiên tuyên-bố rằng «quyền vua chính là gốc tự dân truyền cho.» Có người đã nói rằng các nhà luật-học La-mã đời bấy giờ là trái với ARISTOTE khi xưa: ARISTOTE thì chủ-trì quyền tự-do về chính-trị mà vẫn giữ tục nô-lệ trong dân-gian, còn các nhà này thì chủ-trì quyền tự-do trong xã-hội mà vẫn duy-trì quyền chuyên-chế về chính-trị.

Nay nói tóm lại thời đời cổ-đại La-hi thật đã có công to gây dựng ra khoa chính-trị-học. Triết-học Hi-lạp thì giúp cho chính-trị thoát-li được phạm-vi tôn-giáo. Trước SOCRATE, sau đến PLATON liên-lạc chính-trị với luân-lý. Sau đến ARISTOTE thời đem phép quan-sát ứng-dụng về chính-trị và khám-phá ra quyền thiên-nhiên. Triết-học phái *Stoïciens* thời phấn-đấu cho cá-nhân được giải-phóng, ảnh-hưởng mãi đến cuối thời-đại Đế-chính. Có mấy nhà trong phái này muốn biệt-lập hẳn luân-lý với tôn-giáo, có lẽ về cổ-đại La-Hi mới có cái tư-trào ấy là một.

Về thời-đại đạo Cơ-đốc. — Trong thế-giới cổ-đại, đạo Cơ-đốc (*christianisme*) là một cái động-cơ biến-hóa tinh-thần rất mạnh; vậy mà không biệt-lập ra một thuyết mới về chính-trị. Gia-tô cùng các tôn-đồ xướng lên cái nghĩa nhân-loại bác-ái, tức là phá đổ nền gốc của xã-hội cổ-đại, và giảm bớt cái quyền của quốc-gia, khiến cho người công-dân về phần hồn không thuộc quyền quốc-gia giám-đốc nữa. Nhưng chính ông giáo-chủ đạo mới đã từng dạy đồ-đệ rằng nước người không phải ở cõi đời này, và cái gì của chúa *César* phải nên trả lại cho chúa *César*. Chính đạo Cơ-đốc vốn không phải là một đạo giải-phóng về xã-hội, về chính-trị, và cũng không hề có dạy rằng giáo-hội là cao hơn quốc-gia bao giờ. Sở-dĩ sau giáo-hội với quốc-gia đến xung-đột nhau, là gián-tiếp mà thôi, vì đạo dạy rằng người ta ngoài nghĩa-vụ công-dân còn có nghĩa-vụ đặc-biệt khác nữa; lại sở-dĩ khuynh-hướng thần-trí người ta về một cách chính-trị mới là cũng gián-tiếp, vì đặt cho nhân-sinh cùng luân-lý một cái cơ-sở và một cái mục-đích mới vậy. Cái thuyết nhân-loại vốn bình-đẳng, trước phái *Stoïciens* đã lấy lý mà suy ra, bấy giờ đạo Cơ-đốc lại hình như chứng rõ thêm ra nữa. Các giáo-đồ Cơ-đốc tuy không hề công-kích cái chế-độ nô-lệ và chế-độ tài-sản là bất-bình-đẳng, nhưng cứ cái tinh-thần tôn-giáo thì cũng không thể dung được các chế-độ đó. Các tôn-

sư như SAINT AUGUSTIN và mấy nhà nữa cho những chế-độ đó đối với luật thiên-nhiên là không công-bằng và cho là vì cái tội nguyên-thủy của loài người nên Thượng-đế giáng cho những cái tai-ách đó để trừng-phạt. Người đời bấy giờ cho đạo-đức tôn-giáo là những nghĩa-vụ cao-siêu hơn nghĩa-vụ đối với quốc-gia nhiều. Xã-hội ở cõi trần này, coi chẳng thấm vào đâu với cõi thiên-quốc là nơi dành cho kẻ có phúc-đức được lên đấy. Thân-phận người ta ở trong giáo-hội thì chẳng coi vào đâu, mà đối với quốc-gia thật là cao-quí. Các giáo-đồ hồi bấy giờ thật là lập-thành một xã-hội công-cộng, đối với xã-hội đế-quốc đương-thời, cũng tương-tự như phái « vô-chính-phủ » đối với các xã-hội hiện-kim, duy chỉ khác là không dùng những cách phản-đối bạo-động như bây giờ vậy.

Đạo Cơ-đốc càng ngày càng phát-đạt, cảm-hóa được các kẻ quyền-quí đời bấy giờ thời tất-nhiên khuynh-hướng về một thể chính-trị nào. Trước hết đạo của Gia-tô-giáo-chủ dạy là đạo phục tòng nhẫn-nhục. SAINT PAUL nói rằng : « Phàm quyền-lực là xuất tự Thượng-đế cả. Kẻ nào kháng-cự quyền-lực là cưỡng lại với lệnh Thượng đế... Kẻ vua chúa là thay quyền Thượng-đế để trị dân.» Câu đó sau này có người hiểu lầm, cho ông vua là chịu thiên-mệnh để cai-trị dân, khác nào như người thay mặt Thượng-đế ở trên đời này. Kỳ-thực không phải thế. SAINT PAUL nói kẻ vua chúa là trỏ chung cả kẻ cầm quyền, nói chung cả các chính-phủ. Quyền của chính-phủ là xuất tự Thượng-đế, thì phàm kẻ giáo-đồ Cơ-đốc là phải tuân theo pháp-luật của chính-phủ. Bởi thế nên các tôn-đồ đạo Cơ-đốc, về tôn-giáo thì rất nghiêm-nhặt, mà về chính-trị thì cứ một lòng phục-tòng, dù chính-phủ có bách-hại cũng cam chịu, dành làm kẻ tử vì đạo, chứ không làm kẻ cách-mệnh đối với chính-quyền. Rồi các giáo-sĩ về sau vẫn cứ theo một đường đó. TERTULLIEN nói rằng : « Chúng ta nên tôn trọng hoàng-đế thế nào cho phải phép, vì hoàng-đế là bậc nhất ở đời dưới Thượng-đế, là bậc trên đầu mình chỉ còn có Thượng-đế là cao hơn mà thôi. » Giáo-hội bấy giờ được tự-do về tinh-thần về tôn-giáo, thế là thỏa rồi, còn về chính-trị cũng bằng lòng chịu quyền chuyên-chế vậy. Kịp đến khi các bậc đế-vương cũng hóa theo về đạo Cơ-đốc, bấy giờ Giáo-hội cũng không chủ-trương cái chính-trị thần-quyền. SAINT AMBROISE nói rằng: Nếu hoàng-đế đòi cống-vật, thì ta đem cống-vật dâng. Nếu hoàng-đế đòi ruộng đất, thì ta đem ruộng đất hiến.» Xem như thế thì trong bốn thế-kỷ đầu của đạo Cơ-đốc, không có gì là giáo-hội với quốc-gia xung-đột nhau, sự xung-đột đó sau này mới xảy ra dũ-dội, gây ra lắm phen lắm cuộc thảo-luận về chính-trị, về giáo-lý rất kịch-liệt. Phái *Stoïciens* trước đã biệt-lập người ta đối với quốc-gia giải-phóng cho người ta về lý-thuyết-thượng, khiến cho không phải là người dân của một nước mà thật là người dân cả thế-giới. Đến đạo Cơ-đốc lại giải-phóng cho một lần nữa, mà cho cái hi-vọng có ngày không phải làm dân ở cõi đời này nữa, sẽ được làm dân ở cõi Thiên-quốc kia mà Thiên-chúa là ông vua, người dân là các thánh vậy. Đạo Cơ-đốc hồi đầu đó thật không lấy việc chính-trị ở đời làm quan-hệ gì cho lắm. Xã-hội trên đời, sánh với cõi thiên-quốc cao xa kia, phỏng đã thấm vào đâu! Cho nên các giáo-sĩ cơ-đốc hồi ấy, sinh-trưởng ở một đời quân-chủ chuyên-chế, cũng nhận cho quyền vua là xuất tự Thiên-chúa, chỉ khuyên kẻ cầm quyền nên thành-kính công-bằng, mà cũng không dám bắt buộc như thế. Còn những sự tệ-lạm, thì phàm những

công-cuộc của người ta ở đời có gì là được hoan-toàn hẳn? Những sự tệ-lạm ấy chẳng qua là một cách Thượng-đế trừng-phạt người đời cho tỉnh-ngộ, hay là cái ác-quả của tội nguyên-thủy mà thôi. Nói tóm lại, thì chính tự đạo Cơ-đốc không có khai-sáng gì về đường chính-trị. Tuy-nhiên cũng có gián-tiếp ảnh-hưởng về chính-trị, và có thể cho là khởi-điểm một phong-trào tư-tưởng lớn về chính-trị, vì đã đem một cái mục-đích mới bày cho người đời, và gây ra sự xung-đột « quyền đời » với « quyền đạo », nghĩa là quyền chính-trị với quyền tôn-giáo.

Đời Trung-cổ. — Đời Trung-cổ ở Âu-châu, người ta cũng không để tâm nghiên-cứu đến chính-trị-học. Lối học kinh-viện bấy giờ chỉ chuyên-trị về các môn thuần-lý-học, thần-học, thảo-luận-học, lý-luận-học. Về chính-trị thì là lối phong-kiến, tuy mỗi nơi mỗi xứ khác nhau nhiều, nhưng đại-để cũng là một chính-thể, ông vua ở trong nước là chúa-tể hết thảy, đất nước là vật sở-hữu của mình. Kẻ học-giả chỉ ở trong các nhà giòng, các viện tu, phải có gặp việc gì lợi hại đến sự đời mới thấy thảo-luận đến chính-trị. Học-giả sở-dĩ chú-ý nghiên-cứu cỗi-rễ cùng giới-hạn của quyền chính-trị là nhân sự xung-đột phái tăng-lữ với kẻ cầm quyền. Có hai vấn-đề, kẻ trí-thức bấy giờ lấy làm nhiệt-thành thảo-luận: một là Quốc-gia có toàn-quyền thống-trị, Giáo-hội không phải can-thiệp vào; hai là chỉ có Thượng-đế mới có toàn-quyền, các quyền vua quan ở đời là thuộc quyền Thượng-đế cả, vậy Giáo-hội có quyền kiểm-đốc Quốc-gia. Hai thuyết cũng là hai thuyết chuyên-chế cả; hai thuyết cùng công-nhận quyền vua là do thiên-mệnh ủy-nhiệm vậy. Nhưng thuyết quân-chủ chuyên-chế thì cho là Thượng-đế trực-tiếp ủy-nhiệm cho các vua chúa, và ủy-nhiệm một cách hoàn-toàn, không có hạn-chế gì. Còn thuyết Giáo-hội chuyên-chế thì cho là Thượng-đế ủy-nhiệm cho Giáo-hội, Giáo-hội còn cao hơn cả các vua chúa, giao phó cho các vua chúa thi-hành quyền chính-trị, nhưng phải có Giáo-hội ưng-thuận mới được. Hai thuyết đó đều là hai thuyết chuyên-chế cả, trung-gian cũng có nảy ra mấy thuyết nữa chủ-trì quyền tự-do. Giáo-hội có ý yếu thế hơn, muốn chống-đối với quyền chuyên-chế của vua chúa, bèn xướng lên một cái thuyết đã hơi dới có cái tính-cách dân-chủ; Giáo-hội cho rằng quyền vua chúa tự-xưng là do thiên-mệnh ủy-nhiệm, kỳ-thực chẳng qua là tự tay người gây dựng, muốn cho chánh-đáng phải có lòng dân thuận-nhận và Giáo-hội giám-đốc mới được.

Từ đầu đời Trung-cổ cho mãi đến thế-kỷ thứ mười-ba, các giáo-sĩ thảo-luận kịch-liệt lắm, nhưng cũng còn phân-vân lắm. Trong phần tiền-bán đời Trung-cổ đó, kể cũng không có nhà nào là lý-luận xác-đáng.

Về hậu-bán đời Trung-cổ thì có nhiều tay bác-học thâm-thúy hơn. Các giáo-sĩ vẫn thảo-luận về một vấn-đề quyền-hạn của Quốc-gia và của Giáo-hội. Nhưng bấy giờ đã có nhiều người chịu tìm-tòi các sách-vở cũ của ARISTOTE, nên trong sách nghị-luận có cái vẻ triết-lý hơn, muốn điều-hòa những thuyết đương-thời với các học-thuyết cổ Hi-lạp.

Trong các giáo-sĩ về thời-đại đó, trứ-danh nhất là SAINT THOMAS D'AQUIN, là người tiêu-biểu cho cả tư-tưởng đời bấy giờ, và là người đã chịu ảnh-hưởng ARISTOTE sâu-xa hơn cả. Đại-khái lý-thuyết ông như sau này: Cái lẽ tuyệt đối của vạn-vật, thì duy có Thượng-đế mới biết được; phép thống-trị vạn-vật thế nào là do cái luật thiên-nhiên đó. Luật thiên-nhiên là một phần trong lẽ tuyệt-đối khiến cho các giống có lý-tính tự-nhiên khuynh-hướng về nơi

cứu-cánh của mình. Luật nhân-tạo là do lý-tính của người ta thực-hiện theo lẽ thiên-nhiên. Quyền-lực chính-trị cùng cơ-quan chính-phủ, là thuộc về luật nhân-tạo, và là không phải trực-tiếp mà là gián-tiếp uyên-nguyên tự Thượng-đế. Phần cốt-yếu của quyền chính-trị là quyền lập-pháp, thì hoặc là thuộc về công-chúng, hoặc là thuộc về kẻ nào thay mặt cho công-chúng. Phàm chính-phủ tốt thì ai ai cũng được tham-dự chính-quyền cả. Nhưng chính-thể nào biết khéo triết-trung, tham-bác cả các phương-diện thì hay hơn. Quyền-lực do tiếm-đoạt mà được, hay đem lạm-dụng với dân, là có tội cả; cứ luật nhân-tạo thì kẻ bị áp-chế như thế, có thể phản-kháng lại được. SAINT THOMAS D'AQUIN cho rằng quyền Giáo-hội phải đứng trên quyền Quốc-gia, nhưng không định rõ giới-hạn thế nào. Trong sách ông thì thuyết chuyên-chế lẫn với thuyết dân-chủ, phân-vân bác-tạp, không được rõ-ràng, duy lấy thuyết thần-quyền thống-nhất cả. Lại cũng nghị-luận tường về nghĩa-vụ kẻ vua chúa, và xem ra có ý thiên về chính-thể cộng-hòa.

Ảnh-hưởng của SAINT THOMAS D'AQUIN thật là to-tát vô-cùng, các môn-đồ theo ông cũng nhiều lắm. Có người đem những lời cách-ngôn tự-do của ông mà suy-diễn khuếch-trương ra. Như GILLES DE ROME nói rằng: « Người ta vốn có quyền tự-nhiệm, muốn thi-hành quyền-chính cho chính-đáng thì phải tự-do tự-ý mà thi-hành, và kẻ thừa-hành cũng phải tự-do tự-ý mà thừa-hành mới được. » Tuy-nhiên các giáo-sĩ Cơ-đốc, trong khi hăng-hái chống lại với quyền quân-chủ, đem phô-diễn cái thuyết thần-quyền một cách quá-đáng, thành ra đến thế-kỷ thứ 14 thì phái này suy: về đời vua PHILIPPE LE BEL nước Pháp thì cái thuyết quyền quân-chủ thiên-mệnh công-nhiên thịnh-hành, còn những thuyết chủ-trương quyền Giáo-hội, thì hoặc là bạo-động mà thành ra phản-đối với kẻ cầm quyền, hoặc là huyền-tưởng mà thiên về chủ-nghĩa dân-chủ. Vậy thì bấy giờ có hai phái học-giả đối-trĩ nhau: một phái chủ-trương chính-thể chuyên-chế, một phái chủ-trương chính-thể bình-dân. Các nhà luật-học tại triều PHILIPPE LE BEL thì cực-lực chủ-trương cái thuyết Hoàng-đế tuyệt-đối như đời Đế-quốc La-mã xưa. Sách « Quân-chủ luận » (*De Monarchia*) của văn-hào nước Ý DANTE là tiêu-biểu cho cái thuyết đó, cho rằng thiên-hạ chỉ có một chúa-tể, chúa-tể ấy là dân La-mã, hay là người thay mặt cho dân, tức là Hoàng-đế. Hoàng-đế chỉ thuộc Thượng-đế trên trời mà thôi, trên mình không có ai cao hơn nữa.

Giáo-sĩ nước Anh OCKAM lại dương hẳn chủ-nghĩa tự-do lên để công-kích quyền Giáo-hội và tả-dẫn cho quyền Quốc-vương. Chủ-nghĩa tự-do đó, hồi bấy giờ đã có người bắt đầu đề-xướng, không phải để tả-dẫn cho quyền Giáo-hội hay quyền Quốc-vương, mà là chính vị bình-dân mà đề-xướng. Về thế-kỷ thứ 14, có hẳn một cái phong-trào dân-chủ nổi lên, xuất hiện ra nhiều các trạng-thái khác nhau, hoặc thuộc về tôn-giáo, về thần-bí, hoặc thuộc về kinh-tế, hay là thiên có tính-cách bạo-động; cứ xem những việc như WICLEF truyền đạo mới ở nước Anh việc nông-dân nước Anh nổi loạn, cùng những chủ-nghĩa của phái giáo-đồ hành-khất, những lý-thuyết của giáo-sĩ JEAN HUSS ở nước Chiết-khắc (*Bohême*), thì đủ biết vậy. Về phương-diện chính-trị, người có tư-tưởng mới lạ nhất có lẽ là MARSILE ở thành *Padoue* nước Ý: ông chú-thích sách ARISTOTE mà suy-diễn ra cái chủ-nghĩa quyền chúa-tể là ở tự nhân-dân. Quốc-gia là một đoàn-thể gồm những cá-nhân có quyền tự-do; Quốc-gia phải

có lợi-ích cho khắp mọi người, và dù trong nước có vua nữa, chủ-quyền cứ lý vẫn là ở dân. Dân có quyền lập-pháp, có quyền đặt quyền hành-pháp, và được tự-do kiểm-sát, nếu không làm trọn nghĩa-vụ thì có thể thay đổi hay phế-truất được.

Các giáo-sĩ đời Trung-cổ còn nhiều người nghị-luận về chính-trị nữa. Nay kể qua một vài người như thế cũng biết rõ cái phạm-vi thảo-luận như thế nào.

Về tiền-bán đời Trung-cổ thì còn quanh-quẩn trong cái thuyết quân-quyền thiên-mệnh cùng cái thuyết chính-thể thần-quyền, là hai cái thuyết đã sẵn có từ trước. Đến thế-kỷ thứ 13, thì tìm-tòi các sách ARISTOTE, mới xướng ra cái thuyết về quyền thiên-nhiên và nhờ bọn tăng-lữ cùng vua chúa xung-đột nhau, cái tư-tưởng dân-chủ bấy giờ mới xuất-hiện ra. Nói tóm lại thì khoa học chính-trị về đời Trung-cổ không có tấn-tới gì mấy, và các nhà bác-học về đời Phục-hưng sau này có thể trực-tiếp ngay với các tiền-bối về phái *Stoïciens* hay là phái Cơ-đốc-giáo từ mấy thế-kỷ đầu kỷ-nguyên vậy.

Đời Văn-hóa Phục-hưng và Tôn-giáo Cải cách. — Cuối đời Trung-cổ và đầu đời Cận-đại, giữa lúc sắp nổi lên mấy cái phong-trào lớn là phong-trào Văn-hóa phục-hưng và Tôn-giáo cải-cách, thì bấy giờ bao nhiêu những mối tin-tưởng đời xưa bị suy-đồi phá-hoại cả. Tôn-giáo không có phân-lìa luân-lý; nhưng vì quyền tôn-giáo suy đi thì luân-lý cũng đổi-bại. Văn-hào nước Ý MACHIAVEL giảng về cách chính-trị của người đương-thời, chẳng qua là một cách kinh-nghiệm mà thôi. Ông không phải là nghiên-cứu về chính-trị-học, chỉ tả các phương-pháp chính-trị thế nào là khôn-khéo mà thôi. Nhà chính-trị không phải quan-tâm đến đạo-đức; đạo-đức cùng tôn-giáo chỉ coi là những phương-tiện để cai-trị mà thôi. MACHIAVEL không có xét về vấn-đề quyền quân-chủ là chánh-đáng hay không chánh-đáng, chỉ xét về cách nên đặt thế nào cho vững-vàng mà thôi. Cách chắc-chắn nhất là dùng võ-lực để làm cho người ta phải khiếp-sợ, khuynh-đảo những bọn thế-gia quyền-quí, và đối với kẻ phản-đối thì chống lại một cách cương-quyết. Thời-hồ tác-giả cũng có dẫn-chứng sách cổ và tán-dương sự tự-do, bênh cho các dân-tộc đối với quyền chuyên-chế của vua chúa. Nhưng đó toàn là những lời thuyết-lý cả, không có ảnh-hưởng gì đến những câu cách-ngôn thực-hành của ông. Kể ra ông có công to là đem chính-trị nghiên-cứu về phương-diện thực-tiễn, chứ không phải về phương-diện thuần-lý như trước nữa, bởi thế nên ảnh-hưởng của ông sâu-xa lắm, khiến cho người đời từ đấy ham giảng-cứu về chính-trị mà xét theo phương-pháp lịch-sử vậy. Có nhiều nhà tư-tưởng về các đời sau có thể cho là tổ-thuật ông, hoặc đem những câu cách-ngôn của ông mà suy-diễn ra, hoặc không đồng-ý cả mà trích ra để bài-bác, nhưng cũng theo một phương-pháp đó. Như bọn GUICHARDIN, PARUTA, BOTERO, toàn là người Ý-đại-lợi, cũng là mượn tư-tưởng trong sách ông, nhưng có ý duy-trì đạo-đức hơn. Ảnh-hưởng ông truyền mãi đến các nhà triết-học thế kỷ thứ 17, như DESCARTES. Tờ chức-thư của thủ-tướng Pháp RICHELIEU, cũng có phảng-phất cái giọng của ông, và có thể khái-luận nói rằng cái chính-sách quân-chủ chuyên-chế nước Pháp đời bấy giờ một phần là uyên-nguyên tự ông vậy. Như thế thì ảnh-hưởng ông gián-tiếp thật là vừa to rộng, vừa lâu dài vậy. Ông có công với chính-trị-học là đã giúp cho khoa chính-trị thoát hẳn ra ngoài vòng lý-tưởng và vòng tôn-giáo vậy. Tuy-nhiên lại làm hẹp mất phạm-

vi của chính-trị đi, cho chính-trị chỉ là khu-khu mấy cái thuật nhỏ-nhen thường dùng đời bấy giờ, thành ra gây nên phong-trào phản-đối, nhiều người nổi lên công-kích kịch-liệt lắm.

Đến thế-kỷ thứ 16 thì xướng lên cuộc Văn-hóa phục-hưng và cuộc Tôn-giáo cải-cách, tức là khai-mạc đời Cận-đại; tự đấy thì cái phương-pháp nghiên-cứu về chính-trị là lấy sự tự-do phán-đoán cũng lẽ phải đương-nhiên làm căn-cứ, nghĩa là rút lại cũng là khôi-phục lại những phương-pháp cũ của ARISTOTE mà khuếch-trương thêm ra, phương-pháp này các nhà tư-tưởng đời Trung-cổ chỉ mới là phảng-phất biết đến mà thôi.

Không phải là các nhà trước-tác về phái Tân-giáo hồi đầu có công-nhiên chủ-trương chủ-nghĩa tự-do về chính-trị đâu. Có thể nói là cái khuynh-hướng của họ có lẽ lại trái lại với chủ-nghĩa tự-do, vì họ chủ-ý nói với các bậc vua chúa, nên không dám đả-động đến chủ-quyền của bọn đó. LUTHER (người Đức) mấy lần trách mắng những kẻ đồ-mưu khởi-loạn; ông cho kẻ cầm quyền chính-trị là kiêm cả quyền tinh-thần nữa, và phàm ai mượn danh ông để yêu-cầu cải-cách xã-hội, ông đều cực-lực bài-xích cả. MELANCHTHON (cũng người Đức) thì dạy rằng phàm chính-phủ là công-nghiệp của Thượng-đế cả, là lấy nghĩa rằng chính-phủ nào cũng phải chịu quyền ở Thượng-đế cả, nhưng phàm chính-quyền, dù hình-thức thế nào mặc lòng, hễ hợp với lẽ phải là chánh-đáng cả. Kẻ làm vua phải tôn-trọng quyền sở-hữu của thần-dân mình, nhưng có quyền bắt phải theo một tôn-giáo. CALVIN (người Pháp) cũng là trọng quyền vua quan lắm. Ông cho chính-phủ là phải duy-trì lấy lẽ công-bằng cùng lòng tín-ngưỡng trong dân-gian; phàm chính-phủ là tự Thượng-đế đặt ra. Ông nói rằng: « Kẻ quan-tư là có mệnh Thượng-đế, được phép thi-hành quyền-pháp... Người tư-nhân mà cũng muốn cãi-cọ nhau cho biết cách cai-trị thế nào là tốt, thì thật là hoài-công vô-ích. » CALVIN ngoài mặt thì xem ra khuynh-hướng về chính-thể ôn-hòa, mà kỳ-thực thì cho là chính-phủ nào cũng chánh-đáng hết.

Nhưng có nơi đạo Tân-giáo không nhờ được vua chúa mà được thịnh-hành, lại bị kẻ cầm quyền phản-đối, phải xung-đột với quyền chính-trị, gây ra những cuộc phân-tranh lưu-huyết trong khoảng thế-kỷ thứ 16, vì các duyên-cớ đó, lại nhân các giáo-đồ hằng ngày đọc sách Thánh-thư cùng sách các cổ-triết đời trước, đạo Tân-giáo lại bành-trướng trong hạng bình-dân, nên dần dần khuynh-hướng về tư-tưởng dân-chủ. Tư-tưởng này nảy-nở ra khắp mọi nơi, mà thịnh-hành nhất ở nước Pháp và ở xứ *Ecosse*. Có mấy cuốn sách của phái Tân-giáo có thể cho là khai đường mở lối cho các nhà trước-tác về chủ-nghĩa dân-chủ trong thế-kỷ 18 sau này.

Như sách *Franco-Gallia* của HOTMAN (người Pháp) hầu như xướng lên hẳn một cái thuyết về chính-trị bình-dân. Lại như sách *Vindiciæ contra tyrannos* ký tên là JUNIUS BRUTUS mà tương-truyền là của HUBERT LANGUET thì trước nhất xướng lên cái thuyết dân-ước làm căn-bản cho chính-trị. Tác-giả muốn định quyền-hạn của vua tôi cho phân-minh và nghị-luận theo phép kỷ-hà-học, nghiên-cứu về cách thành-lập của Quốc-gia, đem các sách đạo ra dẫn-chứng, phát-minh ra hai cái ước căn-bản như sau này: một là cái ước Thượng-đế, dân và vua với nhau; hai là cái ước dân với vua. Vua là bầy tôi của Thượng-đế. Dân phải phục-tòng vua là vì Thượng-đế, chứ không thể trái với Thượng-đế được. Nếu vua làm sai ước, dân có quyền chống cự được, và quan-tư là thay quyền dân

có tư-cách chống-cự được. Dân đặt ra vua để lợi-ích cho mình, để làm kẻ chủ-trì pháp-luật cho xã-hội. Tài-sản trong nước không phải là của vua, vua chỉ là người thay mặt dân quản-lý tài-sản chung mà thôi. Tác-giả nói rằng: « Vua là do Thượng-đế chọn, mà do dân đặt ra. Cứ lấy từng kẻ tư-nhân một, thì vua là cao hơn, nhưng gồm cả bàn-dân cùng những kẻ thay mặt cho bàn-dân là các quan-tư cùng kẻ cả trong nước thì vua là thấp kém. Khi đặt vua ra thì vua với dân là có một cái ước với nhau, ai bội ước là kẻ bạo-nghịch. Quan-tư có quyền bắt kẻ ấy phải giữ bổn-phận, nếu không có cách nào khác thì dùng võ-lực cũng được. »

Những tư-tưởng như thế còn thấy trong nhiều sách khác nữa. Như sách của BUCHANAN là một nhà sử-học xứ *Ecosse* cũng đem những tư-tưởng đó mà suy-diễn ra, điểm thêm cho cái tinh-thần triết-lý văn-học. Tác-giả tả một cái tình-trạng thiên-nhiên không có pháp-luật và bày tỏ cái cách xã-hội sở-dĩ thế nào mà thành-lập được, chính là bởi cái tính hợp-quần của người ta. Vua là dân cử ra để cai-trị dân, mà dân vẫn có quyền giám-đốc, nếu bạo-ngược thì có thể khuynh-đảo được. ALTHUSIUS ở nước Đức cũng cực-lực đề-xướng cái chủ-nghĩa dân-quyền, cho quyền ấy là thần-thánh bất-khả xâm-phạm, lại cho rằng nguyên-thủy có một cái xã-ước khiến cho hễ khi kẻ cầm quyền lạm quyền thì dân có thể kháng-cự lại.

Đó là các giáo-sĩ về Tân-giáo. Còn các giáo-sĩ về Cựu-giáo Gia-tô thì chia ra làm hai phái lớn. Một phái thì kế-nghiệp các giáo-sĩ về phái Kinh-viện đời Trung-cổ và thứ nhất là SAINT THOMAS D'AQUIN, cố điều-hòa quyền tự-do của dân, quyền chuyên-chế của vua, quyền nhất-thống của Giáo-hội. SUAREZ là giáo sĩ nước Tây-ban-nha chủ-trương rằng chủ-quyền khởi-thủy vẫn là của dân, thuyết thiên-mệnh quân-quyền cùng thuyết gia-trưởng chế-độ là không đúng cả, và phàm chính-phủ, phàm xã-hội là căn-cứ ở cái lòng thuận-nhận chung của người ta, nhưng dân đã đồng lòng thuận-nhận rồi, thì bấy giờ là trao hẳn chủ-quyền của mình cho vua-chúa, không thể lấy lại được nữa. Vua-chúa đã được toàn-quyền rồi thì bấy giờ là cao hơn pháp-luật, trên mình chỉ còn có quyền phán-đoán của Giáo-hội nữa mà thôi. BELLARMIN (người Pháp) cũng chủ-trì những thuyết như thế, mà muốn lợi-dụng để giúp cho quyền-thế của giáo-hoàng.

Ngoài phái đó còn có một phái nữa, là phái Liên-đảng Gia-tô (*la Ligue*). Phái này là phái Cựu-giáo nổi lên chống với Tân-giáo, nhưng lý-thuyết thì lại là mượn những thuyết dân-chủ của Tân-giáo mà lợi-dụng về phương-diện Cựu-giáo. Thuyết thần-quyền đời Trung-cổ, thuyết Thánh-thư đạo Tân-giáo, cùng những lý-thuyết mập-mờ về triết-học, về lịch-sử của đời trước, hỗn-hợp cả lại mà thành một cái chủ-nghĩa bác-tạp. Vua là do dân đặt ra, mà quyền vua là gián-tiếp tự Thượng-đế qua dân mà truyền cho. Thượng-đế, vua và dân là có một cái ước với nhau, nếu vua bội-ước thì dân có quyền phản lại. Những khi quá lắm thì có quyền thích-sát được.

Các thuyết đó là đều có chịu ảnh-hưởng những cuộc tôn-giáo-cạnh-tranh rất kịch-liệt làm cho thiên-hạ đổ máu biết bao nhiêu trong thế-kỷ thứ 16. Ngoài phái chính-trị, còn có các nhà triết-học, các nhà lý-tưởng nghiên-cứu những vấn-đề ấy một cách ôn-hòa hơn, trong khi nghiên-cứu không có cái dã-tâm gì, không có cái bụng hăng-hái cạnh-tranh về tôn-giáo hay chính-trị, chỉ theo cái tinh-thần văn-học đời Phục-hưng mà thôi. Những bậc như MONTAIGNE RABELAIS (người

Pháp), ERASME (người Hòa-lan), trong sách-vở vẫn có nhiều những tư-tưởng chính-trị tản mạn khắp mọi nơi. BACON (người Anh) thì xét chính-trị về phương-diện thực-tiễn, chủ-ý tìm lấy điều kinh-nghiệm hơn là những qui-tắc chung. LA BOÉTIE (người Pháp), trong sách «Tự-nguyện nô-lệ» (*Servitude volontaire*), chủ-trương một cách chính-trị cộng hòa, có vẻ cương-quyết bạo-động, tôn-trọng cái phẩm-giá cùng quyền-lợi thiên-nhiên của loài người. L'HÔPITAL và LA NOUE (người Pháp) thì chủ-trì những tư-tưởng ôn-hòa có thể dẹp yên các mối loạn trong nước. BODIN cũng là vào hạng đó. Ông có làm một bộ sách đề là « Cộng-hòa-luận » (*République*), cũng là một công-trình trước-tác vĩ-đại. Ông đem công-pháp tư-pháp sáp nhập vào chính-trị-học, lấy lẽ công-bằng, lẽ ôn-hòa làm căn-bản cho Quốc-gia Ông nói rằng: « Một cái gia - đình hòa-thuận, ấy là hình-ảnh chân-chính của Quốc gia cộng-hòa đó, và quyền gia-đình cũng chẳng khác gì quyền chính-trị. » Cứ lời nói đó thì xem ra ông thiên về một cái chính-thể có quyền-lực mạnh, và cho Quốc - gia được quyền to lắm. Nhưng ông cũng ưng cho cá-nhân được quyền tự-do, phản-đối sự bắt người ta phải theo một tôn giáo nào, và công-kích cái tục nô-lệ. Ông cho có ba chính-thể, nhưng không chính-thể nào được trái với lẽ công-bằng, trái với luật Thượng đế.

Nhiều các nhà tư-tưởng nữa quan-niệm về chính-trị xa-cách hẳn các chủ-nghĩa đương - thời. Như sách « Lý-tưởng-quốc » (*Utopie*) của người Anh THOMAS MORUS, vừa bài-bác các phong-tục xã-hội chính-trị nước Anh về thế-kỷ thứ 16, vừa tưởng-tượng ra một cái kiểu-mẫu quốc-gia hoàn - toàn ; sách rõ-ràng phảng-phất những tư - tưởng của PLATON đời xưa. Quốc - gia phải lo cho nhân-dân được công-bằng hạnh-phúc, vậy thì phải có quyền tuyệt-đối, và trong nước là thi-hành cái chủ-nghĩa công-cộng. Sách « Quang-minh-quốc » (*Cité du Soleil*) của người Ý CAMPANELLA cũng một tư-tưởng như thế.

Nói tóm lại, về thế - kỷ thứ 16, tư-tưởng chính-trị thật là phong-phú vô-cùng. Vì có nhiều cuộc biến loạn về chính-trị, về tôn - giáo, nên các học-thuyết, các sách-vở xuất-hiện ra nhiều lắm. Hết thảy các vấn-đề, như vấn-đề tài-sản, vấn-đề nô-lệ, vấn - đề dân-quyền, vấn-đề tự-do tín - ngưỡng đều đem ra thảo-luận hết cả. Những thuyết dân chủ đề - xướng lên mạnh - mẽ lắm, những quyền thiên - nhiên của người ta cũng đã thấy nổi lên yêu-cầu dữ. Các giáo-sĩ Tân-giáo Cựu-giáo nghị-luận về chính-trị vẫn còn chịu ảnh-hưởng tôn giáo ; nhưng đã thấy có cái khuynh-hướng tìm quyền chính-trị ở nơi quyền-lợi cá-nhân, và chỉ đem thần-quyền can-thiệp vào một cách gián-tiếp mà thôi. Cũng có nhà tư-tưởng phân-biệt hẳn chính-trị và tôn-giáo. Đồng-thời lại đề-kháng lại cái thuyết thuần kinh - nghiệm của MACHIAVEL cho chính-trị-học là không có đạo-đức, không có triết-lý gì cả. Có hẳn một phái tư-tưởng cao-siêu coi khoa chính-trị là một khoa độc-lập, chỉ lấy sự tự-do phán-đoán về triết-lý về lịch-sử làm căn-bản mà thôi. Xem như thế thì có thể cho thế-kỷ thứ 16 là có công gây-dựng ra khoa chính-trị-học, không phải đã thành hẳn một khoa-học đích-xác như các khoa bác-vật khác (hiện nay cũng còn chưa được như thế), nhưng từ đấy đã khá liệt vào các khoa-học tinh-thần vậy.

Thế - kỷ thứ 17. — Về chính - trị, phần học-vấn với phần nghệ - thuật, phần lịch-sử với phần thuyết-lý không thể phân - lìa nhau được ; cứ xem ngay khoa-học chính-trị về thế-kỷ thứ 16 và 17 tiến-hóa theo đúng dịp như

phong-trào chính-trị đương-thời thì đủ biết vậy. Thế-kỷ thứ 16 là đời biến-động nhiều, nảy-nở ra lắm những học-thuyết khác nhau. Thế-kỷ thứ 17 thời chỉ châu-tuần trong cái chế-độ quân-chủ nước Pháp: học-thuyết chính-trị bấy giờ toàn-thị là thuyết chuyên-chế, thủy-chung chỉ có hai cuộc cách-mệnh ở nước Anh là làm cho dao-động quyền quân-chủ một đôi chút mà thôi. Đại-khái thì thế-kỷ thứ 16 là nâng cao quyền-lợi của cá-nhân lên; thế-kỷ thứ 17 thì lại hạ thấp xuống đối với quyền tuyệt-đối của quốc-gia tiêu-biểu ở ông vua.

Về triết-lý thì người diễn-giải cái chủ-nghĩa quân-chủ chuyên-chế đó một cách rõ-rệt hơn cả là nhà triết-học Anh Hobbes, là người đã phò nhà vua Stuarts, định làm sách để chứng rõ quyền vua là chánh-đáng. Theo ý ông thì quyền quân-chủ chuyên-chế không phải là căn-cứ ở thiên-mệnh, ở quyền gia-trưởng hay ở võ-lực đâu. Có một thuở người ta ăn ở tự-nhiên như đời cổ-lỗ, không có ai là chủ cả, chỉ đánh giết nhau, xung-đột nhau luôn, tùy cái vật-dục nhất-thời nó sai khiến. Cách sinh-tồn như thế thì thật là hiểm-nghèo vô-cùng, không thể sao có tiến-bộ được. Bấy giờ mới biết rằng cần phải họp nhau lại thành xã-hội, và đặt ra một cái sức mạnh để thống-trị hết thảy. Vậy thì quyền quốc-gia chính là tự công-chúng đặt ra, nhưng không phải là do một cái công ước khiến cho sau này lại có quyền thu về đâu, nhưng thực là đem cả quyền-lợi của mình phó-thác cho kẻ cầm quyền, đã phó-thác rồi không thể đòi lại nữa, vì nếu đòi lại thì tức là phục-hồi cái tình-trạng thiên-nhiên trước, mà lại quay về cái cảnh rối-loạn như xưa. Trong các chính-thể, chính-thể quân-chủ chuyên-chế là hay hơn cả, vì có chuyên-chế thì mới có đủ sức mạnh mà ngăn-ngừa được những sự vật-dục xằng. Chính-phủ có quyền định lẽ phải lẽ trái, có quyền cho theo hay không cho theo chủ-nghĩa nọ hay lý-thuyết kia, có quyền qui-định quyền sở-hữu của người ta. Cách nghị-luận của tác-giả rất là khắc-bạc, thời-hồ cũng có một vài chỗ có ý nhượng-bộ cho cái chủ-nghĩa tự-do một đôi chút, nhưng cũng không làm ho giảm được các tính-cách khắc-bạc đó. Ông thật là nhà thuyết-lý đắc-lực nhất của cái chủ-nghĩa quân-chủ chuyên-chế tuyệt đối vậy.

Cái triết-học chính-trị của Hobbes có thể cho là bàng-bạc cả trong các chế-độ quân-chủ đời bấy giờ. Thế-kỷ thứ 17 còn nhiều nhà triết-học trứ-danh nữa. Đại-đề đều có chịu ảnh-hưởng của ông hết. Descartes và Pascal cũng công-nhận cho quyền chuyên-chế của quốc-gia tiêu-biểu ở một người là một điều chánh-đáng, là một lẽ tất-nhiên. Spinoza (người Hòa-lan) thì rút lại chính là chủ-trương cái thuyết cường-quyền, duy khuyên rằng không nên lạm-dụng, quốc-gia nên dung cho quyền tự-do của người ta và nên trị dân theo lẽ phải. Nhưng ngoài Hobbes mà khuếch-trương cho cái chủ-nghĩa quân-chủ đến cực-điểm thì tức là phái quân-chủ nước Pháp, duy đem tôn-giáo châm-chước cho bớt cái tính-cách khắc-bạc vậy. Đứng đầu phái này là vua Louis thứ 14 và giáo-sĩ Bossuet.

Cứ theo luật La-mã cổ, thì chủ-quyền trong nước là ở trong tay vua. Theo cựu-thuyết đạo Cơ-đốc thì vua là thay mặt cho Thượng-đế ở trên đời này. Lại theo chế-độ phong-kiến thì vua là bậc thượng-hầu trong thiên-hạ, bao nhiêu tài-sản của chư-hầu là của mình cả. Các chư-hầu chỉ được hưởng hoa-lợi mà thôi. Về lý-thuyết cũng như về thực-sự, quốc-gia là gồm ở vua, vua là tiêu-biểu cho quốc-gia.

Quyền vua không phải là vô-giới-hạn. Nhưng giới hạn ấy chỉ là cái lợi của mình cùng nghĩa-vụ về tôn-giáo mà thôi. Mục-đích cốt-yếu của quốc-gia là phải khuếch-trương thế-lực của mình. Quốc-gia có quyền được đàn-áp nhân-tâm, được truyền-bá đạo-giáo, không quản gì đạo-đức, chỉ hành-động theo lẽ « quốc-thị » mà thôi. Dân tức là thần-tử nhà vua, đối với vua không có quyền-lợi gì cả. Cái quan-niệm về quyền thiên-nhiên là một quan-niệm sai-lầm. Bossuet cực-lực phản-đối hai họ Jurieu (người Pháp) và Grotius (người Hòa-lan) đã xướng lên cái thuyết đó. Vua cũng vẫn phải theo các kỷ cương trong nước, không nên làm cái gì là tàn nhẫn hại vật; nhưng chỉ là vì lòng tôn-giáo mà phải giữ-gìn như thế, và sợ làm quá đến thiệt-hại cho mình mà thôi. Có khi vua vượt cả giới-hạn mà lạm-quyền cũng được; chỉ có trách-nhiệm đối với Thượng-đế mà thôi, dân không có quyền được nghị-luận và quyết hẳn là không có quyền được phản-đối.

Từ khi xã-hội cổ La-Hi bị đổ cho đến bấy giờ, ở Âu-châu có lẽ không bao giờ có một cái thuyết quân-quyền tuyệt-đối bằng cái thuyết này. Mãi đến khoảng năm 1780, thuyết này cũng vẫn còn thịnh hành lắm, dù kẻ phản-đối cũng có chịu ảnh-hưởng vậy. Ngay từ cuối thế-kỷ thứ 17, đã có người nổi lên công-kích rồi, lấy lẽ phải đương nhiên cùng quyền-lợi tự-nhiên mà đối lại; nhưng thường-thường bài-bác là bài-bác cái quyền chuyên-chế của vua mà thôi, chứ đối với quốc-gia thì vẫn cho là quốc-gia có toàn-quyền cả. Mãi đến Rousseau và phái tự-do là phái *Jacobins*, vẫn còn phẳng-phất cái thuyết cổ về quyền tuyệt-đối của quốc-gia đó; duy có khác là không cho làm một cái nguyên-tắc chính-trị mà thôi; nhưng trong lời kết-luận đều có di-tích của cái thuyết ấy cả. Là bởi chế-độ quân-chủ đời bấy giờ đã quá thi-hành cái chủ-nghĩa quốc-gia toàn-quyền rồi, mà thành như cái nền-nếp đã sâu bền rồi, khiến cho sau này phần nhiều các nhà triết-học đề-xướng cái chủ-nghĩa tự-do hay chủ-nghĩa cá-nhân cũng không dứt được hẳn.

Thế-kỷ thứ 18. — Trong khoảng về cuối thế-kỷ thứ 17 có một vài nhà tư-tưởng độc-lập muốn cố khôi phục lại cái thuyết về quyền thiên-nhiên. Như Leibniz (người Đức) cho quốc-gia như một cái xã-hội lớn, mục-đích là để giữ-gìn lẫn cho nhau. Grotius (người Hòa-lan) và cả Puffendorff (người Đức) cũng muốn lấy quyền thiên-nhiên làm căn-bản cho pháp-luật. Nhưng khái-niệm thì như thế, mà kết-luận thì vẫn có ý rụt-rè. Cái phong-trào tư-tưởng lớn gây ra triết-học thế-kỷ thứ 18 là khởi-điểm từ nước Anh. Khởi-điểm tự nước Anh là vì lẽ thực-tế; khiến người nước ấy quan-niệm luật chính-trị ra một phương-diện riêng. Lần cách-mệnh thứ nhất năm 1640 đã khuynh-hướng người ta về tư-tưởng dân-chủ rồi. Trong khi Hobbes tán-dương cái chính-thể chuyên-chế, thì Milton phác-họa ra cái chính-thể cộng-hòa, mà mấy người nữa chủ-trì những tư-tưởng tự-do. Nhưng người trứ-danh nhất, tiêu-biểu cho cái quan-niệm mới về quốc-gia là Locke về cuối thế-kỷ thứ 17. Anh-hưởng ông ở Pháp rất là sâu-xa; có thể nói cả khoa triết-học chính-trị Anh về thế-kỷ thứ 18 và cả đầu thế-kỷ 19 là xuất-nhập ở học thuyết ông cả. Bấy giờ chúa Hòa-lan Guillaume thứ 3 sang tiếm ngôi nước Anh, cuộc chính-biến đó làm điên-đảo cả các tư-tưởng chính-trị thông-thường về thế-kỷ thứ 17. Vậy phải xướng lên một cái thuyết chính-trị mới cho hợp-thời. Thuyết này tự tay Locke đề-xướng ra, mà tài-liệu thì mượn của Aristote, Cicéron, cùng các nhà trước-tác phái tự-do về hai thế-kỷ trước.

Theo cái thuyết của LOCKE thì trước khi thành xã-hội có qua một cái tình-trạng thiên-nhiên, người ta ăn ở bấy giờ không phải là thuần mọi-rợ hẳn, chỉ tranh cạnh nhau luôn đâu, nhưng đã có tuân theo mấy cái phép-tắc tự-nhiên, rồi sau này sẽ thành ra phép chính-trị vậy. Như quyền tự-vệ, quyền trừng-phạt, quyền sở-hữu do công làm ăn và quyền tự-do mà làm, là vốn vẫn có, từ trước khi đặt ra ước-lệ gì. Người ta ai cũng tự-do bình-đẳng như nhau hết. Không có lẽ nào lại có người nọ làm nô-lệ cho người kia được. Dẫu quyền cha anh cũng không đến chuyên-chế được. Vì người ta có kẻ độc ác, có kẻ yếu-hèn, nên cần phải đặt ra xã-hội, ra Chính-phủ. Cái đặc-tính của xã-hội chính-trị là kẻ tư-nhân đem cái quyền trừng-phạt của mình giao-phó cho quốc-gia. Nhưng các quyền khác đều vẫn giữ cả, và quốc-gia đặt ra, là bởi lòng thuận-nhận chung của mọi người và cốt để giữ-gìn, bênh-vực, mở-mang cho các quyền-lợi chung. Chính-thể nào cũng là hay cả, miễn là phải lấy điều cốt-yếu đó làm gốc. Quyền lập-pháp là tự dân đặt ra, dân vẫn có quyền được phán-đoán, được kiểm-điểm, lại có quyền giám-đốc cả cách hành-động của quyền hành-chính nữa. Khi nào kẻ cầm quyền công-nhiên lạm-quyền, thì dân có quyền nổi lên kháng-cự hay là đổi lại hiến-pháp.

Thuyết đó rõ là chịu ảnh-hưởng việc chính-biến nước Anh năm 1688, thật là trái hẳn với cái chủ-nghĩa quốc-gia chuyên-chế vậy. Thuyết này chính là cái thuyết của thế-kỷ thứ 18 nước Anh, là hồi chủ-nghĩa cá-nhân đương tự-do phát-đạt. Nhưng ở nước Anh không có cái triết-học nào khả-quan để bổ-trợ cho cái thuyết chính-trị đó. Thuyết này truyền sang Pháp, hỗn hợp với cái chủ-nghĩa chuyên-chế cũ của thế-kỷ thứ 17 trước, mới gây ra một cái đại-phong-trào tư-tưởng, kết-quả đến thành ra cuộc Đại-Cách-mệnh Pháp. Cái thuyết quốc-gia chi-phối, cái thuyết trung-ương tập-quyền bấy giờ đã phổ-thông lắm rồi, thành ra những người lấy thuần-lý làm tôn-chỉ, cũng không thể thoát hẳn được. Nhiều nhà trước-tác chẳng qua chỉ chuyển-dịch cái chủ-quyền ở quân-chủ ra quốc-gia và thay quyền thiên-mệnh bằng lẽ quốc-thị hay luật thiên-nhiên vậy. Thành ra các nhà ấy công-kích không phải là công-kích chính cái chủ-quyền mà là công-kích cái lý-thuyết về chủ-quyền; không phải là công-kích quyền chuyên-chế của quốc-gia, mà là công-kích quyền chuyên-chế của nhà vua. Yêu-cầu quyền-lợi không phải là yêu-cầu quyền-lợi cho cá-nhân, mà lại yêu-cầu quyền-lợi cho đoàn-thể; lại cái thuyết quyền thiên-nhiên để-xướng lên mạnh-bạo, chẳng qua là để lại đem hi-sinh cho quốc-gia hết. Trong khoa triết-học chính-trị về thế-kỷ thứ 18, phần nhiều còn thấy những khuynh-hướng hơi thiên về chủ-nghĩa xã-hội mà thực là do ở cái cựu-thuyết quân-chủ mà ra; xét qua tư-tưởng của các nhà tiêu-biểu cho cái triết-học ấy thì đủ biết vậy.

Xem như chủ-nghĩa tự-do của giáo-sĩ FÉNELON, thiên-hạ thường hay đối với chủ-nghĩa chuyên-chế của BOSSUET kể ra cũng vẫn còn cái tính-cách chuyên-chế. Ông vẫn ước-ao rằng quyền quân-chủ nên lấy lòng đạo-đức, lấy các chế-độ mà hạn-chế, ông vua không nên chuyên-chế quá, nhưng trong sách tiểu-thuyết *Télémaque*, ông vẫn cho quốc-gia là toàn-năng toàn-lực, và cái xã-hội lý-tưởng của ông là thành *Salente* thì cũng là phảng-phất như Lý-tưởng-quốc của PLATON vậy. VAUBAN cùng thầy dòng SAINT-PIERRE, thì cũng phản-đối chính-thể chuyên-chế, nhưng không nói rõ chính-thể mới nên thế nào. Như thầy dòng thì xem ra muốn một cái chính-

thể hơi giống như chính-thể đại-nghị. Song phần nhiều các nhà thì chỉ chủ-trì cái thuyết quyền-lợi thiên-nhiên là để kết-luận rằng quyền chuyên-chế nên cho có hạn và nên cho sáng-suốt. Nếu quyền chuyên-chế mà biết chăm-chút đến kẻ bình-dân, biết tôn-trọng quyền cá-nhân, nghĩa là có lợi-ích chung cho công-chúng, thì dù là quyền chuyên-chế cũng là chính-đáng. Lòng sở-nguyện của VOLTAIRE chính là thế: thuộc về tôn-giáo thì ông giữ cái chủ-nghĩa tự-do, nhưng thuộc về chính-trị thì ông không có cái sáng-kiến gì mới lạ lắm, phần nhiều các nhà bác-học về phái «Bách-khoa» (*Encyclopédie*), dù những kẻ tư-tưởng rất bạo, cũng đồng một ý-kiến như thế. DIDEROT làm văn rất kịch-liệt để bài-bác các cổ-điển, vậy mà tự mình vẫn phò nữ-hoàng nước Nga CATHERINE đệ-nhị. D'HOLBACH thì làm bản quyển sách giảng về cách chuyên-chế thế nào là phải đường. Ngoài nước Pháp, ở Anh, ở Ý cũng nhiều người theo cái thuyết như thế. Phái «chủ-nông» (*Physiocrates*) cũng vậy. Các học-thuyết đó vẫn là có nhiều chỗ khác nhau. Nhưng hết thảy có một chỗ giống nhau, là tuy vẫn cho rằng người ta vốn có quyền-lợi thiên-nhiên, mà vì sự lợi-ích chung đem quyền-lợi ấy phó-thác cả vào tay một bậc minh-quân, có cái trách-nhiệm phải theo lẽ phải mà trị dân cho dân được sung-sướng, còn về thực-tế thì không có nói rõ cho dân được quyền-lợi gì cả. Quyền dân-chủ tuy không có trong luật thiên-nhiên, nhưng cứ lấy sự lợi-ích chánh-đáng thì cũng nên công-nhận cho là phải.

Tuy-nhiên cũng có nhà trước-tác thuyết-lý còn bạo hơn. Đối với các nhà này, có một điều nên chú-ý, là thuyết-lý thì vẫn mạnh-bạo, mà kết-luận về thực-tế thì lại có lý rụt-rè, và các đồ-đệ cùng các nhà phê-bình chú-thích về sau suy-diễn ra nhiều điều tự trong nguyên-văn của tác-giả không có. Song tư-tưởng của các nhà ấy, dù có hiểu sai đi nữa, cũng có ảnh-hưởng to lắm, khiến cho thiên-hạ kẻ thì đổi ngay ý-kiến, kẻ thì dần dần xa-cách các tư-tưởng cũ.

Như MONTESQUIEU cũng muốn lập nên một cái thuyết mới về quyền chính-trị tự-do. Theo ý ông thì quyền tự-do này chỉ có thể có được ở trong một cái chính-thể ôn-hòa, gồm được cả các yếu-tố của các chính-thể khác, mà không để cho một đoàn-thể nào có thể tự coi là tiêu-biểu độc-nhất cho quốc-gia được. Quốc-gia có cái trách-nhiệm phải giữ sự yên-ổn và quyền tự-do tinh thần của mỗi người. Không ai bài-bác cái tục nô-lệ kịch-liệt bằng MONTESQUIEU. Pháp-luật đặt ra phải cho thích hợp với tư-chất cùng tính-tình của người ta. Phải tùy khí-hậu, tùy lịch-sử mà châm-chước khác nhau. Nhà lập-pháp không nên theo lòng yêu ghét riêng của mình và nhất-thiết phải cho ôn-hòa thận-trọng. Tuy vậy mà quốc-gia vẫn có quyền muốn đặt chính-thể nào là thích-đáng cũng được; vì theo như MONTESQUIEU thì tùy thời-đại, tùy xứ-sở, dù đặt chính-thể công-cộng hay hoàn-toàn bình-đẳng cũng không phải là không chánh-đáng. Ông bình-phẩm, phán-đoán, khuyên bảo nên thế nào là phải, chỉ-dẫn điều lợi-hại làm sao, chứ không phải là đề-xướng lên hẳn một cái thuyết chính-trị mới, và tuy ông sở-thích về hiến-pháp nước Anh, nhưng thật cũng là chưa được hiểu rõ cho lắm. Cái đặc-sắc của ông là biết đem tinh-thần cách-trí, đem trí đoán công-bằng mà nghiên-cứu các sự-thực về chính-trị xã-hội, lại biết châm-chước với cơ-hội cùng lịch-sử nữa.

Đến như ROUSSEAU, thì những học-phái rất tương-phản cũng tự-xưng là noi theo ở ông, mà thực tư-tưởng ông cũng có nhiều chỗ mâu-thuẫn, nhiều điều ngụy-biện vậy. Tuy - nhiên tư-tưởng ấy cũng không phải là phản-trái gì cho lắm và xét về học-thuyết ROUSSEAU phải nên phân-biệt cho kỹ phần nào là phần lý-luận, phần nào là phần thực hành. Ông định tìm cho rõ nguyên-lý cùng giới-hạn của quyền chính-trị thế nào, theo ý ông thì người ta sau khi rời bỏ cái tình-trạng thiên-nhiên mà lập thành xã-hội, thì bấy giờ tức là lập một cái xã-ước chung, gồm các tư-nhân lại thành một «công-nhân» (*personne publique*), chủ-quyền tự đấy là thuộc về «công-nhân» đó vậy. Cứ lịch-sử, xã-hội thành-lập thế nào cũng chẳng hề chi. Có điều quan-hệ là nên biết xã-hội sinh-tồn thế nào đối với lẽ phải đương-nhiên. Ông cực-lực phản-đối những thuyết lấy võ-lực hay lấy thiên-mệnh để lập thành đế-quốc cho một vài kẻ đặc-biệt hưởng-thụ; ông đem cái thuyết xã - ước mà suy-diễn một cách hùng - hồn, thuyết này cho gốc quyền chính - trị xã - hội là ở mỗi người dân tức là mỗi phần-tử đem phó-thác hết quyền-lợi của mình cho đoàn-thể được toàn-quyền toàn-lực. Như vậy thì ROUSSEAU đem chủ-quyền tuyệt-đối của vua trước mà chuyển sang cho dân. Ông vẫn gia sức chứng-giải rằng người dân vẫn có quyền tự-do, nhưng cái cách tổ-chức quốc-gia như thế, thì quyền quốc-gia cũng to-tát và cũng đáng ghê như quyền quân-chủ chuyên-chế vậy. Lý-thuyết-thượng thì hai đảng vẫn là khác xa nhau lắm. Quyền-lợi của dân phải hi-sinh cho quốc-gia, dường như vị mình mà hi-sinh đó. Người dân vẫn có quyền tự-do về cá-nhân, mình là phần-tử quốc-gia, thì quyền quốc-gia là quyền mình, địa-vị mình không phải là địa-vị nô-lệ. Cái ước chính-trị là bình-đẳng cho mọi người. Mọi người ăn ở với nhau phải có lẽ công-bằng. Quyền tự-do tinh-thần là quyền tuyệt-đối. Xét cho kỹ, thuyết này thật đã nâng cao địa-vị cá-nhân đối với quốc-gia vậy. Thuyết cũ thì phân-biệt chính-trị với đạo-đức, ROUSSEAU lại liên-lạc hai mối ấy với nhau. Lại liên-lạc cái lý tưởng quốc - gia với lý-tưởng công-lý công-nghĩa nữa. Quốc-gia cần phải cho mạnh, nhưng cũng cần phải công-bằng nữa. Xem như thế thì chủ-nghĩa xã-hội suy ông làm thầy cũng được, mà chủ-nghĩa cá-nhân tôn ông làm tổ có lẽ lại càng xứng đáng lắm nữa, vì sách ông tuy có chỗ dường như muốn cổ-động lập một cái xã-hội cộng-hòa dân-chủ, nhưng lại có chỗ hình như muốn hạn-chế cái tư-tưởng đó lại.

Ảnh-hưởng ông thật là sâu-xa to-tát vô-cùng, và tư-tưởng ông thật là thống-nhiếp cả hậu-bán thế-kỷ thứ 18 vậy. Các đệ-tử ông cũng vẫn theo hai cái tôn-chỉ cốt-yếu của ông: một là nâng cao cái địa-vị của người ta làm người và làm dân; hai là chứng-minh cái lẽ chủ-quyền chính là ở bình-dân. Có người thì khuếch-trương cái chủ-quyền của quốc-gia cho đến công-nhiên tuyên-truyền cái chủ nghĩa công-cộng, như MORELLY, trong bộ sách trứ-danh đề là «Luật thiên - nhiên» (*Code de la Nature*); có người thì thiên về các thuyết bình-đẳng, mà muốn chủ-trương một cái chính-thể theo như chủ-nghĩa xã - hội ngày nay; lại có người thì tư-tưởng rộng-rãi hơn như CONDORCET muốn cho phép cai - trị trong xã-hội là cốt để bảo - tồn lấy những quyền - lợi thiên - nhiên của người ta, cho được rất bình - đẳng rất rộng-rãi. Vẫn biết rằng trong xã-hội phần đa-số quyết-định điều gì thì kẻ công-dân phải bó - buộc tuân theo, nhưng cốt là không được hủy - hoại mất cái quyền-lợi thiên - nhiên của người ta đi. Tất cả các phái triết-học

đó, mỗi phái có một khuynh-hướng riêng, đến đời Cách-mệnh sau này thì những khuynh-hướng ấy mới hỗn-hợp lại một cách rõ-rệt vậy.

Nay còn một phái nữa nên đặc-biệt nói qua, tuy là một phái chuyên-trị về kinh-tế, nhưng cũng có một cái quan-niệm riêng về chính-trị và chức-quyền của quốc-gia, tức là phái « chủ-nông » (*Physiocrates*) vậy. Theo phái này thì xã-hội là bị những luật tất-nhiên về vật-lý chi-phối. Luật thiên-nhiên của loài người chẳng qua là một cái trạng-thái trong trật-tự chung của vũ-trụ. Hiến-pháp đặt ra là phải theo lẽ tự-nhiên đó, khiến cho người ta được hưởng những quyền-lợi thiên-nhiên của mình, thứ nhất là quyền sở-hữu và quyền được làm-ăn buôn-bán cho giàu-có lên. Muốn cho người ta thi-hành được cái quyền-lợi đó cho vững-vàng chắc-chắn, thì quyền chính-phủ phải cho mạnh. Như vậy thì cái chính-thể hay hơn là chính-thể chuyên-chế, duy phải biết tôn-trọng cái trật-tự thiên-nhiên của sự-vật và phải biết theo lẽ phải hiển-nhiên mà hiểu rõ rằng trong cuộc sinh hoạt của người ta cả cái phần kinh-tế là không thuộc quyền mình được. Muốn cho cái chính-thể chuyên-chế một cách ôn-hòa sáng-suốt như thế thành lập được thì cần phải truyền-bá sự học và phải có quyền tư-tưởng tự-do. Như vậy thì tuy phái « chủ-nông » cũng chủ-trì lối chính-trị chuyên-chế, nhưng thực thì cho rằng có nhiều việc trong đời người không thuộc quyền quốc gia chi-phối được.

Thuộc về phái này còn có người Anh Adam Smith, thì không có bàn kỹ về chính-thể nào là hay là cần, chỉ cố-ý hạn-chế cái chức-vụ của chính-phủ mà thôi. Lợi-ích của chính-phủ là gồm cả lợi-ích của cá-nhân, vậy thì nếu mỗi người được tự-do mưu-tính sự lợi-ích riêng của mình, thì tự-khắc quốc-gia được lợi-ích. Cho nên cần phải giữ cho quốc-gia đừng nhất-nhất can-thiệp vào, làm cho sai mất cách hành-động tự nhiên trong sự-vật. Vậy thì công việc của chính-phủ nên phải giản-dị lắm mới được. Trách-nhiệm của Chính-phủ chỉ là phải phòng-bị cho xã-hội khỏi nước ngoài xâm-lấn, cảnh-sát trong nước cho được yên-ổn, cũng là quản-lý những công-cuộc mà tư-nhân không thể làm được.

Smith muốn hạn-chế cái chức-vụ của quốc-gia về đường kinh-tế. Kant là người Đức, có chịu ảnh-hưởng của Rousseau cũng như tất cả các nhà triết-học Đức đời bây giờ, thì lại muốn hạn-chế cái chức-vụ của quốc-gia về đường chính-trị, mà hạn-chế hơn Rousseau trước. Ông công-nhiên tuyên-bố rằng chủ-quyền nước là ở dân và mỗi người dân đều có quyền được tỏ ý-kiến về việc nước. Tuy-nhiên chính-phủ lạm quyền thì dân chỉ được phản-đối bằng pháp-luật mà thôi. Ông cho rằng trước khi thành xã-hội có một cái tình-trạng thiên-nhiên, người ta vốn đã có quyền-lợi tự-nhiên rồi. Xã-hội đặt ra là chỉ cốt để cho người ta được yên-ổn mà hưởng những quyền-lợi ấy. Người nào cũng có quyền tự-do là gốc của pháp-luật, của luân-lý. Quốc-gia là phải gây ra một cái tình-trạng thế nào cho người ta tự cưỡng-bách lẫn nhau mà vẫn không phương-hại đến quyền tự-do của nhau. Như vậy thì chức-vụ của quốc-gia thật là giản-dị lắm. Ông nói rằng : « Nhà-nước chỉ là một người lính canh để giữ quyền-lợi cho cá-nhân khỏi bị kẻ khác xâm-phạm. » Người ta lập thành xã-hội là như có một cái ước ngầm với nhau, đem quyền tự-do của mình phó-thác cho xã-hội, nhưng thế không phải là làm nô-lệ cho xã-hội đâu, vì xã-hội là một xã-hội cộng-hòa, thì mỗi người là một phần-tử xã-hội, vẫn được tham-dự vào quyền-lợi chung. Cá

quyền tự-do của người ta ở trong tình-trạng thiên-nhiên là cái tự-do vô-kỷ-luật, khi vào xã hội có pháp-luật phân-minh, thì quyền tự-do vẫn còn mà là tự-do có kỷ-luật vậy.

Nhà triết học Đức FICHTE, tư-tưởng lại còn bạo hơn nữa. Ông cho rằng xã-hội lập ra, cứ pháp luật thì cần phải có một cái ước với nhau, nhưng cứ lịch-sử thì cái ước ấy không có. Song luật của xã hội là chỉ quan-hệ đến những cái quyền nào có thể di-dịch được mà thôi, và sở-dĩ có hiệu-lực là tự ta bắt-buộc ta phải theo mà thôi. Nhà lập-pháp là ai ? Nhà lập-pháp chính là cái ý-chí của ta muốn cho có hiệu-lực lâu dài. Nếu mà quốc-gia thành ra áp-chế, thì người dân có quyền cách-mệnh, và quốc-gia sở-dĩ có ích-lợi là chỉ bởi lòng tín-nhiệm của dân mà thôi. Cho nên người ta lúc nào cũng có quyền ra ngoài quốc-gia mà biệt-lập một quốc-gia ở trong quốc-gia vậy. Ông nói rằng : « Mục-đích của chính-phủ là phải làm thế nào cho người ta không cần đến chính-phủ nữa. »

Xem như thế thì biết khoa chính trị-học về thế-kỷ thứ 18 thật là có nhiều khuynh-hướng khác nhau. Nhưng đều có một cái đặc-sắc chung, là phát-minh ra cái thuyết quyền-lợi thiên-nhiên. Phàm chính-phủ đặt ra là phải cho hợp với lẽ phải. Mục-đích của chính-phủ là ở sự lợi-ích chung, mà sự lợi-ích chung tức cũng coi như lẽ công-bằng chính-lý vậy. Còn võ lực, còn tôn-giáo, thì coi là những cái trợ-lực để tả đản cho chủ-quyền mà thôi, hoặc có khi chỉ coi là những hiện-tượng lịch-sử tiếp theo sự thành-lập của các quốc-gia mà thôi. Ai cũng công-nhận rằng phải có một cái luật nhân-tạo làm gốc cho quốc-gia. Hình-thể quốc-gia thế nào, cách hành-động của quốc-gia thế nào, cũng nhiều người nghiên-cứu lắm. Lại nghị-luận đến chức-vụ của quốc-gia, phần nhiều thì cho quyền-hạn quốc-gia là rộng lắm. Quốc-gia thu gồm cả quyền-lợi của cá-nhân mà đến lúc trả lại thì tùy ý muốn trả thế nào cũng được, chỉ phải chấm-chước với mấy điều đạo-đức thường về quyền tự-do của cá-nhân mà thôi. Lại có người thì cho quyền-hạn quốc-gia là hẹp hơn. Như ROUSSEAU cùng các môn-đồ thì lấy quyền lợi cá-nhân làm căn-bản cho quốc-gia, tức là nâng cao cá-nhân lên đối với quốc-gia. Phái « chủ-nông » và thứ nhất là ADAM SMITH thì tin ở luật-pháp thiên-nhiên, nên muốn cho một phần to trong đời người không phải thuộc quyền quốc-gia chi-phối. MONTESQUIEU thì khuyên quốc-gia phải nên ôn-hòa điều-độ. KANT và FICHTE thì muốn giảm chức-quyền của quốc-gia cho rất giản-dị. Nói tóm lại thì khoa chính-trị về thế-kỷ thứ 18 là nghiên-cứu theo phép lý-luận, theo lẽ thiên-nhiên mà kết-luận về đường thực-tế thì mỗi phái một khác nhau, có phái chủ-trương rằng quốc-gia phải có quyền chuyên-chế tuyệt-đối, có phái thì cho rằng quốc-gia không cần phải can-thiệp đến mấy tí, mà các phái chỉ giống nhau có một điều, là đều căn-cứ ở quyền-lợi thiên-nhiên của cá-nhân vậy,

Đời cách-mệnh Pháp. — Bấy nhiêu vấn-đề của các nhà triết-học đã nghiên-cứu, đến đời Cách-mệnh Pháp lại đề-khởi ra một cách kịch-liệt hơn, mà giải-quyết về đường lý-thuyết thì cũng thế. Đại-thể thì đời Cách-mệnh không có thay đổi gì mấy về phần lý-tưởng, nhất là về chính-trị, chỉ đem những cái thuyết của các nhà triết-học mà tiêu-biểu ra một cách rõ-rệt mà thôi, cho nên bây giờ muốn nghị-luận về cuộc Cách-mệnh nước Pháp khuynh-hướng về chủ-nghĩa cá-nhân hay về chủ-nghĩa xã-hội, thì nghị-luận đến vô-cùng cũng được. Có người đã nghiệm ra rằng về đời Cách-mệnh các chính-

đẳng là lần lượt kế-tiếp nhau cả, cũng như các học-phái chủ-trương cho các chính-đẳng đó trong thế-kỷ thứ 18. Nhưng cứ thực thì cái triết-học làm chủ-động cho cả cuộc Cách-mệnh Pháp là triết-học của ROUSSEAU. Lời tuyên-ngôn dân-quyền nhân-quyền là công-nhiên tuyên-bố các quyền-lợi thiên-nhiên của người ta, cũng cái dân-ước là gốc của xã-hội. Hiến-pháp năm 1793 thì định rõ cái chủ-quyền của dân, lấy sự hạnh-phúc chung làm mục-đích cho xã-hội, tuyên-bố cái quyền của mọi người được tự-do làm ăn, được tham-dự việc nước, được hưởng-ơn giáo-dục. Lời tuyên-ngôn năm 1789 với lời hiến-pháp năm 1793, không có khác gì nhau, cũng là ở một nguồn mà ra cả. Các nhà chủ-động cuộc cách-mệnh Pháp đều là cho quốc-gia có quyền to lắm; quyền ấy là uyên-nguyên tự quyền cá-nhân vậy; quyền cá-nhân thì tùy lúc cũng có khi hạn-chế lại ít nhiều, cũng có khi khuếch-trương ra cho rộng thêm, nhưng bao giờ cũng là gốc của quốc-gia, gốc của chính-trị. Mà mục-đích của quốc-gia là cốt nhất phải bảo-tồn lấy công-lý, duy nghĩa chữ công-lý có mỗi lúc rộng hẹp khác nhau mà thôi.

(*Còn nữa*) T.-C. *biên-dịch*

MAHOMET GIÁO-CHỦ ĐẠO HỒI

MAHOMET (Tàu dịch là Mã-hán-mạch), hiện nay có hàng mấy mươi triệu con người thờ làm giáo chủ. Đạo ông truyền dạy ra, có hàng mấy mươi triệu con người thờ làm tôn-giáo tuyệt-đối. Nhưng thuộc về lịch-sử của ông, thì còn có nhiều đoạn mờ tối, cũng vì lòng mê-tín của người ta không ai dám nghiên-cứu cho đến nơi. Mãi gần đây nhờ có các nhà bác-học Âu-tây mới khám-phá được rõ-ràng.

Thành *La Mecque* ở xứ *Arabie* về thế-kỷ thứ 7 thật không phải là một chốn đô-hội phồn-hoa chi. Mùa nực thì nóng quá-độ, mùa rét thì lạnh cực-điểm. Tuy vậy cũng là nơi buôn-bán thịnh và khách thập-phương đến lễ-bái đông. Người dân là thuộc về rợ *Coraischites*, khôn-ngoan chăm-chỉ, có lòng quyến-luyến chốn thị-thành của mình. Sự buôn-bán ở *La Mecque* được thịnh-vượng là nhờ có con đường Ấn-độ đi qua đấy. Mỗi khi có đoàn buôn đi hay về, thì thành-phố tấp-nập, như xảy ra việc gì quan-trọng vậy. Phàm nơi có phường buôn đi lại, cách sinh-hoạt vẫn có vẻ xô-đồ rộn-rịp. Nói tóm lại thì thành *La Mecque* có thể cho là một nước công-hòa nhỏ, người dân chuyên việc buôn-bán và chính-quyền ở trong tay một phái tư-bản; tuy-nhiên cái chính-thể cũng không được phân-minh lắm. Đó cũng là một sự lợi cho kẻ đồ-mưu việc riêng.

MAHOMET chính là sinh ở thành *La Mecque* đó. Cha là ABDALLAH, mẹ là AMINA. Con mới sinh được mấy tuần-lễ thì ABDALLA chết; chỉ để lại cho có năm con lạc-đà, mấy con cừu, một mụ hắc-nô già. Con thì giao cho một người vú rợ *Bédouin*, đem về nuôi ở phía *Thaif*, về miền núi. Ở đấy cho đến tuổi lên năm. Năm sau thì mẹ mất; ở với ông cho đến lên tám tuổi, rồi ông cũng mất nốt. Mồ-côi một mình, nhờ được cậu là ABOU THALIB đem về nuôi. Cậu làm nghề buôn-bán, nhưng cũng không có tư-sản gì. Định cho cháu vào làm việc nhà buôn, nên cũng chỉ cho học qua-loa mà thôi.

MAHOMET lớn lên, tìm kiếm các nghề làm. Khi thì đi chăn súc-vật cho người ta; khi thì trấy theo với các đoàn buôn; khi thì mở ngôi hàng nhỏ. Có một ngày vào làm cho nhà một người đàn bà góa tên là KHADIDJA. Người này đã hai đời chồng, là tay tư-bản to. Một mình bà quản - lý gia-sản lấy, và nhà bà là một nhà buôn lớn nhất ở thành *La Mecque*. MAHOMET dần thành người tin-cẩn của bà; sau bà lấy làm chồng. Bấy giờ thời tuy chủ - trương công việc vẫn một tay bà, nhưng cái địa-vị ông cũng được hơn trước. Tuy chưa thể liệt vào một bậc trưởng-giả trong hàng chợ, nhưng cũng đã vào tay tài-phú đắc-lực. Ông ăn-ở với bà mãi đến khi bà mất, thủy - chung làm một người chồng có nghĩa. Sinh được ba người con gái, tên là ZAÏNAB, ROQAÏA, FATHIMA, nghe đâu còn có một người con trai nữa, nhưng chết sớm, chỉ có mấy người con gái là còn lại sau khi ông mất thôi. Bởi thế nên có người con trai tên là ZEID BEN HARITSA, nghèo-khổ làm tôi-tớ cho người, ông cứu cho khỏi nạn, rồi ông nuôi làm con nuôi.

Trong khi bà vợ buôn-bán phát-tài, thì tự ông trau-dồi học đạo. Ông quan-sát cho biết tâm-tình người đời, lại hay lánh mình ở nơi thanh-vắng để tâm-niệm về đạo-lý. Xét những sự xảy ra quanh mình, thấy toàn là giả-dối cả. Mà trong lòng ông thì khao - khát cho được biết chân - lý. Vậy mà đem con mắt quan-sát ở chỗ nào cũng chỉ thấy những sự mê-tín thô-bỉ cả. Bấy giờ thấy trong lòng bâng-khuâng thất - vọng. Ông thường gặp những giáo - đồ Cơ-đốc ở đất *Syrie* hay ở ngay thành *La Mecque*, biết rằng có một cái đạo thiêng-liêng tự Thượng - đế mặt-truyền cho loài người. Lại biết rằng mỗi khi người đời điên-đảo quá chừng, thì trời sai một bậc « tiên-tri » xuống để nhắc lại cho biết chân-lý ở đâu. Nay giữa hồi bấy giờ là hồi dân Ả-rập đương mê-mẩn phân-vân, đảo-điên điên-đảo hết cả. Chẳng hay có bậc tiên-tri nào đến để kiều-chính cho cái dân-tộc suy-đồi này chăng? Ông băn-khoăn tư-lự quá, đâm ra mắc bệnh. Tinh-thần thân-thể như rời - rạc cả. Tâm - trí hốt-hoảng như có nỗi gì ưu - uất trong lòng. Lắm lúc tưởng như có quỉ-thần gì ám vào mình. Một hôm đại-ngộ, mới biết rằng có sứ-mệnh Thượng-đế đến mặt-truyền tin lành cho mình. Sứ-mệnh là một bậc thiên-thần, truyền cho phải thờ trời, phải cầu-nguyện; lại dạy cho các nghi-lễ mầu-nhiệm. Từ đấy MAHOMET đem tin lành lại truyền dạy cho các kẻ thân-cận. Trong ba năm cứ truyền đạo ngầm như thế. Hình như thần-linh hiển-hiện cả ra mọi vật mà mắt phàm không trông thấy mà thôi. Bấy giờ ông chỉ để mắt nhìn về cõi thiên - quốc, không để ý đến cõi hiện-tại làm gì. Có một ngày thiên-thần truyền lệnh cho ông phải công-nhiên ra truyền đạo cho đời. Bấy giờ ông mới nghiễm - nhiên làm bậc giáo-chủ giảng đạo cho công-chúng. Thiên-hạ ít ai để tai nghe. Nhưng cũng được mấy kẻ qui-y với ông: là bọn đàn-bà, bọn nghèo-khổ, bọn nô-lệ. Khi thuyết-pháp ông thường công - kích phái hương - nguyện, là kẻ giả - dối theo đạo; ông lại bài-bác những sự phú - quí ở đời, cho là của phù-vân, chỉ có hại không có lợi cho phần hồn. Thiên - hạ đem lời giễu - cợt mai-mỉa để làm cho ông ngã lòng. Nhưng đến khi ông xoay ra công-kích những thói dị đoan, muốn khuynh-đảo những sự lễ-bái bất-chính, thì kẻ phản-đối nổi lên kịch-liệt. Các đồ-đệ ông bị bách-hại vô - kể. Tuy vậy ông vẫn không ngã lòng. Những người Ả-rập ở tứ-phương lại, ông đều đem đạo truyền dạy cho. Đại-khái ông dạy rằng người ta chết đi rồi sẽ có ngày phục-sinh, và ai ai đến thời-khắc sau cùng cũng phải lên trước tòa án

Thượng-đế mà bị thầm-phán lần cuối cùng. Trong phái phản-đối ông, không phải là chỉ có một bọn hoài-nghi chế-bác mà thôi, cũng có người nhiệt-thành yêu nước, sợ theo đạo mới có phương-hại đến quốc-túy cùng quyền độc-lập của dân-tộc mình. Cho nên những người nào theo đạo Hồi mới bị trục-xuất ra ngoại-cảnh cả. Chính ông cùng đồ-đệ ông cũng phải phóng-trục ra ngoài. Bấy giờ ông phải lên núi ở. Những người theo ông thì trốn sang đất *Abyssinie*, người dân ở đấy theo đạo Cơ-đốc có bụng khoan-dung cho ở nhờ. Xem như thế thì đạo Cơ-đốc với đạo Hồi-hồi lúc mới đầu, vẫn hòa-thuận nhau, không ngờ sau này đến xung-đột nhau vậy. Chính MAHOMET cũng tự coi mình như một vị Tiên-tri Cơ-đốc, đem đạo tin lành diễn thành quyền kinh bằng tiếng nước mình để dạy cho kẻ đồng-bào biết đường qui-y về chủ-nghĩa độc-thần mà thôi. Sau này ông có xa cách với phái Do-thái, nhưng đối với đạo Cơ-đốc thủy-chung ông vẫn có lòng vì-nể. Người đời sau mà đem đạo Hồi-hồi đối-lại với đạo Cơ-đốc, là trái ngược với lịch-sử vậy. Cứ đem ngay các kinh sách ra mà đối-chiếu ; kinh Cồ-lan (*Coran*) của đạo Hồi thường thường là tồ thuật theo kinh Thanh-thư (*Bible*) cùng kinh Phúc-âm (*Evangile*) của đạo Cơ-đốc vậy.

Sau khi phải phóng-trục mà lên ẩn trên núi rồi, MAHOMET vẫn mật-thông với thành *La Mecque*. Nhưng trong một năm chỉ có mấy tháng đại-lễ là được rời núi về thành mà thôi. Cứ thế trong ba năm trời. Sau phái dị-đoan cũng phải chán. Quốc-hội bãi cái lệnh khu-trục cho MAHOMET cùng đồ-đệ được trở về thành *La Mecque*. Nhưng thế đã hết hoạn-nạn đâu.

Khi bấy giờ bà KHADIDJA mất, thọ được 60 tuổi ; thủy-chung ông đối với bà vẫn một lòng trung-tín. Tuy theo tục Ả-rập đàn-ông được lấy nhiều vợ, mà sinh-thời bà, ông không hề lấy một người thiếp nào. Bà mất, ông lấy làm phiền-não lắm. Sau ông định lấy nàng AÏCHA, là con người đệ-tử trung-thành của ông tên là ABOU BAKR. Nàng AÏCHA sau này làm người sủng-thiếp của ông giáo-chủ đạo Hồi, khi ấy mới có 7 tuổi. Còn nhỏ quá chưa thể lấy được, MAHOMET bèn tạm lấy một người gái góa tên là SAWDA. Rồi đi kiếm một tỉnh khác có thể ở yên-ổn hơn. Ông chọn đến ở thành *Thaïf*, là một nơi rất có phong-thú, cách thành *La Mecque* 72 dặm Anh. Nhưng đến đấy bị đuổi. Lại phải trở về *La Mecque*. Chính hồi bấy giờ là hồi ông có cái mộng lạ-lùng, đời sau gọi là cuộc « Dạ-thăng », trong mộ đêm thấy mình chuyển đưa đến thành *Jérusalem*, rồi bay-bổng lên tận trời cao.

Tự trước đến bấy giờ, Thượng-đế chưa cho phép MAHOMET được tuốt gươm để đi chinh-phục thế-giới. Thời-kỳ ấy còn là thời-kỳ hòa-bình nhẫn-nhục. Từ nay mới đến thời-kỳ vì đạo khai-chiến. MAHOMET bỏ thành đi ra ngoài. Năm ấy là năm 622 kỷ-nguyên Gia-tô, vua OMAR sau này lấy làm năm đầu kỷ-nguyên đạo Hồi (*hégire*). Từ nay MAHOMET vừa là ông tướng-quân, vừa là ông quốc-trưởng, lại vẫn kiêm làm ông giáo-chủ chịu sứ-mệnh của Trời. Ông công-nhiên chống lại với kẻ cầm quyền, bị bán đầu trong nước. Nhưng đi gian-nan trong bảy ngày, rồi toàn-thắng mà tiến vào thành *Yatsrib*, sau đổi làm thành *Médine*.

Ở *Médine*, ông chỉnh-đốn việc lễ-bái, lại đồng-thời tổ-chức một xã-hội theo cơ-sở mới. Đối với người Do-thái, ông cũng có ý chiều lắm, còn dân Ả-rập thời kẻ cáo chưa hóa theo đạo Hồi, ông cố thu-phục lấy cho được. Tự tay ông dựng ra một nhà giáo-đường. Ông ở ngay bên cạnh ; mỗi vợ cho ở một phòng, phòng đặt chung-quanh, giữa có cái sân kín, gọi là sân cầu-nguyện. Ông

ham cầu-nguyện, cũng như ưa đàn-bà, thích hương thơm. Cách ăn-ở rất là thanh-khiết. Cách chơi xa-xỉ nhất của ông là chơi ngựa. Tính ông dịu-dàng, êm-ái, giản-dị, nhân-từ, đối với ai cũng hòa-nhã. Khi nào không phải bận việc trận-mạc, thì giảng đạo, học-hành, cầm-thông cầu-nguyện với Thượng-đế. Ông yêu con trẻ, thường chơi đùa với chúng. Nhưng có nhiều kẻ vì lợi riêng mưu phản-đối ông, ông nên vẫn phải giữ cho không kẻ nào dám xâm-phạm đến quyền mình. Lại phải phòng sự ngoại-hoạn nữa. Cuộc « chiến-tranh vì đạo » hồi đầu còn là một cách chiến-tranh để phòng-bị mà thôi. Trong mười năm ông thân - chinh ba mươi trận, tự tay cầm quân mười trận. Đối với phái *La Mecque*, vẫn phải phòng-bị luôn. Có lúc đã sắp phải nguy - hiểm. Mãi đến sau mới thắng hẳn được. Trận thắng được ở *Badr* là trận quyết-chiến cho tiền-đồ đạo Hồi. Bấy giờ thời ở *La Mecque* dân những khủng - cụ mà ở *Médine* lại ngày càng thịnh - vượng. Dân-gian có đôi khi chơi-bời yến - ẩm quá độ. Nhân đó, ông hạ - lệnh cấm uống rượu, cấm đánh bạc.

Song, tuy nhất-diện quyền ông mỗi ngày một to, khiến cho hạ được những lệnh nghiêm như thế mà thiên-hạ cũng phải theo, mà nhất-diện đảng phản-đối cũng vẫn chưa dứt, nhất là trong bọn dân Do-thái. Bọn này thường phản-bội ông mà ông trị lại cũng nghiêm-khắc vô - cùng. Rợ *Coraischites* ở thành *La Mecque* định quyết - liệt với ông một phen. Bèn gây chiến-tranh lần nữa. Quân hai bên giao - chiến ở núi *Ohod*. Quân Hồi-giáo số ít đã thấy núng Mahomet bị thương. Nhưng quân *Coraischites* tuy được trận mà không biết lợi-dụng cái ưu-thế đó ; thành ra chính Mahomet là bại-tướng lại xoay lại đuổi đánh bọn quân thắng kia. Bấy giờ dân *La Mecque* bèn kết liên với phái Do-thái và rợ *Bédouins* ngoại-đạo Họp nhau lại thành một đại-quân tiến lên đánh thành *Médine*. Mahomet cho đào hào cả chung quanh thành, địch-quân phải lùi. Ông bèn thừa thế dẹp yên các rợ phản nghịch. Trong khi đánh dẹp, không phải là không giết hại nhiều ; vì Mahomet tuy là bậc tiên-tri giáo-chủ, nhưng cũng là một nhân-vật trong loài người, không phải đã thoát được hết cái lòng giận-dữ của người đời.

Sự-nghiệp ông không có gì là những chuyện kỳ-tích linh - nghiệm như các giáo-chủ khác. Cái kỳ - công độc-nhất của ông là sách kinh Cồ-lan, ông lấy làm chứng-nghiệm cho cái sứ-mệnh của ông. Mà thực muốn biết sở-dĩ làm sao mà ông có cái thần-lực khiến cho được thành-công và có ảnh-hưởng như thế, thời phải đọc kinh Cồ-lan mới được. Vả lòng thành-thực của ông, thì không ai có thể ngờ được. Ông thật tin rằng Thượng-đế có lệnh truyền cho ông. Những khi tiếp nhận lời truyền đó thời ông thấy thân-thể đau-đớn vô - cùng. Mỗi cơn như thế kịch - liệt lắm, cơn xong rồi thời ông bình lại những câu kệ kinh Cồ-lan của thiên-thần đã ám-độc cho ông, bình đến đâu có người biên-chép đến đấy. Có khi đợi lâu mà không thấy thiên - mệnh ám-truyền. Các câu kệ đó, đọc đến đâu chép đến đấy, về sau xếp liền lại, nên không có thứ-tự gì. Có điều chắc hẳn là sự truyền-giáo của ông đó rõ-ràng có kết-quả hay về các phạm-vi gia-đình, xã-hội, vệ-sinh. Về các vấn - đề hình-nhi-thượng, thì ông không muốn nói kỹ. Chỉ có mấy câu đại - cương không được rõ nghĩa lắm, thành ra sau này, suy-diễn kết-luận ra thế nào cũng được.

Về cuối đời ông thì bận-bịu về việc đàn-bà lắm. Ông lấy vợ nhiều lần, tì-thiếp cũng lắm. Có phen vì chuyện lấy vợ mà thành ra chuyện phản-đối. Lại trong bọn cung-tần, cũng lắm chuyện lôi-thôi. Nàng Aicha cũng nhiều khi làm

phiền cho ông. Trên nóc nhà có một cái chòi cao, trong một tháng ông phải lên ẩn ở đấy, xa cả bọn đàn-bà. Sau ông truyền cho bọn đó muốn ở với ông hay muốn xuất-ngoại cũng được. Bọn đó cam-tâm xin ở với ông trọn đời, ông bèn cắm cái bụng đó, tự-nguyện không lấy thêm vợ nữa ; bấy giờ hiện đã có chín người rồi.

Tuy-nhiên, ông vẫn mộng-tưởng có ngày về *La Mecque*. Nhân bấy giờ là giữa tháng đại-lễ, theo lệ thường việc chiến-tranh phải dình hết, ông cùng 1.400 dân Hồi tiến lên *La Mecque*, tự-xưng không phải là địch - quân đến đánh, mà là giáo-đồ trẩy lễ. Người *Coraïschites* cho sứ-điệp ra đò. Hai bên ký ước với nhau, định rằng năm nay thời Hồi-dân hẳng trở về, nhưng sang năm được tự - do đến trẩy lễ ở *La Mecque* và được ở đó ba ngày. Thế là đối với kẻ cầm quyền đã khu - trục mình, MAHOMET nay công-nhiên đứng bằng vai, xử bình-đẳng không chịu kém gì. Bao nhiêu những đồn-lũy của người Do-thái ở miền ấy, ông chiếm được hết, phục được nhiều rợ phản-nghịch, và phái sứ-thần đi giao - hiếu với các vua chúa ngoại-quốc. Năm sau, thân-hành vào thành *La Mecque*, thế là công-nghiệp được hoàn-toàn thành-tựu. Bấy giờ đã mãn - nguyện rồi, chỉ lấy lòng quảng-đại mà thu-phục nhân-tâm.

Năm thứ mười kỷ-nguyên Hồi-giáo, ông chủ-trương 9 vạn tín-đồ, lại tiến vào thành *La Mecque*. Thế là các rợ rời-rạc, nay ông đã kết-hợp thành một dân-tộc vậy. Bấy giờ đã đến cực-phẩm vinh-hoa ở đời, quyền-thế có, của-cải có, thanh-danh có. Bèn định lễ trẩy thành *La Mecque* mỗi năm phải thế nào. Truyền dạy cho thần-dân rằng: « Ngày nay tôn-giáo đã hoàn-toàn. Ta truyền cho ai nấy phải đem lòng tín-ngưỡng đạo Hồi. » Câu kệ đó là câu cuối cùng ông tiếp được của thiên-thần truyền cho vậy.

Bấy giờ đã thấy trong người suy yếu. Ông giải-phóng cho các nô - lệ. Tiền-của ở nhà đem phân phát cho kẻ nghèo khó. Rồi bệnh mỗi ngày một kịch. Trong bốn ngày, bệnh trầm-trệ, được một vài lúc tỉnh rồi lại mê. Có lúc tưởng như phục-sinh lại được. Ngồi hẳn lên cho các tín-đồ trông thấy. Bấy giờ đã tưởng rằng khỏi. Nhưng liền nghiêng đầu lên vai bà sủng-thiếp là nàng AICHA rồi tắt nghỉ. Năm ấy là năm 632, tức là năm thứ 10 kỷ-nguyên đạo Hồi.

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

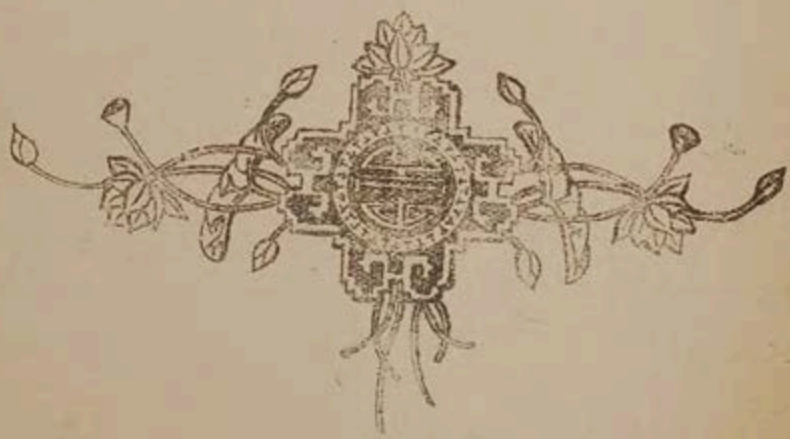

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

Chú-giải về tập « Kim-thi » của phái Pythagore

III

NÓI VỀ THỜI-KỲ TINH-LUYỆN

THỜ GIA-ĐÌNH

Người ta phải yêu-mến cha mẹ. — Phải biết thờ gia-đình, phải làm trọn nghĩa-vụ đối với cha, với mẹ, với cả các bà-con họ-hàng (2). — *Trong học-viện* Pythagore, *cho nghĩa gia-đình đứng trên tình bè-bạn, không phải là không có lẽ. Vì người bạn tốt đến đâu cũng không thể buộc mình phải thời-thường yêu-giấu luôn, sẵn lòng hi-sinh luôn như cha mẹ đối với con-cái vậy. Có từng-trải sự đời thì biết vậy: người bạn mất đi có thể thay được, chứ cái lòng thương của người mẹ thì đã mất đi không bao giờ lại có được nữa. Lại khi nguy-hiểm hoạn-nạn, không ai sẵn lòng yên-ủi giúp-đỡ cho mình bằng một người bà-con thân, bởi thế nên cái nghĩa gia-tộc duy-nhất, cần phải hết sức đề-tạo, hết sức tái-bồi, tức là phải dạy cho kẻ làm mẹ cái trách-nhiệm thiên-nhiên phải tự mình nuôi-nấng bú-mớm lấy con-cái mình, phải làm thế nào cho người mẹ được ở luôn chốn gia-đình để làm hết bổn-phận trong cửa nhà, phải giàng-buộc lấy cái tình vợ chồng cho thuận-hòa khăng-khít, lại phải dạy sao cho con trẻ biết báo-đáp lại cha mẹ già cái công thương yêu nuôi-nấng bấy lâu.*

Nghĩa gia-tộc là phải thờ-phụng tổ-tiên, phải lập gia-thất, phải sinh con đẻ cái ; gia - đình như thế tức là một cái động-lực cốt-yếu của sự tiến-hóa chung của loài người, vì cá-nhân có tự mình tạo-tác ra, nghĩa là gây dựng ra gia-đình thì mới có thể thực-hiện được hết cái nhân-cách của mình.

Vì sự vợ chồng lấy nhau tức là tập-hợp cái sức tạo-tác lại cũng giống như sức của tạo-vật, để mà gây dựng ra một cái bản-vị mới, cao hơn cá-nhân : bản vị ấy là gia-đình. Người đàn ông thì có cái tinh-lực sáng-tạo, người đàn bà có cái sức mạnh tái-bồi, đứa con đẻ ra, ấy là cái công - trình hiển-hiện. Ba cái nguyên-tố đó đấu-hợp lại gây ra một cái mối chung, là hồn gia-tộc. Sự vợ chồng lấy nhau là một cuộc hợp-tác về vật-chất, mà trong thật là có một cái mối hòa-đồng về tinh-thần, về sinh-hoạt, tạo-thành ra một cái thế-giới nhỏ, theo như cái kiểu-mẫu chung của vũ-trụ, ta sẽ giải rõ sau này.

Như vậy thì gia-đình là một cái toàn-thể, cảnh hòa-lạc, sự hạnh - phúc là tùy-thuộc ở cái bụng tốt của mỗi người làm phần - tử cho toàn-thể đó. Như vậy thì bao nhiêu người trong một nhà đều phải có một cái mục-đích chung : là bao nhiêu tư tưởng, dục-vọng, công-phu, phải đem mà hỗn-hợp cả lại mà cùng nhau tiến lên cõi tuyệt-phẩm hạnh-phúc, là con đường đưa lên tới Thượng-đế vậy. Mục-đích đó, không thể đơn-độc mỗi người mà đạt tới được, vì hết thảy đều có liên-đới mật thiết với nhau, vậy thì không những nghĩa-vụ của mình

(1) Xem Nam-Phong số 144, 145.

(2) Đây là trích từng câu trong tập « Kim-thi » mà chú-giải. Những câu đầu đoạn in chữ to là lời thơ.

mà chính sự lợi-ích của mình bắt-buộc vừa mưu cho mình được tấn-tới lại cũng vừa mưu cho kẻ thân-thích mình được tấn-tới nữa. Gia-đình là cái đoàn-thể thứ nhất của loài người, trong đoàn-thể mỗi người cần phải giúp nhau thì tự mình mới mong được sung-sướng ; xét rộng ra đến các đoàn-thể to hơn nữa, như họp nhà thành nước, họp nước thành chủng-tộc, họp chủng-tộc thành nhân-loại, sự tương-trợ đâu đâu cũng phải cần. Vì cái luật thiên-nhiên trong cả tạo-vật như thế : là sự hạnh-phúc của mỗi giống sinh-vật là do cả các giống khác giúp-đỡ vào mới thành được, và về phần riêng mỗi giống muốn mưu sự hạnh-phúc cho mình thì đồng-thời phải mưu cả sự hạnh-phúc cho kẻ khác nữa. Đó tức là cái lòng từ-thiện, đem thi-hành ra khắp các đẳng-cấp trong thế-giới thiên-nhiên, cứ lấy bề ngoài mà xét, thực đã có lợi-ích như vậy.

Đạo vợ chồng mà hiểu như thế, thì sự sinh-sản không phải là chỉ để ra một đứa con mà thôi. Lại là tái-tạo ra một cái tinh-thần đương tiến-hóa vậy. Bởi thế nên lúc có thai, phải chỉ nghĩ-ngợi đến những cái hay cái tốt, và vợ chồng ăn ở với nhau phải rất mực hòa-bình, để gây lấy những cái ảnh-hưởng tinh-thần cao-thượng, những cái sinh-khí hoạt-bát kiện-toàn cho đứa con sắp sinh ra sau này.

Người đàn ông là cái khí dương chủ-trương điều-hòa ở trong gia-đình, phải coi mình như bậc sứ-thần của Thượng-đế. Cho nên bao giờ đối với vợ con mình cũng phải tỏ ra như một cái gương chiếu các đức sáng thiên-nhiên, phải tỏ ra khôn-ngoan, nhân-từ, công-bằng, đứng đắn, để cho vợ con theo. Có ăn ở như thế thì mới truyền dạy được cho các con điều lương-thiện, việc nghĩa-vụ, lòng kính-hiếu. Ảnh-hưởng người cha trong chốn gia-đình là hệ-trọng lắm. Nếu người cha vừa cứng mạnh và lại vừa êm-ái, vừa có đức lại vừa có oai, thì kẻ thân-thích trong nhà có điều gì khuyết-điểm cũng có thể sửa đổi được, lấy cái oai-quyền người gia-trưởng mà thống-nhiếp được hết thảy, khiến cho phải khuynh-hướng cả về đường tấn-tới. Trong học-viện Pythagore, *người đàn bà có một cách huấn-luyện riêng Dạy cho biết cái chức-vụ thánh thần của mình ở cõi đời. Dạy cho biết chỉ chầu-tuần ở trong cõi gia-đình, tự coi mình như một bà giáo-chủ chốn đình-vi, như cái nguồn sống của con cái, như một cái kho nhân-từ bác-ái cho người nhà, như vị thần hộ-mệnh để yên-ủi nỗi lòng nỗi chí cho chồng.*

Đứa con ở gần cha mẹ đã tiếp-thụ được những cái tư-tưởng cao, những cái gương sáng-láng như thế, thì tự-nhiên là sẵn lòng hiếu-kính với cha mẹ. Tự-nhiên coi cha mẹ như tiêu-biểu cho thần-trí của Thượng-đế, hết lòng kính-yêu và hết sức báo-đáp lại cái công thương-yêu nuôi-nấng từ thuở nhỏ. Nhưng đạo Pythagore *lại dạy rằng dù cha mẹ có điều khuyết-điểm mà để cho con phải chịu đựng, thì những điều khuyết-điểm ấy không nên coi là sự bất-công của số-phận, mà nên coi là cái kết-quả trong lẽ tiền-định của mỗi người, vẫn là đích-đáng lắm, theo lẽ này thì đứa con sinh ra không phải là ngẫu-nhiên mà sinh ra đâu, chính là cái tiền-nghiệp đã định đáng phải sinh vào nơi nào thì sinh vào nơi đó vậy. Bởi thế nên ở trong gia-đình hoặc có khi xảy ra sự xung-khắc, hoặc có khi sinh ra nỗi bất-bình, thì không nên nổi lên kháng-cự với kẻ thân-thích của mình, mà phải gia-công gắng sức khuyên nối làm sao cho người ta tỏ-tường, những điều chếch-lệch thì sửa lại cho bằng-yên, mà cái thân-phận của người cũng mưu-tính cho được trọn-vẹn.*

Được như thế thì cảnh gia-đình hòa-thuận vui-vẻ biết dường nào. Người cha dạy-dỗ gây-dựng các con thấy như cái tinh-lực, cái uy đức của mình càng tăng-gia phấn-phát thêm lên, vì mỗi đứa con sinh ra là đem một cái khối sinh-lực phụ thêm vào cái kho chung cả gia-đình được hưởng vậy. Còn người mẹ thì không nên coi sự sinh-dục là một nỗi lo-lắng khó-nhọc cho mình, mà phải biết rằng trong khi bào-thai, trong khi bú-mớm cho con là cái sinh lực nó nảy-nở ra trong mình, vừa nảy-nở về đường vật-chất, vừa nảy-nở về đường tinh-thần, hình như cái khí thiêng sinh-hoạt, cái sức mạnh ái tinh chịu được của tạo-vật, của Thượng-đế chung-đúc cả ở mình mà truyền lại cho con mình vậy.

Sau nữa cái nguồn tiến-hóa phát ra ở chốn gia-đình rồi mới tràn khắp đến cả dân-tộc. Vì gia đình không có con-cái thì nòi-giống tất phải suy-đồi. Gia-đình không có tôn giáo thì trong nhà bất kính bất-hòa, thương luân bại-lý, tạo-thành ra những lớp người sẽ phải bại hoại khốn-cùng. Nhưng trái lại, nếu các gia-đình vừa có đông con, vừa có tôn-giáo như về đời văn-minh sắp toàn-thịnh, thì tạo-thành ra những dân-tộc có sinh-lực sung-mãn, và có nghị-lực cương-cường.

THỜ BÈ-BẠN

Người ta phải yêu mến kẻ đồng-loại với mình — Bè-bạn phải chọn lấy người thuần-lương đức-hạnh hơn cả. — *Dưới các nghĩa-vụ đối với gia-đình gia-tộc, thì cần-cấp nhất là các nghĩa-vụ đối với người ngoài, trước nhất là những người xứng-đáng hơn cả, đức-hạnh hơn cả. Cái tình-nghĩa đối với hạng người như thế gọi là bè-bạn.*

Như trên đã nói, thuộc về tình-nghĩa gia-tộc, thì người ta phải theo lẽ tất-nhiên, phải thừa-nhận chốn gia-đình do lẽ tiền-định xếp đặt cho mình, là cái hoàn-cảnh tốt đẹp nhất cho mình. Tình-nghĩa bạn-bè thì không thế, chính là ở cái ý-chí mình quyết-định. Đây là không phải thuận theo lẽ tiền-định, mà như lời PYTHAGORE *dạy, phải kén chọn, nghĩa là phải phân biệt kẻ hay người dở rồi phải giốc lòng thủy-chung với bạn.*

Vậy thì cái tên bạn đó không nên ban-phát cho mọi người. Không nên tặng cho những kẻ không có phẩm-giá, không có đức-hạnh. Nếu chỉ vì sự lợi-lộc nhất-thời về đường vật-chất mà cũng đem cái tên ấy ra mà mua-chuộc, thì thật là phạm tội hủy-hoại một cái vật đáng tôn-trọng vậy. Nay người thực có đức-hạnh, đủ làm gương cho đời, vẫn là ít có lắm, cho nên tình bạn-bè chân-chính cũng là một cái của hiếm-hoi và quí-báu vô-cùng. Tuy-nhiên, trong các đẳng-cấp trong xã-hội, vẫn có người đáng tình bè-bạn. Lắm khi người chất-phác chính-trực lại có tư-cách làm bạn hơn là kẻ vu-khúc hiểm-trở.

Người ta phải chọn bạn trong những kẻ hay kẻ khá hơn cả, cũng là theo cái lẽ trật-tự thiên-nhiên của vũ trụ. Vì rằng kẻ kém bao giờ cũng phải phục tòng kẻ hơn. Theo trật tự thiên nhiên thì chỉ người có tài-đức mới có oai-quyền.

Chọn bạn lại phải chọn người xứng-đáng nữa, vì ảnh-hưởng của thần-trí vẫn truyền-nhiễm được, cái hay truyền được thì cái dở cũng truyền được. Nói thế nghĩa là không nên thân gần những kẻ thần-trí bại-hoại, đức-hạnh khiếm khuyết, hay ghen-hờn giận-dữ, hay là chỉ có cái tính tiêu-cực vô-bổ, là những người động nói chỉ tỏ lòng ghen ghét, tỏ ý bi-quan, tỏ lời khích-bác vậy. Lại chơi với những kẻ cán-phẩn, thì tâm-thần mình tối-tăm đi, trí-tuệ mình eo-hẹp lại, cảm-tình mình khô-cạn đi, và tính-nết mình chua cay ra vậy.

Trái lại, chơi với người hiền-nhân quân-tử, thì trông gương người ta, nghe lời người ta, làm cho nâng cao tâm-trí mình lên, khiến cho mình có con mắt lạc-quan, và tấm lòng cương-quyết vậy.

Bạn khuyên-nhủ phải nghe lời, bạn chỉ-bảo phải theo gương. — *Vậy thì người mình đã chọn làm bạn phải là người có thể kính như thần-minh, có thể soi như gương sáng, đủ đạo-đức, chính-trực, nhân-từ, có thể làm thầy hướng-đạo cho đời mình, làm quan thẩm-phán cho việc mình vậy. Vì muốn học-tập cho hay hơn, muốn hiểu biết nghĩa-vụ mình, thì phải học-hỏi ở người nào tự mình đã có một cái chương-trình xử-thế cao-thượng và có đủ tư-cách thực-hành được chương-trình ấy.* Pythagore *lại có chỗ nói rằng : « Bạn mình là một mình nữa ở ngoài mình. Phải tôn-trọng bạn như thần-minh. Tình bè-bạn là nghĩa bình-đẳng điều-hòa. »*

Nhưng muốn được lòng tin một người bạn như thế, muốn xứng-đáng cái lòng tin ấy, thì phải quyết chí vâng lời bạn, theo gương bạn, nghĩa là nhiệt-thành kiên-nhẫn mà tu-thân tính-tiến vậy. Vậy thì chính tự mình phải ăn ở làm sao cho thành thật, ngay thẳng, tự-nhiên, thì mới có thể tìm được người bạn đích-đáng. Kẻ nào đem tiền của, đem ơn-huệ, đem cách chơi-bời khoái-lạc mà mua chuộc lấy bạn-bè, thì chẳng qua chỉ mua chuộc lấy một lũ siểm-du bạng-thực mà thôi. Gặp khi hoạn-nạn sa-sút, thì bạn liền biến mất. Mà chính lúc hoạn-nạn mới là lúc tình bè-bạn có thể tỏ ra rõ-rệt vậy.

Người bạn chân-chính thì biết rằng trong tình bè-bạn vẫn có nhiều nghĩa-vụ hơn quyền-lợi. Cho nên vẫn sẵn lòng trao ra mười phần để thu lấy một phần. Đã quen nhất-thiết trông cậy ở mình, thì chỉ khi nào hết phương-kế chủ-trương rồi, mới nhờ đến bạn giúp đỡ. Vì không gì hại cho tình bè-bạn bằng những sự phiền nhiễu nhau luôn vô ích. Người bạn chân-chính, thì mỗi khi tiếp chuyện nhau, tức là làm cho nhau vui-vẻ thêm, tin-yêu thêm lên vậy. Người nọ tấn-tới là bài học cho người kia, thời-thường tưởng-lệ khuyến-miễn cho nhau để càng thêm phấn-phát mà tiến lên, thực là cùng nhau cùng sinh-hoạt một cách đầy-đủ, cùng nhau cùng hỗn-hợp vào trong cái cảnh điều-hòa của Thượng-đế vậy.

(Còn nữa)

T.-C. *dịch*

Phong-cảnh Thượng-du Bắc-kỳ

Đánh cá ở hồ Mường-la (Sơn-la)

Mả người Thái

Kính ảnh Nguyễn Văn-Bao

Phong-cảnh Thượng-du Bắc-kỳ

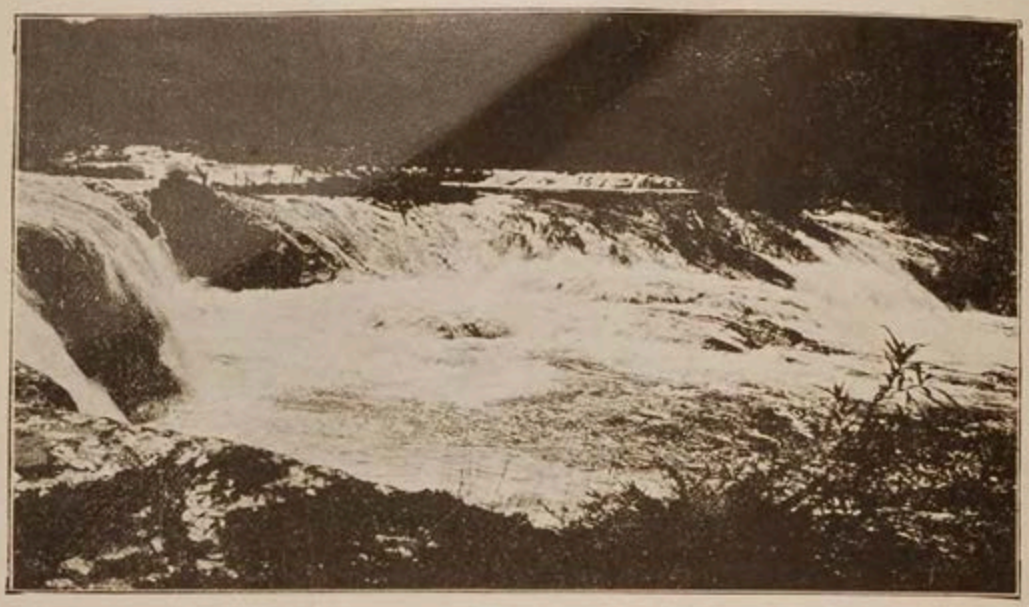

Thác Sập-việt (Mộc-châu)

Xe tát nước của người Thái (Sơn-la)

Kinh ảnh Nguyễn Văn-Bảo

LỊCH-SỬ VÀ SỰ-NGHIỆP

Tư-Mã Quang 司馬光 (1)

II

Khi vua Thần-tôn lên ngôi, quan Tham-tri-chính-sự Âu-Dương Tu 歐陽修 (2) dâng sớ tiến ông Quang là người đức-tính thuần-chính, học-thuật thông-minh, nói thẳng mưu hay, có tiếng ở hai triều trước. Nếu biết Quang mà không nói thì ra che người hiền giấu kẻ thiện, khiến cho cái đại-tiết trung với nước của Quang ẩn đi mà không rõ rệt. Nay tôi đã biết rõ, không dám chẳng tâu.

Thần-tôn nghe lời tâu, mới có ý dụng ông Quang, nhắc làm quan Hàn-lâm học-sĩ. Quang cố xin từ. Vua nói rằng: « Các bậc quân-tử đời xưa, hoặc học mà không có văn, hoặc văn mà không có học, duy có Đồng Trọng-Thư và Dương Hùng kiêm cả hai, nay ngươi cũng có cả văn-học, sao lại còn từ chối.» Ông từ không được. Năm sau, ông xin bổ ra làm quan ngoài. Vua không cho, nói rằng: « Không kỳ quân-tử hay là tiểu-nhân ai cũng biết khanh là người phương-chính. Lã Công Trứ có sang sứ Khiết-đan, chúa Khiết-đan cũng hỏi nghe có Tư-Mã Quang là người rất phương-chính, nay làm chức quan gì? Nhà ngươi ngoài Di-địch cũng biết tiếng, sao lại xin bổ ra ngoài? »

Vua Thần-tôn biết trọng ông như thế mà vẫn không hay đại-dụng, là tại Vương An-Thạch cố làm ngăn-trở. Khi bấy giờ tân-pháp đương thịnh-hành, thiên-hạ rối beng, mà vua Thần-tôn vẫn không biết. Tư-Mã-công thường nhân khi vào hầu đọc sách ở điện Nhĩ-anh, gặp việc gì hay tiến lời can, lũ Vương An-Thạch lấy làm ghét, thường khi tiến đọc sách sử *Thông-giám* đến chỗ truyện Tiêu Hà, Tào Tham nối nhau làm tướng, mà Tào Tham vẫn giữ theo phép cũ của Tiêu Hà không biến đổi, Tư-Mã-công nói: « Tào Tham không biến pháp là giữ được đạo thủ-thành, vậy nên đời vua Hiếu-Huệ và Cao-hậu, thiên-hạ yên-ổn, về đường y thực sinh-sản thực là thịnh-vượng » Vua nói: « Thế thì nhà Hán cứ giữ mãi cái phép của Tiêu Hà không biến đổi đi ư?» Quang thưa rằng: « Không những nhà Hán, nếu các vua đời Tam-đại mà cứ thường giữ mãi cái phép của vua Vũ, Thang, Văn, Võ, dẫu đến nay không đổi cũng được. Vua Vũ-đế nhà Hán nghe lời Trương Thang đem phép cũ của vua Cao-đế biến-đổi làm cho thêm nhiều, phép của tổ-tông đã lập ra không nên biến đổi.» Tư-Mã công chủ-trương đại-khái như thế.

Năm Nguyên-phong thứ ba, Hàn Kỳ dâng sớ lên luận cái hại về phép Thanh-miêu. Vua cảm-ngộ, muốn bãi bỏ cái phép ấy. Tháng hai, mới cho ông Quang làm Khu mật phó-sứ. Ông dâng sớ lên cố từ đến sáu bảy lần, nói rằng: « Nhà vua thực hay bãi bỏ tân-pháp, dẫu không dụng thần, thần cũng được đội ơn nhiều lắm. Nếu không thế, quyết không dám thụ-mệnh.» Song Vương An-Thạch thủy-chung vẫn không đi, phép Thanh-miêu vẫn không bãi, nên ông thủy-chung vẫn không thụ-mệnh

(1) Xem Nam-Phong số 147.

(2) Tên tự là Vĩnh-thúc, thụy là Văn-trung, người đất Lư-lăng tỉnh Giang-tây.

Tư-Mã-công đã từ chức Khu-mật phó-sứ rồi, danh-giá trọng nhất trong thiên-hạ. Hàn Ngụy-công là bậc nguyên-thần cựu-đức cũng lấy làm hâm-mộ lắm, khi ở bắc-môn có viết cái thư đưa cho ông Quang nói rằng : « Nghe chấp-sự vẫn để ý lo đến nhà tôn-xã kẻ sinh-linh, thường lấy lời nói thẳng khai-đạo cho vua nghe, cố từ chức Khu-mật, để mong vua cảm-động, cái lòng đại-trung đại-nghĩa, dầy khắp cả trời đất, hoành-tuyệt cả cổ-kim, tất cả người trong thiên-hạ đều thán-phục trông ngóng vô-cùng, không phải một ngòi bút tờ giấy mà kể ra hết được.»

Tư-Mã-công lại đưa thư cho Vương An-Thạch hai ba lần khai-dụ khẩn-thiết, mong rằng An-Thạch nghe lời mà đổi đi, và nói rằng : « Những người trung-tín tuy đương lúc ông cầm quyền có điều tử-ngữ đáng ghét, nhưng rồi về sau tất có điều đắc-lực cho ông ; còn cái người siểm-nịnh bây giờ dẫu có cái sướng rằng họ thuận theo, nhất-đán mà thất-thế, tất có kẻ nó bán rẻ ông đi đó.» Ý là ám-chỉ về Lã Huệ-Khanh. Thường khi ông Quang đối tân-khách vẫn nói rằng : « Đánh đổ họ Vương tất là Huệ-Khanh ! » Về sau sáu năm nữa quả-nhiên là Huệ-Khanh phản An-Thạch, bởi thế thiên-hạ đều phục ông Quang là tiên-tri.

Tư-Mã Quang lại thường đương mặt hỏi Vương An-Thạch rằng : « Giới-phủ (1) thi-hành tân-pháp, mà dẫn-dụng cả một lũ tiểu-nhân, hoặc kẻ ở ngôi thanh-yếu, hoặc kẻ làm chức Giám-tư, là cớ sao ? » An-Thạch nói : « Đương lúc bắt đầu thi-hành tân-pháp, các người cũ không chịu sốt-sắng thi-hành, nên phải dùng những người có tài-lực giỏi mới làm nổi, đợi sau khi tân-pháp đã làm thành rồi, thì sẽ đuổi họ về.» Tư-Mã-công nói : « Giới-phủ nói thế là lầm, người quân-tử tiến lên khó mà thoái dễ, kẻ tiểu-nhân thì khác thế. Nếu tiểu-nhân họ đã đắc-chí thì sao hay đuổi ngay đi được, tất thành ra cừu-địch, sau này rồi lại hối ! » An-Thạch nín lặng.

Tư-Mã-công thấy vẫn không bãi tân-pháp, tố-chí không được thỏa, uất-ức buồn rầu, bèn xin cáo, bãi chức Hàn-lâm học-sĩ, bổ ra tri Vĩnh hưng-quân, khi đến phó-nhiệm, dâng sớ xin tha cho tiền thuế thanh-miêu trợ-dịch, vua xuống chiếu không cho. Ông lại xin bổ ra chức Ngự-sử-đài, ty lưu-thủ ở Tây-kinh, chờ mãi không thấy báo tin, ông lại dâng sớ nói rằng : « Thần tiên-kiến không bằng Lã Hối 呂誨, công-trực không bằng Phạm Thuần-Nhân 范純仁 (2), Trình Hiệu 程顥(3), cảm-ngôn không bằng Tô Thức 蘇軾, Khổng Văn-Trọng 孔文仲 (4), dũng-quyết không bằng Phạm Trấn 范鎮, nếu tội thần cũng đồng-tội như Phạm Trấn, thì xin theo như lệ Trấn xin trí-sĩ. Nếu tội thần nặng hơn Trấn, thì xin hoặc đầy hoặc giết, cũng không dám trốn tránh.»

Thần-tôn vẫn muốn dụng Tư-Mã-công, triệu ông về trì Hứa-châu, cho được qua cửa khuyết lên điện chầu. Vua có hỏi quan Giám-sát - ngự-sử Trình Hiệu rằng:«Ngươi thử lượng xem Quang có chịu lại không ? » Hiệu thưa rằng : « Bệ-hạ nếu hay dụng lời nói

(1) Tên tự An-Thạch.

(2) Con ông Phạm Trọng-Yêm.

(3) Tên tự là Bá-thuần, người Hà-nam, hiệu là Minh-đạo tiên-sinh. Em là Di, tên tự là Chính-thúc, hiệu là Y-xuyên tiên-sinh.

(4) Tên tự là Kinh-phủ, người Lâm-giang, cùng với em là Võ-trọng, Bình-trọng, đều lấy văn học khởi-gia, đời hiệu là Giang-tây tam Khổng

thì Quang tất lại ; nếu không hay dụng lời nói thì Quang tất không lại.» Vua nói : «Không kể là có dụng lời nói hay không ; như Quang mà thường ở bên tả bên hữu ta, thì ta may được không lầm lỗi. » Sau Tư-Mã-công quả là từ-chối triều-mệnh, cố xin ở Ngự-sử-đài.

PHÊ-BÌNH. — *Tư-Mã Quang cùng với Vương An-Thạch vốn là bạn tố-giao, thường đem lời trung-cáo bảo cho, mà An-Thạch không tỉnh-ngộ, tình người chấp-ảo như thế là cùng. Chu tử thường bàn rằng : « An-Thạch lấy văn-chương tiết-hạnh hơn cả một đời, mà lại lấy đạo-đức kinh-tế làm trách-nhiệm mình, gặp đời vua Thần-tôn, làm đến ngôi tể-tướng, đời đương trông ngóng An-Thạch sắp đại-tác-vi, may ra lại trông thấy thịnh-trị như đời Nhi-đế đời Tam-vương. Ngờ đâu An-Thạch lại chỉ chăm chăm lấy việc tài-lợi binh-cách làm trước, dẫn-dụng những kẻ hung-tà, bài-sích hết người trung-trực, tính lại hay cường-táo trái-ngược nóng nảy, khiến người trong thiên-hạ xôn-xao cả lên, trong bụng đều chán-nản không muốn vui sống nữa. Kết-cục về sau mọi kẻ gian-tà nổi làm tàn-ngược, lưu-độc bốn bể, đến khoảng năm Sùng-ninh Tuyên-hòa (niên-hiệu Huy-tôn) thì họa-loạn tầm vậy »*

Lời bàn của Chu-tử như trên đó rất là bình-đoán ; An-Thạch thi-hành Tân-pháp, việc đó tuy rằng không phải, nhưng chẳng qua là kiến-thức một kẻ thư-sinh mà thôi, chứ không có cái bụng như Vương Mãng, Lư Kỷ ; chỉ vì những người chính-nhân đều không phụ-họa, nên mới dẫn-dụng hết bọn tiểu-nhân để làm phụ-tá, rất là làm lụy cho An-Thạch về thân-hậu. Cái lời luận của Tô Lão-toàn trỏ An-Thạch là làm ngộ thiên-hạ, đến đời vua Triết-tôn Huy-tôn mới thực là đại-nghiệm. Nếu An-Thạch mà hay sớm nghe lời Tư-Mã Quang, thì không những là may cho xã-tắc, mà cũng là may cho An-Thạch nữa.

Xưa nay không có pháp-luật nào đến trăm năm mà không đổi, cái lời Tư-Mã Quang thưa với Thần-tôn bảo rằng không nên biến pháp tổ-tôn, là chỉ vì An-Thạch mà nói, nói ra đều có thiết-đáng không nên câu-nệ. Tư-Mã Quang bình-sinh không ưa sách Mạnh-tử, *cho là ngụy-thư mới xuất-hiện ra từ đời Đông-Tấn, có làm một bài « Nghi Mạnh luận* 疑孟論 *». Đó cũng là nhất-thời thiên-kiến, không nên cứ theo đó vậy.*

Thần-tôn cho Tư-Mã Quang làm Khu-mật phó-sứ, ông cố từ bèn thôi. Sau có kẻ gièm ông Quang, Thần-tôn cũng không chuyển lòng, nói rằng : « Đã được mấy kẻ từ quan như Tư-Mã Quang. » Xem như câu nói ấy thì vua chẳng phải là không thâm-tri ông, mà thủy chung không hay dụng được ông, là sao vậy ?

∴

Tư-Mã Quang từ khi về ở đất Lạc, tuyệt-khẩu không bàn nói đến thời-sự nữa. Nguyên nhà Tống lấy đất Lạc-dương làm Tây-kinh, trong năm Hy-minh những bậc thanh-đức thạc-vọng trong triều ngoài dã đều tôn-trọng, mà đều lui về ở đất Lạc thì có quan đại-thần là Phú Trịnh-công (tên Bật) Hàn Ngụy-công (tên Kỳ), quan thị-tụng là Lã Thân-công ; kẻ sĩ-phu làm quan đến chức Khanh-giám, lấy là bậc thanh-đức cáo quan về sớm độ hơn mươi người, kẻ hiếu-học lạc-thiện mà có tiếng hạnh-nghĩa chừng hai-mươi người, những vị đức-tinh ấy đều quây-quần ở đất Lạc, mở ra vườn trại liền nhau, vui-vẻ lắm, thậm-chí người ta lấy đất Lạc-dương thịnh suy để nghiệm xem cuộc trị loạn trong thiên-hạ. Nay Tư-Mã Quang lại lui về ở đó, những kẻ hậu-sinh trong làng xóm đều cảm-hóa mà biết điều liêm-xỉ, muốn làm một sự gì đều bảo nhau rằng chớ làm điều bất-

thiện ngộ ông Tư-Mã Đoan-minh (1), và Thiệu tiên-sinh biết thì oan gia! Thiệu tiên-sinh tên là Ung hiệu là Khang-tiết. Khi bấy giờ tân-pháp đương thi-hành, kẻ ty-lại thúc-bách khiên-chế không thể làm được, có người dâng sớ hặc bác rồi cáo quan về. Thiệu Ung nói : « Đương lúc này là lúc người hiền-giả phải nên hết sức giúp đỡ, tân-pháp vẫn là nghiêm-ngặt thật, nhưng hay khoan được phần nào, thì dân được chịu nhờ ơn phần ấy, chứ hặc bác mà bỏ đi thì có ích gì. » Ấy cái tâm ông Thiệu muốn cứu dân cũng giống như ông Quang, nhưng cái tích thì hơi khác vậy.

Tư-Mã Quang ở Lạc-dương có mua hai mươi mẫu ruộng ở về phía bắc phường Tôn-hiền, mở ra làm vườn, gọi tên là vườn Độc-lạc 獨樂, nghĩa là vui một mình, tự thương rằng không được cùng vui với chúng vậy. Lại có dựng ra đường độc-thư, hiên lộng-thủy, am điếu-ngư, trai chủng-trúc, dàn thái-dược, đình thiêu-hoa, đài kiến-sơn, nhiều nơi thắng-cảnh, tự hiệu là Vu-tẩu 迂叟.

Tục đất Lạc-dương, cứ ngày xuân thì mở vườn cho người vào xem, kẻ canh vườn có được tiền trà-thang thì phải chia đôi với người chủ. Một hôm, kẻ canh vườn là Lã Trực đem nộp ông Quang mười nghìn đồng tiền, ông cho đem về, tên canh vườn hai ba lần muốn để lại ; ông Quang phát giận gạt đi, mới đem về, ngảnh lại mà nói rằng : « Để thường chỉ có cụ Đoan-minh là không hàm tiền mà thôi chăng. » Sau hơn mười ngày, thấy Lã Trực dựng ra một cái quán ở bên giếng, hỏi ra mới biết là tên ấy đem cái số tiền mười nghìn đồng hôm trước mà làm, chứ không chịu lấy, ấy cái đức ông Quang cảm-hóa đến kẻ bộc-lệ như thế.

Khi Tư-Mã Quang mới thiên đến ở nhà mới đất Lạc, một hôm đi bộ quanh ngoài tường thấy có cắm ngầm mấy chục cái chông bằng tre, hỏi ra thì người nhà bảo rằng đấy là cấm không cho người đi vào tường, và để phòng kẻ trộm. Quang bảo rằng : « Trong tủ ta có được là bao nhiêu tiền, vả lại kẻ trộm cũng là người, sao lại nỡ đem chông để phòng cấm. » Liền sai nhổ bỏ đi. Gặp khi túng thiếu, sai tên bếp già đem con ngựa vẫn cưỡi đi bán, ông lại dặn rằng : « Con ngựa ấy về tháng hè nó hay có bệnh phổi, nếu ai mua thì bảo cho người ta biết trước. » Tên bếp già cười thầm là ông thực-thà quá. Ấy cái bụng thành-thực của ông hiện ra các việc lặt-vặt như thế.

Ông Quang có một người anh tên là Đản, tên tự là Bá-khang, ở đất Hạ-huyện, khi Quang về ở đất Lạc nhân lúc rỗi hằng năm lại đến thăm hỏi, Bá-khang tuổi đã gần tám-mươi, ông Quang phụng-sự như bậc nghiêm-phụ, nâng giấc như kẻ anh nhi, mỗi bữa ăn chừng độ một lát thì lại hỏi rằng : « Anh đã đói chưa ? » Trời hơi lạnh thì lại đến vỗ lưng anh mà hỏi rằng : « Áo này mặc có mỏng lắm không ? »

Ông Quang nghĩ mình không được hành cái tố-chí, lui về ở đất Lạc, song vẫn chửa từng quên việc thiên-hạ. Tháng ba, năm Hy-ninh thứ bảy, vua lấy trong thiên hạ bị tai-hại hạn-hán hoàng-trùng, xuống chiếu cầu trực ngôn, Quang đọc tờ chiếu giỏ nước mắt, muốn uin lặng đi mà không nỡ, tháng tư, lại dâng sớ lên tâu rằng :

« Ngày nay khuyết-chính của triều-đình có sáu điều lớn mà thôi : 1°) Tán khắp tiền Thanh-miêu cho dân vay, khiến dân phải phụ-trái càng ngày càng nặng, mà huyện quan không được gì ; 2°) Miễn dịch cho các nhà thượng-hộ, mà

(1) Ông Quang có từng làm chức Đoan-minh-điện học-sĩ.

lại lấy tiền của kẻ hạ-hộ, để nuôi những người phú phiếm ; 3o) Đặt ty thị-dịch để buôn tranh lợi với kẻ tiểu-dân, mà thực là háo-tán mất quan-vật ; 4o) Trung-quốc chửa được trị an, mà đi xâm-nhiễu tứ-di, sở đắc ít mà sở thất nhiều ; 5o) Đoàn-kết dân binh làm bảo-giáp, dạy cho tập đồ hung-khí, để làm rối làm nhọc cho kẻ nông-dân ; 6o) Tin những lời kẻ cuồng-phỏng giảo-quyệt, cản khởi ra công việc thủy-lợi, nhọc dân phí của. Còn những việc lặt-vặt gạo muối, không kể hết ra cho Bệ hạ nghe được. »

Ít lâu có tờ chiếu xuống nói rằng tân-pháp đã thi-hành rồi, không thể động-lay được nữa. Ông Quang từ bấy giờ nín hơi lặng tiếng không nói gì đến thời-sự nữa. Năm thứ mười một, Văn-lộ-công là Ngạn-Bác lấy chức Thái-úy lưu-thủ Tây-đô, hâm-mộ cái hội Cửu-lão 九老會 của Bạch Lạc-Thiên khi xưa, mới lựa tất cả các quan Công, Khanh Đại-phu ở đất Lạc người nào niên cao đức thiệu, đều họp lại làm hội Kỳ-anh 耆英會. Ông Quang tuổi chưa đến bảy mươi, Văn-lộ-công vốn lấy làm trọng-vọng, viện theo cái việc cũ ông Địch Kiêm-Mô khi xưa cũng chưa đến bảy mươi mà được dự vào hội Cửu-lão đời Đường, nên ông Quang cũng được dự vào hội Kỳ-anh. Đất Lạc-dương vốn nhiều nơi danh-viên cổ-sái, có những danh-thắng thủy-trúc lâm-đình, nay lại có chư-lão râu mày bạc phơ, áo mũ tha thướt, mỗi khi họp-tập yến-tiệc, người trong kinh-đô đều đua nhau theo đi xem.

PHÊ-BÌNH — *Cái then máy chính-sự ở lại trong triều, mà cái thanh-nghị của kẻ sĩ-phu thì ở ngoài dã, tất ngoài dã có kẻ hiền-nhân thì lời thanh-nghị trong hơn triều-chỉ, trong triều với ngoài dã đôi bên vẫn đứng về cái địa-vị đối-đãi ngang nhau, kẻ chấp chính nếu muốn cậy quyền tạ thế để làm mọt nước ốm dân cũng có điều không dám làm. Đời vua Thần-tôn, đất Lạc-dương là nơi vực sâu bùi rậm kẻ sĩ-phu họp-tập, cũng như là đất Đông-lâm cuối đời Minh. Song bọn hiền-sĩ ở Đông-lâm tuy rằng thịnh, dã không cứu được ngày-vong cho nước, mà những kẻ danh sĩ đời ấy lại mắc phải cái vạ đảng-cố, thế thì cái đạo thực-thân thực-thế của bọn danh-sĩ ấy, không bằng các cụ chư-hiền ở Lạc-hạ nhiều lắm ! Trong vườn Độc-lạc của ông Quang, chứa sách đến năm nghìn quyển, tỉ với lúc ấy như những nhà ông Vương Nguyên-Thúc, Tống Tuyên-Hiến, Tất Văn-Giản, Tiền Mục-Phủ, đều chứa sách đến và vạn quyển, thì ông Quang chứa sách cũng chửa thấm vào đâu, song chứa sách cốt là hay đọc được sách, chứ không quí gì chứa cho nhiều, Triệu Phổ khi xưa chỉ học lấy nửa bộ Luận-ngữ mà đem ra trị được thiên-hạ, người khéo đọc sách phải nên bắt-chước như thế.*

Đứa giữ vườn Độc-lạc không thèm lấy mười ngnìn đồng tiền, thực là có người chủ ấy thì tất có đứa đầy-tớ ấy. Trong Suyết-canh-lục *có chép rằng : Nhà ông Quang có một tên đầy-tớ già đã ở hầu đến ba-mươi năm mà nó chỉ gọi ông Quang là thầy tú-tài Quân-thực. Nhân khi Tô Tử-Chiêm học-sĩ vào yết-kiến ông Quang, nghe tên đầy-tớ gọi thế mới bảo nó từ rầy không được gọi thế phải tôn gọi là quan lớn. Ngày hôm sau nó đổi gọi là : « Quan lớn Tham-tướng-công ». Ông Quang giật mình hỏi lại, nó thưa thực có người xui bảo. Ông Quang nói : Ta có đứa đầy-tớ thực-thà tốt thế mà bị phải Đông-pha xui bậy ! »*

. . .

Từ khi Tư-Mã Thiên 司馬遷 soạn sách *Sử ký* bắt đầu từ đời Ngũ-đế cho đến đời Tây-Hán ; sách của Ban Cố 班 về sau cũng phỏng theo cái thể *Sử-ký* của Tư-Mã Thiên, đều chép riêng

ra từng đời vua một, lại còn làm ra kỷ-truyện biên-chí, sách vở chữ nghĩa nhiều lắm, kẻ học-trò có khi đến suốt đời không xem hết được một lượt, huống-chi là ông vua. Song trước pho *Sử-ký* đã có thể sử *Xuân-thu*, sách *Xuân-thu* làm theo thể biên-niên, nghĩa là chép năm đứng đầu làm kinh, rồi chép việc luôn xuống dưới làm vĩ, đầu đuôi liền suốt một thể, thực là cái qui-củ tốt của nhà làm sử. Từ khi thể sách *sử* của Tư-Mã Thiên phát-hành ra, thì cái thể sử biên-niên không ai làm tục thêm nữa, thành ra trong sử-học thiếu mất một loại sách ấy.

Sau khi sử biên-niên của Khổng-tử là sách *Xuân-thu*, lại mới tục-thành một thể sử biên-niên trong 1362 năm, đời sau không ai dám lăng-tổn một chữ gì, các nhà làm sử đều phải theo cái thành-qui ấy, cùng tịnh-hành với chính-sử, chính là pho sử *Tư-trị thông-giám* 資治通鑑 của Tư-Mã Quang khởi-thủy ra vậy.

Khi ông Quang ở kinh, sáu lần nhậm chức những-quan không có biểu-hiện được điều gì. Đời vua Anh-tôn năm thứ ba, vua sai ông Quang biên-tập sự-tích vua tôi lịch-đại, ông Quang nói không gì bằng tục theo thể sử biên-niên sách *Xuân thu* mà làm, mới bắt đầu đặt ra phàm-lệ, Lưu Thứ 劉恕, Triệu Quân-Tích 趙君錫 (1) làm trợ-bút, sau lại cử Phạm Tổ Vũ 范祖禹 làm trợ-bút nữa. Lúc mới biên-tập chưa thoát-cảo thì đặt tên là : « *Thông-chí* 通志 », vua Thần-tôn đã lấy làm trọng, thường giục làm cho chóng xong trọn bộ ; lại ban cho sách cũ ở Dĩnh-đề hai nghìn bốn trăm quyển. Năm Nguyên-phong thứ bảy, biên-tập xong, tâu biểu dâng lên, Thần-tôn bèn đổi đặt tên là : « *Tư-trị thông-giám* 資治通鑑 » lại làm bài tựa ban cho, và dụ bảo kẻ phục-thần rằng : « Các đời trước kia chửa từng có sách này, hơn sách *Hán-kỷ* của Tuân Duyệt nhiều lắm ! » Thăng thiên ông Quang lên làm chức Tư-chính-điện học-sĩ, giáng tờ chiếu-dụ khen.

Cái thể-tài về sách *Tư-trị thông-giám*, và cái ý ông Quang muốn mượn việc trước để qui-châm thời-chính, đủ hết cả ở trong bài biểu tiến-thư. Nguyên-văn bài biểu dịch như sau.

« Trộm nghĩ thần tính-thức ngu-lỗ, học-thuật hoang-sơ, phàm trăm việc lâm đều kém người cả. Duy về những sách sử đời trước cũng có hết lòng xem xét, từ trẻ đến già ham thích không chán, vẫn thường lo nghĩ sách sử từ đời Thiên 遷, Cố 固 soạn tập để lại, văn-tự nhiều lắm, thần không biết tự-lượng thường muốn san-tước những chỗ những-trường, loát-thủ những điều cơ-yếu, chuyên lấy những việc có quan-hệ đến quốc-gia hưng-suy, sinh-dân hưu thích, thiện khả làm phép, ác khả làm răn, biên-tập lại làm một thể sách biên-niên, khiến cho trước sau có thứ tự, tinh thô không lẫn lộn, song tư-gia sức bạc, không thể làm thành được.

« May gặp Anh-tôn hoàng-đế, bẩm tính trí-tuệ, phu trị văn-minh, mới xuống chiếu cho hạ-thần, biên-tập sách sử lịch-đại, sách chưa kịp tiến-lãm, tiên-đế đã vội bỏ quần-thần. Bệ-hạ nối chịu đại-thống, kính thừa tiên-chí, ban ơn cho bài tựa, lại đặt cho tên sách mới, mỗi khi khai kinh-diên, thường sai đem ra tiến đọc. Thần tuy ngu-độn, đội ơn lưỡng-triều tri-ngộ, rất hậu như thế, dẫu giết thân mất đầu cũng chửa đủ báo-đáp, vậy phải nghiên-tinh đán-tứ, đem hết những điều sở-đắc mà làm, sức ngày làm không đủ lại phải xem xét cả đêm, duyệt khắp các cựu-sử, nhặt cả sách tiểu-thuyết, sách

(1) Quân Tích vì có tang cha cáo-từ, sau lại cử Thái-thường bác-sĩ là Lưu Ban vào thay.

vở tích đầy man - mác như bể, nhặt nhạnh những điều u-ẩn, so-sánh tính từng hào-ly, bắt đầu chép từ đời Chiến-quốc, dưới đến đời Ngũ-đại, phàm 1362 năm, biên-tập thành 294 quyển. Lại lược ghi các mục, chép năm lên trên làm kinh, ghi việc nước ở dưới làm vĩ, để cho đủ kiểm xét, thành ra ba-mươi quyển mục-lục; lại tham-khảo các sách cho tường những chỗ dị-đồng, khiến qui về một đường cả, làm thành ba-mươi quyển khảo-dị, hợp tất cả lại là 354 quyển. Từ năm Trị-bình mở ra cuộc tu-sử, đến nay mới thành, trải qua năm tháng chậm trễ, cũng có chỗ đề-ngộ trái nhau, không thể giữ hết được. Lại nghĩ thần xa cách khuyết-đình, đã mười lăm năm, tuy thân ở ngoài, mà tấm lòng khu-khu sớm tối thức nhắp, vẫn thường ở bên tả hữu Bệ-hạ. Chỉ vì tài hèn không thi-thố gì nên việc, nên mới chuyên về việc trước-thuật, may ra hết sức quyên-ai, mong chút đền ơn hải-nhạc, tinh-lực của thần hết ở sách này, cúi xin Bệ-hạ khoan cho cái tội vọng-tác, xét cho tấm lòng tận-trung, nhân lúc thanh-nhàn, thường đem ra ngự-lãm, xét sự hưng-suy đời trước, khảo việc đắc thất đời nay, khen người thiện thương kẻ ác, lấy điều phải bỏ điều trái, thì thần dẫu vùi xương dưới cửu-tuyền, chí-nguyện cũng thỏa vậy! »

Đương lúc ông Quang tu-soạn sách sử, vua cho được quyền tự tuyển thuộc-quan, đặt cuộc tu-sử ở điện Sùng-văn, và cho mượn sách vở ở gác Long-đồ, gác Thiên-chương và Tam-quán-bí-các. Trong nội-phủ thời-thường ban cho bút mực lụa là và tiền ngự-ban để cung-cấp về tiền quả-phẩm. Triều vua Thần-tôn, Vương An-Thạch đương việc nước, ông Quang thường dâng sớ lên chỉ-trích tân-pháp làm nhiễu-dân, kẻ tiểu-nhân muốn tìm kế làm hại, nhưng mà hạnh-nghĩa ông không có điều gì đáng chỉ-nghị được, mới bịa ra lời nói phao bảo rằng sách sử sở-dĩ lâu mãi không làm xong, là bởi người trong thư-cục chỉ lợi về trong Thượng-phương ngự-phủ thường ban cho bút mực lụa là và kim-tiền quả nhị, nên mới kéo dài ra đó mà thôi. Lấy điều ấy mà chỉ-nghị ông Quang thực là trò trẻ con, và lại càng tỏ ra rằng kẻ tiểu-nhân muốn làm hại người quân-tử, không điều gì là nó chẳng bịa-đặt ra vậy.

Ông Quang thường tiến đọc sách *Tư-trị thông-giám*, đến chỗ bài sớ của Giả Sơn đời Hán, nhân nói về việc theo lời can là tốt, cự lời can là tai-vạ. Vua nói rằng: « Vương An-Thạch không thích gì quan-chức, mà tự-phụng cũng kiệm-bạc, khá rằng hiền đấy chứ? » Quang nói: « An-Thạch là người hiền thực, nhưng tính không hiểu việc mà lại hay phức-giản, ấy là điều kém vậy. Vả lại không nên tin dùng Lã Huệ-Khanh, Huệ-Khanh là kẻ gian-tà mà làm mưu-chủ cho An-Thạch, vậy nên thiên-hạ người ta đều trỏ An-Thạch là gian-tà. » Lại đọc đến chỗ Trương Thích-Chi luận kẻ sắc-phu liến miệng, Quang nhân thể nói luôn rằng: « Vì thế đức Khổng-tử mới ghét kẻ liến-miệng hay làm đổ nhà-nước. Ôi kẻ liến miệng sao lại hay làm đổ nhà-nước được, vì kẻ ấy hay lấy điều phải làm trái, hay lấy điều trái làm phải, ông vua nếu đều cho làm phải mà nghe theo, thì nước nghiêng đổ cũng chẳng khó gì vậy. » Khi ấy có mặt Lã Huệ-Khanh cũng ngồi ở đó, ông Quang nói thế là ý trỏ về Huệ-Khanh vậy.

PHÊ-BÌNH.— *Khi Vương An-Thạch đương việc nước, thì Tư-Mã Ôn-công ở đất Lạc, làm sách* Tư-trị thông-giám, *vua Thần-tôn cho được đem theo thư-cục đến đó mà làm, thế thì vua thực là sủng-nhiệm ông Quang lắm vậy, thế mà vẫn không hay bài An-Thạch đi mà dùng ông Quang. Khi làm xong sách*

Thông-giám rồi, ông Quang đã sáu-mươi-sáu tuổi, vãn-cảnh được bao, ơn vua chửa báo, một niềm trung-ái chỉ đem kỳ-thác cả vào trong bộ sách sử ; gặp khi tiến đọc, lại mượn truyện cổ để soi truyện kim, tùy việc tiến lời châm-qui, ở dưới nghìn năm còn tưởng-tượng thấy cái tâm ông vậy. Khi ông Quang làm sách Thông-giám chửa xong, lời sám-bảng phao ồn cả lên, ông phải gia nghiêm trình-hạn, gạt bớt việc những, thúc giục làm cho xong, bài tiến-thư biểu có câu rằng : « Sức ngày làm không đủ lại phải xem xét cả đêm, sách vở tích đầy man-mác như bể, cũng có chỗ đề-ngộ trái nhau, không thể giữ hết được. » Nay đọc lại xem thì thấy trong sách chép từ chỗ đời Đường cho đến đời Ngũ-đại, cóp nhặt lấy cũng hơi bộn, mà ngày tháng cũng có hơi sai, đều là bởi thế vậy.

Sách Thông-giám cóp nhặt tài-liệu phần nhiều lấy ở ngoài chính-sử, lại hay xét những chỗ dị đồng của các sách sử, mà tài-chính lại. Người trước có nói rằng chỉ đay sách Thông-giám này chép việc thêm nhiều hơn trước, mà văn lại rút bớt hơn cũ. Sách Cương-mục 綱目 của Chu Văn-công, tuy rằng nhân theo sách của Ôn-công không có thêm nhiều, mà nghĩa lệ thì rất là cẩn-nghiêm, cũng thành ra thể sách một nhà. Còn như người đời Minh là Tiết Phương-Sơn 薛方山 có làm ra sách Tục Thông-giám, mà về lịch-sử bốn đời Tống, Liêu, Kim, Nguyên đều không hay tìm được những điều yếu-lĩnh, huống chi lại còn những việc ở ngoài chính-sử. Sách của Ôn-công nhặt được nhiều lời cách-ngôn, khiến cho người dễ nhớ, không phải chỉ là lấy nghe nhớ làm bác học vậy. Đời sau các nhà làm sử, đã không có học như Ôn-công, không đủ sách Tam-quán, lại không được Lưu Thử, Phạm Tô-Vũ giúp việc thảo-luận, mà muốn thành được một pho lương-sử một đời, há chẳng khó lắm thay!

Ngoài bản sử ra lại còn có sách Khảo-dị sách Mục-lục đều riêng ra một sách. Sách Tư-trị thông-giám, trước còn có bài thích văn của Sử Chiếu, nay thì thông-hành chỉ theo bản chú của Hồ Tam-Tỉnh. Hồ-thị có xét kể những người làm sách sử Thông-giám, bảo rằng đoạn Hán-sử thì Lưu Ban ; từ đời Tam-quốc cho đến Nam-bắc-triều thì Lưu Thử, Phạm Tô-Vũ thì làm đoạn Tống-sử. Nay đọc cái tờ thiếp của Ôn-công đưa cho Thuần-phu, mới biết lời Hồ thị là không phải. Tờ thiếp rằng: « Nay nếu làm sử trường-biên mà làm từ lúc vua Đường Cao-tổ mới khởi binh cho đến đời Ai-đế truyền ngôi thì thôi, còn những việc từ lúc khởi binh trở về trước, truyền ngôi trở về sau, còn thấy ghi ở trong sách ngày nay, cũng xin sai người viết sử lục riêng ra một tờ giấy thảo khác, cứ mỗi một việc lại để cách ra một hàng cho tiện lúc cắt dán. Còn từ đời Tùy trở về trước thì để cho Cống-Phủ làm, đời Lương trở về sau thì để cho Đạo-Nguyên làm, rồi đều hợp lại làm pho trường-biên, vì hai ông Cống-Phủ, Đạo-Nguyên không được xem xét đến những đoạn sử ấy, nếu nay tức-hạ chỉ làm biên-lục những việc từ năm Võ-đức trở về sau, thì những sự-tích ấy thành ra bỏ sót mất cả. » Xem như lời nói ấy thì ra Cống-Phủ biên-tập làm từ đời Hán cho đến đời Tùy, mà Đạo-Nguyên thì biên-tập về đời Ngũ-đại ; ông Quang bình-nhật rất là tâm phục Đạo-Nguyên, phàm nghĩa lệ suốt cả bộ sách Sử đều cùng bàn định với Đạo-Nguyên cả.

∴

Năm Nguyên-phong thứ tám, Tư-Mã Quang ở đất Lạc đã mười lăm năm, xuân-thu đã 67 tuổi. Tháng ba, vua Thần-tôn mất, Triết-tôn lên nối ngôi, tuổi còn trẻ, bà Thái-hoàng-thái-hậu Cao-thị cùng ra nghe xét việc chính

Ông Quang nghe có những ông Tôn Cố 孫固, Hàn Duy 韓維 đều họp cả ở dưới cửa khuyết. Khi ấy Trình Hiệu 程顥 ở đất Lạc, cũng khuyên ông nên đi vào chầu vua, Quang mới đi vào cửa khuyết, những kẻ vệ-sĩ trông thấy ông đi vào, đều chắp tay giơ lên trán mà rằng: « Tư-Mã tướng-công đấy! » Nhân-dân đón đường hô lên rằng: « Xin ông đừng về đất Lạc, lưu ở đây làm tướng giúp thiên-tử để cho trăm họ được nhờ! » Đi đến đâu có đến vài nghìn người xúm quanh lại xem.

Bà Thái-hoàng-thái-hậu sai quan sứ ra thăm hỏi ủy-lạo ông Quang và hỏi nay nên làm việc gì trước? Quang nói: « Mấy năm gần đây kẻ sĩ-phu đều kiêng sợ không ai dám lấy lời nói can-ngăn, chốn lư-diêm sầu-khổ ở dưới, mà người trên không biết; đấng minh-chủ ưu-cần ở trên, mà kẻ dưới không biết kêu vào đâu, đó là tội tại kẻ quần-thần, mà kẻ ngu-dân vô-tri lại cứ qui-oán về đấng tiên-đế, vậy xin xuống tờ chiếu trước nhất rộng mở đường ngôn-luận. »

Ông Quang khi cuối năm Nguyên-phong vào chốn kinh-sư, người chốn kinh-đô chen chân nhau đi xem đều tôn gọi là tướng-công, đến nỗi ngựa ông không thể đi lên được. Khi ông Quang vào yết-kiến một vị thủ-tướng ở nhà riêng, người hàng phố đến leo cả lên cây, đứng cả lên nóc nhà để dòm xem, lính ra ngăn trở thì họ bảo rằng: « Ta không phải là dòm quan lớn nhà anh, ta chỉ muốn biết cái phong-thái của Tư-Mã-công mà thôi. » Lính thét mắng cũng không lui xuống, đến nỗi vỡ cả ngói, gẫy cả cành cây, sao mà đắc nhân-tâm đến như thế.

Ông Quang dâng sớ lên nói cái hại về tân-pháp rằng:

« Đấng tiên-đế cố-gắng tinh-thần về việc chính-trị, mong cho được thái-bình; không may gặp cái người ủy-nhiệm không đủ xứng được thánh-chí, phần nhiều lấy ý mình khinh đổi phép cũ, đặt ra tân-pháp. Những kẻ bày-tôi ngoài biên-thùy hay làm sự nguy-hiểm để cầu may, khinh động can-qua sâu vào đất giặc. Lại còn kẻ bày-tôi sinh-sự bàn đặt ra phép bảo-giáp 保甲, hộ-mã 戶馬, bảo-mã 保馬 để giúp cho việc võ-bị; biến-đổi những phép thuế trà thuế muối thuế lò sắt để thêm thuế các nhà nghiệp-chủ; lại sâm lấy tiền thuế các cửa hàng buôn để cấp cho quân-lương, phàm những việc ấy đều không phải bản-ý đấng tiên-đế cả.

« Nay đấng tiên-đế thăng-hà, tôi bôn-tang đến chốn kinh-đô, đội ơn đức Thái-hoàng-thái-hậu bệ-hạ sai quan Trung-sứ, hỏi lấy sự đắc-thất; rồi lại nghe có tờ chiếu-chỉ bãi những phu-dịch đắp thành, triệt bỏ quân đi tuần-phòng, bãi những việc công-tác ở Ngự-tiền, sích-thoái những kẻ cận tập vô công-trạng; sức răn những kẻ hữu-ty phụng-pháp làm thất-đáng để đến quá phiền-nhiễu; bãi những trường bán hóa-vật, và các nhà dân phải nuôi hộ-mã cũng bãi đi, lại khoan cho cái niên-hạn bảo mã; người bốn phương nghe thấy thế đều cổ-vũ ca-tụng thánh-đức. Cái tệ của tân-pháp, người trong thiên-hạ không kỳ kẻ sang hèn ngu trí đều biết cả, thế cho nên Bệ-hạ hơi đổi đi một tí, thì xa gần đều mừng cả. Nhưng hãy còn có điều bệnh dân hại nước, có hại mà vô-ích như là phép bảo-giáp và phép miễn-dịch bắt dân nộp tiền cho quan, đều là những việc cần ngày nay trước phải nên cách-bãi đi vậy. »

Vua Triết-tôn khởi-phục ông Quang cho ra trị Trấn-châu, (nay là huyện Hoài-dương Hà-nam). Khi ấy vua còn ít tuổi, Thái-hoàng thái hậu ra ngự chính, quyết ý dùng ông Quang, giáng tờ trát ngự-tiền cho đi giục ông vào tới Khuyết-đình, sai sứ đi ủy-lạo thăm

hỏi ông luôn như mắc cửi. Khi ông vào đến kinh, cho làm chức Môn-hạ thị-lang, ông cố từ mãi. Anh là Dán mới dẫn đại-nghĩa bảo rằng : « Sinh-bình học đạo Nghiêu Thuấn để ra giúp vua ; nay chính là lúc nên ra mà bỏ đi, thì không phải là chính-nghĩa tiến-thoái.» Ông Quang nghe lời mời phiên-nhiên ra nhậm chức.

Khi ấy Tô Thức 蘇軾 ở Đăng-châu cũng được triệu về kinh, đi qua chỗ nào, đều thấy nhân-dân họp lại gọi nhau bảo rằng : « Xin gửi lời tạ ơn Tư-Mã tướng-công, xin ngài chớ bỏ triều-đình, trân-trọng lấy mình để cho chúng tôi được trông cậy. » Suốt dọc đường đến hơn nghìn dặm cứ thấy dân hoan-hô như thế mãi không dứt.

Khi ấy ông có cái thư đưa cho cháu điệt rằng :

« Gần đây ta được đội ơn thánh-thượng, cho làm chức Môn-hạ thị-lang, cả triều nhiều người ghét, mà mình lấy là kẻ ngu-trực sen ở vào đó, khác gì như cái lá đã vàng úa mà ở trong cơn gió dữ, được bao lâu mà chẳng rụng. Vậy nên từ khi thụ-mệnh đến giờ, chỉ có sợ chứ không mừng, lũ ngươi nên biết cái ý ấy. »

Khi bấy giờ có tờ chiếu xuống cầu trực-ngôn, các quan đại-thần có người lấy làm không tiện, đặt ra sáu câu nói rằng : « Nếu kẻ nào có bụng ngầm mà nói phạm đến không phải phận mình nói, hoặc là làm lay động đến việc cơ-sự trọng-yếu, hoặc là dua-hợp cái lệnh đã thi-hành, trên để mong ơn tiến-đạt, dưới để huyễn-hoặc kẻ lưu-tục, nếu như thế thì phạt không tha ! » Quang nói rằng : « Nếu nói như thế thì không phải là cầu-gián, là cự-gián mất rồi, kẻ nhân-thần không nói thì chớ, nếu nói ra thì phạm vào sáu câu ấy rồi. » Xuống chiếu đổi bỏ những câu ấy đi, vì thế kẻ dâng phong-sớ lên tâu việc có đến hàng nghìn.

Khi bấy giờ dân trong thiên-hạ đương ngóng cổ để chờ xem tân-chính, mà triều nghị có kẻ bảo rằng cứ lẽ thì trong ba năm con không nên vội thay đổi cái đạo của cha, chỉ muốn cất nhắc qua những việc lặt-vặt làm cho tắc nhân-khẩu mà thôi. Ông Quang nói rằng : « Phàm phép-tắc của đấng tiên đế, những điều nào hay thì dẫu trăm đời không biến đổi cũng được. Còn như những phép của Vương An-Thạch, Lã Huệ-Khanh đặt ra để di-hoạn cho thiên-hạ, thì phải cải-cách ngay đi, cũng như là chữa cháy vớt kẻ chết đuối. Huống-chi đức Thái-hoàng thái-hậu là lấy quyền mẹ mà đổi pháp-chính của con, chớ không phải là con đổi đạo cha vậy. » Chúng-nghị mới định.

Tư Mã-công đã đổi bỏ tân-pháp, hoặc có người bảo ông rằng : « Các cựu-thần đời Nguyên-phong như là lũ Chương Đôn, Lã Huệ-Khanh đều là kẻ tiểu-nhân, hoặc một ngày kia nó lấy cái ý cha con nó nói phản-gián đến tai vua, thì sợ lại khởi ra cái vạ bè-đảng, cũng nên lấy làm lo ngại! » Ông Quang chính-sắc mà rằng : « Trời nếu còn tựa nhà Tống thì tất không có việc ấy.»

Phê-bình. — *Trương Nam-hiên thường bàn về cái lời nói của Tư-Mã-công đáp lại người khách có nói rằng : « Nếu như người khác trả lời thì tất nói rằng : « Nếu hay làm lợi cho xã-tắc, thì chẳng sợ gì cả. » Đáp lại như thế cũng phải, nhưng Tư-Mã-công lại đáp rằng : « Trời nếu tựa nhà Tống thì tất không có việc ấy. » Nói như thế thì ra không kể gì lợi hại một mình, khả tưởng biết ông lúc bình-sinh có công hàm-dưỡng, nên lúc lâm-sự phát ra lời nói mới hay trúng-lý như thế ; tuy đến bậc thánh-nhân cũng chẳng qua đáp lại như thế mà thôi, cũng đã học gần đến cõi thánh vậy.*

Triều chuyên-chế thì lệ tại hay ứng-tắc đường ngôn-luận, nếu đường ngôn

luận cho khai-thông thì hết cái tệ ủng-tắc. Nước dân-chủ thì vạn-cơ đều quyết ở công-luận, ngoài nghị-viện ra lại còn có báo-quán làm cơ-quan cho công-luận nhân-dân, cái tệ ủng-tắc có thể tuyệt đi được. Nhưng mỗi người đều có ý riêng, phải trái khó đoán, xưa kia vì đoạn-tuyệt ngôn-lộ nên mới ủng-tắc, nay lại vì khai-thông ngôn-lộ mà thành ra ủng-tắc, ngôn-luận càng nhiều thì người nghe lại càng khó vậy.

Cuối năm vua Thần-tôn, Vương An-Thạch tuy bãi tướng, nhưng mà bọn đồ-đảng như Sái Sác, Chương Đôn, Hàn Chấn, Trương Tảo vẫn còn cầm giữ triều-cương. Tư-Mã Ôn-công mới được tiến-dụng, còn phải chu-toàn ở trong bọn tiểu-nhân; thế mà ông chẳng kiêng sợ gì cả, cứ nghị-nhiên xin khai ngôn-lộ, bãi tân-pháp, như là mặt trời buổi sớm mới lên, mây mù đều tan, thì khoái-ý biết là chừng nào! Nhưng phá tường thành đào nền xã, vốn không có hằn-thù gì với giống cáo giống chuột, nhưng mà giống cáo giống chuột vì cái cớ mất chốn bằng-y, thì nó tất là căm giận đào-đề. Nếu không phải người danh-vọng như ông thì không hay làm khuếch-thanh đi được; và không phải trung-dũng như ông, thì không có cái lòng kiên-quyết như thế.

∴

Tháng giêng, năm Nguyên-hựu nguyên-niên đời vua Triết-tôn, ông Quang mới phải bệnh. Trước kia mùa thu năm Nguyên-phong thứ năm, ông Quang còn ở đất Lạc có mắc cái chứng khó nói, đã nghi là trúng-phong, có làm bài di-biểu sẵn kể hết ý cảm-khái, tay viết lấy niêm-phong để trong chỗ nằm, có dặn con rằng: « Ta chết rồi thì đưa tờ biểu này trao cho Phạm Thuần-Nhân, Phạm Tô-Vũ dâng lên vua. » Sau ông lại khỏi, nay ông vào làm tướng chửa được bao lâu, mà tướng-tinh đã vội sa mất, tiếc thay! Nếu trời để cho sống ít năm nữa, thì sau này nhà Tống sao đến có cái vạ mất nước phải chạy sang Nam-độ.

Ông tuy rằng mắc bệnh mà lúc nào vẫn không quên việc thiên-hạ; khi bấy giờ cái phép thanh-miêu, miễn-dịch phải nộp tiền cho quan vẫn hãy còn, và cái nghị xử-trí rợ Tây-nhung chưa quyết, ông có than rằng: « Bốn cái hại ấy chưa trừ đi được, thì ta chết cũng không nhắm mắt được! » Ông có viết tờ thư đưa cho Lã Công-Trứ 呂公著 nói rằng: « Quang này lấy thân giao cho thầy thuốc, lấy việc nhà giao-phó cho con ngu, duy còn quốc-sự thì chửa biết phó-thác cho ai, nay xin giao-phó cho ông đấy. » Tư-Mã-công tuy đau mà vẫn cố gượng dâng sớ lên luận năm cái hại về phép miễn-dịch, xin thẳng giáng tờ sắc bãi bỏ đi, lại theo dụng phép cũ từ năm Hy-ninh trở về trước. Vua lập-tức xuống chiếu thi-hành. Lại bàn đến việc rợ Tây-nhung, đại-lược cho cái kế hòa-nhung là hơn, mà dụng-binh là không phải. Khi bấy giờ nhiều kẻ dị-nghị lắm, mà ông Quang vẫn cố giữ cái thuyết ấy rất kiên-quyết.

Tháng hai nhuận, ông Quang lại tiếp tờ chiếu cho làm Thượng-thư tả-bộc-xạ. Bệnh ông đã hơi giãn, sắp ra coi việc, lại có tờ chiếu cho miễn vào triều-cận, cho được ba ngày một lần đi kiệu vào chốn đô-đường, hoặc là đến Môn-hạ-thượng-thư-sảnh, nhưng ông vẫn không dám thế, nói rằng: « Ta chửa vào bái-kiến vua, không dám ra coi việc. » Lại có tờ chiếu cho ông đi kiệu vào đến cửa nội-đông-môn, cho con là Khang đỡ vào tấu-đối trong tiểu-điện, và truyền cho không phải lạy. Ông Quang sợ hãi, vào tấu-đối trong điện Diên-hòa vẫn làm lễ tái-bái, tâu bãi bỏ tiền thanh-miêu, chuyên làm theo cái phép thường-bình đong bán.

Khi ông Quang làm tướng, người nước Liêu nghe tin, răn bảo kẻ biên-

lại rằng : « Trong Trung-quốc đã cho Tư-Mã-công làm tướng rồi đấy ! Chớ có sinh sự khai ra hấn-khích ngoài biên.» Ông Quang có tự tay viết bằng yết ra ngoài buồng khách rằng :

« Các ngài đến thăm tôi nếu có biết những điều triều-chính di-khuyết, dân-gian tật-khổ mà muốn trung-cáo, thì xin cứ làm tờ tâu lên triều-đình, Quang này sẽ được cùng với các quan đồng-liêu cùng thương-nghị, chọn điều nào nên làm sẽ tiến-trình lên phụng-chỉ thi-hành. Nếu chỉ đưa thư riêng mách bảo cho tôi thì không có bổ-ích gì. Quang này nếu có điều lầm-lỗi, mà muốn răn bảo cũ-chính cho, thì xin cứ viết thư niêm-phong giao cho kẻ tơ-lại đưa vào, để cho Quang này được biết tự xét mình, cảm-phục đổi lỗi đi. Còn những việc chỉnh-đốn sai-khiến quan-chức, xét hỏi tội-danh, có can-hệ đến việc mình, thì xin cứ đưa thẳng tờ trạng vào triều, Quang này sẽ được cùng với các quan triều-sảnh công-nghị thi-hành. Còn như có bụng đến thăm nhà riêng, xin chớ nói đến những việc ấy. Quang tái-bái, cẩn-bạch.»

Ông đối với tân-khách, không cứ gì người hiền ngu trưởng ấu, hễ có việc gì còn nghi-ngờ thì đem ra hỏi-han, có đóng mấy quyển sổ thường để ở chỗ ngồi, nếu hỏi được điều gì khả-thủ, thì tay ghi chép liền, hoặc đối trước mặt người khách cũng ghi-chép lấy ngay, vẫn thường như thế.

Ông Quang thấy vua nghe theo lời nói và kế-sách của mình, nên muốn đem thân ra hết sức giúp xã-tắc, mình thân làm mọi việc cả ngày cả đêm. Các tân-khách thấy ông thân-thể gầy yếu, mới đem cái chuyện ông Gia-Cát Lượng thực thiểu sự phiền nói ra để can-ngăn ông. Ông nói rằng : «Việc sống chết có mệnh.» Ông lại cứ cố-gắng làm việc, vài tháng lại đau, đến lúc mất mà vẫn không tự-biết, trong lúc mơ-màng vẫn cứ nói sáng-sắc đều là việc triều-đình thiên-hạ cả.

Tháng chín, mồng một ngày bính-thìn, Tư-Mã Quang mất, thọ 68 tuổi. Bà Thái hoàng thái-hậu nghe tin thương cảm, liền cùng vua ra ngự thăm, truy-tặng cho ông chức Thái-sư Ôn-quốc-công, đưa lễ tụy cho bộ áo nhất-phẩm lễ-phục, lễ phúng cho bảy nghìn cây lụa bạc, cho tên thụy là Văn-chính 文正, dựng bia đề bốn chữ : « Trung-thanh tuý-đức 忠清粹德 ». Người chốn kinh-thành đều đóng cửa hàng lại để tỏ viếng thăm, hoặc bán áo đi để đưa lễ điện, xe tang đi qua các đường người đều thương khóc, những người bốn phương lại hội-tảng đến và vạn ; người ngoài biên-thùy cũng đưa đồ lễ về tế viếng. Trong kinh-đô và bốn phương đều họa tượng để thờ, khi ăn uống tất mật khấn. Người chốn kinh-sư đem vẽ tượng ông ra in để bán, các nhà đều tranh mua lấy để thờ, người bốn phương cũng đến kinh để mua, khi ấy có người thợ vẽ chỉ bán tranh tượng ông mà đến giàu.

Khi ông Quang làm tướng việc cơ-vụ bận rộn, thân lại đau yếu, mà còn tự tay sao lược sách Chư-tử gọi là huy-ngôn 微言 (1), để cuối sách rằng : « Ta sao lược sách này cũng giống như các người cử-tử, song các người cử-tử chỉ sao-lược lấy lời văn, ta thì sao tóm lấy đại-ý, các người cử-tử thì chỉ ở khoa-danh, ta thì chỉ ở đạo-đức. » Tính ông hiếu-học không chán, chăm-chỉ các việc vặt như thế. Chữ viết lối tiểu-khải ngay-ngắn cẩn-thận, người dưới trăm đời ai là chẳng túc-nhiên khởi-kính.

---

(1) Sách này chỉ còn thấy chép cái mục sách ở trong sách *Bách-xuyên thư-chí* của người đời Minh, chớ còn bản sách thì mất rồi.

Sinh-bình ông Quang trước-thuật ra nhiều sách mà thất-truyền đi cũng nhiều, nay còn lưu-truyền những bộ *Văn-tập* 18 quyển ; *Tư-trị-thông-giám* 294 quyển ; *Khảo-di* 30 quyển ; *Kê-cổ-lục* 20 quyển ; *Dịch-thuyết* 3 quyển ; *Chú Hệ-từ* 2 quyển ; *Chú Thái-huyền kinh* 8 quyển ; *Chú Dương-tử* 13 quyển ; *Thư-nghi* 8 quyển ; *Gia-phạm* 4 quyển ; *Tiêm-hư* 1 quyển (hoặc ngờ quyển này là người khác làm mạo ra) *Tục Thi-thoại* 1 quyển ; *Tốc-thủy-kỷ-văn* 10 quyển ; những sách ấy văn-chương đều như kim-ngọc dược-thạch và thóc lụa đều có ích cho việc hữu-dụng, còn những văn vô-ích thì không khi nào nói đến.

Ông Quang mất chưa bao lâu, thì bà Tuyên-nhân-thái-hậu cũng mất, vua Triết-tôn ra thân-chính, tiến-dụng những kẻ tiểu-nhân, lại khôi-phục hết cả pháp-chính của Vương An-Thạch, truy tước chữ tặng-thụy của ông. Chương Đôn, Sái Biện lại còn tâu xin đem đào áo quan lên mà dãi thây ra. Đương khi ông Quang còn bệnh nguy, nghe tin An-Thạch mất, ông có đưa thư cho Lã Thân-công bảo rằng : « Vương Giới-phủ không có bụng gì đâu, chỉ phải cái tội chấp-ảo mà thôi, ân-điển tặng tuất nên cho hậu. » Tự khi An-Thạch cầm quyền, ông vẫn thủy chung phản-đối, đó là vì chính-kiến khác nhau, nên mới đứng về cái địa-vị đối-địch, còn như tình tư-giao thì vẫn như thường, cho nên ông muốn hậu-đãi An-Thạch như thế. Nay xem như Chương Đôn, Sái Biện dãi lại ông, thì lại càng thấy ông là người hiền-đức. Muốn biết An-Thạch là người thế nào, cứ xem những người đồ-đảng thì khác biết. Năm Hàm-thuần nguyên-niên đời vua Độ-tôn, cho ông được dự vào tùng-tự Khổng-tử miếu-đình.

PHÊ-BÌNH. — *Đời Tống Trương Vô-Cấu* 張無垢 *có soạn một bài tựa để tập Tản-ngôn* 散言 *của Lưu Nguyên-Thành* 劉元城 *nói rằng : « Tư-Mã Ôn-công với Vương Giới-phủ đều là người thanh-kiệm liêm-sỉ, hiếu-hữu văn-chương, những kẻ học-sĩ đại-phu trong thiên-hạ đều tôn-ngưỡng cả. Nhưng hai ông xu-hướng thực là khác nhau, một đảng thì lấy chính-tiến, một đảng thì lấy thuật-tiến. Giới-phủ học về đạo Thân Hàn, mà văn về thêm lấy lục-kinh. Ôn-công học về đạo Châu Khổng, mà cũng thêm lấy lục kinh. Vậy nên môn-phái Giới-phủ nhiều kẻ tiểu-nhân ; mà môn-phái Ôn-công nhiều người quân-tử. Phái Ôn-công một truyền thì được Lưu Khi-Chi, tái truyền thì được Trần Oánh-Trung. Phái Giới-phủ một truyền thì được Lã Thái-ủy, tái truyền thì được Sái Tân-châu, tam truyền thì được Chương Thừa-tướng, tứ truyền được Sái Thái-sư, ngũ truyền được Vương Thái-phó. »*

Năm đầu vua Triết-tôn, Tô-Thức 蘇軾, *Trình Di* 程頤 *đều ở trong triều. Thức ghét Di, thường khinh-nhờn Di. Vì thế kẻ môn-nhân Di là Hữu-tư-giản Giả-Dịch, Tả-chính-ngôn Chu-Quang-Đình lấy làm tức-giận, nhân tạ-sự để chê-bai Thức. Khi bấy giờ Lã Công-Trứ cầm quyền nước, quần-hiền đều ở trong triều, mà không hay lấy đồng-loại theo nhau, nên mới phân rẽ nhau thành ra Lạc-đảng, Thục-đảng, Sóc-đảng. Những kẻ bậy tôi đắc-dụng đời Hi Phong khi trước đều phải thoái-hưu, họ oán giận vào đến cốt-tủy, chỉ chực dòm chư hiền có gián-khích gì thì họ gièm-pha, mà chư-hiền không biết, lại cứ chia ra bè đảng để bài-bác nhau.*

Khi Tư-Mã-công mất rồi, đến năm sau, vua Triết-tôn sai Tô Văn-trung-công soạn bài bia dựng ở đường mộ-đạo, vua ngự-đề chữ triện trên đầu bia rằng : « Trung thanh tùy đức chi bia 忠清粹德之碑 *». Đến khoảng năm Thiệu-thánh Sùng-ninh, bọn gian-thần là Chương Đôn, Sái Biện lại gièm ông*

Quang cho là gian-đảng, đạp bỏ bia và mài bỏ chữ đi. Đến năm Tĩnh-khang tuy có khai-phục phong-tước cho ông mà bia thì vẫn mai-một chưa lập lên được. Đến năm Hoằng-thống thứ chín đời Kim, quan huyện lệnh là Vương Đình-Trực, hỏi người tụng-tăng-tôn ông là Viết-Tác, Viết-Thông tìm được cái bản cũ chữ bia lại đem khắc bia mà dựng lên, và dựng đền thờ ông, từ đời Nguyên Minh đến nay vẫn còn đền-chỉ sửa-sang không bỏ.

Đời vua Huy-tôn, Sái Kinh chuyên quyền, soạn bài văn Gian-đảng-bi 姦黨碑, *bắt tất cả các quận huyện phải khắc đá dựng bia. Kẻ thợ đá ở Trường-An tên là An-Dân* 安民, *lệ phải khắc tên vào dưới cuối bia, An-Dân cố từ nói rằng: « Tôi ngu dốt không biết ý lập bia ra thế nào, song như Tư-Mã tướng-công, suốt cả nước đều khen là chính-trực, mà nay cho là gian, thì Dân không nỡ khắc tên vào bia. » Quan-phủ nổi giận toan đánh, Dân khóc thưa rằng: « Sai khắc bia thì xin vâng không dám từ chối, song xin miễn cho đừng khắc hai chữ tên « An Dân » vào cuối bia, sợ rằng đắc-tội với đời sau. » Nghe câu nói ấy ai cũng lấy làm thẹn.*

(Hết)

Nguyên Hán-văn của Tôn Dục-Tu

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

NGHI-LỄ PHỔ-THÔNG

III. — TANG-LỄ (1)

Lễ đề-chủ 題主

Đặt cái án ở bên tả trước chỗ linh-tọa, hướng bên hữu, để nghiên bút mực mới ở trên án, rồi đặt giá chậu thau và khăn tay để rửa tay. Chủ-nhân quay mặt vào bàn, người chấp-sự cùng với người đề-chủ rửa tay xong, rước mộc-chủ đặt trên trốc bàn, người đề-chủ để vào hãm trong xong rồi, để ngoài phấn-diện thần-chủ, bố thì đề rằng: « Cố (mỗ) quan (mỗ) công, húy (mỗ) tự (mỗ) hàng thứ mấy thần-chủ. »

Mẹ thì đề: « Cố (mỗ) phong (mỗ) thị húy (mỗ) thụy (mỗ). »

Phấn-diện, cha thì đề rằng: « (Mỗ) quan (mỗ) phong (mỗ) thụy phủ-quân thần-chủ »

Mẹ thì đề: « (mỗ) p thần-chủ »

Bên dưới phấn-diện về bên tả đề rằng: « hiếu-tử (mỗ) phụng tự »

(Bố mẹ không có quan-tước thì chỉ lấy sinh-thời xưng hiệu là gì để vào, như là hiền-khảo sử-sĩ phủ-quân thần-chủ. Thần-chủ dài bảy tấc hai phân, để ở trong nội-hãm thì không có chữ hiền-khảo hiền-tỉ, vì nội-hãm không cải-đề.

Đề chủ xong, rước lên linh-tọa thu hồn bạch để vào một chỗ, làm lễ tế-chủ

Nghi-tiết.

Chấp-sự xướng:

Phần hương, chàm tửu, chủ-nhân quị, đọc chúc.

---

(1) Xem Nam-Phong kỳ trước số 147.

Chúc-văn

Duy (hoàng-hiệu) . . niên, tuế thứ. . . . . , nguyệt, . . . nhật. Cô-tử (mỗ) cẩm chi cáo vu (mỗ) quan (mỗ) phong (mỗ) thụy phủ-quân, hình qui biêm trạch, thần phản thất đường, thần-chủ ký thành, phục duy tôn linh, thí bằng thị y.

維(皇號某)年月日孤子某敢祇告于(某)官(某)諡府君,(母則云某封某氏某諡孺人),形歸窆室,神返室堂,神主既成。伏惟尊靈是憑是依。

Văn tế nôm

Hồn về phần mộ, thần nương thần-chủ.
Thần-chủ đã đề, tuân theo lễ cổ.
Bày trước tôn-linh, tắc thành dãi tỏ.

Đọc chúc xong, chúc-văn để trước linh-tọa mà không đốt.

Phủ-phụ, hưng, phục vị, cúc cung bái, hưng, bái, (4 lễ) bình-thân. Lễ tất.

Lễ xong chủ-nhân quay lại tạ người đề-chủ hai lạy.

Trước xưa dùng bài-vị chưa có thần-chủ, đến đời nhà Tống ông Trình Y-Xuyên 程伊川 mới tạo ra thần chủ để thay bài-vị. Gia lễ Chu Văn-Công để thần-chủ bố mẹ để hàng thứ mấy là kể biểu tôn tự ông cao tổ trở xuống, lại sách Thông-lễ của ông Văn-công chú rằng : «Người nào không có quan-tước thời lấy sinh-thời hàng mấy xưng hiệu viết trên chủ phủ-quan (như là ta gọi người thứ hai thứ ba, vân-vân.)

Đề chủ cứ như Gia-lễ thì chỉ chọn người trong họ ai chữ tốt để cũng được, chứ không kén chọn người có quan-phẩm.

Tục ta nhà phú-quý thường hay đón rước những quan to về đề-chủ, chẳng qua là chỉ chuộng hư-danh mà thôi.

Gia-lễ Chu Văn-Công có nói : « Đề chủ khi đưa ra đồng đã chôn rồi mới làm lễ. Sau lễ Thọ-mai và lễ Thanh-thần của ông Lê Quí-Đôn cũng theo như Chu Văn-Công, vì là chôn xong phải đề chủ để thay vào hồn bạch nên phải làm như thế.

Nhưng bây giờ đã có giả ảnh hoặc bài-vị, thời hồn bạch cũng không cần phải dùng, như thế thì đề chủ ngay lúc quan còn để trong nhà có lẽ tiện hơn, nếu chưa kịp chế mộc-chủ thì khi tống-táng xong làm lễ đề - chủ rồi tế ngu cũng được, vì là để khi ra đồng thời sợ lúc bấy giờ bận việc, không được cẩn thận, và lúc đưa ma cho đến khi ra đồng đã mất nhiều thì giờ, nếu lại phải đợi làm lễ đề chủ xong mới rước về, thì sợ con cháu và những người hành-tống mỏi-mệt quá, vậy nên châm-chước mà làm, chứ đừng nệ cổ.

Tục ta để chủ chọn ngày tốt, dùng người chữ tốt, trước để ở trong hãm cùng hai bên, sinh năm tháng nào ngày nào giờ nào, chết năm nào tháng nào giờ nào, rồi mới để phấn-diện. Nhưng khi đề phải lưu nét chấm chữ *chủ* 主 và nét sổ chữ *thần* 神, lúc làm-đề thời người đề chủ chỉ gia vào nét chấm chữ *chủ* cùng nét sổ chữ *thần* mà thôi, như thế cũng tiện.

Thanh-thần gia-lễ phép đề chủ, người đề chủ có đọc câu thần-chú rằng : « *Thần phụng linh-linh, đắc khí tam sinh, ngũ-hành hội-hợp, biến-hóa phi đằng, cấp cấp như luật linh.* » Lúc xong tay bên tả bắt quyết chữ *kiền* 乾 *khôn* 坤 *cấn* 艮 *tốn* 巽 vào ngòi bút, rồi cất bút thấm mực chú rằng : « *Hô triệu (mỗ) công (mỗ) tự tam hồn thất phách lai nhập thần-chủ* 呼召某公某字三魂七魄來入神主. »

Đọc xong ba lượt rồi mới cất bút để, làm như thế tưởng cũng phiền-văn, nên bỏ.

Lễ tế ngụ 虞祭

Trước chỗ linh-tọa đặt nắm cỏ mao để giáng thần, không cỏ mao thì dùng nắm rơm suốt, xén bằng đầu bằng chân, dài độ 3 tấc, buộc giữa lại, thay làm cỏ mao cũng được, để cách ra giải vừa cái chiếu để chủ-nhân tiến lên đó

tế rượu, ngoài đặt cái hương-án, thứ nữa giải chiếu để chủ-nhân cùng chủ phụ và dâu rể cùng cháu chắt theo thứ-tự mà đứng, hai bên chiếu đặt hai cái kỷ, kỷ bên hữu thì để khay chén và chúc-bản, kỷ bên tả để khay rượu và quán tẩy (chậu rửa tay), hai người xướng lễ, một người thông-xướng, một người tán-xướng, đứng hai bên kỷ.

Nghi-tiết

Thông xướng: tự-lập (lúc gần xướng tự lập thì cử hai người vào dẫn bên nam bên nữ ra chỗ chiếu, để chỉ bảo chỗ đứng chỗ ngồi cho có trật-tự).

Xuất chủ, cử ai, ai chỉ.

Tán-xướng: quán-tẩy, nghệ linh tọa tiền, phần hương, cúc-cung bái, hưng, bái, bình-thân, giáng-thần, quỵ. Một người chấp-sự hưng khay rượu hướng mặt về tây, một người hưng khay chén hướng mặt về đông, hai bên đứng đối-diện cho đều, rồi dâng vào trước chỗ linh-tọa, cùng với chủ-nhân đều qui, chủ-nhân cầm nậm rượu rót ra chén, rồi lại đưa cho người chấp-sự. Loại-tửu, (chủ-nhân tay bên hữu cầm lấy chén rót lên trên thảo-mao xong rồi lại trao cho chấp-sự). Phủ phục, hưng, bái, hưng, bái, hưng bình thân. Phục-vị, tham-thần cúc-cung bái, hưng, bái, bình-thân, tiến soạn, (nếu cỗ đã đặt trước thì người chấp-sự dâng liền cơm vào trước linh-tọa).

Hành (tam) hiến lễ, nghệ linh-tọa tiền, (người chấp-sự người hưng khay chén người hưng khay rượu theo chủ-nhân đến linh-tọa). Quỵ, (chủ-nhân qui, hai người chấp-sự qui hai bên, chủ-nhân cầm nậm rượu rót vào chén, rồi giao khay nậm cho chấp-sự, cầm chén rượu rồi rót xuống thảo-mao).

Tế tửu, (tế rượu xong, trao cho chấp-sự dâng lên trước linh-tọa).

Điện tửu, phủ phục, hưng, bình-thân, qui, chủ-nhân dĩ hạ giai qui, độc chúc (chấp-sự qui bên hữu chủ-nhân mà đọc).

Chúc văn (tế bô)

Âm-dương đôi ngả, cách-biệt từ đây.
Nhà xuân khuất bóng, ngày vắng một ngày.
Minh về chín suối, hồn ở trên mây.
Thần nương linh-tọa, phảng-phất hương bay.
Tấc thành chứng giám, dâng chút lễ này.

(Tế mẹ thì đổi chữ nhà xuân làm chữ nhà huyên).

Đọc chúc xong

Phủ phục, hưng, bình-thân, cử-ai, ai-chỉ, cúc-cung bái, bình-thân, phục-vị, hựu-thực, điểm-trà, từ-thần, cử-ai, cúc-cung bái, (Chủ-nhân trở xuống đều bái), hưng, bái, hưng, bình-thân, ai chỉ, phần chúc-văn, nạp-chủ, triệt soạn, lễ tất.

Ngu nghĩa là yên, tế ngu để yên thần. Tế ngu trở về trước chỉ có đặt điện mà không có tế, vì lúc ấy cha mẹ mới mất thờ lúc chết cũng như thờ lúc sống; tế ngu trở về sau mới tế, chúc-văn mới đốt, cỗ-lễ tế ngu ba tuần rượu. Nhưng xem lúc tống-táng xong rồi con cháu và các người chấp-sự mỏi-mệt, làm ba tuần-lễ, tưởng cũng phiền-văn. Đức thánh Khổng nói: « *Kỷ quán chi hậu, ngô bất dục quan chi hĩ.* 既灌之後吾不欲觀之矣 » Nghĩa là xem tế đến tuần quán-tửu trở về sau ta không muốn xem nữa, ý nói tiếc tế lâu quá người chủ-tế và người chấp-sự mỏi-mệt mất cả thành-kính, mà không muốn xem vậy, ba tuần rượu cũng nên tỉnh giảm. Còn như chúc hy-hâm để động thần-thính tưởng cũng là hư-văn, cũng nên tỉnh-giảm.

Tiên-nho nói: tế tiên-tổ tế thủy-tổ thời tiên giáng hậu tham, còn các lễ khác thời tiên tham hậu giáng, cũng có ông bàn đã rước chủ ra thời trước phải tham-thần, nếu tế mà không có thần-chủ thời trước phải giáng-thần, nhưng xem ra lễ tế ngu khi ấy

đã để thần-chủ, đã xuất chủ rồi, thế mà lại trước giáng-thần rồi mới tham-thần, thời lời bàn không có định-kiến.

Thiết-tưởng tham-thần với giáng-thần trước hay sau cũng không có bề chi, chang qua giáng-thần là cầu thần tư-âm, phần-hương là cầu thần tư dương, tham-thần cũng là lễ thần đó mà thôi.

Phụ văn tế chữ.

Duy (hoàng hiệu mỗ) niên nguyệt nhật, hiếu-tử (mỗ) suất chư-đệ chư phụ ngũ phục đẳng, cảm chi cáo vu (mỗ) khảo (mỗ) quan phủ quân. (mỗ) tỷ mỗ phong mỗ thụy nhụ-nhân) chi linh viết.

Nhật nguyệt thệ hỹ, tương sự ký thành, túc hưng dạ xử, ai mộ bất ninh. Cung trần ngu lễ, cẩn cụ vi thành.

Thượng hưởng.

日月逝矣。襄事既成。夙興夜處。哀慕不寧。恭陳虞禮，謹具微誠.

Lễ tốt khốc 卒哭.

Tang-tiểu-kỳ tế ngu xong ba tháng trở về sau thời làm lễ tốt-khốc, nghĩa là xong ba tháng thời mới thôi tiếng khóc.

Sách *Lễ-ký* thiên đàn-cung nói: « *Tốt-khốc nhật thành sự thị nhật dã dĩ cát-tế địch tang-tế* 卒哭日成事，是日也以吉祭易喪祭, nghĩa là tốt khốc mà việc tang đã thành thì ngày ấy đem lễ cát-tế mà đổi tang-tế. Tốt-khốc xong thì rước thần chủ phụ tế từ-đường, tự đấy thì đổi ai-tử xưng làm hiếu-tử.

Nghi-tiết.

Nghi-tiết cũng theo như lễ tế ngu duy đổi văn tế là:

Nhờ ơn các đục, đội đức cao dầy
Nhà xuân xa cách, phảng-phất hồn mây.
Sớm khuyêa mong nhớ, nay đã trăm ngày.
Lòng con thương tiếc, giọt lệ không khuây.

Tốt-khốc là kể từ ngày mất đến bấy giờ đủ trăm ngày, không phải cúng cơm bữa sáng, bữa trưa nữa, thời mới thôi khóc, đã thôi khóc thời mũ gậy tưởng cũng nên bỏ, vì là gậy để phù-suy, mũ có vải rủ xuống đàng trước để che mặt, không phải phù-suy không phải che mặt, thời để mũ gậy làm gì, tang cha mẹ là tang chung-thân, không phải chỉ hai mươi bảy tháng thế mà thôi tang. Vậy thời tang-phục cũng là hư-sức vậy.

Phụ từ-đường 祔祠堂.

Ngày tốt-khốc làm lễ xong mới làm lễ phụ-từ-đường. Cổ-lễ phụ-từ-đường nghĩa là rước thần-chủ đến từ-đường để cáo tổ được phụ-tế với cao-tằng tổ-khảo, xong rồi lại rước thần-chủ về chỗ linh-tọa, tưởng như thế cũng là phiền-văn. Trộm nghĩ người chủ-tang là con trưởng, đã tốt-khốc, thời thần-chủ bố mẹ cũng nên để phụ ở từ-đường, đến tuần tiểu-tường đại-tường, thời rước thần-chủ bố mẹ ra bên ngoài mà làm lễ cho tiện, còn người chủ-tang là ngành thứ thời sau tuần tốt-khốc nhân gặp từ-đường có việc tế lễ, thời đem trầu rượu xin phụ tế với liệt-tổ, chứ không phải rước thần-chủ đến từ-đường, đợi đến ngày trừ-phục xong rồi sẽ rước thần-chủ vào từ-đường, chứ không nên dựng nhà thờ riêng, để khỏi phiền, duy người nào ngụ xa không hay về làng thời con dâu bố mẹ ở đấy, cũng nên lập bàn thờ tại chỗ mình ở, nếu không lập bàn thờ thời cứ đến ngày kỵ ngày tết lập bài-vị ra cúng được.

Nghi-tiết.

Lễ tốt-khốc xong, người chủ-tang là ngành trưởng sắm sửa trầu rượu đàng lên từ-đường đốt hương rót rượu cáo từ rằng: nay hiển-khảo mỗ quan mỗ thụy, hoặc hiển-tỉ mỗ phong mỗ thụy mất đã được trăm ngày làm lễ tốt-khốc rồi rước thần-chủ vào từ đường xin cao tằng tổ khảo tỉ chứng giám. Khấn xong lễ tạ bốn lễ.

Người chủ-tang là ngành thứ thời phải nói với người trưởng-nam vào khấn trước rồi mình vào lễ sau.

Cáo tổ xong, chấp-sự rước thần-chủ đi trước, người chủ-tang và con cháu theo sau thần-chủ vào từ-đường, bố thì đặt bên tả, mẹ thì đặt bên hữu, rồi làm lễ yên-vị, người chủ tang vào lễ, đốt hương rót rượu giáng-thần khấn rằng: hiếu-tử mỗ kính cáo hiển-khảo mỗ, hoặc hiển tỉ mỗ thần-vị, nay đã rước thần-chủ phụ vào từ-đường, xin tôn-linh chứng giáng. Lễ tạ bốn lễ.

Cổ-lễ khi đã rước thần-chủ phụ trong từ-đường thời những thần-chủ cao tằng tổ khảo tỉ phải cải-đề lại, như thế thì mỗi một lần ông chết hoặc bố mẹ chết cũng phải cải-đề lại, thực là phiền văn quá. Nghĩ nên thần-chủ cứ để như cũ, lúc tế viết văn theo thứ-tự cao tằng tổ khảo tỉ mà viết, có lẽ tiện hơn, duy có vị nào được phong-tặng thời nên cải-đề.

Phụ lễ diêu thần-chủ 祔禮

Cổ-lễ từ-đường, lễ tự ông cao tổ trở xuống đến bốn đời thì thôi, còn bốn đời trở lên, thời những thần-chủ của ông tổ xa đời đưa chôn ở ngoài mộ, duy có ông thủy-tổ hoặc có công-đức gì đáng nên kỷ-niệm, thời thần-chủ ấy để thờ mãi.

Nghi-tiết

Lược theo như nghi-tiết tế Đàm vậy.

Văn tế

Duy hoàng - hiệu mỗ niên, nguyệt nhật, hiếu-tử mỗ cảm chi cáo vu mỗ quan mỗ thụy hoặc mỗ phong mỗ thị vị-tiền, nay nhân tiên-khảo mỗ quan phủ-quân thần - chủ đã phụ vào từ-đường, thời thần-chủ viễn tổ xin đưa ra mộ kính dâng lễ thánh, mong cùng chiêu cố.

Văn tế chữ

Tự chỉ tứ đại, thân tận đương diêu; dung mai thần-chủ, cổ-lễ chiêu-chiêu; tâm tuy vô-cùng, lễ tắc hữu hạn; thế thứ điệt thiên, bất thăng thê-thảng.

祀止四代。親盡當祧。用埋神主。古禮昭昭。心雖無窮。禮則有限。世次迭遷。不勝悽愴.

Lễ Tiểu-tường 小祥

Tường, nghĩa là lành, tiểu-tường là giỗ đầu vậy.

Nghi-tiết

Bày đồ tế-khí xong, con trai thì bỏ cái vải ở trên trốc mũ, đàn bà thì bỏ cái giây thừng thắt ở lưng, vào làm lễ.

Xuất thần-chủ, tự-lập, chủ-nhân trở xuống đều vào trước linh-tọa cử-ai, ai chỉ, giáng thần, đọc chúc.

(Chúc-văn. Duy hoàng - hiệu mỗ, theo như tế ngu).

Văn tế

Xa vắng xuân-đường, nay đã tiểu-tường; tưởng-tượng dung-quang, tấm lòng nhớ thương; kính dâng lễ thường, một chút hinh-hương.

Văn chữ nho

Tuế tự lưu dịch, viên cập tiểu-tường.
歲序流易。爰及小祥。
Túc hưng dạ mị, ai mộ bất vương.
夙興夜寐。哀慕不忘。
Cung trần lễ vật, liễu cụ hinh hương.
恭陳禮物。聊具馨香。

Lễ Đại-tường 大祥

Lễ đại-tường là ngày giỗ thứ hai, thế là từ khi mất đến bấy giờ kể tháng là 25 tháng.

Nghi-tiết theo như lễ Tiểu-tường.

Văn tế thì đổi chữ tiểu-tường làm đại-tường.

Văn tế nôm

Nhà xuân khuất bóng, nay đã hai năm. Ngày qua tháng lại lòng nhớ đăm đăm. Hinh - dung phảng - phất, nghi-ngút hương trầm. Kính dâng lễ phẩm, dãi chút tình thâm.

Lễ trừ-phục (tức là lễ đàm) 除服(禫)

Gia-lễ Đại - tường xong cách một tháng thời làm lễ tế Đàm. Đàm nghĩa là bình-đàm, trong lòng mới yên vậy.

Nghi-tiết

Tự lập, xuất chủ, cử ai, ai chỉ, cúc cung bái, hưng, bái, hưng, bình-thân, nghệ hương-án tiền, qui, thượng-hương, giáng-thần, loại-tửu, phủ-phục, hưng, bái, hưng, châm-tửu, cúc-cung bái, hưng, bình-thân, qui, độc chúc, phủ-phục, hưng, bái, hưng, bái, bình-thân, phục-vị, hựu-thực, điểm-trà, từ thân cúc-cung bái «4 lễ» bình-thân, phần chúc, nạp chủ, lễ tất.

Chúc-văn

Cù lao chín chữ, non bể khôn tầy.
Trọn mình hiếu thảo, báo đáp chưa hay.
Nay đã trừ-phục, cổ-lễ sao đây.
Tâm-tang còn mãi, lòng con không khuây.

Lễ cải-táng 改葬

Phần-mộ đã yên thì thôi, nếu chỗ cũ đất xấu, hài cốt không được tốt, thời cũng nên cải-táng cho được yên.

Nghi-tiết lễ Thổ-thần

Mỗ niên nguyệt nhật, mỗ phủ huyện xã tên mỗ cẩn dĩ phù tửu quả, cảm chi cáo vu Thổ-địa chi thần, kim vi mỗ, thân-phụ mỗ quan tính-danh chi-mộ, tuế nguyệt dĩ cửu, thể phách bất an, di táng thử-địa, vĩnh vô hậu gian, thần kỳ bảo hựu, tì đắc khang-an.

今爲某親父某官姓名之墓。歲月已久。體魄不安。移葬此地。永無後艱。神其保佑。俾得康安。

Nghi-tiết cáo Từ-đường theo lễ tế ngu

Chủ nhân phần hương, châm tửu, phủ-phục, hưng, bái, bình-thân, qui, cáo từ : kim vi phần mộ táng thử địa, khủng hữu bất ninh, kim di tha xứ, táng-sự kỳ thành, phục duy tôn-linh, bất chấn bất kinh, ngưỡng kỳ giáng cách, liễu cụ vi thành, cẩn cáo.

今爲墳寫葬此地恐有不寧。今移他處。葬事既成。服惟尊靈。不震不驚。仰祈降格。聊具微誠。謹告。

Thế-tục mê-tín địa-lý, trong nhà có sự gì không yên, đổ lỗi cho phần mộ, nay đem cái hài-cốt táng chỗ này, mai lại táng chỗ khác, như thế cũng là bất-hiếu, cải-táng là vì sự lâu ngày hài-cốt chưa được sạch-sẽ, nên phải bốc xương sang tiểu, đó là cầu cho thể-phách bố mẹ được yên, chứ không chắc là đất đã kết phát. Sách có chữ *tiên tích đức hậu tầm long*, nghĩa là muốn tìm đất tốt, trước phải nên tích đức. Lại có câu : *Phúc-địa đãi phúc-nhân*, nghĩa là phú -địa trời để đãi cho người có phúc, dẫu muốn tìm cũng không được.

∴

PHỤ MẤY BÀI VĂN TẾ

CHÁU KHÓC BÀ

Than ôi !

Bảo để da, người để tiếng, nhớ âm dung mất cũng như còn ; chim vấn tổ, người vấn tông, cùng huyết - mạch thương sao xiết kể.

Chín khúc ruột tằm; hai hàng giọt lệ.

Nhớ bà xưa :

Tính nết hiền-lành ; ăn ở tử-tế.
Trên kính dưới nhường; kẻ vì người nể.

Cửa nhà gây dựng, giữ mực kiệm-cần; con cháu khuyên răn, theo đường hiếu-đễ.

Quy-y đạo phật, một niệm từ-bi ; phụng-sự gia-tiên, hết lòng kính-tế.

Tự thủa ông ta khuất bóng ra tay lo liệu quản gì đâu ; đương khi cụ tổ tại đường, thay chức thần-hôn không chút trễ.

Lòng trời không phụ, có công đền công ; phúc tổ còn dầy, mong thế được thế.

Này gái này trai ; này dâu này rể.
Cháu gần cháu xa, chắt lớn chắt bé.
Họ-đương quấn-quit, rễ má giây mơ ; con cháu đề-đa, chồi lan khóm huệ.
Bà thấy bà mừng ; bà vui bà khỏe.
Miếng ngọt miếng bùi; tay dắt tay bế.

Khi rắng thức khuya dậy-sớm chăm học chăm hành ; khi vui vãng cảnh chơi chùa, nghe kinh nghe kệ.

Cũng tưởng bà còn tràng - thọ, trương yến này trương yến khác, theo song-đường chúc chén đào-tiên ; nào ngờ bà mới yếu đau, ngày hôm trước ngày hôm sau, bỗng nhất-đán đùng cơn dâu bể.

Chữa được bệnh chẳng chữa được mệnh, thôi đã về một giấc như không ; trông thấy cảnh không trông thấy người, dẫu muốn chuộc nghìn vàng không dễ.

Cháu nay : dựa bóng sân đồng, nương mình gốc quế.

Công cù - lao ghi đó đã đành ; ơn quyến-ái đền sao cho xuể.

Đọc thấy chữ nhân sinh bản hồ tồ, tình ái-ân ân-ái biết dường bao ; nghĩ đến câu thế sự bất như thường, nghĩa sinh tử tử sinh là trọng-hệ.

VĂN KHÓC VỢ

Duyên hương-hỏa bỗng nên ly-hợp,
Kiếp phong-trần bỗng chớp tử-sinh ;
Tình-chung mà hóa vô-tình,
Vội quăng khăn lược dứt mình đi đâu ?
Trời chẳng để cùng nhau trăm tuổi,
Đất đã về mong mỏi đôi nơi ;
Hỏi ông Nguyệt-Lão kia ôi,
Xe duyên sao nỡ để người dở-dang ?
Phân bồ-liễu ôi thương số vẫn,
Gánh giang-sơn chỉ giận đường dài ;
Đường dài xẻ gánh cho ai,
Còn gương hạc - phát còn người phượng-mạo (1).
Tình dẫu kể, kể sao xiết kể,
Mệnh đấy thôi, thôi thế thì thôi ;
Trời còn có đất sánh đôi,
Để người không vợ hỏi trời sao đây ?
Đã không nghĩ, nghĩ càng cay-đắng,
Nhớ âm dung vẳng lặng như tờ ;
Mảnh gương treo đó cũng mờ,
Phiếm loan gảy cũng ngẩn-ngơ cung đàn.
Khéo ông Tạo đa-đoan chi thế !
Cuộc bể dâu dâu bể đầy vơi ;
Trăm chiều lo ngược lo xuôi,
Việc nhà coi sóc cậy ai bây giờ ?

KHÓC ANH

Thương ôi !

Tình thân huyết-mạch ; nghĩa trọng cương-thường.
Anh hòa em thuận ; em kính anh nhường.
Điều hay anh bảo ; điều dại anh can.
Việc nhà việc cửa, nhờ anh lo toan.
Lễ hơn lẽ thiệt, cậy anh trăm đường.
Anh đi đâu vội, gối đất nằm sương !
Kẻ còn người khuất, đôi ngả âm-dương.
Nhớ khi bụng mẹ, cùng thịt cùng xương.
Khi còn mái tóc, cùng chăn cùng giường.
Đến ngày khôn lớn, một dạ yêu-đương.
Vườn đào vui-vẻ, lầu ngọc xênh-xang.
Huyên-trì xướng họa, một nhà vẻ-vang.
Tưởng còn tràng-thọ, hưởng phúc vô-cương.
Ngờ đâu ly-biệt, một cuộc tang-thương.
Như chim gẫy cánh, như nhạn lạc đàn.

---

(1) Ý nói cha già con dại.

Nhớ người nhớ tiếng, phảng-phất hồn hương.
Ruột tằm chín khúc, giọt lệ hai hàng.
Kính dâng lễ bạc, xa thấu suối vàng.

KHÓC BẠN

Cơ tạo-hóa dâu chìm bể nổi,
Cảnh phù sinh vật đổi sao dời ;
Đưa thư lên hỏi ông trời,
Tử sinh không hẹn kiếp người ra sao ?
Duyên hồ-hải biết bao ly-hợp,
Hội phong-vân mong gặp cùng nhau ;
Đương khi ý hợp tâm dầu,
Vội quăng hồ thỉ đi đâu cho đành ?
Trời có để trăm mình xin chuộc,
Đất đã về một cuộc là xong ;
Hương lan phảng-phất thềm đông,
Người đi đâu vắng chữ đồng còn đây !
Buồn trông ngọn cỏ lá cây,
Nhớ người nhớ tiếng một ngày xa khơi.
Rượu Thái-bạch vắng người chẳng thích,
Giường Trần-phồn đợi khách treo không,
Tô-công đâu hỡi Tô-công ?
Thơ đây muốn họa ai cùng ngâm nga?
Bá-Nha đâu hỡi Bá-Nha ?
Đàn đây muốn gảy ai là tri-âm ?
Thương mình ngọc bỗng kim nên cồ.
Quyết lòng vàng dẫu tử như sinh.
Cửu-nguyên xa gửi tấc thành,
Có thiêng đã thấu tấm tình cho chưa ?

KHÓC BẠN ĐỒNG-HỌC

(*Văn xuôi có vần*)

Ối chí-hữu ơi, ối chí-hữu ơi !
Trước sau tri-kỷ, duy có bác mà thôi.
Thế mà ai ghen bác ghét bác đưa bác đi đâu mất rồi !
Nghe tin bác tạ thế lòng tôi thương xót ngậm-ngậm ngùi ngùi.
Cái cảm-tình ấy cũng là tự-nhiên công-lý không ai khác ai.
Sách có chữ : « Tri sinh giả điếu, tri tử giả ai .»
Tôi với bác sinh cùng thủơ ở cùng thời ; tử không được gần cùng nơi, mà lòng tôi thương bác bồi-hồi bồi-hồi.
Vì bác sinh-bình vẫn yêu tôi mến tôi; nên tôi cũng đem cái lòng yêu mến của bác mà yêu mến bác biết thủa nào nguôi !
Nhớ tự khi túi đàn cặp sách, kinh sử dùi-mài ; tôi với bác giảng kinh giảng nghĩa, câu văn câu bài ; ăn cùng mâm, nằm cùng chiếu, coi như đũa có đôi.
Cũng tưởng tôi với bác cùng được trường-thọ lâu dài, sáu bảy mươi cho đến tám chín mười mươi, để còn xem cái văn-minh cảnh-tượng tranh-cạnh cuộc đời.
Sao mà bác đã vội lòng yếm-thế, đi một nơi ở một nơi ?
Ý bác muốn tu văn địa-hạ, hay là bác mến cảnh Bồng-lai ; hay là bác về nơi Lạc-quốc nhân-hạ thảnh-thơi ?
Than ôi ! nước chảy hoa trôi, vật đổi sao dời ; kẻ còn người khuất, xa cách đôi nơi. Đau lòng ly-biệt làm chi cho cực hỡi ông trời.
Hỡi chí-hữu ơi chí-hữu ơi ! người về chín suối, hồn thiêng vẫn còn phảng-phất gió sông Vị, khói non Ngôi.
Vậy xin đem một chút cảm-tình, đến trước linh-tọa dãi tỏ một đôi lời. Chí-hữu ơi chí-hữu ơi !

CON RỂ KHÓC BỐ VỢ

Than ôi !
Trời cao đất rộng, ơn Thái-sơn tấc cỏ chưa đền ; vật đổi sao dời, cuộc tang-hải bóng dâu vừa xế.
Chín khúc ruột sầu; hai hàng giọt lệ.
Nhớ ông xưa :
Tính nết hiền-hòa, ăn ở tử-tế.
Quan chuộng dân yêu, kẻ vì người nể.
Dạy con dạy cháu, chuyên việc canh-nông,
Khuyên rể khuyên dâu, giữ đường cần-lệ.
Ơn trời mạnh khỏe, phong-lưu rượu cúc chè sen ; phúc tổ tài-bồi, xum-họp chồi lan khóm huệ.

Ngờ đâu bệnh-não âm-trầm, một tháng hai ba tháng, nửa năm; ước được thuốc tiên tràng-thọ, bảy mươi tám chín mươi, bách tuế.

Chữa được bệnh, chẳng chữa được mệnh, kiếp trăm năm thôi thế thì thôi; trông thấy cảnh, không trông thấy người, hồn chín suối kể sao xiết kể.

Miền thái-thủy trên còn mẹ đó, lo toan nghìn nỗi, giang-san gánh vác biết làm sao; cảnh Bồng-hồ ai rước ông đi, ăn ở một nơi, trần thế ngổn-ngang đâu mặc kệ!

Chẳng tưởng chỗ nhà cao cửa rộng, vội bước đàng tiên; ý nhân khi gió thảm mưa sầu, sinh lòng yếm-thế.

Mình ngọc đi đâu; tiếng thơm còn để.

Con đây: nối gót sân hòe; nương mình bóng quế.

Tưởng tự thủa màn the chỉ thắm, sự ái ân ân-ái biết chừng bao; bỗng nơi nao xa cách bụi hồng, nghĩa sinh tử, tử sinh là trọng-hệ.

Một khúc bi-thương; tấc lòng kinh-tế.

(*Còn nữa*)

THIỆN-ĐÌNH

SỰ-NGHIỆP CỦA TÌNH-ÁI

Bà Taylor với ông Stuart Mill

Ông Stuart Mill là ai?

Ông Ti-thoát-mân (STUART MILL) là một nhà đại-tư-tưởng nước Anh về thế-kỷ thứ 19. Ông là học-trò ông Biến-Tâm (BENTHAM) về cái « học-thuyết công-lợi » (*utilitarisme*) và chịu cái ảnh-hưởng của ông Khổng-đức (A. COMTE) về cái « phương-pháp qui-nạp » (*méthode inductive*) (1). Nhưng dù học-thuyết của ông có thầy mà cái tư-tưởng trong học-thuyết ấy vẫn là tư-tưởng riêng của ông vậy. Một nhà học-giả Trung-hoa có nói: « Việc học-vấn bước thứ nhất là *nhân* mà bước thứ nhì là *cách*. *Nhân* là bắt-chước của người để làm cái hay cho mình thì cốt phải *đồng*; *cách* là sáng-tạo tự mình có phần giỏi hơn thì cốt phải *dị*. Ông Ti-thoát-mân thật đã theo được cái phương-pháp ấy vậy. Ông hưởng-thụ của ông Khổng-đức được cái óc thực-nghiệm, nhưng ông lại có sáng-kiến, nhân đấy mà tạo-thiết nên được cái « phương-pháp qui-nạp » rất hoàn-toàn tinh-tế. Ông học của ông Biến-Tâm cái « chủ-nghĩa công-lợi », nhưng ông lại có tư-tưởng nhân đấy mà cải-lương cho được tận-thiện tận-mĩ. Bởi thế cho nên đồng-thời có hai nhà học-giả công-lợi, danh-nghĩa thì vẫn là thầy trò, mà dư-luận thì vẫn để Ti-thoát-mân đứng trên Biến-Tâm vậy.

Công-lợi-chủ-nghĩa là thế nào?

Đời này cũng đã nhiều người nói đến chủ-nghĩa công-lợi, nhưng giản-

---

(1) Triết-lý-học Tây-phương có đặt ra hai phương-pháp để tìm chân-lý: 1°/ là «phương-pháp suy-diễn» (*méthode déductive*) lấy lý-luận làm sở-cứ; 2/ là «phương-pháp qui-nạp» lấy kinh-nghiệm mà suy-cầu.

hoặc cũng có người chưa xét đến nơi mà đã vội bài-bẻ cho là một cái chủ-nghĩa vụ thực hẹp-hòi, hại nhân ích-kỷ. Như thế thực là một cái ngộ-điểm, ta nên phải bổ-chính vậy. Ta có rõ được cái học-thuyết của ông thì ta mới biết được tới cái chân-giá-trị của ông, và biết công cho Tây-lộ-phu-nhân (Mme TAYLOR), là người đã cảm-hóa ông vậy.

Cái học-thuyết này là nguyên-lai tự cái «khoái-lạc chủ nghĩa» của nhà triết-học EPICURE nước Hi-lạp đời xưa. «Khoái-lạc chủ-nghĩa» (*épicurisme*) là căn-cứ vào sự sung-sướng ở đời; sung-sướng là phản-đối với khổ-sở, vậy muốn sung-sướng quyết không nên tìm những cái khoái-lạc nhất-thời có thể tiếp đến cái khổ-sở bao năm. Mà phàm-giả cái gì khoái-lạc cho phần xác tất không khỏi có sự khổ-sở theo liền. Vậy nên tìm những cái khoái-lạc thanh-cao tinh-khiết ở phần hồn thì mới khả-dĩ có được cái hạnh-phúc chân-chính hoàn-toàn.

Cái học-thuyết đó thì thanh-cao thật. Nhưng triết-trung ra vẫn là ích-kỷ. Ông Biến-Tâm nhân đấy mà suy rộng ra, đổi cái hạnh-phúc của một người ra cái hạnh-phúc cho nhiều người. Quên cái hạnh-phúc riêng của mình mà gây nên cái hạnh-phúc cho công-chúng; tức là cái chủ-nghĩa công-lợi [1] vậy.

Song ông Biến-Tâm nói đến công-lợi chỉ biết chú vào cái «lượng», nghĩa là chỉ cốt làm cho được nhiều điều công-ích công-lợi, chứ không chú vào cái «phẩm», nghĩa là phải lựa chọn xem cái lợi-ích nào thanh-cao rộng-rãi mà làm). Cho nên ông Ti-thoát-mân phải bổ-khuyết vào vậy. Ông nói: «Nay có người mang hai cái khoái-lạc ra hỏi tôi làm thế nào mà phân-biệt lấy cái phẩm-giá hơn kém được thì tôi chỉ biết trả lời rằng: cái nào mà phần nhiều người xu-hướng, cố-nhiên vẫn là cái đáng thích hơn. Nhưng cái nào chỉ có phần ít người công-nhận mà lại là những người lỗi-lạc có trác-kiến hơn đời, thì tất lại là cái đáng trọng hơn, ta quyết nên theo vậy». Ông đối với công-ích công-lợi thủy-chung vẫn giữ được tấm lòng sốt-sắng, song ông không chịu để cho dư-luận thao-túng ông được. Điều gì ông biết là ích cho đời ông mới làm, mà ông cho rằng dư-luận có khi không có trác-kiến bằng ông. Ông vẫn thường nói rằng: «Thà làm một kẻ vì công-nghĩa mà khổ-sở, còn hơn làm một con lợn mà được vừa lòng, thà làm ông Tô-cách-lạp (1) chịu điều oan-khuất còn hơn làm một kẻ ngu-si hưởng sự thái-bình. Và nếu con lợn nọ cùng kẻ ngu kia lại không đồng ý với mình, thì cũng tại bởi chúng chỉ biết cái vấn-đề có một mặt mà thôi».

Học-thuyết ông cao là thế, tư-tưởng ông rộng là thế đã đành. Nhưng cả đến tính-tình của ông cũng rất là lỗi-lạc thanh-kỳ nữa. Ông thường hay nói: «Danh-giá thay những kẻ biết tự hi-sinh được những cái khoái-lạc riêng của mình, mà bổ-cứu thêm vào cho cái hạnh-phúc chung của nhân-loại». Ông nói thế mà ông cũng có làm thế. Suốt đời ông chỉ là một sự làm việc không cùng cho nhân-loại mà thôi.

---

(1) Ông Biến-Tâm có chê cái giáo-lý của đạo Thiên-chúa là ích-kỷ mà lại vô-dụng, chỉ biết khuyên người ta tu sao cho được lên cõi thiên-đường mà quên cả cái phận-sự làm người có ích cho đời ở nơi hạ-giới.

(2) Ông Tô-cách-lạp (SOCRATE), thủy-tổ nền triết-học Âu-Tây, chỉ vì tư-tưởng cao hơn đời mà bị người đời bắt uống thuốc độc tự-tử.

Vì đâu mà nên sự-nghiệp?

Tự ông đã nói rằng đã chịu ảnh-hưởng của bà Tây-Lộ mà ông mới tạo-thành nên sự-nghiệp. Theo ý phần nhiều người thì cho rằng sự-nghiệp ông là được nhờ tự cái giáo-dục của cha. Song cứ bình-tĩnh mà xét thì cái giáo-dục của cụ thân-sinh chỉ đủ gây được phần «trí» mà cái sức cảm-hóa của bà Tây-Lộ mới thực đã nuôi lấy phần «hồn» cho ông vậy. Cái chí ông dù có quảng-bác uyên-thâm nhưng thực cũng đã nhờ ở sự sai-khiến của linh-hồn mà nên hữu-dụng.

Giáo-dục của cụ thân-sinh

Ông Ti-thoát-mân sinh ở Luân-đôn (*Londres*) ngày 20 tháng 5 năm 1806. Lên ba tuổi, cụ thân-sinh đã dạy học tiếng Hi-lạp thành ra mới lên 8 tuổi đã đọc được hết cả những sách về văn-học triết-học đời cổ Hi-lạp. Văn Hi-lạp thông, lại học văn La-mã. Văn La-mã thông lại học đến toán-học, đại-số-học, kỷ-hà-học. Tuổi lên đến 12, đối với các trẻ khác đáng còn là tuổi thả diều, đánh bóng, mà ông đã khảo về triết-học và kinh-tế-học. Đến năm 15 tuổi thì bao nhiêu những cái tri-thức trong nhân-loại cổ-kim ông đã thu-thập được gần hết cả vào óc ông.

Kết-quả của sự giáo-dục ấy

Đồng-thời đã có người bà-con nhà ông hỏi ông rằng: «Đứa bé này thực là một bậc thần-đồng, nhưng cái trí-thức của nó có sớm quá, tưởng chỉ đủ khiến cho nó sẽ thành nên một kẻ trầm-uất, lãnh-đạm, ích-kỷ, kiêu-căng mà thôi». Lời đó thực quả là lời tiên-tri. Sau ông cũng chỉ vì quá dùng sức óc mà bị mắc bệnh thần-kinh. Đến năm 20 tuổi thì bệnh phát trầm-trệ, ông lấy làm đau-đớn vô-cùng. Tự ông đã phải nói ra lời than-thở: «Tôi không lúc nào được làm trẻ con, tôi không lúc nào được chơi bóng vợt; nói cho phải thì cứ để tự-nhiên theo tạo-hóa có lẽ còn hơn.»

Trong tập «Ký-ức-lục» của ông cũng xem thấy có đoạn văn sau này phàn-nàn về sự giáo-dục của cha:

«Sau khi tôi đã đọc sách của Biến-Tâm tiên-sinh thì óc tôi chỉ có một hoài-bão, đời tôi chỉ có một mục-đích, là cố mà cải-lương lấy thế-giới. Tôi coi cái ý-tưởng ấy và cái lý-tưởng về hạnh-phúc riêng cho tôi cũng chỉ là một mà thôi. Như thế được vài năm. Nhưng một ngày kia, cái lòng tự-phụ cả quyết ấy bỗng nhất-đán thấy tan ra như một giấc mộng. Đến mùa thu năm 18 6, tôi tự thấy có một vấn-đề này cần mang ra giải-quyết. Nay thử nghĩ xem, nếu cái mục-đích của ta mà đạt được đến nơi, nếu những sự cải-lương ở trong các tư-tưởng của nhân-loại, ở trong sự kiến-thiết của nhân-sinh mà ta vẫn suốt đời hoài-bão, đều có thực-hiện được viên-mãn thì hỏi ta đã thực được sung-sướng chưa?

«Lúc ấy tự-nhiên như có một tiếng nói phát ra tự chỗ thâm-tâm mà trả lời tôi rằng: «Không được!» Người tôi tự thấy bủn-rủn kinh-hoàng. Bao nhiêu những cái tính tự-kiêu, tự-mãn của tôi đều tiêu-tán đi mất cả cùng với những tấm lòng bác-ái nhân-từ vậy.»

Một nhà viết tiểu-sử ông có thuật lại rằng: «Đời đối với ông bây giờ như thấy uất-muộn nặng-nề, thê-lương hiu-quạnh. Làm việc thì như kẻ mất hồn, thực chẳng khác chi một người máy. Thế là cái đời khảo-cứu đã kết-quả nên cái chết lửng-lơ. Ông thực chẳng khác gì như một kẻ du-khách ở trên mặt đại-dương, thuyền thì đủ cả chèo lái khí-cụ, nhưng chỉ thiếu có chiếc buồm đón gió mà đã bị đắm ngay ven bờ. Âu cũng là cái sức phản-động tự-nhiên đối với những năm cần-cù ở thời niên-thiếu và đối với sự quá dùng sức tinh-thần.» Than ôi! Thế là cái trí ông thực đã giết cái hồn của ông vậy. Nếu sau này ông không gặp bà Tây-lộ cho phương thuốc hoàn-hồn,

lại cho mượn « buồm đón gió » thì cái óc thông-kim bác-cổ của ông, tưởng cũng không đủ khiến cho ông nên bậc kỳ-tài ở thế-giới, mà còn có kẻ nói đến ông ở đây!

Phương thuốc hoàn-hồn.

ALFRED DE MUSSET là một nhà thi-sĩ tài-tình ở nước Pháp có nói câu: « Cứ thương-yêu đi, ngươi sẽ lại tìm thấy cái sinh-thú ở đời » (*Aime, et tu renaîtras*). Nay đối với cảnh-ngộ ông Ti-thoát-mân thật là đúng lắm vậy.

Ông dù là nhà bác-học, nhưng nào đâu phải khách vô-tình. Đã không vô-tình thì tất phải có người tri-kỷ để kết bạn đồng-tâm, có kẻ tri-âm để cùng nhau xướng-họa, có tình thanh-khí để rửa hận nỗi lòng, có chỗ thâm-giao để đề-huề sinh-hoạt. Song, than ôi! « nghìn vàng dễ được mà một người tri-kỷ không dễ có!», lời cổ-nhân truyền lại há nào phải hư-ngôn! Ta càng nên biết cái phẩm-giá của người tri-kỷ. Nhưng, tri-kỷ ở hạng phàm-lưu thì dễ mà tri-kỷ ở hạng thanh-cao thì khó. Tri-kỷ của phần nhiều người thì dễ mà tri-kỷ của những bậc người như Ti-thoát-mân thì khó. Tri-kỷ của Ti thoát-mân khi chưa chán đời còn dễ, tri-kỷ của Ti-thoát-mân khi đã chán đời càng khó. Tây-Lộ phu-nhân tất phải ở hạng người xuất-tục siêu-phàm thì mới có đủ tư-cách mà cải-tạo được cái tâm-hồn trụy-lạc của bậc vĩ-nhân đó vậy.

Chân-dung bà Tây-Lộ

Khi ông gặp bà thì ông đã 25 tuổi mà bà thì cũng đã 23 tuổi rồi. (1) Bà sắc đẹp, người thanh, thông-minh dĩnh-ngộ, học-vấn uyên-thâm, tư-tưởng rõ ra một nhà triết-học, thiên-tài thực đáng một nhà văn-nhân, đối với ông thực là kỳ-phùng đối-thủ mà nên kỳ-ngộ lương-duyên vậy. Trong tập « Ký-ức-lục » ông cũng có tả cái chân-dung của bà ra như sau này:

« Đối với thiên-hạ thì là một người tư dung mĩ-lệ, có tri-tuệ tinh-lanh, có một cái phong-nghi đặc-biệt khiến cho ai đến gần cũng phải kính phải vì.

« Đối với chúng bạn lại là một bậc nữ-lưu có tình-tình thâm-thiết, có tri-thức thông-minh, có tư-chất trầm-mặc, có khí-vị nên thơ ».

Cái ảnh-hưởng của Bà

Một người đàn bà như thế, ngoài cái hạnh-phúc mình gây cho người yêu, thực lại còn có thêm được cái ảnh-hưởng rất hoàn-thiện đối với thân-thế sự-nghiệp của bạn nữa. Linh-hồn ông đã nhờ ở cái ái-tình của bà mà có đồ ăn tầm-bổ, thì tri-thức ông tất cũng được tự-do mà thi-thố với đời.

Chẳng những thế, bà lại còn là một người giúp việc cho ông mà thời-hồ lại là một tay trợ-bút cho ông nữa. Trước kia dù ông có học rộng biết nhiều nhưng chỉ mới là một kẻ nô-lệ của cổ-nhân, tay có tiếp-thụ được những nghĩa sách ý văn mà không có sáng-kiến canh-tân dịch-cách. Ông đối với học-thuyết của Biến-tâm tiên-sinh mới chỉ biết cúi đầu bái-phục, mà chưa có tư-tưởng biến-hóa cải-lương.

Sau khi ông biết bà được tiếp-xúc với những kỳ-tình cao-tứ của bà thì tư-tưởng thật có của ông càng rộng mở mãi ra mà thoát-li được qua những cái tư-tưởng ông đã mượn của kẻ khác.

---

(1) Lúc này bà còn ở với chồng bà là Tây-Lộ (TAYLOR). Bà đối với Ti-thoát-mân tiên-sinh chỉ mới là kẻ tri-âm lương-hữu. Sau này chồng bà chết, đoạn tang rồi bà mới cải-giá mà lấy tiên-sinh.

Từ năm 36, 37 trở đi ông xuất-bản được rất nhiều sách có giá-trị bàn về những vấn-đề quan-trọng như Kinh-tế, Triết-học, Luân-lý, Tôn-giáo và cuốn « Công-lợi chủ-nghĩa thuyết » nghiên-cứu về học-thuyết công-lợi đã nói trên kia, cùng cuốn « Tự-do luận » là những công-trình tuyệt-xảo ở trong tư-tưởng-giới nhân-loại, mà được nhiều người thâm-phục lắm. Ngoài ra ông lại có làm một quyển sách nhan là « Nói về sự phục-tòng của phụ-nữ », mục-đích để vận-động giải-phóng cho bạn thoa-quần và có công-nhiên yêu-cầu với Chính-phủ cho đàn bà được ứng-cử nghị-viên (1).

Dù sự vận-động của ông lúc đó không được Nhà-nước chuẩn-y, nhưng thực cũng đã tỏ được cái cảm-tình rất thâm-thiết của ông đối cùng chị em đồng-phái với Tây-lộ phu-nhân vậy.

Sau khi bà mất

Ông đương làm giở cuốn « Tự-do luận » thì bà mất. Bà mất đi thực là một mối chung-thiên đại-hận cho ông vậy. Khi ông đưa in cuốn sách ra đời, ông có để mấy dòng ở trên bài tựa để kính-tặng cái hương-hồn của bà, thực là tình thâm giọng thiết khó mà lột được hết cái tinh-thần trong sự phiên-dịch ra đây :

« Quyển sách này là để kính-tặng cái hương-hồn của người vừa dự phần cảm-hóa, vừa giữ việc trước-tác trong những chỗ đặc-sắc nhất ở cái công-trình văn-nghiệp của tôi, tức là cái hương-hồn của người nữ-hữu và lại là của vị hiền-thê, mà tôi đã được thừa-hưởng biết bao nhiêu những lời khuyến-khích phấn-khởi, cùng những ý-kiến biểu-tình mà tôi đã coi như những phần thưởng đích-đáng vậy.

« Từ bao năm nay những cái gì tôi đã viết ra, tức vừa là ở công tôi và vừa là ở công nàng vậy.

« Nhưng quyển sách này mà tôi đã xuất-bản ra đây, không được nàng xem lại như lòng tôi sở-nguyện, thật đã khiến cho nhiều chỗ quan-trọng cần phải phủ-chính mà không được nàng ở lại để phủ-chính cho.

« Nếu tôi chỉ được lấy một nửa phần những cái tư-tưởng quảng-bác, những cái tính-tình cao-siêu mà nàng đã mang đi mất, thì thế-giới sẽ được hưởng-thụ gấp mấy mươi, những cái tôi viết bây giờ, chỉ riêng một mình độc-lực, mà không có được cái tài-trí độc-nhất vô-song của nàng bổ-cứu vào cho. »

Ti-thoát-mân và vấn-đề phụ-nữ.

Bàn về vấn-đề phụ-nữ thì ông Ti-thoát-mân thực đã tỏ ra là một người rất có nhiều ý-niệm lạc-quan và nhiều tư-tưởng cấp-tiến. Lạc-quan là ông cho đàn-bà với đàn-ông đều có tư-chất như nhau. Cấp-tiến là ông muốn cho bạn thoa-quần cũng không phải nhường bước cho khách mày râu trên đường sự-nghiệp.

Tuy-nhiên cũng có mấy lý-thuyết ông lưu-ý đến hơn cả và cũng là những ý-tưởng cần phải nên truyền-bá vào xã-

(1) Độ ấy ông đã quen biết ông Khổng-đức ở bên Pháp và thời-thường có thư-từ đi lại rất nhiều. Hai ông vẫn mang vấn-đề phụ-nữ ra cùng nhau thảo-luận, nhưng tư-tưởng bất-đồng. Ông Ti-thoát-mân thì muốn cho phụ-nữ giải-phóng để đồng-lao cộng-tác với nam-nhi mà làm việc cho xã-hội. Ông Khổng-đức thì không cần cho phụ-nữ giải-phóng, cứ để làm thân hộ-mệnh trong nhà cũng đủ có ảnh-hưởng sâu-xa tới nhân-loại. Rút lại thì hai ông cũng đều bị sai-khiến cả. Duy bởi hai cái ảnh-hưởng lại tính-cách khác nhau cho nên tư-tưởng hai ông không gặp nhau vậy. Nhà triết-học nước Pháp thì muốn theo cái hồn thơ của bà Cát-tinh-Vô mà bay lên tìm đấng Đại-thể, ông bác-sĩ nước Anh thì nhân cái đảm-lực của bà Tây-lộ mà muốn ở lại làm việc cho đời.

hội Việt-Nam ta bây giờ. « Phụ-nữ giải-phóng», «Ảnh-hưởng thoa-quần», « Hôn-nhân bình-đẳng », « Giáo-dục tương-đương », là những vấn-đề sẽ bàn rõ ở sau này vậy.

Trước hết, tại sao cần phải cho phụ-nữ giải-phóng? Là vì có giải-phóng thì mới có giá-trị. Có giá-trị thì mới có ảnh-hưởng đến bạn tu-mi. Vì ta thử nghĩ: đàn bà nếu cứ để cho phục-tòng ta, thì khỏi sao trong ý ta chẳng coi như một hạng nô-lệ, dù ta có yêu ra nữa, song cái lòng yêu ấy cũng chỉ như là một sự bố-thí cho kẻ dưới mà thôi, chứ vị-tất đã phải là cái lòng vị-nể đối với một kẻ ngang hàng. ARISTOTE trước đã nói: «Bạn-bè là căn-cứ ở bình-đẳng ». Nay vợ chồng ở với nhau lại chẳng là một thứ tình bè-bạn ư? Trong bè-bạn mà lại kẻ hơn người kém thì sao có chân-tình được? Vậy cần phải giải-phóng phụ-nữ. Phụ-nữ có giải-phóng thì mới mong có ảnh-hưởng trong sự hôn-nhân.

Lại nói đến cái ảnh-hưởng của đàn-bà đối với phái tu-mi thì thật là sâu-xa thân-thiết vô-cùng, hay thì cực hay mà dở thì cực dở. Đối với người chồng là bậc tài-trí mà lại có người vợ khôn-ngoan thì cái tài-trí đó có thể càng ngày càng phát-siển, không thể nào trụy-lạc được, vì vợ đã không khiến cho chồng phải hạ thấp cái lý-tưởng mình xuống mà lại còn cố-chí nâng cao cái tinh-thần mình lên.

Đối với người chồng vào bậc siêu-nhân bạt-thế mà lại gặp được người vợ chí-khí hơn đời thì lại càng thú nữa. Phàm giả những người như thế thì dư-luận ở đời không thể nào hiểu được. Dư-luận đã không hiểu mình thì tất họ không ưa mình mà lại còn có khi họ phỉ-báng mình nữa. Một mình mình có lẽ không đủ sức chống-chọi, nhưng nếu vợ mình lại cũng đồng-ý với mình, không ham tiểu-lợi, không hám hư-danh, không chú-ý những cái thường-tục ở đời, không để tâm đến miệng lưỡi thiên-hạ, mà cùng chồng biệt-lập riêng ra một thế-giới để sớm tối vui-vầy trên lối nghĩa đường nhân, thì cái kỳ-tình cao-tứ của chồng không bao giờ có thể thương-tổn được. Người đời thường nuôi linh-hồn hoặc bằng sức tôn-giáo, hoặc bằng sức dư-luận, hoặc bằng riêng cái nghị-lực của mình. Song tôn-giáo chỉ lợi cho những kẻ hay tin, mà những kẻ hay tin lại ít khi là người thức-giả, dư-luận chỉ ích cho phần đa-số mà phần đa-số lại không phải là hạng hơn đời (1); còn nghị-lực thì thường cũng không đủ để đối-phó với cái sức thao-túng ở đời. Thế thì duy chỉ có người vợ đồng-tâm của ta là có thể coi như một cái linh-hồn thứ hai cho ta mà bổ-trợ vào cái năng-lực của ta vậy.

Trái lại, nếu chồng cao mà vợ thấp, chồng có chí-khí hơn người mà vợ lại tính-tình thô-tục thì vợ thực là cái trở-lực rất to-tát của chồng vậy, chẳng khác gì như một quả tạ buộc sau chân chồng, khiến cho chồng như một kẻ tù-nhân ở trong nơi siềng-sích. Chồng muốn làm kẻ bạt-tục siêu-quần, vợ lại chỉ muốn được vinh-hoa phú-quí; chồng muốn lưu lại cái phương-danh vạn-cổ, vợ lại chỉ muốn được sung-sướng nhất-thời; chồng thì muốn giữ lấy cao-tiết thanh-bạch ở đời, mà vợ lại chỉ mảng ham những thứ xuyến, hột, vòng, hoa, thì người chồng đạt sao được cái chí-nguyện bình-sinh, mà còn mong làm nên sự-nghiệp?

---

(1) Ông Ti-thoát-mân thủy-chung vẫn tin rằng nhân-loại bao giờ cũng có hạng siêu-nhân giữ phần thiểu-số, cho nên đã có lần ông yêu-cầu Chính-phủ cho có đại-biểu phần thiểu-số (*représentation des minorités*), song vô-hiệu.

Quên vợ đi mà hành-động ư ? Sao nỡ ! Người ta đã hi-sinh cả đời người ta cho mình, cái bổn-phận mình là phải cho người ta được sung-sướng. Người ta đã không biết lấy những cái lạc-thú thanh-cao của mình làm thích, thì âu là mình cũng phải hi-sinh cái hạnh-phúc mình cho người ta. Song, than ôi ! như thế thì còn chi là sự-nghiệp !

Bởi thế cho nên mới cần phải bình-đẳng ở trong sự hôn-nhân. Bình-đẳng đây không phải là chỉ nói về quyền-lợi mà thôi đâu. Vì trên kia đã nói phụ-nữ giải-phóng thì tất là đã đề-xướng đến sự nam-nữ bình-quyền rồi. Nhưng bình-đẳng ở đây là cốt nói về sự bình-đẳng ở tinh-thần tri-thức, sao cho vợ chồng không có điều so-le, tương-phản ở trong sự ăn chung ở lộn với nhau. Ông có nói rằng : « Không có điều gì trái-ngược cho sự giao-kết về tinh-thần và tình-cảm (1) bằng điều tương-phản trong cái giáo-dục và tính-nết của hai vợ chồng. Một cái xã-hội thân-mật, có ít người ăn ở với nhau mà lại không giống nhau được chút gì thì thật là một sự điên-đồ vậy. Mỗi kẻ một sự thích riêng thì lại mỗi kẻ đi tìm riêng cái thích cho mình ; nhưng khốn nỗi, nhà không thể ở riêng được, khách không thể tiếp riêng được, thật à phiền cho cả hai người vậy. Lại sự giáo-dục con-cái nữa, ông thích giống ông, bà thích giống bà, rồi cũng thành tư-tưởng phân-chia, lưu hại cho con trẻ.»

Song nếu vợ chồng lại đồng-tình đồng-cảm, ý-hợp tâm-đầu, cùng nhau biết quan-niệm đến những vấn-đề cao-trọng, biết tha-thiết đến những lý-tưởng thanh-cao mà kẻ làm người giúp, kẻ phấn-khích, người cần-lao, thì sự-nghiệp gì mà không làm nổi ?

Bởi vậy cho nên mới cần phải chung-giới lấy nền phụ-nữ-giáo-dục. Như ý ông thì trai gái cũng nên hưởng chung một cái giáo-dục như nhau vì sẽ phải cùng nhau đề-huề cộng tác mà làm việc cho đời. Giáo-dục càng cao, thì tri-thức càng rộng ; tri-thức càng rộng, thì tình-cảm càng trong, sau này biết đâu chẳng nhờ gì o-dục mà tiệt được sự so-le chếch-lệch về tinh-thần của hai phái nam-nữ ?

« Vợ chồng sẽ học-thức tương-đương, ý-kiến tương-hợp, cùng hoài-bão như nhau, cùng mục-đích theo đuổi, mỗi lần ngửng mắt lên nhìn nhau lại phát-biểu ra biết bao nhiêu tình ân-ái cảm-phục, mà cùng hưởng lấy cái thú vô-song là đã biết dắt-dìu nhau lên bước đường tiến-hóa, mà cùng theo đuổi nhau làm ích cho đời. Một cái gia-đình như thế sẽ sung-sướng đến đâu, tôi không dám nói. Những ông nào có đủ tinh-thần mà tưởng-tượng được ra, thì tôi dù có nói cũng chỉ bằng thừa. Mà ông nào lại chỉ coi đấy như là một cái mộng-tưởng của kẻ nhiệt-thành cuồng-vọng, thì âu cũng xin vâng. Nhưng bao giờ tôi cũng tâm-niệm tin-theo và một lòng cả quyết cho rằng chỉ đấy mới là cái lý-tưởng xứng-đáng về sự hôn-nhân mà thôi.»

Đó là lời nói của ông dịch ra để giới-thiệu cùng độc-giả đồng-bào cái quan-niệm của ông về vấn-đề này vậy.

. . .

Kết-luận

Xét ra ông Ti-thoát-mân mà sở-dĩ lưu-tâm đến vấn-đề phụ-nữ là cũng vì ông chịu ảnh-hưởng của Tay-lộ phu-nhân. Ông yêu bà mà thành rộng yêu đến hết cả các bạn quần-thoa. Ông hạnh-ngộ gặp bà, nên ông càng

(1) Ông cho cái lý-tưởng hôn-nhân là ở sự giao-kết về tinh-thần tình-cảm.

mong cho hết-thảy ai cũng đều gặp được người như bà cả. Tuy-nhiên, ông cũng biết rằng ở đời này có được những người như bà rất hiếm, chẳng qua cũng chỉ là những cái tinh-hoa của nhân-loại về phần thiểu-số mà thôi. Nhưng ông là một nhà bác-học có quả-quyết nhiệt-thành, đối với nhân-loại ông còn mong cải-tạo, huống đối với phụ-nữ là cái phái của vợ ông, lẽ nào ông đành thúc-thủ cho cam

Ông muốn cải-lương phụ-nữ vậy. Muốn cải-lương thì phải có phương-pháp. Phương-pháp ông dùng bất-ngoại cũng chỉ là nhờ vào giáo-dục mà thôi.

Giáo-dục có thể biến-hóa được tinh-thần, di-dịch được phong-tục, nuôi-dưỡng được linh-hồn, mở-mang được tinh-tính. Biết đâu sau này chả nhờ ở giáo-dục mà cái hạnh-phúc ông đã được hưởng sẽ thành nên cái hạnh-phúc chung cho hết thảy nhân-loại hoàn-cầu? Thực là một cái hi-vọng xứng-đáng của một nhà triết-học công-lợi vậy.

Những bậc thiết-thế ưu-thời trong xã-hội Việt-Nam ta liệu có biểu-đồng-tình cùng ông chăng?

Những bạn nữ-lưu tri-thức trong giống nòi Hồng-Lạc ta liệu có cho thế là phải chăng?

Tôi xin kính hỏi mà không dám mạo-muội trả lời.

THIẾU-SƠN

KHẢO VỀ TÔN-GIÁO NHẬT-BẢN

II

Sau xét ra, tôn-giáo đời Đức-xuyên, rất có quan-hệ với buổi đầu đời Minh-trị là việc Thần-đạo phục-hưng đó. Kỳ-thủy thì họ Cát-điền 吉田 xướng lên thuyết « *duy-nhất thần-đạo* 唯一神道 », dựng riêng ra một lá cờ mà đối-lập với hai đạo Nho Phật. Song thuyết ấy cũng bất-quá trá-ngụy như những thuyết của phái Lưỡng-bộ là phái đã có cũ rồi. Đến cuối niên-hiệu Khoan-chính, có ông Sơn-kỳ Diêm-trai 山崎闇齋 đưa vào học-thuyết của Tống nho để giải-thích Thần-đạo Sau lại có Thần-đạo của phái Thủy-gia 垂加, được ông Hầu Hội-tân 侯津侯 tin theo, nên thịnh-hành ở xứ Hội-tân và hai xứ Kinh-đô, Giang-hội Phái này có công cũng không kém gì bọn ông Đằng-thụ, ông Tố-hành xướng lên chủ-nghĩa Vương-học; ông Nhân-trai sùng chủ-nghĩa cổ-học và phái Thủy-hộ soạn sách quốc-sử.

Cách đó không bao lâu, có ông Duyên-giai 延佳 đem nghĩa kinh *Dịch* để giảng Thần-đạo; ông Thiển-kiến Cương-trai 淺見綱齋, ông Tam-trạch Thượng-trai 三宅尚齋 noi theo lại những thuyết của ông Diêm-trai; khiến cho đạo-đức, nghi-thức của Thần-đạo đến bấy giờ mới tiềm-tiệm hoàn-bị

Tuy-nhiên, những đạo-đức nghi-thức của mấy nhà đó, kỳ-thực cũng chỉ viện-dẫn những thuyết cũ của phái Chân-ngôn cùng phái Tống-học ép-uổng vào cho thành đấy thôi. Mãi về sau đến ông Vũ-nội-thức-bộ 武内式部 chịu được cái ảnh-hưởng «*cổ học phục-hưng* ». Một đàng thì theo về lý-thuyết của phái Thủy gia, một đàng thì hô-ứng với cái học-phong ở đất Thủy hộ, rồi đem ý-nghĩa thần-đạo mà cổ-động thuyết « *vương-bá* 王伯 » để cảm hóa các quan công-khanh, thì nhà này

mới thực là dự-bị cho cái chủ-nghĩa «*vương chính phục-cổ, tế-chính nhất-trí* 王政復古,祭政一致» là chủ-nghĩa quốc-giáo của Nhật-bản vậy.

Xét ra mấy phái Thần-đạo của Nhật-bản bấy-giờ như phái Cát-điền, phái Thủy-gia, và vài phái nữa, như phái Hắc-trụ-lưu, phái Quan-thần ngộ-đạo, vân-vân, phàm giáo-nghĩa, kinh-điển, nghi-thức cùng danh-mục của họ, tiếng là Thần-đạo mà kỳ-thực là cái chủ-nghĩa triết-trung mà hỗn-hào tạp-loạn cả. Duy từ bọn ông Chân-Uyên 眞淵 nghiên-cứu kinh *Vạn-diệp* 萬葉 là bộ sách cổ của Nhật-bản thì mới tảo-trừ hết những cái tệ-phong trên kia mà hiện ra một cái mặt-mũi mới vậy.

Xem như ở Ấn-độ có Phú-lan-na 富蘭那 khảo cầu về sách Vi-đà cổ-kinh 韋陀古經 thì tự-nhiên thành ngay ra cuộc cải-cách Phạm-giáo và lập ra giáo hội A-ly-á. Cho đến Âu-châu cũng thế, thì biết rằng hễ đã nghiên-cứu đến cổ-điển là tất sinh ra cái tinh-thần phục-cổ; mà trong cái tinh-thần phục-cổ đó lại sinh ra một cuộc vận-động mới. Vậy thì cổ-điển với tân-vận-động là nhân-quả với nhau, không còn ngờ gì nữa. Nay người Nhật-bản nghiên-cứu sách *Vạn-diệp* và soạn sách quốc-sử, thì tự-nhiên đều nổi lên lấy sự bài-sích chủ-nghĩa triết-trung mà phát-huy tinh-thần tín-ngưỡng có sẵn của Nhật-bản làm việc chủ-yếu. Vả bọn Hán-học say-mê lối Tàu đến phái Mậu-khanh là cực-điểm. Cho nên cái sức phản-động nó quay lại mà khiến cho người ta lại biết trọng đến sách sử và chữ viết của nước nhà. Sau rồi đến kẻ làm thơ ca cũng bắt-chước cái giọng khí-khái của sách *Vạn-diệp*. Viết chữ cũng theo lối chữ trong sách *Vạn-diệp* mà không nề gì là lối chữ bất-tiện. Thế rõ thật là muốn uốn lại cho khỏi cong mà lại thành thẳng quá.

Sau nữa có Bình-điền đốc-dận 平田篤胤 lại phát-huy nghĩa Thần-đạo chân-chính của đời cổ ra. Thuyết của ông nói rằng: «*Đấng Thiên-hoàng* 天皇, *là một đấng nhân-thần hiện-tại đó. Nay đấng Thiên-hoàng đã bước lên ngôi hoàng-vị là cái ngôi trung-cửu vô-cùng trong trời-đất mà đức Thiên-chiếu thái-thần* 天照太神 *đã ban cho đức Thiên-tôn* 天孫, *thì công việc của Triều-đình là phải hợp việc tế-tự với việc chính-trị làm một. Vậy phàm là nhân-dân Nhật-bản ai cũng phải hiểu tỏ cái ý «tế-chính nhất-trí» ấy mà hợp cái lòng kính-thần với cái bụng trung-quân làm một mối.*» Cứ như thuyết của phái này thì gọi cho là phái «*quốc-thể Thần-đạo*» mới phải.

Kể cái thuyết quốc-thể thì đã thịnh tự phái Thủy-hộ rồi. Phái Thủy-hộ thì đem cái ý «*nhân-nghĩa*» của Nho-giáo mà tưởng nhớ đến vương-chính của Nhật-bản đời xưa, thế mà bây giờ bọn quốc-học lại xướng lên nghĩa Thần-đạo về quốc-thể, để tôn-sùng cổ-điển và hâm-mộ sự tế-chính nhất-trí từ hồi mới lập-quốc. Coi đó thì biết cái tinh-thần phục-cổ của Nhật-bản bấy giờ đã đầy-dẫy uất-kết cả ở trong đám học-giả, chỉ đợi dịp mà phát-tiết ra đó thôi. Lại nhân bấy giờ nhà Đức-xuyên cai-trị làm mất lòng dân mà cái văn-hóa ở Giang-hộ cũng lưu-tệ thành ra xa-xỉ. Bọn Vũ-nội-thức-bộ là những tay hào-hiệp thì thường đem nỗi bất-bình đến mà tỏ với các quan công-khanh. Vua Nhật-bản bấy giờ lại được ông Quang-cách Thiên-hoàng là một ông vua rất thông-minh. Thiên-hoàng thường lấy cái sự chuyên-quyền của Mạc-phủ làm rất căm-tức. Cho nên cái cuộc nhất-biến phục-cổ bấy giờ đã có cái cơ nguy-ngập lắm rồi. Xẩy gặp ngay các nước Âu-Mĩ kéo đến, bách Nhật-bản phải cho họ vào thông-thương, Mạc-phủ đang cầm chính-quyền, ý muốn gượng theo. Bởi vậy

bọn chí-sĩ Nhật-bản lúc ấy bèn nhân được dịp may mà tuyên-bá lên cái nghĩa « *tôn vương nhương - di* ». Họ nhất-cử lên một cái mà thành ngay cuộc cải-cách đời duy-tân vậy. Nay xét ra mới biết cái thế-lực rất lớn của cuộc vận-động ấy là bởi cái chủ-nghĩa «*tế chính nhất-trí*» khiến nên.

3 — Việc tế chính nhất-trí về hồi đầu niện-hiệu Minh-trị

Chính-phủ Minh-trị đã thành-lập rồi, những người đương lộ chủ trì cái thuyết « *tế-chính nhất-trí* » là một chủ-nghĩa thuần-túy quốc-giáo. Tháng giêng năm Minh-trị nguyên-niên, nhà nước Nhật-bản đặt ra khoa Thần-kỳ 神祇 cho dựng đầu cả bảy khoa thuộc về quan Thái-chính quản-đốc. Tức như bộ Lễ của Lục-bộ triều-đình Việt-Nam ta. Nhật-bản nay đặt ra khoa này là khôi-phục lại lối quan-chế về thần-kỳ đời xưa đó.

Đến khi cái loạn đông-bắc ở Nhật-bản đã yên rồi, nhà-nước thiên đô sang Đông-kinh, rước xa-giá Thiên-hoàng đến làm lễ ở thần-xã Đại-cung Băng-xuyên 大宮氷川 để thực-hành việc tế-chính nhất-trí một cách long-trọng.

Bấy giờ nhà-nước Nhật-bản vì giữ chủ-nghĩa quốc-giáo, nên muốn phàm đạo-giáo nào ở ngoài quốc-điển là nhất-thiết cấm-tuyệt hết. Bắt đầu muốn cấm lối Thần-đạo của phái Lưỡng-bộ là phái thờ Thần với Phật làm một, vì thế hạ lệnh không cho miếu Thần với chùa Phật hỗn-hợp làm một. Trong miếu thờ Thần không được bày tượng Bụt, nhà sư không được trông coi thần-xã như trước nữa.

Kể từ nhà sư Không-hải thu-xếp Thần với Phật hợp làm một đến nay đã bao lâu lại phân ra làm hai. Ngày xưa đến mấy vạn người mặc áo cà-sa để lễ Thần, mà bây giờ nếu ai không tuân theo những chương-trình của Thần-kỳ sự-vụ-cục 神祇事務局 đã nghị-định mà cải bỏ lối cũ đi để làm một chức Thần-quan thuần-túy thì phải lìa bỏ ra ngoài thần-đạo mà làm kẻ tăng-nhân vậy thôi

Bọn tăng-đồ gặp đang lúc tiến-thoái dở-dang như thế, thế mà các quan chấp-chính ở các phiên hiểu biết ý-kiến của Chính-phủ muốn hết sức thi-hành cho kỳ được, nên họ quyết thi-hành bằng cách cường-bạo, chứ không chịu để cho ai dám nhờn với mệnh-lệnh Triều-đình. Vì vậy các quan xét trong sổ-sách cũ của miếu Thần phái Lưỡng-bộ có cái gì hơi-ho là của Phật-giáo thì tịch-biên lấy hết. Bao nhiêu tượng Bụt đồ thờ Phật ở trong các thần-xã đều đem xếp đống ra ngoài đồng mà đốt.

Bọn tăng-đồ lúc đó vốn không có lòng gì kháng-cự với tân-chính, nhưng các quan các phiên làm thế cũng là tệ quá. Nên bọn tăng-đồ họ lấy làm căm-tức lắm.

Vả lại nhân-dân Nhật-bản từ tổ-tiên đến nay, việc quan việc hôn thì lễ Thần mà việc táng việc tế thì cúng Phật. Người ta tin rằng Thần với Phật hai mà là một, chứ không khác gì nhau. Nay họ trông thấy cái tình-hình như thế thực là một sự không ngờ. Họ sợ-hãi ngờ-vực không biết là chừng nào. Bấy giờ những bọn bất-bình trong chính-giới, nhờ gió bẻ măng, bèn xui-giục bọn kia để kháng-cự lại tân-chính tân-giáo của nhà-nước, xa gần hưởng-ứng, chỗ nào cũng thấy nhao-nhao cả lên.

Kỳ-thủy các quan giữ về chủ-nghĩa quốc-giáo, cố ý cải-cách cho được, không ngờ thành kết-quả đến như thế. Bấy giờ các người đương-cục rất kinh-sợ, nhưng việc đã trót, không biết làm thế nào. Bèn phải tìm cách vỗ yên mà hạ một đạo sắc-lệnh rằng: «*Bản-ý Triều-đình không muốn thi-hành nghiêm-ngặt như thế đâu. Vậy sức các hạt phải thông-hiểu cho nhân-dân biết.*»

Từ đó các phiên mới tuân theo ý-kiến của Triều-đình, cải lối thi-hành lại. Nhất - diện đàn - áp những nơi tao-nhiễu, trừng-trị kẻ đáng nghiêm thì nghiêm, kẻ đáng khoan thì khoan. May yên ngay không thành to việc.

Tuy thế nhưng những người đương-cục vẫn muốn cho chủ-nghĩa ấy thực-hành. Bèn bắt các vị thân-vương đã xuất-gia đều phải dề tóc mà hoàn-tục. Lại cấm các con em nhà các quan công-khanh không được bỏ nhà mà cạo đầu đi tu. Thậm-chí đến chính những đệ-tử nhà Phật cũng đều ép phải hoàn-tục. Không cho bọn trọc đầu được ra vào chỗ quan-nha. Cực chẳng đã, bọn tăng-đồ bèn đại-xướng lên một huyết rằng: « *Phật-giáo không có hại gì đến quốc-thể Nhật-bản mà lại quan-hệ với nhà vua nhiều lắm. Vậy muốn giáo-hóa cho nhân-dân thì không nên một ngày nào bỏ Phật-giáo đi được* ». Trong tăng-đồ có người đội tóc giả vào đầu để được vào yết-kiến quan Thái-chính mà kêu-cầu và biện-luận cái lẽ không nên bỏ Phật-giáo. Đó thật là một câu chuyện rất thú lúc bấy giờ.

Xét lại cái tư-tưởng Thần-đạo thuần-túy của Nhật-bản thì khởi-xướng ra từ học-phái đất Giang-hộ. Bọn Quang-quốc, Hoàng-môn đã thi-hành ra trong xứ mình ở. Kế được phái cổ-học lại giúp sức vào. Nay phái Bình-điền bèn làm thành cái việc bài-Phật hưng-Thần. Những học-huyết của bọn này rất mật-thiết với cái tinh-thần « *tôn vương nhương di* » mà làm một cái nguyên-động-lực lớn cho cuộc duy-tân Nhật-bản vậy. Vì thế cho nên những tay có thế-lực bấy giờ ai cũng giữ một tôn-chỉ ấy mà muốn đem lý-tưởng ra làm thực-hành, nên mới sinh ra những làn sóng to như thế.

Đến khi cuộc duy-tân Nhật-bản đã định yên rồi, người Nhật-bản mới hiểu thời-thế mà biết rằng đóng chặt cửa quan không phải là kế giữ được nước. Nên chỉ cái thuyết « *nhương di* » bèn im hẳn mà cái việc phế Phật là việc bậy cũng thôi ngay.

Tháng giêng năm Minh-trị thứ tư, Thiên-hoàng Nhật-bản tới cung Thần-kỳ làm lễ tế Thiên thần Địa-kỳ tâm ngôi thần và các vị Thiên-hoàng. Liền hôm ấy đặt ra quan Tuyên-giáo-sứ 宣教使 để làm chỗ cơ-quan tuyên-truyền giáo-hóa và Thần-đạo. Coi đó thì sự tế-chính nhất-trí là chủ-nghĩa quốc-giáo của Nhật-bản bấy giờ vẫn chưa biến đổi gì. Nhưng người ta đối với cái vấn-đề phế Phật thì cũng ôn-hòa rồi. Trong bọn các quan công-khanh ít người hiểu cái ý bài-Phật ra làm sao, nên họ nói rằng: « *Từ đời thượng-cổ, Phật-giáo truyền vào nước ta, ông Thánh-đức thái-tử hợp Nho với Phật lại làm một, thì Phật-giáo đã nghiễm-nhiên thành quốc-giáo rồi. Vả Phật-giáo không những không trái ngược gì với cái chủ-nghĩa tế-chính nhất-trí mà lại giúp thêm cho nữa. Vậy hà-tất phải trừ-khử đi cho sạch mới sướng bụng hay sao.* » Vì thế các người đương-cục nghe thấy lời ấy cũng phải chuyển lòng. Có những ông như Tam-Điều 三條, Nham-Xương 岩倉 là những bậc trung-hậu trưởng-giả, bắt đầu xướng lên cái nghị rằng: « *Hễ Phật-giáo mà điều gì không trái với quốc-giáo thời không cấm. Cứ những lời quan Thái-chính tuyên-bố giáo-nghĩa năm Minh-trị thứ tư tức là cái cơ-sở của quốc-giáo đó* ». Lại trát sức cho các phiên phải tra xét xem nhân-tình phong-tục trong xứ mình xưa nay tín-ngưỡng thế nào thì điều-hòa mà thi-hành cho hợp. Lời trát-văn ấy nói rằng:

« *Điều cốt-yếu của quốc-giáo là phải kính thần-minh, tỏ nhân-luân, để cho ức-triệu thần-dân nhờ đó mà chính-tâm và cung chức, để phụng-sự Triều-*

đình. Bởi vì không có giáo để chỉ-dẫn thì người ta không biết đâu mà chính-tâm ; không có chính để cai-trị thì người ta không hết lòng cung-chức. Ấy vậy mà chính với giáo phải nhờ nhau mà thi-hành.

« Nay đương khi Nhà-nước đổi mới, (lược) việc gì cũng cải-cách cả lại. Thế mà điều đạo-giáo lớn chưa phổ-cập, lòng người không nhất-định, mê bỏ cả con đường chính nên theo. Vậy thì còn việc gì là cấp-vụ hơn việc tuyên-giáo nữa.

« Người ta là giống khôn thiêng hơn hết vạn-vật, Thần-minh rất có lòng phù-hộ cho. Kể từ đức Thiên-tôn phụng lời sắc-mệnh của đức Hoàng Thái-thần 皇太神 xuống làm vua đất này mà vỗ yên trăm họ, rồi các đức tiên-hoàng nối ngôi, các ngài đều ở theo như lòng đức Thái-thần. (Lược) Vậy cho nên kẻ tuyên-bố điều đại-giáo của nước nhà phải thành-thực mà hiểu thấu lấy cái ý ấy, xét xem nhân-tình từng nơi, phong-tục từng chỗ mà điều-hòa giảng-bảo, khiến cho ai nấy đều cảm-hóa phấn-trấn lên. Tự mở-mang lấy cái tri-thức của Thần cho, tỏ rạng lấy cái đạo-nghĩa của loài người. Kính đấng Thần-minh cho khỏi phụ lòng quyến-ái. Mến Thánh-triều cho khỏi phụ nghĩa cưu-mang. Để cho được bước lên cuộc duy-tân thịnh-vượng Như thế mới phải là bản-ý của nghĩa « chính-giáo nhất-trị » đó. »

Từ đó cái chủ-nghĩa tế-chính nhất-trị của Nhật-bản đổi ra làm chủ-nghĩa chính-giáo nhất-trị. Đến tháng hai năm Minh-trị thứ năm, cải Thần-kỳ tỉnh 神祇省 ra làm Giáo-bộ tỉnh 教部省. Ý nhà-nước muốn mượn cái sức chính-trị để mà duy-trì và mở rộng đạo-giáo, nên cho cả thần-quan và tự-tăng đều được lĩnh chức Giáo-đạo 教導 để giữ việc truyền-bá đại-giáo. Sau lại lấy việc diễn-kịch để làm việc truyền-giáo, mà những đầu kép hay có tiếng cũng được bổ chức Giáo-đạo cả. Đó thực là cái kết-quả của chủ-nghĩa chính-giáo nhất-trị vậy.

Rồi lại đặt ra Văn-bộ tỉnh 文部省 để làm chỗ cơ quan cho sự giáo-dục, thì lại đem cả các sự-vụ về sự giáo-hóa của Giáo-bộ-tỉnh mà cho thuộc cả vào làm một. Còn những chức coi về việc nghi thức tế-lễ thì qui vào Thức-bộ-liêu 式部寮. Lại đặt ra Đại-giáo-viện cùng các cơ-quan của viện ấy để giám-đốc những sự thuyết-giáo của hai bên Thần Phật, và bắt phải theo trong ba điều luật-văn rằng : « 1º) *Phải hiểu theo cái ý kính Thần yêu nước*; 2º) *Làm cho tỏ rạng đạo-lý của trời đất và của loài người*; 3º) *Kính mến đức Hoàng-thượng và tuân theo mệnh-lệnh của Triều-đình.* » Từ đấy Thần với Phật cùng ngang hàng với nhau. Năm thứ sáu phế Giáo-bộ-tỉnh thì cái chủ-nghĩa quốc-giáo bèn đứt quãng đi từ đó, và khai-đoan ra cái việc công-nhận giáo-hội cũng từ đó.

Kể hồi đầu năm Minh-trị thì ở Nhật-bản cũng vẫn theo lệ cũ của Mạc-phủ mà chưa bỏ cái luật cấm đạo Thiết-chi-đan đi. Lại đem phân-sáp cả bọn giáo-dân ở Tràng-kỳ ra các nơi. Nên chi các nước Âu Mĩ người ta nghe thấy việc đó, cho rằng chính-phủ Nhật-bản làm thế là có phương-ngại cho việc đạo-giáo, bèn yêu-cầu phải phế điều luật cấm đạo Cơ-đốc đi. Dư luận các nước nhôn nhao lên. Chính-phủ Nhật-bản mới phải bỏ điều luật cấm đạo Thiết-chi đan đi. Từ bấy giờ đạo Cơ-đốc lại lan vào khắp nước Nhật-bản.

Nói tóm lại, tôn-giáo Nhật-bản hồi đầu Minh-trị, do chủ-nghĩa quốc giáo mà tiến lên chủ-nghĩa công-nhận giáo-hội. Trong khi mới cải-cách, làn sóng vỗ mạnh, nên xử-trí cũng có một đôi điều khinh-cử vọng-động chứ chẳng

không, như là cái lệ ban quan-chức vị-thứ cho các tăng-đồ thì đã bỏ đi rồi, bỗng lại đặt ra 14 cấp về những chức Giáo-đạo, là chức Giáo-chính, chức Giảng-nghĩa, v. v.. Tục hỏa-táng đã cấm rồi lại thì cấm ngay. Thậm-chí đem cả ba cái qui-tắc trong giáo-điều ra làm trò chơi và còn làm lắm việc trò trẻ hơn nữa. Tuy thế nhưng đối với việc giáo-hóa hồi duy-tân, người Nhật-bản còn làm được nhiều điều tiến-bộ lắm, ta không có thể quên đi được.

(*Còn nữa*)

Đỗ-NAM *biên-dịch*

DANH-NHO NƯỚC TÀU

Lục Cửu-Uyên

(Phụ chép Lục Cửu-Linh)

Lục Cửu-Uyên 陸九淵 là một kẻ nhà nho trác-tuyệt đời Nam-Tống, cùng với phái học thầy Chu Hi thực có chốn dị-đồng (hoặc giống nhau hoặc khác nhau). Vì phái học của Chu Hi kiêm trọng về đường học-vấn, phái học của Lục Cửu-Uyên chuyên-trọng về đường đức-tính. Tiên-sinh tên tự là Tử-tĩnh 子靜, người đất Kim-khê châu Phủ-châu. Thuở lên bốn tuổi, có hỏi người cha, là Lục Hạ rằng: « Trời đất cõi nào là cõi cùng? » Lục Hạ lấy làm kinh-dị, chỉ cười mà chẳng đáp lại. Rồi tiên-sinh chỉ một mình cùng-cực tư-tưởng về cái huyền-lý trong cõi trời đất mãi, đến nỗi quên cả sự ăn sự ngủ. Kịp mười bốn mười lăm tuổi, nghe người ta đọc những lời nói ở trong sách Trình Y-Xuyên tiên-sinh liền lấy làm sợ-hãi, và tỉnh-ngộ nói rằng: « Ta tự biết trong mình ta dường như có dấu vết thương đau, mà đã gặp thầy thuốc rồi vậy». Tiên-sinh cùng với người anh là Lục Cửu-Linh nối gót nhau đỗ tiến-sĩ, cùng nhau thay đổi làm đạo thầy bạn, dùi mài giảng-luyện, thân yêu nhau mà chẳng a-dua nhau.

Thầy Cửu-Linh 九齡 tên tự là Tử-thọ 子壽. Đương thuở người Tần Cối chuyên quyền nước, sĩ-phu trong đời không ai nói đến học-thuyết họ Trình, mà thầy Cửu-Linh một mình tôn-tín học-thuyết họ Trình, cùng với em là tiên-sinh cùng được người đời tôn-trọng, gọi là hai thầy Lục đất Giang-tây. Lối học của hai thầy Lục, chuộng cùng-cực về đường tâm-tính bản-nguyên, mà chẳng làm về sự thích nghĩa từng câu, giải nghĩa từng chương, chi-diệp vụn-vặt, chỉ sùng-tín về đạo Khổng Mạnh. Ít lâu thầy Cửu-Linh được cử chức giáo-thụ ở Quế-dương-quân; vì cớ cha mẹ đường xa, xin cải chức ở quận Hưng-quốc. Tiên-sinh chửa đi nhiệm-chức, gặp đất Hồ-nam khi ấy có giặc Trà-Khấu nhiễu-loạn, người miền đất Lư-lăng tổ-chức mộ cánh quân xã-đoàn, gọi là Nghĩa xã-quân, muốn thỉnh thầy Cửu-Linh ra chủ trương nghĩa-xã, để phòng bị giặc cướp. Học-trò trong cửa phần nhiều người tỏ ý chẳng bằng lòng, cho rằng sao chẳng thỉnh thầy ta chủ-trương việc văn là việc giáo dục an-nhân, mà thỉnh thầy ta chủ-trương việc võ là việc phong-trần khó nhọc. Thầy Cửu-Linh nói rằng: « Đời đấng tiên-vương ngày xưa có việc chinh-phạt, thì

hàng công-khanh tức là hàng tướng-súy, việc văn việc võ là một việc, không phải là hai việc vậy.» Thầy Cửu-Linh liền nhận việc chẳng từ chối; việc binh-lương điền-độ, việc đồn-lũy phòng-ngữ, đều có phương-pháp; miền Lư-lăng dân nhờ được yên. Kịp khi Cửu Linh đến quận Hưng-quốc chẳng lấy chức giáo-thụ là chức an-nhàn mà tự mình phóng-dật, lại càng nghiêm-nghị qui-tắc để tự-xử, hàng ngày nghiêm chỉnh áo mũ, như làm chốn triều-đường, phần thì khuyên dạy, phần thì dẫn tiếng, kẻ sĩ ai nấy đều hưng-khởi. Lúc ấy tiên-sinh cũng cử làm chức chủ-bạ đất Tĩnh-an, liền có tang mẹ, anh và em đều về nhà thủ tang-chế. Tang hết, thầy Cửu-Linh lại được cử làm chức giáo-thụ đất Toàn-châu, chửa đi nhận chức, chợt phải bệnh, liền mất, tuổi bốn mươi chín, tên thụy là Văn-đạt 文達.

Tiên-sinh khi ấy cũng được cử làm chức chủ-bạ đất Sùng-an, vì cớ người Sử-Hiệu là kẻ nịnh-thần tiến-cử nên không chịu nhận chức. Triều-đình lại cố tiến-cử tiên-sinh làm chức Quốc-tử-chính. Tiên-sinh phụng sắc-lệnh vua Quang-tôn san-định cái lịch-sử hay dở của các quan về việc năm Tĩnh-khang là năm vua Cao-tôn tránh nạn giặc Kim chạy sang sông. Tiên-sinh nhân khảng-khái cảm-động về nghĩa phục-thù, mới hỏi tìm những kẻ sĩ trí-dũng trong thiên-hạ để cùng bàn cái kế-sách lớn. Vì thế tiên-sinh lại càng tinh-hiểu về những sự hình-thế yếu-hại, quân-sự lợi-bệnh, và nhân-vật đoản-trường.

Chửa bao lâu, tiên-sinh nhân tại triều tiến-đối, bày tỏ cái đạo ngũ-luân để trị nước, lời ý rất hay, vua Tống đều khen phải, nhắc làm chức Tương-tác giám-thừa. Bị kẻ tiểu-nhân là viên Cấp-sự-trung Vương Tín bài-bác, phải đi nhận chức chủ-quản Sùng-đạo quán ở Thai-châu, rồi về Qui-khê tức là chỗ Kim-khê, có quả núi hình con tượng, tiên-sinh lên đó mà vui thích, kết một tòa nhà tranh ở trên núi, tự-hiệu là Tượng-sơn-ông. Học trò bốn phương lại học cả đông, mỗi khi khai-giảng, ngoài cửa đầy chật những giầy dép; kẻ kỳ lão vùng ấy hằng ngày chống gậy đến xem nghe. Tiên-sinh thường bảo học trò rằng: « Học-trò lúc bình-nhật tuy gọi là kẻ sĩ-nho, nhưng kỳ-thực đã từng có mấy người chịu giốc chí về sự-nghiệp thánh-hiền; chỉ a dua theo tục chìm nổi, đời ngửa lên trông cái gì, thì mình cũng ngửa lên trông, đời cúi xuống nhặt cái gì, thì mình cũng cúi xuống nhặt, chìm đắm u-mê, tự mình chẳng biết tỉnh-ngộ phấn-chấn; ngày tháng qua lại, tuổi già đến nơi, rồi tự-nhiên có cái sỉ-nhục trăm năm cùng với cây cỏ đều nát. Từ nay kẻ nào biết sợ biết xấu, thì nên quả-quyết lập-chí, mà cầu lấy cái phương-pháp dũi mài hàm-dưỡng vào cửa thánh-hiền, thấy điều thiện thì bắt-chước, có điều lỗi thì đổi đi, ta chắc rằng không kẻ nào là chẳng được ích đó. » Hoặc có người khuyên tiên-sinh làm sách để giải-thích các nghĩa kinh. Tiên-sinh nói rằng: « Sự-nghiệp của thánh-hiền ở trong sách, tức là sáu kinh giải-thích cho ta; thân ta thực-hành được lời nói của thánh-hiền, tức là ta giải-thích cho sáu kinh. »

Khi ấy thầy Chu Hi đương lĩnh chức Tri-nam khang-quân, sửa-sang lại cái Bạch-lộc thư-viện, tụ-tập học-trò giáo-dục ở trong viện. Tiên-sinh đi qua, thầy Chu Hi dóng-dả bạn đồng-liêu ra đón tiên-sinh vào thư-viện, thỉnh tiên-sinh đăng giảng-tịch. Tiên-sinh mới giảng-thuyết về ý quân-tử tinh hiểu về đường nghĩa, tiểu-nhân tinh hiểu về đường lợi trong sách *Luận-ngữ*; khẩn-thiết rộng-rãi, kẻ nghe chẳng ai là chẳng rất lấy làm cảm-động ở trong tâm, thậm-chí có kẻ chảy nước mắt mà khóc, thầy Chu Hi phải vì nhường ghế

đứng lên, khen ngợi cảm-tạ cho là thiết-trúng cái bệnh cố-tật trong chốn u-ẩn của người đời. Lời giảng-thuyết của tiên-sinh đại-lược nói rằng: «Kẻ đi học trước hết nên phân-biệt lấy cái chí, phàm người ta sở-chí về đường nào, thì tinh hiểu về đường ấy; người ta sở tinh hiểu, là do người ta sở luyện-tập; người ta sở luyện-tập, là do người ta sở khuynh-hướng. Cái chí-thú người ấy đã khuynh-hướng về điều nghĩa, thì hàng ngày sở luyện tập đó, tất là toàn những sự nghĩa; khuyên luyện mãi về sự nghĩa, thì rạch rõi về đường nghĩa vậy. Cái chí-thú người ấy đã khuynh-hướng về đường lợi, thì hàng ngày sở luyện-tập đó, tất là toàn những sự lợi; khuyên-luyện mãi về sự lợi thì rạch-rõi về đường lợi vậy. Cho nên chí-hướng của người đi học, trước hết phải nên phân-biện, cho khỏi lầm đường. Cái sự cơm no áo ấm để lung-lạc người, thì đời nào là chẳng có, kẻ làm sĩ đua nhau lấy thế làm vẻ-vang, chìm đắm mà chẳng tự siêu-thoát lên được, thì cái chí-thú của mình khuynh-hướng khi đó cùng với đạo thánh-hiền đã trái quách đi rồi. Suy ra mà tiến lên bậc nữa thì lại chỉ ngồi quan cao thấp, số lương hậu bạc, chức quan béo gầy là so kề mà thôi; những hạng người ấy, há có khi nào hết lòng về việc nước, hết sức về việc dân, để kỳ lấy không phụ cái trách-nhiệm của mình đó thay! Nếu biết xét kỹ mà tỉnh-ngộ ra rằng cái thân mình là trời đất sở-phú cho, cha mẹ sở sinh ra, người đời sở ngưỡng-vọng vào, không có thể để cho cái thân mình rút lại là một thứ người tiểu-nhân. Thì nên đối với những đường lợi-dục của kẻ ngu-tục, phải xót-sa lấy làm đau đầu xót ruột, mà chuyên-chí về đường nghĩa, hàng ngày gắng lên. Nào học cho rộng, nào hỏi cho tinh, nào nghĩ cho đáng, nào biện cho minh, mà lại cốt ở về thực-hành những điều mình sở-học. Như thế tiến lên một bậc mà nổi danh với đời chắc là cũng bỗ công tụng-độc lúc bình-nhật, mà ngõ-hầu không đắc-tội với thánh-hiền. Như thế mà ra giúp đời chẳng nữa, chắc cũng đều xứng được chức-trách, nên được sự-nghiệp, để tâm với nước, để ơn với dân, mà cái phú-qui riêng của mình thì lấy làm xấu-hổ mà không thèm kể đến, há chẳng gọi là bậc người quân-tử đấy ru!»

Vua Quang-tôn lên ngôi, đặc sai tiên-sinh làm chức tri Kinh-môn-quân. Trấn Kinh-môn ở về khoảng sông Giang sông Hán, phía nam hãn-ngữ đất Giang-lăng, phía bắc cứu-viện đất Tương-dương, phía đông bảo-hộ đất Tùy đất Sinh, phía Tây đương chỗ xung-yếu miền Quang-hóa miền Di-lăng. Trước kia không có thành-lũy, lại có ít quân đóng, liền năm thường bị giặc Kim quấy nhiễu, Tiên-sinh thỉnh với triều-đình để đắp thành, triệu-tập quân nghĩa-dũng, hậu-cấp cho lương-bổng. Tiên-sinh thân-hành khuyến-đốc việc đắp thành. Kẻ công-dịch người nào người ấy vui lòng hết sức, chửa đầy một tháng mà đắp xong, từ đấy việc biên-phòng càng kiên-cố, giặc Kim không dám nom dòm. Nhân lãi cái lệ tra xét kẻ đi người lại ở chỗ quan-ải đi, mà giảm cho cái thuế hàng-hóa, việc thương-mại càng thịnh-vượng, hạng thuế thu nhập càng ngày càng thêm nhiều, thừa số để nuôi quân. Tiên-sinh làm việc chính-trị, phàm dân có việc tố-tụng, không cứ buổi chiều buổi sớm đều được đến thẳng dưới sân, ân cần xét hỏi. Dân đem sự-trạng đến kiện thì tất khuyên bảo cho đôi bên về nhà tự-xử lấy, mà hẹn kỳ đem đến trình-thẩm, không ai là chẳng vui-vẻ đúng hẹn mà đến trước sân bằng dường như không có sự kiện-tụng. Có sự gì can-thiệp đến cương-thường luân-lý, như cha con vợ chồng kiện nhau, thì khiến dân tự-hủy sự-trạng đi, chỉ lấy lời dỗ bảo mà thôi

đề thuần-hậu lấy phong-tục. Đối với hàng quan-lại kẻ nhân-dân trong cảnh-nội, người nào tham người nào liêm, người nào thiện người nào ác, chẳng người nào là chẳng biết khắp. Có kẻ đến kêu bị mất trộm mà chẳng biết tên đứa trộm là người nào, tiên-sinh chỉ tên ra hai người, bắt về tra hỏi, hai người ấy liền thú-phục, lấy được hết tang-vật ăn trộm đem trả người mất trộm. Lại một hôm nhân bảo với kẻ thuộc-lại rằng tất ở chốn ấy có người ấy làm càn. Sáng ngày mai quả-nhiên có người đến tố-giác sự mất cướp, mà tên đứa kẻ cướp tức là cái người tiên-sinh nói ra hôm qua, liền bắt về trừng-trị. Kẻ thuộc-lại cả kinh cho là đấng thần-minh. Tiên-sinh bảo cho rằng chẳng qua biết trước kẻ thiện người ác về lúc bình-nhật đấy mà thôi. Tiên-sinh đối với việc phòng-bị trộm cướp rất nghiêm, cho rằng khoan-dung cho người làm ác, tức là ngăn-trở cho người làm thiện. Làng nào làng ấy đều có phép bảo-ngũ, đặt ra đội-ngũ để bảo hộ lẫn nhau ; hễ có sự trộm cướp phát ra, thì tức-khắc truy bắt cho kỳ hết, chửa từng để sót một người ; lũ trộm cướp trước kia nhờn phép hoành-hành, từ đấy nín hơi lánh gót; nhân-dân đều được an-cư lạc-nghiệp, hưởng-thụ cảnh thái-bình. Mỗi khi có nạn nắng, tiên-sinh ra đảo-vũ thì được mưa ngay, người trong quận lấy làm thần-dị. Tiên-sinh ở trấn đầy một năm, chính-lệnh đại-hành, dân-tục thuần-mĩ ; các quan trong triều nối nhau dâng sớ tiến-cử tiên-sinh. Một hôm tiên-sinh bảo với người sở-thân rằng : « Đấng tiên-huynh ta từng có chí ở thiên-hạ, chửa được thi-thố mà mất, nay ta cũng sắp-sửa theo đấng tiên-huynh ta về dưới đất đây. » Lại bảo với kẻ thuộc-lại rằng : « Thân ta sắp sửa cáo-chung, nhưng ta còn phải vì dân ra đảo - tuyết. » Sáng ngày mai trời mưa tuyết, dân mừng được mùa. Tiên-sinh mới tắm gội thay áo ngồi nghiêm-chỉnh, đến ngày thứ hai, giữa ban ngày tiên-sinh vô-bệnh mà mất, tuổi năm-mươi-tư, tên thụy là Văn-an 文安. Tiên-sinh mất, dân Kinh-môn khóc lóc như chết cha mẹ.

Tiên-sinh cùng với anh là Cửu-Linh, trong nhà lũy-thế đồng-cư, không chia rẽ tài-sản gì cả, gọi là « Nghĩa-cư »; tôn một người tuổi rất cao đức rất tốt làm đấng gia-trưởng, việc trong một nhà đều phải thính-mệnh ; toàn-gia trăm miệng ăn, con trai con gái đều phải hết chức - phận ; trong chốn khuê - môn, tĩnh-túc như chốn triều-đình, mà hòa-kính vui-vẻ ; người làng cảm-hóa bắt-chước, đều có cái phong hòa - thuận. Tiên-sinh từng đọc sách, thấy đến câu : « Tứ phương thượng hạ rằng vũ, vãng cổ lai kim rằng trụ (1). » Hốt-nhiên cả tỉnh-ngộ nói rằng : « Sự trong vũ-trụ, tức là sự trong chức-phận mình, sự trong chức - phận mình, tức là sự trong vũ - trụ vậy. » Tiên-sinh lại nói rằng : « Bể đông có đấng thánh-nhân xuất-hiện, tâm ấy như nhau vậy, lý ấy như nhau vậy ; đến như bể tây bể nam bể bắc có đấng thánh-nhân nào xuất-hiện nữa, thì tâm ấy lý ấy, hà cũng chẳng thế dư ? » Kẻ học-giả gọi là Tượng-sơn tiên-sinh 象山先生.

Triệu Phục

Triệu Phục 趙復 là một kẻ nhà nho truyền cái đạo phương nam sang phương bắc về hồi nhà Nguyên mới diệt được nhà Kim. Tiên-sinh tên tự Nhân-phủ 仁甫, người châu Đức-an,

---

(1) *Vũ trụ* = Vũ là trỏ về cái hiện-tượng của không-gian, trụ là trỏ về sự biến-đổi của thời-gian.

sinh về cõi đất nước Kim, không được trực-tiếp với các hàng danh-nho nước Tống, nhưng bình-sinh rất mến học-thuyết họ Chu họ Trình họ Trương họ Chu 周程張朱. Hồi vua Thái-tôn nhà Nguyên, Thái-tử Khoát đi đánh nước Kim, tiến quân vây phá thành Đức-an; vì cớ thành Đức-an từng lực-chiến chống-cự không sớm hàng, khi quân Nguyên không phá được thành, tàn-sát cả nhân-dân trong một thành để hả lòng phẫn. Tiên-sinh khi ấy đã bị quân Nguyên bắt được toan đem giết, may trong quân Nguyên có một nhân-vật trọng-yếu là thầy Diêu-Khu cứu cho được thoát. Tiên-sinh lại nghĩ rằng chín họ nhà mình đều chết cả, dữ-kỳ một mình đi lên phía bắc, chẳng thà cùng chết theo chín họ còn hơn. Mới nửa đêm chạy ra chỗ bến nước ngửa mặt lên trời cả kêu than, sắp-sửa tự gieo mình xuống sông. Thầy Diêu-Khu vừa đuổi theo kịp, hết sức vì tiên-sinh khoan-giải thí-dụ. Tiên-sinh mới miễn-cưỡng cùng với thầy Diêu-Khu đều đi lên phương bắc. Trước kia phương nam phương bắc đường xá cách-tuyệt, sách-vở chẳng lưu-thông. Tiên-sinh là người thiên-tính rất cường-ký, đọc đến sách nào thì nhớ ngay sách ấy chẳng quên một chữ. Đến khi ấy tiên-sinh hết thảy đem những sách kinh-truyện chú-thích của thầy Trình thầy Chu ghi nhớ ở trong bụng mà chép ra để trao cho thầy Diêu-Khu. Kịp đi đến Yên-kinh nhất-thiết quan-chức đều từ chối không chịu làm, chỉ giảng học riêng mà thôi, học-trò theo học có hơn trăm người. Vua Nguyên Thế-tổ khi ấy còn ở chốn tiềm-đề, triệu tiên-sinh vào tiếp-kiến, hỏi tiên-sinh rằng: « Ta muốn cử-binh đi đánh nước Tống, nhà ngươi có thể giúp ta dẫn đường được không? » Tiên-sinh thưa rằng: « Tôi đối với nước Tống vẫn coi là một nước phụ-mẫu, nay dẫn nòi giống khác để đánh nước phụ-mẫu, điều đó là phi-nghĩa, tôi không nỡ làm. » Vua Thế-tổ nghe nói cả bằng lòng, nhân kính-trọng là người quân-tử, từ đấy không cưỡng-bách ra làm quan nữa.

Lúc ấy thầy Dương Duy-Trung cũng tôn-tín học-thuyết tiên-sinh, cùng với thầy Diêu-Khu cùng kiến-lập một cái thư-viện, gọi là « Thái-cực thư-viện ». Trong viện thờ ông Chu Liêm-Khê là vị chính, lấy hai họ Trình và ông Trương Tái ông Dương Thời, ông Du-Tạc, ông Chu Hi sáu đấng quân-tử nữa làm vị phối mà đón tiên-sinh vào giảng-thụ cho học trò ở trong viện. Tiên-sinh cho rằng tự đời họ Chu họ Trình trở về sau sách vở của các hàng tiên-nho rộng-rãi man-mác, học trò chửa có đường lối mà quán-thông. Mới cầu lấy nguyên-ủy trong đạo-thống, trên tự vua Phục Hi, vua Thần-nông, vua Nghiêu vua Thuấn sở-dĩ nối trời lập phép, ông Khổng-tử ông Nhan-tử ông Mạnh-tử sở-dĩ dạy đời lập giáo, dưới đến họ Chu họ Trình họ Trương họ Chu sở-dĩ phát-minh kế-tục, hết thảy đem vẽ ra bức tranh, gọi là « Truyền đạo đồ », mà đem mục-lục các sách của các thánh-hiền ghi ở sau bức tranh, để tiện cho học-trò kê xét. Tiên-sinh lại đặc-biệt làm ra bộ sách là « Y-Lạc phát-huy », để tiên-biểu cho cái tôn-chỉ trong đạo-học. Đến như đối với bọn chư-hiền trong cửa thầy Chu Hi, thì hoặc thấy ở trong các sách biên chép những họ tên đức-hạnh, hay hoặc truyền-văn người ta nói những câu danh-ngôn, cũng đặc-biệt làm ra bức họa-đồ, ghi lấy tên họ và đức-hạnh, chép lấy danh-ngôn, gọi là « Sư-hữu đồ », để ngụ cái chí-nguyện làm đệ-tử thầy Chu Hi. Tiên-sinh lại biên-tập một bộ sách, kể những ngôn-hạnh của ông Y-Doãn ông Nhan-Hồi gọi là « Hi-hiền-lục », khiến cho kẻ học-giả biết đường khuynh-hướng.

Kịp khi thầy Diêu-Phu từ quan-chức về thoái-ẩn, mới đem học-thuyết của tiên-sinh truyền rộng ra phương bắc; từ đấy kẻ hiền-sĩ phương bắc như lũ thầy Hứa Hành, thầy Lưu Nhân, thầy Giả Kinh, đều được những sách của tiên-sinh mà tín-ngưỡng; phương bắc mà biết có học-thuyết họ Trình họ Chu, thực là khởi-thủy tự tiên-sinh. Tiên-sinh làm người giản-dị hòa-vui, mà cao-khiết không gần thói tục; tuy ở Yên-kinh, chẳng quên nước cũ, thề không làm quan nhà Nguyên. Cùng với người càng chuân-trí về nghĩa giao-du, người bạn của tiên-sinh là Nguyễn Hiếu-Vấn danh-tiếng văn-chương đã áp-đảo cả một thời; khi Hiếu-Vấn về phương nam, tiên-sinh lại ân-cần tặng ngôn, răn về cái bệnh đua đuổi điều ngọn quên những điều gốc của nhà nho, cái ý tiên-sinh dạy người đại-khái như vậy. Vì nhà tiên-sinh tiếp-cận phương nam miền sông Giang sông Hán, là vì chí không quên nước cũ cho nên tự-hiệu là Giang-Hán. Kẻ học-sinh gọi là Giang-Hán tiên-sinh 江漢先生.

TÙNG-VĂN *biên-dịch*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

孟子國文解釋

XXXIII

XVI

人卿天善義人天孟
爵大爵不忠爵爵子
也。夫。也。倦。信。者。者。曰。
此公此樂仁有有

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả ; nhân nghĩa trung tín, lạc thiện bất quyện, thử thiên tước dã ; công khanh đại-phu, thử nhân tước dã.*

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Có thứ phẩm-tước của trời cho mình, có thứ phẩm-tước của người cho mình; điều nhân điều nghĩa điều trung điều tín, vui những điều thiện ấy chẳng trễ mỏi, ấy là thứ phẩm-tước của trời cho vậy; ngôi quan công quan khanh quan đại-phu, ấy là thứ phẩm-tước của người cho vậy.

Chú-giải. — Những điều đức-nghĩa trời cho có một cách tôn-quí tự-nhiên, gọi là *thiên-tước*; còn như phẩm-tước người ban cho mình nhờ đó mới được vẻ-vang, gọi là *nhân-tước*.

∴

從人爵。其人古
之。爵而天修之

Dịch-âm. — « *Cổ chi nhân tu kỳ thiên tước, nhi nhân tước tòng chi.*

Dịch nghĩa. — « Người đời xưa tu lấy cái phẩm-tước của trời cho, mà cái phẩm-tước của người cho tự-nhiên là nó theo đến.

∴

矣。必者則樂得要其今
亡也。惑其人人天之
而終之天爵。爵。爵。人
已亦甚爵。而既以修

Dịch-âm. — « *Kim chi nhân tu kỷ thiên tước, dĩ yêu nhân tước ; kỷ đắc nhân tước, nhi khi kỷ thiên tước, tắc hoặc chi thậm giả dã, chung diệc tất vong nhi dĩ hĩ.* »

Dịch nghĩa. — « Người đời nay mà có tu cái phẩm-tước của trời cho, chỉ cốt để yêu-cầu lấy cái phẩm-tước của người cho, thế đã là sai lầm rồi ; khi đã được cái phẩm-tước của người cho, lại bỏ ngay cái phẩm-tước của trời cho, thì lại là sai lầm lắm vậy ; rút lại cái phẩm-tước của người cho cũng tất đến mất đi mà thôi. »

Chú-giải. — *Hoặc* = Mê-hoặc sai lầm.

Toàn-chương này là nói người đời nay chỉ ham cầu lấy nhân-tước, mà những bỏ mất thiên-tước, thực là sai lầm vậy.

XVII

弗於人心人欲孟
思已有也。之貴子
耳。者。貴人同者曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Dục qui giả nhân chi đồng-tâm dã, nhân nhân hữu qui ư kỷ giả, phất tư nhĩ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Muốn sự vinh-quí, người ta ai cũng cùng một lòng ấy vậy ; nhưng mọi người ai cũng đều có cái quí ở trong mình, tại người ta chẳng biết nghĩ cầu ở mình đấy thôi.

Chú-giải — Người ta đều có cái quí ở mình, tức là những điều thiên-tước như chương trên đã nói.

∴

之。孟所趙良貴人
能貴。孟貴者。之
賤趙之也非所

Dịch-âm. — « *Nhân chi sở qui giả, phi lương qui dã ; Triệu Mạnh chi sở qui, Triệu Mạnh năng tiện chi.*

Dịch-nghĩa. — « Người ta cho mình cái vinh-quí đó, chẳng phải là cái quí bản-nhiên của mình vậy ; họ Triệu Mạnh mà cho người lấy cái quí, thì họ Triệu Mạnh lại hay cướp lấy cái quí ấy mà làm cho hèn đi.

Chú-giải. — *Triệu Mạnh* = Một nhà qui-tộc ở nước Tấn đời Xuân-thu, có quyền-thế hay lấy tước-vị ban cho người.

∴

文以譽味人也。言。酒。詩
繡不施也。之所飽既云。
也。願於令膏以乎飽既
人身。聞粱不仁以醉
之所廣之願義德。以

Dịch-âm. — « *Thi vân* : « *Kỷ tửu dĩ tửu, kỷ bão dĩ đức* » *Ngôn bão hồ nhân nghĩa dã, sở-dĩ bất nguyện nhân chi cao-lương chi vị dã ; lệnh văn quảng dự thi ư thân, sở-dĩ bất nguyện nhân chi văn-tú dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Kinh *Thi* nói rằng: « Đã say về rượu, đã no về đức », là nói no đủ về nhân-nghĩa vậy ; nhân-nghĩa đã no đủ ở trong mình, sở-dĩ chẳng thèm-thuồng cái vị cao-lương của người vậy ; tiếng hay khen rộng vẻ-vang ở mình, sở-dĩ chẳng thèm-thuồng những đồ văn-tú của người vậy. »

Chú-giải — *Thi* = Thơ Kỷ-tửu 既醉 thiên Đại-nhã 雅大. *Cao-lương* = *Cao* là thịt béo, *lương* là gạo ngon. *Văn-tú* = *Văn* là văn-vẻ, *tú* là thêu gấm, là nói về đồ y-phục đẹp. *Thi* = Rỡ rệt vẻ-vang.

Toàn-chương này là nhân người ta cũng có cái lòng ham cầu vinh-quí, mà bảo phải nên trọng cái quí sẵn của mình, chớ như cái quí của người cho thì chẳng đủ cậy vậy.

XVIII

也。於不不一猶火。不孟
不勝熄車以今仁子
仁火。則薪一之也。曰。
之此謂之杯爲置仁
甚又之火水仁水之
者與水也。救者。勝勝

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Nhân chi thắng bất nhân dã, do thủy thắng hỏa ; kim chi vi nhân giả, do dĩ nhất bôi thủy cứu nhất xa tân chi hỏa dã ; bất tức tắc vị chi thủy bất thắng hỏa, thử hựu dữ ư bất nhân chi thậm giả dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Điều nhân quyết là thắng được điều bất-nhân, cũng như nước quyết là thắng được lửa. Nay kẻ làm nhân không chịu hết sức, phần nhân thì ít, phần bất-nhân vẫn nhiều, cũng như lấy một chén nước cứu chữa cái lửa bằng một xe củi ; thấy lửa chẳng tắt, thì lại bảo rằng nước không thể thắng được lửa ; điều ấy nói ra lại giúp cho kẻ làm điều bất-nhân lắm vậy.

Chú-giải. — *Nhân, bất-nhân* = Trỏ về thiên-lý với nhân-dục. *Dữ* 與 = Cũng như chữ *trợ* 助 nghĩa là giúp.

Toàn-chương này là nói thiên-lý bao giờ cũng thắng được nhân-dục, để khuyên người ta nên cố mà làm lấy điều nhân.

∴

矣。而必亦
已亡終

Dịch-âm. — « *Diệc chung tất vong nhi dĩ hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — « Nếu không cố gắng thì cái phần làm nhân của mình, ít-ỏi như một chén nước kia, cũng rút lại tất đến mất nốt mà thôi vậy. »

XIX

矣。熟仁。如爲美穀盍
之亦美不者者子
而在稗。熟。也。曰。
已乎夫不苟之五

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Ngũ cốc giả chủng chi mĩ giả dã ; cầu vi bất thục, bất như đề bãi ; phù nhân, diệc tại hồ thục chi nhi dĩ hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Năm giống thóc đó, là giống tốt vậy. Nếu mà chẳng bồi-dưỡng cho thành-thục, thì chẳng bằng cỏ đề bãi. Ôi sự làm nhân, cũng ở về bồi-dưỡng cho thành-thục đấy mà thôi. »

Chú-giải. — *Thục* = Thành-thục, nghĩa là lúa đã chín chắc, nghĩa nữa là thuần-thục, là nói về đạo đức đã chín-chắn. *Đề-bãi* = Loài cỏ tựa loài thóc, hạt nó cũng ăn được ; chứng là loài cỏ dông-vực, thường mọc lẫn vào lúa, dân quê cũng có hái hạt nó để ăn.

Chương này là khuyên người ta làm điều nhân thì phải hàm-dưỡng đức-tính cho đến thuần-thục.

XX

穀必學志人羿孟
志者於射。之子
於亦穀。必教曰。

Dịch-âm. — *Mạnh tử viết* : « *Nghệ chi giáo nhân xạ, tất chí ư cầu, học-giả diệc tất chí ư cầu.*

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ngươi Nghệ dạy người nghề bắn, tất kỳ ở giương cung cho đầy dây ; kẻ đi học nghề bắn cũng tất kỳ ở giương cung cho đầy dây.

Chú-giải — *Nghệ* = Kẻ tài bắn đời xưa. *Chí* = Cố, chí nhằm để tinh-thần vào đó. *Cầu* = Giương dây cung cho thẳng dẫy.

∴

矩。以亦學規必誨大
規必者矩。以人匠

Dịch-âm. — « *Đại-tượng hối nhân tất dĩ qui-củ, học-giả diệc tất dĩ qui-củ.* »

Dịch-nghĩa. — « Người thợ cả nghề thợ mộc dạy người tất phải lấy cái qui tròn cái củ vuông làm khuôn phép ; kẻ đi học nghề thợ mộc cũng tất phải theo qui củ. »

Chú-giải — Chương này là nói dạy học nghề thường cũng còn có khuôn-phép, nữa là học đạo đấng thánh-nhân.

Thiên Cáo-tử hạ

告子章句下

(Gồm mười sáu chương)

凡十六章

I

禮重。食禮子屋有任
重。曰執與曰。廬間人

Dịch-âm. — *Nhâm nhân hữu vấn Ốc-Lư-tử viết : « Lễ dữ thực thục trọng ? » Viết : « Lễ trọng. »*

Dịch-nghĩa. — Người đất Nhâm có hỏi Ốc-Lư-tử rằng : « Điều lễ với sự ăn, điều gì trọng hơn ? » Ốc-Lư-tử đáp rằng : « Điều lễ là trọng. »

Chú-giải. — *Nhâm* = Tên nước. *Ốc-Lư-tử* = Tên là Liên, học trò thầy Mạnh. *Lễ* = Trỏ về cái lễ-tiết lúc ăn uống.

∴

重。禮色
執與

Dịch-âm. — « *Sắc dữ lễ thục trọng ?* »

Dịch-nghĩa. — Người nước Nhâm lại hỏi : « Sắc đẹp với điều lễ, điều gì trọng hơn ? »

Chú-giải — *Sắc* = Là nói về nữ-sắc. *Lễ* = Trỏ về cái lễ-tiết cưới xin.

∴

親迎不禮則死。禮曰。
迎則得乎。得不食禮
乎。得妻親食。以則重。
妻。不迎必禮饑曰
必親則以食而以

Dịch-âm. — *Viết : « Lễ trọng » Viết : « Dĩ lễ thực tắc cơ nhi tử, bất dĩ lễ thực tắc đắc thực, tất dĩ lễ hồ ? Thân-nghinh tắc bất đắc thê, bất thân-nghinh tắc đắc thê, tất thân-nghinh hồ ? »*

Dịch-nghĩa. — Ốc-Lư-tử đáp rằng : « Điều lễ là trọng. » Người nước Nhâm nói rằng : « Ví khiến đương lúc đói đến thân, mà cứ câu-nệ phải lễ mới ăn, thì đói mà chết, chẳng câu-nệ lễ mà ăn thì được ăn, tất cứ câu-nệ lễ đấy ư ? Ví khiến đương lúc bần-cùng quá, mà cứ phải giữ lễ thân-nghinh đi đón vợ thì chẳng được vợ, chẳng giữ lễ thân-nghinh thì được vợ, tất phải giữ lễ thân-nghinh đấy ư ? »

∴

何答子孟鄒。明不屋
有。是曰。子。以日能廬
也於孟告之對。子

Dịch-âm. *Ốc-Lư-tử bất năng đối, minh nhật chi Châu dĩ cáo Mạnh-tử. Mạnh-tử viết : « Ư đáp thị dã hà hữu. »*

Dịch-nghĩa. — Ốc-Lư-tử chẳng đối đáp lại được, ngày mai đi sang nước Châu, đem lời biện-nạn của người nước Nhâm bảo với thầy Mạnh. Thầy Mạnh nói rằng : « Đáp lại lời biện-nạn ấy có khó gì. »

∴

岑高可之方其而其不
樓。於使木寸末，齊本搖

Dịch-âm. — « *Bất sủy kỳ bản nhi tế kỳ mạt, phương-thốn chi mộc khả sử cao ư sầm-lâu.*

Dịch-nghĩa. — « Chẳng so-sánh dưới gốc mà chỉ so bằng trên đầu ngọn, thì mảnh gỗ vuông một tấc có thể nâng lên cao hơn tòa lầu tựa núi.

Chú-giải — *Sầm-lâu* = Cái lầu cao nhọn giống như cái núi.

Đây là nói mảnh gỗ vuông một tấc là cái vật rất thấp, để ví về thực với sắc ; tòa lầu tựa núi là cái vật rất cao, để ví về điều lễ.

∴

哉。之與與鉤謂者。於金
謂羽一金一豈羽重

Dịch-âm. — « *Kim trọng ư vũ giả, khởi vị nhất câu kim dữ nhất dư vũ chi vị tai.*

Dịch-nghĩa. — « Bảo rằng chất vàng nặng hơn chất lông ấy, há phải rằng đem một cái móc vàng mà đọ cùng với một cái xe lông đâu.

Chú-giải. — *Câu-kim* = Cái móc làm bằng loài ngũ-kim ; để móc đầu cái đai lưng.

Đây là nói chất vàng vốn nặng, nhưng vì một cái móc nhỏ cho nên nhẹ, để ví với trong sự lễ cũng có điều khinh hơn thực với sắc ; lông vốn nhẹ, nhưng vì một xe nhiều cho nên nặng, để ví vớ trong sự thực với sắc cũng có điều trọng hơn lễ.

. . .

色比之重重。之。輕者。取
重。之。輕者。取奚者與食
奚者與色翅而禮之
翅而禮之食比之重

Dịch-âm. — « *Thủ thực chi trọng giả, dữ lễ chi khinh giả nhi tỉ chi, hề si thực trọng ; thủ sắc chi trọng giả, dữ lễ chi khinh giả nhi tỉ chi, hề si sắc trọng.*

Dịch nghĩa. — « Lấy điều rất trọng trong sự ăn, cùng với điều rất khinh trong sự lễ mà ví với nhau, không những là điều ăn trọng hơn lễ, lại còn sai khác nhau hơn nữa. Lấy điều rất trọng trong sự sắc, cùng với điều rất khinh trong sự lễ mà ví với nhau, không những là điều sắc trọng hơn lễ, lại còn sai khác nhau hơn nữa. »

Chú-giải — *Lễ chi khinh* = Trỏ về những điều nghi-lễ ăn uống và lễ thân - nghinh. *Thực chi trọng* = Trỏ về lúc không được ăn thì chết. *Sắc chi trọng* = Trỏ về sự không được vợ thì bỏ mất nhân luân. *Hề si* 奚翅 = Chữ *si* 翅 cũng như chữ *si* 啻, nghĩa là những. Hề-si nghĩa là sao những.

.·.

乎。得得而之不則之往
妻。妻。摟乎。得得臂應
則不其踰食。食。而之
將摟處東則不奪曰。
摟則子家將紾之紾
之不則踰紾則食兄

Dịch-âm. — « *Vãng ứng chi viết : « Chẩn huynh chi tỉ nhi đoạt chi thực tắc đắc thực, bất chẩn tắc bất đắc thực, tắc tương chẩn chi hồ ? Du đông gia tường nhi lâu kỳ sử-tử tắc đắc thê, bất lâu tắc bất đắc thê, tắc tương lâu chi hồ ? »*

Dịch nghĩa. — « Ngươi thử đi trả lời lại người nước Nhâm rằng : « Vì khiến đương lúc bụng đói, phải vặn cánh tay anh mà cướp lấy miếng ăn thì mới được ăn, chẳng vặn tay anh thì chẳng được ăn, thì cũng cứ vặn đấy ư ? Vì khiến đương lúc chưa có vợ phải trèo tường nhà bên đông mà lôi lấy người xử-nữ thì mới được vợ, chẳng lôi dắt lấy thì chẳng được vợ, thì cũng cứ lôi dắt đấy ư ? »

Chú-giải — *Chẩn* = Vặn trái. *Lâu* = Lôi kéo, dắt đi. *Xử-tử* = Người con gái còn ở nhà chưa lấy chồng.

Đây là lấy những điều trọng trong lễ mà so - sánh với những điều trọng trong thực với sắc, thì mới biết điều lễ lại càng trọng hơn. Nghĩa là điều trọng nên đem sánh với điều trọng, thì cái lẽ khinh trọng mới rõ ; chứ không nên đem điều rất trọng mà so-sánh với điều rất khinh.

II

然。子諸。舜。爲可人問曹
曰。孟有堯以告曰。交

Dịch-âm. — *Tào Giao vấn viết : « Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn, hữu chư ? » Mạnh-tử viết : « Nhiên ».*

Dịch nghĩa. — Tào Giao hỏi rằng : « Có lời nói rằng người ta đều có thể làm được như vua Nghiêu vua Thuấn, có lẽ ấy chăng ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Phải, thực có lẽ ấy. »

Chú-giải — *Tào Giao* = Em vua nước Tào.

.·.

可。如粟以尺今湯王交
何而長。四交九十聞
則已。食寸九尺。尺。文

Dịch-âm. — « *Giao văn Văn-vương Thập xích, Thang cửu xích, kim Giao cửu xích tứ thốn dĩ trường ; thực túc nhi dĩ, như hà tắc khả ? »*

Dịch nghĩa. — Tào Giao nói rằng : « Giao này có nghe xưa ông Văn-

vương thân-hình dài mười thước, ông Thang thân-hình dài chín thước, đều làm được bằng Nghiêu Thuấn cả ; nay Giao này thân hình dài đến chín thước bốn tấc, cao chẳng kém gì Thang Văn, thế mà không có tài-năng gì cả, chỉ ăn thóc mà thôi, làm thế nào mà có thể được như vua Nghiêu vua Thuấn ? »

.·.

爲豈爲則鈞。無不而曰。
耳。以烏舉則力能已奚
不獲烏爲人勝矣。有
勝而獲有矣。一有於
爲已之力今匹人是。
患矣。任。人曰雛。於亦
哉。夫是矣。舉則此。爲
弗人亦然百爲力之

Dịch-âm. — *Viết : « Hề hữu ư thị, diệc vi chi nhi dĩ hĩ ; hữu nhân ư thử, lực bất năng thăng nhất sất sồ, tắc vi vô lực nhân hĩ ; kim viết cử bách quân, tắc vi hữu lực nhân hĩ ; nhiên tắc cử Ô-Hoạch chi nhiệm, thị diệc vi Ô-Hoạch nhi dĩ hĩ ; phù nhân khởi dĩ bất thăng vi hoạn tai, phất vi nhĩ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người mà làm được Nghiêu Thuấn, có tại gì cái hình-thể ấy, chỉ cốt về cái chí gắng làm đấy mà thôi. Thí-dụ có một người ở đây, trước vì không dùng sức thì sức chẳng mang nổi một con vịt non, thì là cái người vô-lực vậy; nay bảo rằng dùng sức cất nổi trăm tạ, thì là cái người hữu-lực vậy ; thế thì vác nổi được cái đảm-nhiệm của Ô-Hoạch, ấy cũng tức là Ô-Hoạch đó vậy. Ôi, người ta há lo về sức chẳng nổi đâu, chỉ lo về chẳng cố sức làm mà thôi.

Chú-giải. — *Sất-sồ* = Tức là loài vịt trời mà hãy còn non bé. *Ô-Hoạch* = Tên một người sức khoẻ đời xưa, hay nhấc nổi nghìn tạ.

.·.

孝也能者不先謂徐
弟堯哉。豈弟。長之行
而舜所人夫者弟。後
已之不所像謂疾長
矣。道。爲不行之行者

Dịch-âm. — « *Tử hành hậu trưởng-giả vị chi đễ, tật hành tiên trưởng-giả vị chi bất đễ ; phù tử hành giả khởi nhân sở bất năng tai, sở bất vi dã ; Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Thong-thả mà đi sau người trưởng-giả gọi là người có nết đễ, đi nhanh trước người trưởng-giả gọi là người bất-đễ. Ôi, sự đi thong-thả ấy, há phải là sự người ta chẳng thể làm được đâu, là sự chẳng chịu làm vậy. Cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn, chỉ điều hiếu điều đễ đấy mà thôi.

.·.

桀桀桀桀已行。言。服。子
而之之之矣。是行誦服
已行。言。服。子堯堯堯堯
矣。是行誦服而之之之

Dịch-âm. — « *Tử phục Nghiêu chi phục, tụng Nghiêu chi ngôn, hành Nghiêu chi hạnh, thị Nghiêu nhi dĩ hĩ ; tử phục Kiệt chi phục, tụng Kiệt chi ngôn, hành Kiệt chi hạnh, thị Kiệt nhi dĩ hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — « Ngươi mặc lối áo của vua Nghiêu, đọc lời nói của vua Nghiêu, làm cái nết của vua Nghiêu, ấy tức là vua Nghiêu đấy mà thôi. Ngươi mặc cái lối áo của ông Kiệt, đọc lời nói của ông Kiệt, làm cái nết của ông Kiệt, ấy tức là ông Kiệt đấy mà thôi. »

Chú-giải. — Đây là nói bắt chước vua Nghiêu mà làm thiện, hay là bắt chước ông Kiệt mà làm ác, đều ở mình đấy mà thôi.

.·.

於受留館以君。於得曰。
門。業而願假可鄒見交

Dịch-âm. — *Viết : « Giao đắc kiến ư Châu quân, khả-dĩ giả quán, nguyện lưu nhi thụ nghiệp ư môn. »*

Dịch-nghĩa. — Tào Giao nói rằng : « Giao này được yết-kiến với vua

nước Châu, có thể mượn được học-quán, sẽ xin lưu ở đây mà thụ-nghiệp ở cửa nhà thầy. »

Chú-giải — Mượn được học-quán rồi mới thụ-nghiệp, xem đó đủ biết Tào Giao không có đốc lòng cầu đạo học.

∴

有而耳。病知然。若曰。
餘求子不哉。艾大夫
師。之歸求人難路道

Dịch-âm. — *Viết : « Phù đạo nhược đại lộ nhiên, khởi nan tri tai, nhân bệnh bất cầu nhĩ, tử qui nhi cầu chi, hữu dư sư. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Kia đạo rõ-ràng như đường cái lớn vậy, há phải khó biết đâu, người ta chỉ lo rằng chẳng biết tìm đấy thôi, ngươi về mà tìm xét đạo-lý ở chốn thờ cha kính anh, thì có thừa thầy ra đấy. »

Chú-giải. — *Bệnh* = Lo. *Dư sư* = Thừa thầy. Ý là nói cứ xét hỏi ở lương-tâm thì tức là nghiêm-sư ở đó.

Đây là nói đạo-lý rõ-ràng dễ biết, chỉ cốt xét ở mình mà làm cho hết đạo hiếu-đễ, thì thầy ở đó chứ ở đâu, không cần phải ở lại thụ-nghiệp mới có thầy vậy.

(*Còn nữa*)

Đông-Châu và Tùng-Vân *dịch*

MỘT NHÀ Y-SĨ MỚI TRUNG-QUỐC TĂNG-KHOA-TIỀN

Y-học Việt-Nam ta ngày nay có hai phái ; 1) là phái thủ-cựu ; 2) là phái tòng-tân.

Phái thủ-cựu thì tuyệt-nhiên không biết đến phép thực-nghiệm đời nay là gì, chỉ khư-khư giữ lấy cái lối-lăng ức-đoán, mê-tín và chuyết-liệt mấy nghìn năm. Còn phái tòng-tân thời còn ít lắm, mà cũng chỉ là một tay giúp việc trong y-viện mới mà thôi, chứ chưa thấy mấy ai thực nhiệt-tâm tìm đạo-thuật cho giống nòi như người Nhật-bản, người Trung-quốc. Nghĩa là học cho đến chân-truyền, rồi cũng thí-nghiệm, cũng khảo-cầu, tìm cách điều-trị tạo nào cho hợp với khí-chất người bản-xứ. Xét nghiệm lấy được-tài của thổ-sản mà dùng, cho bởi phải ngưỡng-cấp ở nơi khác, để cho thành một khoa y-học riêng của nước nhà. Tôi với hai phái trong y-học trên này, bỉ-nhân vẫn định có một bài luận để công-hiến, nhưng vì còn bận việc lắm. Nay nhân đọc bài tự-tự sách *Gia-Đình vệ-sinh* của Tăng khoa-Tiền Trung-quốc. Ông là một người do học lối làm thuốc cũ rồi đổi sang học lối làm thuốc mới ; ông lại chỉ học bằng xem sách mà thôi. Có làm được bộ sách về y-học mới rất lớn. Các y-sĩ Nhật-bản đều công-nhận. Trong bài tựa này, ông rất công-kích bọn thầy lang lối cũ và khám-phá ra nhiều sự sai-lầm của cựu-thuyết ta. Thật là một bài học có ích cho bước đầu y-học cải-lương của Á-Đông. Vậy dịch ra sau này để các ngài coi.

∴

Khoa-Tiền tôi thủa bé yếu đuối lắm bệnh tật, vẫn có chỉ định học thuốc mà chưa tiện dịp. Năm ất-vị (đời Quang-tự), tôi trọ học ở nhà Tôn-kinh thư-viện tỉnh Tứ-xuyên, học khoa toán-học của ông thầy tôi là Phùng Vân-sinh. Lúc thong-thả thì tôi đem những sách thuốc cũ như Nội-kinh 內經, Nạn-kinh 難經 và Mạch-kinh 脈經 v. v. ra xem. Tôi mới xem qua nên không hiểu được mấy,

Mà những chỗ đã hiểu thì lại thấy trái phản nhau, như là trong sách thuốc cũ nói về con tâm 心 thì cho rằng : « Tâm là chức quân-chủ, sự thông-minh ở đó mà ra 心者君主之官。神明出焉。» *Thế lại có chỗ nói rằng* : « Trong tâm cảm biết được thì là ý ; ý giữ lại được thì là chí ; nhân chí mà biến đổi đi thì là nghĩ, do nghĩ mà xét đến việc xa thì là lự, (nghĩa là nghĩ kỹ) ; do lự mà xử-trí mọi việc thì là trí. Ấy năm điều đó là tàng-trữ ở con tâm cả. 心之所感謂之意。意之所存謂之志。因志而存變謂之思。因思而遠慮謂之慮。因慮而處物謂之智。是五者皆藏於心也。»

Ừ, đã nói tàng-trữ cả ở con tâm, sao lại có chỗ nói : « Con tì thì tàng-trữ ý-chí, con thận thì chủ việc kỳ-xảo, con can thì chủ việc mưu-lự, con đảm thì chủ việc quyết-đoán, chỗ triên - trung (dưới tâm trên cách-mô) thì chủ việc hỉ-lạc 脾藏意志。腎主奇巧。肝主謀慮。膽主決斷。膻中喜樂。»

Nói về con can thì bảo rằng : « Con can có hai đường kinh-mạch ở hai bên tả hữu tức là huyết-quản từ hai bên cạnh xương sườn đi lên 肝左右有兩經。卽血管從兩脅肋起。» *Đã nói can có hai kinh-mạch ở hai bên tả hữu rồi, thế sao lại nói* : « Con can ở bên tả, cạnh sườn bên tả thuộc về phận con can 肝居於左。左脅屬肝。»

Nói về con tì thì cho rằng : « Con tì thuộc hành thổ, thổ chủ tĩnh chứ không chủ động. Cho nên hễ tì động thì người không yên 脾屬土。土主靜而不主動。脾動則不安。» *Đã cho rằng tì động thì người không yên, thì cớ gì lại nói* : « Con tì nghe thấy tiếng ở ngoài thì động lên Con tì động lên thì nó cọ xát vào con vị để tiêu-hóa đồ ăn. Cho nên hễ con tì không động thì đồ ăn không tiêu-hóa được. 脾聽聲則動，動則磨胃化食。脾不動則穀不化。»

Đến như con thận thì nói : « Thận có hai quả. Trung gian hai quả có động-khí thì là chỗ mệnh-môn 腎有兩枚。中間動氣爲命門。» *Đã nói chỗ trung-gian là mệnh-môn thì sao lại nói* : « Quả thận bên tả là thận, còn quả thận bên hữu là mệnh-môn. 左腎爲腎。右腎爲命門。»

Vì thấy trái phản nhau như thế, nên tôi bèn bỏ cả những thứ sách thuốc cũ ấy mà xem đến các sách thuốc mới như những bộ Toàn-thể thông-khảo, Toàn-thể triển-vi, Nội-khoa toàn-thư, Thể-dụng thập-chương, Hóa-học, Vệ-sinh, v. v. *Bấy giờ mới hơi hiểu được cái lẽ y-học mới mà dần dần tỉnh biết khoa y-học cũ của nước ta là chẳng có căn-cứ gì cả.*

Nhưng tôi tiếc rằng những sách y-học mới này, tường được chỗ nay lại lược mất chỗ kia, mỗi bộ lại chỉ bày tỏ được một nghĩa. Và xem ý-tứ trong văn dịch có nhiều chỗ chưa được đúng.

Đến năm đinh-dậu, mùa đông, tôi vào Kinh-đô du-học Học ở trường Thông-nghệ học-đường. Ngoài tường hiên nhà trường có treo nhiều bức tranh giải-phẫu vẽ đủ cả các cơ-thể thân người không thiếu tí gì. Cứ mỗi buổi học xong, tôi lại đứng ở dưới hiên xem xét và viên chép lấy để về khảo-cứu. Song trong tranh thỉnh-thoảng có chữ hóa-văn Nhật-bản, tôi không biết, tiếc lắm.

Sang năm mùa thu tháng tám, xảy có cuộc chính-biến nên nhà trường đóng cửa. Bấy giờ tôi quyết kế sang Nhật học thuốc, nhưng bị ngăn-trở thì lại thôi.

Bất-đắc-dĩ tôi phải học chữ Nhật mất mấy tháng, đã hiểu được những chữ về phổ-thông-học Bấy giờ tôi mới mua những sách: giải-phẫu học, sinh-lý-học vệ-sinh-học, dược-vật - học, bệnh-lý tổ-chức học, lâm-sàng trần-đoán học, thực-dụng khán-hộ học, *về học. Những nghĩa khó thì tôi đến hỏi ông Xuyên*

điển, nhà y-sĩ Nhật-bản. Từ đó tôi mới tầm-đắc được ít nhiều về khoa y-học mới. Mới có chỗ viện-cứ để mà xét biết những chỗ-sai lầm về khoa y-học ta. Như cân-cốt chủ về việc vận-động đó là thầy lang ta có hiểu gì đến cái lẽ khiêng gánh của nó đâu, và cũng chẳng hiểu nguyên-chất của nó có những thành-phần gì.

Những cơ-thể nội-tạng làm việc bồ-dưỡng đó mà thầy lang ta chẳng hiểu những chức việc nó tương-trợ nhau thế nào, chỉ đem những thuyết « sinh-khách » cũ để phụ hội vào mà thôi. Cái ngoại-thận sinh ra tinh rồi tàng trữ vào túi tinh-nang, thế mà thầy lang ta cũng chẳng hiểu cơ-quan của nó ra làm sao.

Cái tụy tạng nó có cái ống để rỉ nước tụy dịch ra thế mà sách thuốc ta thực không biết đến.

Trên lưng bàng-quang có hai cái ống sí-quản thông lên hai quả thận mà sách thuốc ta có biết đến đâu. Mé trong ruột non có những cái ống rất nhỏ để hút lấy nước cốt đồ ăn mà đem đi nuôi khắp thân-thể, nhưng nào sách thuốc ta có hiểu gì đến bộ máy này.

Thần-kinh là một bộ chủ về việc tri-giác và vận-động, thế mà sách thuốc ta lại cho não-tủy với tích-tủy là vô-dụng cả.

Da là cái cơ-quan để hộ-vệ sự bài-tiết, có hãn hạch tuyến phụ vào mà ta thật không hay.

Còn như phổi có năm cánh thì ta lại cho là sáu. Gan có năm cánh thì ta lại cho là bảy. Đó là nói sai về cái hình.

Vì ở bên tả thì ta lại bảo nó ở bên hữu; gan ở bên hữu thì ta lại bảo nó ở bên tả. Đó lại làm cả cái chỗ ở của nó nữa.

Còn tâm để chuyển vận máu thì lại bảo nó là chủ việc thông-minh. Còn thận chế ra nước tiểu thì lại bảo nó là kho tàng-tinh. Đó lại nói sai cả cái công dụng của nó vậy.

Lại như mơ, nói nhảm thì cho là ma quỉ làm chứ không biết là bệnh bởi thần kinh. Dịch, lị, là bởi những giống cây mốc rất nhỏ thì lại bảo là do khí-số khiến nên.

Hoàng-liên là một vị có ích cho sự tiêu-hóa thì lại bảo nó khổ-hàn làm hại tì-vị. Thu-thạch (cẩn nước giải) là một thứ phế-vật thì lại bảo nó chữa được chứng hư-lao.

Ấy những sự hoang-đường sai-lầm như thế còn nhiều, nói không xiết. Thế mà các thầy lang đời sau cứ khư-khư giữ lấy lời thầy không biết cải-lương đi. Nên chi khoa y-học ta đến hơn 4000 năm nay mà không tiến-bộ được tí gì. Rủ nhau một lũ phế-nhân, học không hay, cày không biết, buôn không vốn, đi mà học làm thuốc, vơ nhặt lấy những thuyết nói mò về « ngũ-sắc, ngũ-vị, ngũ-tận, ngũ-hành » mà thờ làm những câu danh-ngôn của thần-thánh.

Họ còn biết gì là hóa-học với kỹ-hà-học, chỉ bằng-cứ vào mấy câu trong sách xem mạch để đoán bệnh và thuộc lòng lấy ít bài thuốc cũ là đủ.

Như thế không trách rằng họ không chữa khỏi bệnh mà lại làm thêm bệnh ra, không cứu sống được người mà lại giết chết người. Cho nên trong sách Hán-chí có câu : « Có bệnh mà không chữa thuốc, ấy là ông thầy thuốc bậc trung 有疾不治常得中醫. » Cũng vì thầy thuốc như bọn trên kia, nên xưa nay người ta khinh mà coi thầy thuốc cùng với bọn thầy đồng thầy bói. Những thầy thuốc đã thế nên mới hay làm liều, rồi kẻ có bệnh cũng đành lòng là mình tận-số. Thậm-chí đi lạy tượng đất để xin thuốc tiên thuốc thánh. Vì vậy mà phù-trú nhảm-nhí làm độc-hại được người đời. Cho rằng giới-sát thì sống lâu, ăn chay thì khỏi bệnh. Những thói dã-man hủ-bại đến thế là cùng.

Khoa-Tiến tôi hằng đau-đớn lòng vì những điều trông thấy. Thường ở trong đám ngồi đông tiệc lớn, bài-bác lối làm thuốc cũ của ta một cách rất tàn-tệ, là mong để gọi tỉnh lại cái mê-mộng của bọn sĩ-phu hay sùng-bái cổ-nhân. Nhưng xem ra ít người theo tôi lắm.

Có Đinh Mai-tiên người Vô-tích, ông rất tinh-túy về khoa y-học mới. Ông đã dịch quyển Nhân thể sinh lý đồ, *quyển* Quốc-dân thể-dục-học, *quyển* Truyền - chủng cải - lương vấn - đáp, *quyển* Vệ-sinh vấn-đáp *để giới-thiệu cho quốc-dân, ông cho tôi là kẻ đồng-chí về cái tôn-chỉ cải-lương y-học của ông.*

Ông lại còn muốn viết sách Tân-nội-kinh, *sách* Tân-bản-thảo, *sách* Tân-y-học, *để cho việc cải-lương y-học thêm tiến-bộ. Nhưng vì ông bận nhiều việc quá nên chưa đạt được mục-đích.*

Khoa-Tiến tôi bèn theo ý ấy của ông, không nề hử-lậu, bèn hợp các sách chuyên-môn của các nhà y-học Âu-Nhật lại mà rút lấy những điều tinh-yếu, được một bộ sách hơn 700 trang, phân ra 12 thiên là : Tổng-luận, bộ xương, gân thịt, da, máy hô-hấp, máy tiêu-hóa, máy tuần-hoàn, máy bài-tiết, máy sinh-thực, bộ thần-kinh, kết-luận.

Các thiên nói về các bộ cơ-thể thì mỗi thiên đều có nói thêm về giải-phẫu, sinh-lý, vệ-sinh *và* bệnh-lý. *Có 204 bức hoạ, hơn ba chục cái biểu.*

Mùa đông năm qui-mão thì sách làm xong. Tôi đưa ông Đinh xem và xin ông cho bài tựa. Ông bèn đặt tên cho bộ sách ấy là « Tân-nội-kinh *» (nội-kinh là một tên sách cũ về căn-nguyên khoa y-học).*

Chúng tôi định đem in ngay để giúp cho sự cải-lương y-học nước nhà. Nhưng vì kinh-tế ngặt-nghèo, nên lại còn phải cất vào một chỗ.

Khoa-Tiến tôi nghĩ rằng toàn-thể kho y-học thì thâm-thúy và rộng-rãi lắm, mà mục vệ-sinh lại là cần. Bởi vì cái học vệ-sinh là gốc ở sinh-lý-học, sinh-lý-học lại gốc ở giải-phẫu-học. Không hiểu lẽ giải-phẫu thì không hiểu phép sinh-lý. Không hiểu phép sinh-lý thì không biết đường vệ-sinh. Nước ta vốn không có cái học giải-phẫu và sinh-lý, thì dẫu có giảng về vệ-sinh cũng không ai thấu hiểu được. Song-le cái học vệ-sinh là việc cần-thiết cho đời, không thể hoãn được. Nếu ở nước ta bây giờ mà đợi cho ai ai cũng hiểu lẽ giải-phẫu với phép sinh-lý mới giảng đến vệ-sinh-học, thì ra bốn vạn vạn đồng-bào nước ta không biết đến bao giờ mới được hưởng cái hạnh-phúc về công-chúng-vệ-sinh vậy.

Khoa-Tiến tôi nghĩ thế mới trích lấy những thuyết vệ-sinh trong sách Tân-nội-kinh *và những thuyết khác của các nhà Âu Nhật có thể thực-hành được ở nước ta. Lý-thuyết rất giản-dị dễ hiểu. Đặt tên là «* Gia-đình vệ-sinh thư *» (lược).*

Tăng Khoa-Tiến

Đỗ-NAM-TỬ *dịch*

TẤM GƯƠNG TÌNH

Hoa đào với mặt người

Triều nhà Đường người đất Bác-lăng là ngươi Thôi Hộ, tư-chất rất tốt, tự lúc bé đến lúc lớn, vốn là kẻ cô-cao thanh-khiết, ít giao-du với người. Năm Khai-nguyên vào đất Tràng-an, thi đỗ tiến-sĩ. Ngày tết Thanh-minh, một mình thủng-thỉnh đi chơi chỗ mé nam chốn đô-thành, tình-cờ trông thấy một cái trại của người ở, chừng khoảng độ một mẫu, mà hoa với cây tươi-tốt phồn-thịnh. Dòm vào thì vắng-vẻ u-tịch bằng dường không có người. Thôi Hộ gõ cửa lâu mãi không thấy ai thưa, đã toan trở ra về. Nhưng còn thèm tiếc cái phong-cảnh u-nhã chửa nỡ dứt về. Rồi thấy có một người thiếu-nữ tự trong cửa hé chỗ hồng dòm ra, hỏi rằng: « Ai gõ cửa nhà tôi, muốn hỏi có việc gì? » Thôi Hộ đem họ tên mình kể rõ và đáp rằng: « Tôi ngày xuân đi ngoạn-cảnh, đi có một mình, khát nước lắm, muốn cầu nước để uống. » Người thiếu-nữ trở vào, lấy chén nước đem đến, và mở cửa ra, kéo một cái giường trúc, mời Thôi Hộ ngồi. Người thiếu-nữ thì tựa vào một cái gốc cây tiêu-đào, đứng chầu-chực tiếp-đãi, ý rất tử-tế; mà dung-quang yểu-điệu, xinh đẹp khác thường. Thôi Hộ hỏi sự-tình thất-gia để khêu gợi, thì người thiếu-nữ chẳng đối-đáp lại gì cả, chỉ để mắt vào Thôi Hộ nhìn lâu mà thôi. Phút chốc Thôi Hộ từ-giã trở ra đi, người thiếu-nữ đi tiễn-tống đến cửa, bằng dường khôn xiết cảm-tình, rồi lại đi vào. Thôi Hộ cũng đoái lại trông qua rồi trở về. Từ đấy về sau, Thôi Hộ cũng không để bụng gì cả, tuyệt-nhiên không đến chỗ trại một lần nào nữa. Kịp đến sang năm giữa ngày tết Thanh-minh, Thôi Hộ hốt-nhiên nghĩ đến sự ngày tết năm ngoái, tình-cảm chứa-chan, không thể ức-áp đi được, mới vội-vàng đi thăm cảnh trại ngày trước. Đến nơi thì phong-cảnh vẫn y-nhiên, chỉ cổng trại thì khóa chặt mà thôi. Thôi Hộ không tiện gõ cửa, đứng trụ-trừ ít lâu, rồi đề vào cánh cửa bốn câu thơ rằng:

去年今日此門中
Năm ngoái ngày nay cửa ấy trông.
人面桃花相映紅
Hoa đào mặt phấn ánh nhau hồng.
人面不今何處去
Đến nay mặt phấn đi đâu tá?
桃花依舊笑東風
Chỉ thấy hoa đào mỉm gió đông!

Đề xong lại trở về. Sau vài ngày nữa, lại ngẫu-nhiên đến mé nam chỗ đô-thành, lại đi đến chỗ trại cũ thăm cảnh, nghe trong trại có tiếng khóc. Thôi Hộ gõ cửa hỏi có sự gì. Thì có một người lão già hỏi rằng: « Ông có phải là Thôi-tiến-sĩ đấy không? » Thôi Hộ đáp rằng phải. Người lão già khóc nói rằng: « Ông giết con gái tôi. » Thôi Hộ vừa kinh-ngạc vừa thương-xót, chẳng biết đáp lại thế nào. Người lão-già liền nói rằng: « Con gái tôi tuổi đã cập-kê, và thông-thái biết chữ, mà chửa gả chồng. Từ năm ngoái đến bây giờ, thường hoảng-hốt bằng dường mất cả tinh thường. Gần mấy hôm nay, tôi cùng con gái tôi chợt đi ra ngoài có việc khác, kịp đến lúc về, con gái tôi trông thấy ở cánh cửa có chữ đề, nhìn vào đọc lên, bước vào cửa mà liền phát bệnh, rồi tuyệt chẳng ăn uống gì nữa, mấy ngày hôm nay mà chết. Tôi đã già rồi, chỉ có một đứa con gái này; sở-dĩ chẳng đem gả cho ai, là vì muốn cầu lấy người quân-tử để ký-thác cái thân già. Nay chẳng may mà con gái tôi chết, há chẳng phải là ông giết con gái tôi đấy ư! » Người lão già nói xong, lại

nắm lấy tay thôi Hộ mà cả khóc. Thôi Hộ trong bụng cũng lấy làm cảm-động, xin với ông lão để vào viếng khóc người con gái ấy. Khi vào, thì người con gái ấy còn nghiễm-nhiên nằm ở trên giường. Thôi Hộ cất hai tay nâng lấy đầu người con gái, rồi khóc lên mà khấn to rằng: « Thôi Hộ ở đây, Thôi Hộ ở đây. » Phút chốc, thấy người con gái mở mắt ra, được nửa ngày rồi lại sống lại. Người lão-già cả mừng, mới đem người con gái gả cho Thôi Hộ. « Trước sau nào thấy mặt người; hoa đào năm ngoái còn cười gió đông; » tức là câu chuyện ấy

Tình-duyên nắm bột trắng

Đời nhà Minh, đất Hoài-đông có một người nhà giàu bỉ sinh được một người con trai, tư chất dung-mạo, đẹp-đẽ quá thường. Một hôm đi ra chơi chợ Hoài-đông, thấy một người con gái xinh-đẹp bán bột, trong bụng lấy làm yêu, nhưng không biết nhờ đâu để tự đạt cái ý mình cho người con gái được. Mới giả-thác về sự mua bột, hàng ngày đi ra chợ mua được nắm bột thì liền lại đi, trước sau không nói điều gì cả. Như thế kể ngày tháng đã dần lâu, người con gái cả lấy làm ngờ. Ngày mai lại thấy chàng con trai ấy lại. Người con gái hỏi rằng: « Ông mua cái bột này, định để dùng về việc gì? » Người con trai đáp rằng: « Ý tôi rất ái-mộ nàng, chưa tìm được người làm mối, cho nên không dám tự mình đạt-ý với nàng. Song-le thường muốn tiếp-kiến nàng, cho nên giả-thác ra sự mua bột này, để xem mặt nàng đấy thôi. » Người con gái cũng lấy làm cảm-tình, cúi mặt xuống thở dài mà nói rằng: « Chàng có lòng yêu như vậy, tôi đâu dám từ chối sự trăm năm. Nhưng nhà tôi còn có mẹ cha, mẹ cha bằng lòng thì tôi mới dám bằng lòng. Xin định-ước đến chiều tối ngày ấy ngày nọ chàng cứ đợi sẵn ở chỗ bên cửa sau nhà chàng, mẹ cha tôi bằng lòng hay không bằng lòng thế nào, tôi sẽ thân-hành đi đến tận nơi bảo chàng. Từ rày chàng chớ đi ra chợ mua bột nữa, mà lộ ra chuyện-trò con trai con gái, kẻo sợ bạn chị em chê cười. » Đến chiều tối ngày ấy, người con gái quả-nhiên đến. Người con trai vội-vàng nắm lấy tay hỏi. Người con gái đáp rằng: « Mẹ cha tôi đã bằng lòng lắm, xin báo tin cho chàng biết. » Người con trai nghe nói, vui sướng múa nhảy, liền ngã đùng ra mà chết. Người con gái thấy người con trai chết, sợ-hãi chẳng biết duyên cớ làm sao, chỉ chạy đi mau chốn về nhà mình thôi, mà không nói gì cả.

Đến bữa ăn cơm tối cha mẹ người con trai không thấy người con trai, lấy làm quái-gở, mới đi tìm mọi nơi, thì thấy đã chết ở bên cửa sau dưới mấy gốc cây mận, hoảng-hốt vực vào trong nhà, chỉ định sắp-sửa những đồ đem chôn mà thôi. Cha mẹ người con trai liền mở những hòm tráp của người con trai ra xem, thì thấy hơn một trăm bột trắng, lớn nhỏ đại-loạt như nhau. Người mẹ nói rằng: « Giết con ta đây, tất là duyên-cớ cái bột này. » Mới định-hoãn việc đem chôn người con trai, sáng sớm ngày mai, người mẹ người con trai đi vào chợ mua khắp hàng bột, mỗi hàng mua vài nắm, đem về lấy thứ bột ở nhà ra so, thì thứ bột của hàng người con gái ấy, dấu vết bàn tay và ngón tay như in. Cha mẹ người con trai liền lại đi ra chợ, nắm lấy tay người con gái mà kêu hô lên rằng: « Sao chị giết con tôi? » Người con nghe nói liền thổn-thức kêu khóc, đem cả sự-tình thực ra nói. Cha mẹ người con trai không tin, liền tóm lấy người con gái đem tống lên địa-phương-quan. Người con gái thú thực cả đầu đuôi, không giấu-giếm điều gì cả, mà xin cam tội chết. Cuối cùng người con gái xin rằng: « Tôi

hà lại dám sợ chết, nhưng hãng xin cho tôi đi đến chỗ xác người ấy viếng khóc cho hết tình. » Địa-phương quan cũng thương tình cho phép đi. Người con gái thẳng đi đến vỗ vào xác người con trai vật-vã than khóc mà kể rằng: « Ối chàng ôi! chẳng may mà đến thế này, nếu chàng chết, mà hồn chàng có thiêng, thì nay tôi cũng không hận gì nữa. » Người con trai bỗng mở choáng mắt ngồi dậy mà sống lại. Hai bên cha mẹ đều lên địa-phương quan thuật đủ tình-trạng. Địa-phương-quan cả cười, liền thành cho đôi ấy làm nghĩa vợ chồng, về sau con cháu cũng được thịnh-vượng.

Hồn làm thơ

Viên Cát-châu trưởng-sử họ Lưu đời nhà Đường, không có con trai, chỉ nuôi ba người con gái làm con nuôi, mà đều có sắc đẹp cả, rất yêu bâu, không khác gì con đẻ. Người trưởng-nữ lại có tài làm thơ, hai-mươi sáu tuổi phải bệnh chết ở trong nhà chỗ làm quan. Họ Lưu vốn cùng với viên Tư-Kỳ huyện-lại, là Cao-Quảng quen nhau. Lúc ấy họ Lưu họ Cao đều làm quan đã mãn-trật cùng về hưu, mỗi nhà thuê một chiếc thuyền lớn cùng đi về. Thuyền họ Lưu thì có chở quan-tài người trưởng-nữ về, nhưng vẫn bí-mật, không để cho ai biết. Cao-Quảng thì có người con trai hơn hai-mươi tuổi, người rất thông-tuệ, nết phong-lưu, học tài-bộ. Hai chiếc thuyền của hai nhà phải đỗ lại bến Dự-chương, vì trời rét nước đóng băng không thể đi được; hai thuyền cách nhau độ hơn trăm bước chân, hàng ngày sớm tối hai nhà vẫn lai-vãng với nhau. Một đêm chàng họ Cao một mình ngồi ở đầu thuyền xem sách, chừng độ cuối canh hai, chợt thấy có một đứa nữ-tỳ, tuổi chừng độ mười bốn mười lăm, dung-mạo nhan-sắc rất đẹp, đi thẳng đến nơi bảo chàng họ Cao rằng: « Thuyền quan Trưởng-sử ở bên kia tắt đèn, tôi lại đây xin lửa đó thôi. » Chàng họ Cao thấy nó xinh đẹp có phong-vận tiểu-kiều, nhân hỏi bỡn rằng: « Cô bé có biết làm thơ không? » Đứa nữ-tỳ cũng mỉm cười tỏ ý vui-vẻ nói rằng: « Tôi không biết làm thơ, chẳng xá hỏi; trong nhà còn có cô tiểu-nương tôi, thơ hay vô-địch; tôi sẽ vì cậu thông-ý với tiểu-nương, tất có thể vời tiểu-nương sang làm thơ với cậu được. » Chàng họ Cao rất lấy làm mừng, và lấy làm kinh, không ngờ đây mà lại có người khuê-các hay thơ thế vậy; nhân cùng với đứa nữ-tỳ đính ước cái thì-giờ hội-kiến, rồi đứa nữ-tỳ ấy đi.

Đến đêm hôm sau, lại thấy người nữ-tỳ đến nói rằng: « Sự ấy được rồi, tức-khắc tiểu-nương tôi lại đây bây giờ. » Chàng họ Cao rất lấy làm vui-vẻ, liền đi ra đứng chực ngoài thuyền. Lúc ấy bầu trời xanh biếc, trăng sáng đầy sông. Một chốc, nẻo xa xa thấy một người con gái tự sau thuyền bên kia bước ra, theo sau đứa nữ-tỳ đi lại; còn cách độ mươi bước, đã thấy vẻ sáng lộng-lẫy, khí thơm sực-nức cả đến người ngoài. Chàng họ Cao khôn xiết mừng-rỡ, kịp đi lên cầm lấy tay mời đón. Người con gái cũng tỏ nét mặt vui chào, mới song song cùng bước vào trong thuyền. Chàng họ Cao bội phần thân-thiết khoản-đãi. Bắt đầu chàng họ Cao đem ngay giấy bút ra, nói rằng: « Nghe quí-khanh thơ hay, xin cho nghe những lời cẩm-tâm tú-khẩu. » Người con gái cũng không từ-chối, tay tiên gió tập mưa sa, cùng chàng họ Cao đề-thảo ngâm-vịnh, tiếp-tục không lúc nào nghỉ bút. Chàng họ Cao rất lấy làm kính-phục. Rồi từ đấy về sau đêm ấy đêm khác, người con gái thường lại luôn luôn, cùng chàng họ Cao làm thơ, cảo thơ thảo ra, ngõ-hầu đã thành đống

Như thế đã hơn một tháng chàng họ Cao thường-thường lộ ra ý để-đính việc trăm năm. Người con gái chỉ hơi mỉm cười mà chẳng đáp lại. Cuối cùng người con gái chờ bảo chàng họ Cao rằng : « Tôi muốn cùng chàng thương-nghị một điều, chẳng biết chàng có lấy làm khó không ? » Chàng họ Cao cố xin cứ nói ra. Người con gái nói rằng : « Tôi vốn là con gái quan Lưu Trưởng-sử mà đã thác rồi, bấy lâu giao-tiếp với chàng chỉ là cái hồn-phách đấy thôi. Nhưng số-mệnh tôi sắp-sửa đến kỳ được sống lại, nay được đội ơn người quân-tử quyến-chú, nếu quả là để ý, hái nhặt lấy chất phi-phong, thì nên sang bẩm-bạch với hai vị nghiêm-từ trong nhà tôi để khiến cho biết. » Chàng họ Cao cả lấy làm kinh-hãi, nhân lại cả lấy làm mừng mà đáp rằng : « Kẻ âm người dương đôi bên khế-hợp, thiên-cổ chưa từng có bao giờ ; nếu quả được cùng nhau vĩnh-viễn chung chăn gối, còn vui gì hơn ! » Người con gái lại nói rằng : « Sau ba ngày nữa thì tôi tất sống lại, nhờ hiền-lang vì tôi mở quan-tài ra ban ngày thì che kín mặt trời, ban đêm thì ngỏ mặt ra để hứng sương-lộ, dần dần lấy nước cháo loãng cho uống, như thế thì tôi lại sống lại đấy. » Chàng họ Cao vâng lời. Sáng ngày mai, đem sự ấy bẩm-bạch với cha là Cao Quảng. Cao Quảng cũng chửa lấy gì làm tin lắm, rồi xem đến một đống thi-cảo cũng cho sự ấy là sự tuyệt-kỳ. Cao Quảng mới sang Lưu-Trưởng-sử, bày hết sự đầu đuôi. Lưu-phu-nhân là vợ Trưởng-sử rất lấy làm giận nói rằng : « Con gái ta nay đã tiêu nát rồi. Vả lại con ta là gái trinh-tĩnh, bình-sinh nó có làm thơ với trai bao giờ, sao có lẽ lại làm điếm-nhục cái linh-hồn khuê-các của con ta đến như thế vậy, chẳng qua là một giống mơ-tưởng càn-rỡ, sao đáng tin. » Lưu phu-nhân khăng-khăng một mực cự-tuyệt, Cao Quảng hết sức khẩn-cầu. Lưu-Trưởng-sử mới gọi chàng họ Cao sang hỏi, thì tư-sắc và những đồ y-phục trang-sức của người con gái thế nào, chàng họ Cao đều bẩm-bạch ra như thuở bình-sinh. Vợ chồng Lưu-Trưởng-sử mới bằng lòng nghe theo. Đến ngày thứ ba, hai nhà mới cùng hội-hợp mở quan tài, thì thấy tư-dung nhan-sắc người con gái vẫn còn tươi-tốt sáng-sủa, mà lại dần dần có khí ấm. Trong nhà cả kinh dị và mừng-rỡ, mới sửa riêng một chốn, quây màn tử-vi ở ven bờ sông, đem người con gái đặt ở trong ấy, đêm ngỏ mặt ra để hưởng sương-lộ, ngày lấy cháo loãng cho uống, cha mẹ người con gái đều ngồi giữ-gìn coi-sóc ở bên cạnh. Ngày hôm sau chợt có hơi thở, dần dần mở mắt ra, đến chiều ngày hôm ấy thì biết nói, vài ngày nữa thì hồi-phục như cũ. Chàng họ Cao hỏi đứa nữ-tỳ ở đâu, thì người con gái đáp rằng : « Đứa nữ-tỳ nó là một bạn tiểu-tiên ở Quỳnh-hoa-phủ, tên là Thúy-Hương ; ba Ngụy phu-nhân cắt nó đến làm bạn với tôi, nó cũng hay thơ, tôi yêu mến nó lắm, khi tôi tái-hồi xuống cõi trần, nó khóc-lóc lâm-biệt. » Họ Lưu họ Cao mới kén chọn ngày tốt, làm lễ thành-hôn ngay ở chốn ấy, sau có sinh được vài người con. Đời nhân gọi thôn ấy là Lễ-hội-thôn.

Bức họa chị như em

Đất Sở có một người văn-sĩ là Lã Phượng-Ngô, xuống chơi đất Cô-tô, ngồi ở trong thuyền trông thấy một người đàn bà trạc tuổi xuân-xanh, xinh và đẹp, cũng ngồi ở trong thuyền ; một thuyền trở đi, một thuyền trở lại, gặp thấy ở giữa dòng, chớp mắt thì đã qua ngay. Song-le cứ để bụng tưởng-tượng mãi, người mĩ-nhân kia, hình như lúc nào cũng ở trước mắt vậy. Tối hôm ấy chàng Lã Phượng-Ngô đi ngủ, chiêm-bao thấy một người bảo rằng : « Kẻ mĩ-nhân ở trong thuyền lúc ban ngày, chính là vợ ngươi đấy. » Lã

Phượng-Ngô vốn chưa lấy vợ, không thể không động lòng. Song-le không có thể bởi đâu mà tìm được tung-tích kẻ mĩ-nhân ấy, cũng đành gác bỏ đấy, không dám nghĩ đến nữa. Đến năm sau, lấy tư-cách cống-sĩ vào thi trong lễ-bộ, mới đi lên Bắc - kinh ; ngẫu-nhiên vào một cái xưởng bán những đồ cổ-kim ngoạn-vật gọi là xưởng Lưu-ly ; thấy một bức họa, trong bức họa có một cái tượng kẻ mĩ-nhân, trông ra thì giống người trong thuyền năm ngoái lắm, trên có đề bốn câu thơ rằng :

Cuốn bức rèm ra thấy bóng xuân,
Trăm hoa thua kém vẻ thanh-tân;
Ta nay lên chốn trang-đài vẽ,
Chẳng vẽ Tân-Quân vẽ Kinh-quân.

Lã Phượng - Ngô không hiểu sự Kinh - quân, bàng - hoàng chẳng biết trắc-lượng ra làm sao, đành hãng đem một quan tiền xanh mua lấy mang về. Giữa năm ấy, Lã Phượng-Ngô lĩnh chức tri - huyện, ra phân-lý trong cõi Giang-tây, cùng với người bạn đồng-liêu là Thẩm - quân rất tương - đắc. Thẩm-quân là người đất Cô-tô, một hôm đi đến chơi dinh-thự Lã Phượng-Ngô, vào trong thư-trai, thấy bức họa tượng, cả kinh-hãi mà rằng : « Tượng này là tượng người vong-thê của tôi, bức họa này chính là tay tôi vẽ ra, Kinh-quân tức là mỹ-tự người vong-thê tôi. Năm ngoái tôi ở Bắc - kinh thất-lạc một cái hòm, mới mất bức họa này, đành không có phương-kế nào mà tìm về được, có phải là ngài được bức họa này ở trên chợ Bắc-kinh đấy không ? » Lã Phượng-Ngô nói rằng : « Phải. thế thì tôi từng được trông thấy qui phu-nhân. » Lã Phượng-Ngô nhân đem sự thuyền - trung tương - ngộ ở Ngô-môn ngày nọ nói cho Thẩm-quân nghe. Thẩm-quân nói rằng : « Không phải, không phải, người chuyết-thê tôi tự hơn một năm về trước đã quá-cố đi rồi. » Lã Phượng-Ngô nói rằng : « Nếu quả thế, sao người trong thuyền ngày nọ lại giống nhau lắm vậy. » Thẩm-quân nói rằng : « Người ấy tất là vị tiểu-kiều nhà ông nhạc tôi đấy ; ông nhạc tôi sinh ra được hai người con gái, nét mặt với khuôn người giống nhau như in, chỉ tiếng nói là hơi khác mà thôi, dẫu người trong nhà cũng phải để ý nhận kỹ mới phân-biệt ra được, người chị lớn tức là người vong - thê tôi, người ngài trông thấy đó, tức là vị tiểu-kiều vậy. » Lã Phượng-Ngô nhân đem lời thần-nhân bảo ở trong mộng nói Thẩm - quân hay. Thẩm - quân nói rằng : « Thế thì xứng với bản-ý tôi lắm. Người chuyết-thê tôi chẳng may quá-cố, ông nhạc tôi yêu tôi lắm, vẫn muốn đem vị tiểu - kiều gả cho tôi. Nhưng tôi có nghĩ rằng hai chị em đều là tuyệt - sắc, đều nên phối-hợp với người danh-sĩ cả. Nếu hoa thơm mà hái cả cụm, không khỏi là người tham. Chi bằng để ông nhạc tôi kén lấy một người danh-sĩ nữa, khiến cho hai cành ngô đều có hai con phượng đậu là hơn. Hiện vị tiểu-kiều còn đương kén rể đấy, tôi xin vì ngài đứng làm kẻ băng-nhân, tôi cũng có thể đền được cái ơn ngài trả lại cho tôi bức họa-tượng của kẻ vong-thê ; thế là tôi với ngài đều không khuyết-hám gì cả. » Rồi Thẩm-quân ra sức truyền-chuyển loát-hợp cho Lã Phượng-Ngô khiến thành vợ chồng. Đời thịnh-truyền là một câu chuyện giai-thoại.

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

Thiên-gia thi-thảo diễn-âm (1)

(*Tiếp theo*)

CẢNH XUÂN

和賈舍人早朝

五夜漏聲催曉箭
九重春色醉仙桃
旌旗日暖龍蛇動
宮殿風微燕雀高
朝罷香烟攜滿袖
詩成珠玉在揮毫
欲知世掌絲綸美
池上于今有鳳毛

Đồng-hồ đã giục hồi chuông sớm,
Bệ ngọc còn say chén rượu đào;
Cờ ánh mặt trời rồng lộn bóng,
Gió đưa đầu điện yến bay cao;
Lui chầu giở áo mùi thơm ngát,
Cất bút đề thơ ngọc rắc vào;
Giữ việc ti-luân theo nghiệp trước,
Nay xin mừng chữ phượng-hoàng mao.

答丁元珍

春風疑不到天涯
二月山城未見花
殘雪壓枝猶有橘
凍雷驚筍欲抽芽
夜聞啼鳥生鄉思
病入新年感物華
曾是洛陽花下客
野芳雖晚不須嗟

Chúa xuân ngờ chẳng đến bên thành,
Hoa đến mùa hoa chửa thấy sinh;
Quít trải tuyết dầu còn tốt quả,
Trúc kinh sấm động mới trồi nanh.
Nghe chim ban tối xui lòng nhớ,
Ngắm cảnh đầu xuân nghĩ nỗi mình;
Cùng trải mùi hoa trong đất Lạc,
Hoa đừng lo muộn muộn càng xinh.

上元應制

高列千峯寶炬森
端門方喜翠花臨
宸遊不爲三元夜
樂事還同萬乘心
天上清光留此夕
人間和氣闢春陰
要知盡麗華封祝
四十餘年惠愛深

Dưới đèn tỏ bóng núi cùng non,
Mừng rỡ xe loan tới ngọ-môn;
Chẳng vì xuân-xanh bày tiệc ngọc,
Muốn cùng con đỏ thỏa lòng son;
Ráng mây dường vẽ quang trời đất,
Cây cỏ mừng xuân khắp xã thôn;
Xin học Hoa-phong dâng chén thọ,
Cảm ơn vua bốn chục năm tròn.

又體

雪消花月滿仙臺
萬燭當樓寶扇開
雙鳳雲中扶輦下
六鰲海上駕山來
鑾京春酒霑周宴
汾水秋風隨漢才
一曲昇平人盡樂
君王又進紫霞杯

Tuyết sạch lầu tiên lọt bóng nga,
Chín lần cửa mở đuốc giong hoa;
Phượng nương xe ngọc trên mây xuống,
Ngao đội non vàng dưới bể ra;
Tiệc yến Chu-kinh đầm phúc-quả,
Câu thơ Phần-thủy kém tài-hoa;
Thăng-bình một khúc người vui-vẻ,
Bệ ngọc thêm say chén tử-hà.

插花吟

頭上花枝照酒巵
酒巵中有好花枝
身經兩主太平日
眼見四朝全盛時
況復筋骸粗康健
那堪時節正芳菲
酒涵花影紅光裏
爭忍花前不醉歸

Đầu giắt cành hoa soi chén quỳnh,
Chén quỳnh trong có hoa một cành;
Làm tôi hai chúa buổi toàn-thịnh,

(1) Xem N. P. số 144-147

Trải thấy bốn triều đời thái-bình ;
Sức khoẻ luống quên đầu tóc trắng,
Hoa thơm nỡ phụ tiết xuân xanh ;
Rượu đào lấp-lánh hoa lồng bóng,
Về chẳng say sưa nghĩ chẳng đành.

寓意

油壁香車不再逢
峽雲無跡任西東
梨花院落溶溶月
柳絮池塘淡淡風
幾日寂寥傷酒後
一番蕭索禁烟中
魚書欲寄何由達
水遠山長處處同

Hỡi khách xe hương khéo hẳng-hờ,
Đông-tây phó mặc dấu mây mưa ;
Vườn lê nở nhị trăng lồng bóng,
Bờ liễu buông mành gió cuốn tơ ;
Có lúc say men thêm khát tưởng,
Lắm phen ăn lạnh nghĩ trơ-vơ ;
Muốn đưa thư cá khôn người cậy,
Non nước xa khơi luống thần-thờ.

郊行即事

芳原綠野恣行時
春入遙山碧四圍
興落亂紅穿柳巷
困臨流水坐苔磯
莫辭酒盞千分醉
祇恐風花一片飛
況是清明好天氣
不妨遊衍莫忘歸

Đồng thơm bóng mát sinh chơi-bời,
Xuân tới non xanh biếc mọi nơi ;
Vui lẻn dặm hồng tìm liễu hái,
Buồn ra bến nước thả câu chơi ;
Chớ từ chén rượu say-sưa nhắp,
Chỉ sợ bông hoa lác-đác rơi ;
Lại gặp thanh-minh trời mát-mẻ,
Chơi xuân nên chớ để xuân cười.

秋韆

畫架雙栽翠絡偏
佳人春戲小樓前
飄揚血色裙拖地
斷送玉容人上天
花板潤霑紅杏雨
綵繩斜挂綠楊煙
下來閒處從容立
疑是蟾宮降謫仙

Tựa giá lưng đeo thõng lệch dây,
Chơi xuân thơ-thẩn trước lầu tây ;
Quần hồng gió lẳng la-tha đất,
Gót ngọc hương đưa đủng-đỉnh mây ;
Mưa hạnh tuôn rây bàn vẽ đứng,
Khói dương sa quẹn dải tơ bay ;
Buông dây bước xuống coi nhàn-nhã,
Ngỡ khách Hằng-nga mới tới đây.

曲江對酒（其一）

一片飛花減却春
花飛萬點正愁人
且看欲盡花經眼
莫厭傷多酒入脣
江上小堂巢翡翠
苑邊高塚臥麒麟
細推物理須行樂
何用浮名絆此身

Một mảnh hoa tàn đã kém xuân,
Hoa bay muôn đóa luống tần-ngần ;
Trông xuân những tiếc hoa gần hết,
Cám cảnh nên thêm rượu bội phần ;
Nhà vắng bên sông đầy tổ trĩ,
Mồ cao trên nội cảm đàn lân ;
Trông gương nên phải chơi làm lãi,
Sao để phù-danh bận chút thân.

（其二）

朝回日日典春衣
每日江頭盡醉歸
酒債尋常行處有
人生七十古來希
穿花蛺蝶深深見
點水蜻蜓款款飛
傳語風光共流轉
賞心一事莫相違

Lui chầu cởi áo cố phăng ngay,
Ở xóm men về tất phải say ;
Trả rượu từ-tung thành nợ miệng (1),
Đời người thất-thiểu mấy gang tay (2),
Chấm hoa chiếc bướm thung-thăng đậu;
Đá nước con chuồn thủng-thỉnh bay ;
Ngày tháng thôi đưa lời ngạn đó,
Chơi xuân chớ phụ tiết xuân này.

(1-2) Hai câu thực này hoặc dịch là : Nợ rượu bốn phương tràn qui-tị, tuổi trời bảy chục hiếm xưa nay.

旅懷

水流花謝兩無情
送盡東風過楚城
蝴蝶夢中家萬里
杜鵑枝上月三更
故園書動經年髮
華髮春催雨鬢生
自是不歸歸便得
五湖烟景有誰爭

Hoa tàn nước chảy cảnh buồn tênh,
Gió cuốn mầu xuân đến Sở-thành ;
Hồn bướm mơ nhà trong một giấc,
Tiếng quyên gợi nguyệt suốt ba canh ;
Quê hương khuất núi chim xanh vắng,
Sương tuyết pha đầu tóc bạc sinh ;
Lòng chẳng muốn về về chắc được,
Ngũ-hồ ai chiếm thú riêng mình.

答李儻

去年花裡逢君別
今日花開又一年
世事茫茫難自料
春愁黯黯獨成眠
身多病疾歸田里
邑有流亡愧俸錢
聞道欲來相問訊
夢樓望月幾時圓

Năm trước vườn hoa cùng tiễn biệt,
Năm nay hoa nở một năm tròn ;
Ngổn-ngang việc nước khôn lo liệu,
Mê-mẩn hồn xuân những héo mòn,
Vóc bệnh muốn về trong đất tổ,
Lương tiền nghĩ thẹn với dân con ;
Nghe tin muốn lại cùng thăm hỏi,
Mấy độ trông trăng phụ tấm son.

(Còn nữa)

Cử-nhân PHẠM SĨ-VĨ *dịch*

Bài trướng thầy Lang khóc mẹ vợ

Than ôi !

Nhà Băng gương vỡ, bóng tuyết-ti phút bỗng lẻ-loi ; sông Thái sóng cuồn, làn hoa cỏ cũng chiều ngao-ngán !

Nghĩa tử-qui ấy vẫn là thường ; tình quyết-biệt lẽ nào chẳng cảm.

Nhớ Nhạc từ xưa :

Tính khí hiền-hòa, nết-na cần-cán ; Nội ngoại trong khi giỗ ngày tết, hết sức kính-thành ; chồng con lúc việc nước việc làng, ra tay cán-đáng.

Lá lành đùm lá rách, xử hẳn-hoi với họ với hàng ; miếng chả giả miếng bùi, ở tử-tế cùng chúng cùng bạn.

Trai có phận gái âu có phận, yêu thương một mực công-bình ; dâu là con rể cũng là con, chiều-chuộng không bên chềnh-mảng.

Ở hậu thì gặp hậu, trời cho phúc-lý dồi-dào ; có công chẳng phụ công, phật độ gia-môn tỏ rạng.

Hai cảnh sơn-quế, sân rộng đua tươi ; một áng môn-mi, cửa cao thêm sáng

Thức thức quả ngon bánh ngọt, dưới gối vui lũ năm với lũ ba ; song song tóc bạc da mồi, trên nhà mừng tuần bảy rồi tuần tám.

Cho được đi về cửa Phật, trăm dư năm gió tạnh mây quang ; nào hay xếp đặt số trời, bảy mốt tuổi thuyền đầy quả mãn.

Đạo-trì hội mở, xăm xăm bước tới chốn Tiên-đài ; Bát - nhã buồm xuôi, đủng-đỉnh tìm về nơi Giác-ngạn

Người đi đi mãi. Nhạc-ông tuổi-tác, năm canh tưởng nhớ về hoa-nhan ; kẻ nhớ nhớ hoài, con cháu bâng-khuâng, sáu khắc ngóng trông nơi hương án.

Mồ tôi :

Ngậm-ngùi những lúc tới sân ; cảm-động trong khi đưa đám.

Tự nghĩ rể nào phải khách, thuốc tìm dưỡng-thọ, đã hết công-phu ; thì xin thiếp cũng như chàng, bia tạc thờ chung, dám đâu sai nhãng.

Một bức nôm-na ; hai hàng lai-láng.

Than ôi !

Sự sướng

(Hát nói)

Đã biết sống phải cho biết sướng, thì mới là đáng sống ở đời. Thông-minh hơn cả muôn loài, cái sống khác cái sướng thời cũng khác. Bể khổ gần kề nơi ngạn giác, cung tiên xây giữ bến

trầm-luân ; quyết giang tay vui với bạn đồng-quần, ngô thùy dữ, tư nhân chi đồ dữ. *Đã chẳng tránh khỏi lò đại-giã, thì bi-sinh mẫn-thế cũng hoài hơi. Xá chi tuồng ăn no ngủ kỹ, uống rượu ngồi dai, cuộc túy-mộng chửa mấy ai biết sướng. Người biết sướng là người biết cao-thượng, ăn sống mà ở sáng với người ta. Đời người đánh phấn đeo hoa, đời người nhọ mép cho qua một đời. Sống sao cho sướng ai ơi !*

Bài Côn-sơn-ca của cụ Ức-trai

抑齋先生崑山歌

崑山有泉·其聲冷冷然·吾以爲管絃·

Côn-sơn có suối nước trong,
Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm.

崑山有石·雨洗苔鋪碧·吾以爲簟席·

Côn-sơn có đá tần-vần,
Mưa tuôn đá sạch ta nằm ta chơi.

崑山有松·萬蓋翠重重·吾於是乎偃息其中·

Côn-sơn thông tốt ngất trời,
Ngả-nghiêng dưới bóng ta thời tự do.

崑山有竹·千畝仰寒綠·吾於是乎嘯詠其側·

Côn sơn trúc mọc đầy gò,
Lá xanh bóng rợp tha-hồ tiêu-dao.

問君胡不歸去來·半生塵土長樛枯。萬鍾九鼎何必然·飲水飯蔬隨分足·

Sao không về phắt đi nào,
Đời người vướng-vất xiết sao cát-lầm !
Cơm rau nước lã an thân,
Muôn chung nghìn tử có cần-quyền chi.

君不見·董卓黃金盈一塢·元載胡椒八百斛·

Sao không xem : gian-tà những kẻ xưa kia,
Trước thì họ Đổng, sau thì họ Nguyên.
Đổng thì mấy vựa kim-tiền,
Nguyên hồ-tiêu chứa mấy nghìn muôn cân.

又不見·伯夷與叔齊·首陽餓死不食粟·

Lại chẳng xem : Di Tề hai đấng thánh-nhân,
Nằm trên núi Thủ nhịn ăn đến già.

賢愚二者兩不侔·亦各自求其所欲·

Nào ai khôn dại đu mà,
Chẳng qua chỉ tự lòng ta sở-cầu.

人生百年內·果竟同草木·悲歌憂樂迭往來·一榮一謝還相續·

Trăm năm trong cuộc bể dâu,
Người cùng cây cỏ khác nhau chút nào.
Khóc, cười, mừng, sợ xôn-xao,
Đang tươi bỗng héo biết bao nhiêu lần !

丘山蓽屋亦偶然·死後誰榮更誰辱·

Nhục vinh thân cũng là thân,
Cửa ngăn nhà ngói trăm năm còn gì.

人間若有巢由徒·勸渠聽我山中曲·

Sào Do hai bạn tương-tri,
Vào Hun (tên nôm Côn-sơn) tớ đọc cho nghe bài này.

Đỗ NAM-TỬ *diễn nôm*

Thơ tiễn-biệt

Đêm rằm tháng sáu năm kỷ-tị, thức suốt đêm, bác Trác-Chi và bác Bạch-Như tiễn tôi về quê nhà ở Tây-ninh. Nay còn thơ :

QUANG-ĐẦU

I

Rót rượu đêm nay mời bác say,
Dặm phần mai bác giục về tây ;
Còn duyên thơ rượu, duyên tri-kỷ,
Xin hẹn thu sang bóng nguyệt này.

TRÁC-CHI

II

Hoạ

Chén mời tình bạn ngại gì say,
Chợt nhớ làng xưa thẳng dặm tây ;
Thành Trúc còn nhiều sau gặp-gỡ,
Rày xin tạm biệt nước non này.

QUANG-ĐẦU

III

Mưa gió ngoài song bóng nguyệt mờ,
Chén đưa mời bác chớ thờ-ơ ;
Gò-dầu thư đến đừng quên nhé,
Hoa cỏ non Tô những đợi chờ.

BẠCH-NHƯ

IV

Họa

Gió cuốn mây bay trăng tỏ mờ,
Lòng về bối-rối phải thờ-ơ ;
Văn-chương tri-kỷ nhiều tao-tế,
Dám để song-đường tựa cửa chờ.

QUANG-ĐẨU

V

Lại rót rượu đưa mời cố-nhân,
Vườn xưa vui dưới bóng huyên xuân ;
Tây-thành những lúc đêm thanh-nhã,
Có nguyệt hồ Đông bóng dãi gần.

TRÁC-TRI

VI

Họa

Chén cạn đường chia tôi cố-nhân,
Đêm thu ai biết nỗi-niềm xuân ;
Mấy lời kính lại cùng tri-kỷ,
Mặt cách mà lòng âu hẳn gần.

QUANG-ĐẨU

VII

Liên-ngâm

B. N. — Thành Trúc mưa đêm lặng vẻ trần.
T. C. — Bóng trăng thêm tỏ nét thanh-tân ;
B. N. — Khuyên ai cố cạn chén này nữa.
T. C. — Mai mốt Tây-ninh ai cố-nhân?

VIII

Họa

Tri-kỷ còn ai giữa cõi trần,
Cùng vui non nước thú thanh-tân ;
Câu thơ chén rượu chưa tàn hứng,
Trăng lặn non đoài giã cố-nhân.

QUANG-ĐẨU

IX

Suốt đêm tình-tự bác tôi cười,
Còn rượu còn mời mãi chửa thôi ;
Nhác thấy đầu cành vầng nguyệt xế,
Cầm tay luống những ngậm-ngùi ai.

BẠCH-NHƯ

X

Họa

Cùng bác đêm nay tôi gượng cười,
Quan-hà cạn chén dám từ thôi ;
Vầng trăng xế nửa lòng ngơ-ngẩn,
Một tấm tình riêng tỏ với ai ?

QUANG-ĐẨU

NAM-ANH TÙNG-VỊNH

(*tiếp theo*)

Phủ Thiên-tiên

天 仙 府

Gần chùa gần bụt chốn từ-bi,
Lại miếu riêng đây nữa chật lý ;
Đồng cốt sớm khuya phường nhã-nhạc,
Hương hoa chiều gọi bóng tả-dương ;
Đã đành đỉnh Giáp xa chăng đấy,
Thôi ngắm non Gôi đó chứ gì ;
Chán cái bên đây còn cảnh nữa,
Đi về để bận thánh ta chi.

NGUYÊN-TÍCH. — Liền trước mặt chùa Phúc-lâm về phía đông-nam có một ngôi phủ, thờ vị « Quỳnh-hoa Liễu-hạnh Thiên-tiên công-chúa 瓊花柳杏天仙公主 » Đền-hương nhật-đạ, chuông-trống quanh năm. Chỉ là có một lẽ là : không kỳ hang sâu núi thẳm, rừng rộng bể xa, hễ đâu có đền ngài thì đều vui-thú hữu-tình, có vẻ êm-đềm đằm-thắm.

Đền này tối nào cũng đông như hội, cũng đủ hạng người, đủ bộ quần áo, múa hát nhảy-nhót, đai-bệ gật-gù, gọi là đám đồng cô cốt vậy. Phía đông-nam cách một cái chợ ước và ba mươi ngũ, lại có một ngôi phủ thờ ngài

nữa, của xã Quần-phương-đông mới làm, gọi là phủ ngoài, mà phủ trên gọi là phủ trong.

Ngài quê ở làng Gôi 嵬山 thuộc huyện Vụ-bản 務本 Nam-định. Tục truyền nguyên ngài là vị thiên-tiên chủ bọn ca-công, nhân đánh vỡ chén ngọc của đức Thượng-đế, phải trích xuống trần, ngài giáng sinh đương triều Hậu-Lê là một vị trong bốn vị bất-tuyệt 四不絕之一 nước ta vậy.

Trung-liệt thần
忠烈神

Khen gan sắt đá rất là to,
Giẹp giặc mà sao khéo giỏ trò ;
Đất ải lung tung ùa sức nếm,
Trời con mong mỏi đoái công cho ;
Thư hùng máy vẫn chia đôi ngả,
Trung-liệt gương nguyên đúc một lò ;
Ôi cũng nực cười ôi cũng sợ,
Kia tay sảng đạn dễ ai so.

NGUYÊN-TÍCH.— Năm 1742 là năm tân-dậu 辛酉. Vua Hiển-tôn 顯宗 triều Lê 黎 năm Cảnh-hưng 景興 thứ ba, giặc Ngân-cả 銀茄 nổi loạn ở Nam-định. Vua sức dân trong hạt phải ứng nghĩa, khi giặc kéo qua sông Múc 沐江 xã Quần-anh lấy là địa-phận hạt mình, hết sức kháng-cự. Nhưng lúc đó dân còn thuần-dã, quen nghề muối mắm, giữ việc nông-tang, chưa biết mũi tên hòn đạn là gì. Gặp khi thảo-muội cơ trời, chỉ góp miệng chửi vã, và lật đất ải ở chân đê để ném. Trận đó thiệt-mệnh cả trai gái cộng 19 người, vua được tin « đống xương vô-định đã cao lắng đầu. » Mạnh ban biển Trung-nghĩa 忠義扁 » bao khen về xã. Tục gọi là 19 thần Trung-liệt.

Chúa Chiêu-Hằng
昭恆公主

Nước non gánh vác được bao lâu,
Bởi sự chi chi đến nỗi đầu ;
U-hận trăng treo trời vẫn rạng,
Linh-uy sóng đượm nước còn sâu ;
Mảnh gương liệt-nữ soi trong vắt,
Chiếc bóng Bồng-a hề đỏ ngầu ;
Muôn đội cao giầy ơn ủng-tế,
Biền cờ không thẹn với năm châu.

NGUYÊN-TÍCH.— Chúa nguyên người họ Trần, là cháu ba bốn đời ông Phúc-đức. Mây thua nước tóc, tuyết nhường mầu da, cũng là bậc thiên-hương quốc-sắc, khuynh-quốc khuynh-thành. Đào-nguyên lạc nẻo đâu mà tới đây.

Tuổi đã cập-kê, mới vừa ba bảy, vâng lời cha mẹ ra gánh vác. Chiêu 昭 húy là Hằng 恆 tục gọi là ông Chiêu - hường 昭紅 nghĩa là con nhà « chẳng sân ngọc-bội cũng phường kim-môn » chỉ đó.

Trời xanh có phụ chi tình, phượng vừa phỉ nguyện, loan đà ngang giây. Không biết vì duyên-cớ gì, bà vội tự mượn giây Tử-Anh theo chân Vương-mẫu.

Ôi cái u-hận của bà đã mang xuống tuyền-đài, cái dư-linh của bà vẫn còn đầy-dẫy trên không-gian. Vua Duy - tân 維新 về trước phong là Trung-đẳng-thần 中等神, đến năm Tứ-tuần đại-khánh vua Khải-định 啓定 lại gia-phong là Thượng-đẳng-thần 上等神. Nay đền bà lập ở bên mé sông Phương-giang, xóm Phe-tâm (xóm ông Chiêu) phụng-sự, gọi là đền Trinh-liệt 貞烈廟.

Chúa Hoa-đình
華亭公主

Xênh-xang ngày tháng chỉ cùng em,
Hai miếu bên sông phấn điểm rèm ;
Gối ngọc xây cao cờ cáng lệt,
Then châu rủ thấp cỏ hoa kèm ;
Trách thuyền kẻ cả sao hờ-hẳng,
Để tội cò con xuýt nhọ-nhem ;
Mảnh sắc vua phong kia chói-lọi,
Khuyên nhau thành tín-tới mà xem

NGUYÊN-TÍCH.— Tương-truyền triều Tự-đức 嗣德 vua sai thợ mộc ở Hà-nội làm ngự-kiệu hạn cho con giống phải sinh-hoạt tuyệt vời, nếu có ai chê thì tất phải thải. Khi làm xong có ông lão quê-kệch, đầu bạc răng long, da mồi gối hạc, đủng-đỉnh đến khen ngợi, song mủm mỉm cười to, cất tay chỉ vào mắt rồng mà rằng « hảy, hảy, hảy ». Vì thế kiệu phải yết - thị phát - khách. Quần-anh thương được tin, quyên tiền mua về thờ đức Tổng-hậu. Hồi-trình vừa qua phố, bỗng có hai người thiếu-nữ, xuân-xanh trạc buổi trăng tròn, ngỏ lời van-phúc, nhờ lượng tái-sinh, xin theo về chốn hải-tân buôn-bán. Bấy giờ các ông huynh - thứ người mừng người sợ, con thuyền sóng-nước mông-mênh,

lẽ ra dám bảy ngày mới về tới bến, thế mà nay kể ngày cũng chừa bao lâu, giây phút về đến Cầu-đông 東橋 là nơi địa-đầu Quần-anh-Trung. Dân làng đón-rước, cờ-trống nghênh-ngang. Hai người ấy biết là nghi-vệ thần thượng-đẳng, hốt-nhiên biến ra hai con cò bay thẳng vào đình Giáp nhất 甲一亭.

Sau uy-danh lẫm-liệt, hiển-ứng kỳ-dị, thôn-dân bốc bát hương thờ, nhân lấy tên Đình gọi.

Nay Quần-phương-thượng cũng thờ ở xóm Phe-vân, miếu bên này sông là thờ bà chị Phù-dung công-chúa 芙蓉公主, miếu bên nam sông là thờ bà em Đoan-trang công-chúa 端莊公主; vua Khải-định mới phong Dực-bảo trung-hưng thượng-đẳng-thần 翊保中興上等神.

Chúa Mộc

木精公主

Tạo-hóa phô ra lắm mối kỳ,
Sao bà tinh gỗ thế mà ghê;
Non xanh nước biếc xưa là bạn,
Mây sớm mưa hôm đó rõ nghề;
Dọa trẻ lưng vòn manh áo xõa,
Hóa thần sắc cuộn đầu châu phê;
Chẳng hay truyện cũ không hay có,
Giọt nước vô-tâm vẫn rót kề.

Nguyên-tích. — Đền bà ở xóm Phú-cường 富彊鄉 quay mặt hướng nam, liền trên may sông Cầu-xe 球沚江 hiệu là Mộc-tinh long-cung Huyền-chân công-chúa 木精龍宮玄眞公主. Vua Khải-định mới phong: Hộ-quốc ti-dân thượng-đẳng-thần 護國庇民上等神.

Nguyên triều Tự-đức xóm Phú-cường có ông Bá-Nghĩa 白戶琛義 mua gỗ làm nhà, khi kéo về ngõ, tự-nhiên đêm đó thường có người tiên-nữ hiện ở trong gỗ ra, mặc quần áo trắng, đội nón thầy tu, nhưng xem kỹ thì không dầu. Cứ vẩn-vơ vơ-vơ, lúc đứng lúc đi, lúc ngồi vỗng trên cây hát-xướng, ai nấy trông thấy đều hồn-kinh phách-lạc. Sau lấy gỗ bắc cầu ao, lâu ngày trầm mất. Bởi lẽ hoảng-hốt đó thành mê-tín, mê-tín thành ra sùng-bái. Cửa đền có hai câu đối nhắn vào cột gạch rằng:

I

Khí dục trung-lâm hoa hữu chủ,
氣毓中林花有主
Linh lai nam-hải thủy vô ba
靈來南海水無波

Thừa mộc hiển thần-công, hải-ấp phiên-hàn tiêu thạch-trụ;
乘木顯神功海邑藩翰標石柱,
Tỉnh trần minh nữ-đức, sơn-khê vân-vũ bạc tiên-dung.
醒塵鳴女德。山溪雲雨薄仙容,

Chúa Lềnh

冷汀公主

Mảnh gương băng-tuyết thói nhà quan,
Cái giá phong-lưu biết mấy ngàn;
Cốt ngọc hoa in trào róc-rách,
Bệ vàng đuốc đọi gió than-than;
Cứu dân đâu lại quen nghề thuốc,
Gần thánh nghe ra ít nói càn;
Những người thế kia kẻ thế khác,
Qua chơi xin chớ giở trò gàn.

Nguyên-tích. — Bà tương-truyền là con gái một ông Tri-phủ, nhưng không hiểu quê-quán ở đâu, họ-đương là gì, cũng không hiểu vì cớ gì mà phải phiêu-linh ngọc-cốt về cửa sông Tệ. Dân sở-tại thấy thế xin phép an-táng bờ nam sông. Ôi mặt nước chân mây, hoa trôi bèo giạt, sông Tiền-đường đó là mồ hồng-nhan.

Nay phía đông đền Bông hai bên bờ sông có miếu thờ cả. Bà rất linh-ứng, nếu dân làng có ai đau ốm, biện hương-hoả phù-tức tới lễ bà tự bốc đồng lên, hái các hoa quanh đền, sao vàng cho uống, giây phút là khỏi.

Cũng có sắc vua Khải-định mới phong cho là thượng-đẳng-thần. Các nhà nghị-luận cho là vị tân-thần, nhất-dân đã thượng-đẳng, vẫn hằng tỏ lòng bái-ấp. Nhưng không biết thời buổi bây giờ đã đứng vào hoàn-cảnh văn-minh, cái trình-độ tự-do, cái phong-trào bình-đẳng đã theo luồng không-khí mới ở tại Đại-tây-lục trán sang cõi Đông này, bao nhiêu trí-não dục, hạnh-phúc hão, giấc nam-kha bốn nghìn năm cũ cũng đã tỉnh-ngộ, đã sám-hối, truyện đó thật không còn giá-trị.

(Còn nữa)

Nhân-Vân-Đình

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới.— Kể từ đầu năm 1930 đến giờ, ở Âu-châu có xảy ra mấy việc quan-trọng, là họp mấy hội-nghị lớn để giải-quyết các vấn-đề quốc-tế. Ở hội-nghị *La Haye* thì giải-quyết vấn-đề trái khoản của nước Đức và liễu-kết các việc phân-tranh về tài-chính thuộc về cuộc Âu-chiến mới rồi. Ở *Londres* thì giải-quyết về vấn-đề tài-giảm hải-quân. Lại Hội-đồng quản-trị Hội Vạn-quốc định họp vào khoảng tháng hai một hội-nghị kinh-tế để nghiên-cứu về vấn-đề quan-thuế trong các nước. Xem như thế thì cái khuynh-hướng chung của các nước về năm 1930 này là hãy tạm đình những việc riêng của từng nước lại để trù-tính các việc quan-hệ đến quốc-tế. Ngoài các vấn-đề trái-khoản, tài-binh và quan-thuế đó, trên trường ngoại-giao Âu-châu còn mấy việc phân-tranh nữa chưa giải-quyết xong, như việc nước *Hongrie* với các nước Tiểu-đồng-minh, việc nước Đức với nước Ba-lan, tuy cũng có nhiều nỗi khó-khăn trắc-trở, song cứ cái khuynh-hướng hòa-bình đó thì mong rồi cũng giải-quyết được ổn-thỏa.

Nói về hội-nghị La Haye.— Trong mấy tuần-lễ, cả thế-giới chú-ý vào việc hội-nghị *La Haye*. Hội-nghị này họp tự đầu tháng giêng. Trước khi họp cũng lo rằng việc tiền-tài tất là cãi-cọ nhau kịch-liệt, có lẽ đến xung-đột nhau mà rồi không giải-quyết được xong. Nhưng may không có xảy ra việc gì quyết-liệt. Nước Đức cũng hết sức thảo-luận mà đối-phó lại từng li từng tí. Đã muốn mưu-mô để xin hoãn lại cái kỳ-hạn trả nợ. Không khoản nào là bằng lòng chịu nhận ngay. Nhưng về sau điều-đình rồi cũng nhận cả. Như định mỗi tháng phải trả vào ngày nào, định cái phần nợ thứ nhất phải giao-dịch thế nào, định cách hành-động của nhà Quốc-tế ngân-hàng thế nào, cùng các phương-pháp đàn-áp những khi không trả đúng lệ, khi thảo-luận bấy nhiêu khoản, nước Đức có lúc chỉ đem cái thái-độ tiêu-cực mà đối lại, cũng làm cho khó-khăn một chút. Song xét ra thì đó chẳng qua là chính-phủ Đức muốn làm ra mặt kháng-cự như thế để khỏi bị các đảng quốc-gia trong nước mình công-kích, chứ kỳ-thực cũng sẵn lòng hi-sinh để cho nước Đức được thoát khỏi cái quyền đàn-áp của Đồng-minh. Bởi thế nên mỗi khi Thủ-tướng Pháp Tardieu và Tài-chính-tổng-trưởng Anh Snowden nói sẵng, thì các đại-biểu Đức cũng đấu dịu ngay. Chủ-ý của chính-phủ Đức cũng là muốn cho cuộc điều-đình chóng xong. Xem như một việc sau này thì đủ biết. Khi hội-nghị bàn lập ra một nhà Quốc-tế ngân-hàng để coi việc trang-trải các khoản nợ, thì có với Bác-sĩ Schacht là chủ nhà Đức. Ngân-hàng (*Reichsbank*) đến để chất-vấn, thì ông này hăng-hái quả-quyết nói rằng nhà Đức Ngân-hàng không chịu giúp vốn để lập ra nhà Quốc-tế Ngân-hàng đó. Cả hội-nghị lấy làm lạ-lùng. Nhưng cách ít lâu, chính-phủ Đức tuyên-bố rằng việc nhà Đức Ngân-hàng tham-dự vào Quốc-tế Ngân-hàng, là thuộc trách-nhiệm chính-phủ, chính-phủ thuận-nhận là đủ, không phải là việc riêng của Đức Ngân-hàng. Bác-sĩ Schacht sau phải chịu. Xem như thế thì biết cái thái-độ của Đức cũng là uyển-chuyển nhẫn-nhục lắm. Nói tóm

lại thì thuộc về kỳ-hạn nộp tiền từng tháng, thuộc về việc lập nhà băng quốc-tế, cùng việc mộ quốc-trái để trang-trải các khoản đã đến hạn, nước Đức đều bằng lòng cả. Lại bằng lòng để cho hiệp-ước Đức với Mĩ về các khoản nợ của Đức đem sáp-nhập vào toàn-thể chương-trình *Young*, và các khoản nợ đó cũng cứ thứ-tự mà trả, chứ không được trả trước các khoản khác. Về phương-pháp đàn-áp thì Đức cũng chống-cự lại mãi rồi mới chịu.

Nguyên nước Pháp trước có yêu-cầu đặt ra một cái cơ-quan trọng-tài riêng để xét về việc đó, rồi sau lại nhận cho Quốc-tế thẩm-viện được có quyền xét-xử. Có thảo tờ hợp-định riêng, định rằng hễ chính phủ Đức không tuân-ước, mà tìm cách phá chương-trình *Young*, thì việc sẽ đem lên Thẩm-viện *La Haye* xét, và nếu Thẩm-viện đã xét-xử rồi mà Đức không chịu, thì bấy giờ các nước ký ước sẽ được tự-do hành-động; nghĩa là nếu nước Đức bội ước, thì nước Pháp (vì việc này chỉ quan-hệ đến một nước Pháp mà thôi), sẽ được tự-do dùng các kế-hoạch để đàn-áp Đức cho tuân theo hòa-ước, không cần phải hỏi-han gì các bạn Đồng-minh cũ nữa. Nói thô-thiển ngay, thì câu đó nghĩa là nếu Đức không trả nợ thì Pháp có quyền dùng võ-lực mà bách cho phải trả, các Đồng-minh khác không được can-thiệp vào. Các đại-biểu Đức kháng-nghị lại, nói rằng thế là không tin bụng chính-phủ Đức; nhưng sau đại-biểu Pháp trả lời rằng không phải là không tin các nhà cầm quyền chính-phủ Đức bây giờ, nhưng biết rằng người kế-tiếp sau này có được một lòng thành-thực như thế không, thì sự phòng-bị về sau cũng là điều nên phải có. Sau đại-biểu Đức cũng phải ký.

Liền với vấn-đề bồi-thường của Đức, còn vấn-đề bồi-thường về các nước Đông-Âu nữa, cũng là khó khăn phiền-phức lắm, mãi đến sau cùng mới giải-quyết xong. Điều khó-khăn nhất là tự nước *Hongrie* chỉ chịu trả bồi-khoản cho các nước Tiểu-đồng-minh đến hạn năm 1946 mà thôi, và khi nào trả xong rồi thì sẽ lại đòi lại các nước ấy mấy khoản đặc-biệt nữa, tính ra thì số đòi lại ấy lại còn cao hơn số phải trả. Mấy nước *Tchécoslovaquie*, *Bulgarie*, *Roumanie* và nước *Yougoslavie* nhất-định không chịu. Các khoản yêu-cầu của nước *Hongrie* là thuộc về vấn-đề các dân di-cư, vấn-đề tài-sản của nhà giáo cùng vấn-đề điền-sản của các công-tước *Hongrie* trước. Việc này điều-đình hai bên thật là khó quá. Nhờ có tài giao-thiệp của tổng-trưởng Pháp Loucheur, khiến cho hai bên dần dần phải nhượng-bộ nhau, mà vấn-đề bồi-thường ở miền Đông-Âu sau cũng giải-quyết xong.

Nói tóm lại thì hội-nghị *La Haye*, tuy có kẻ dự-đoán một cách bi-quan, nhưng thật đã kết-quả được hoàn-hảo. Thế là vấn-đề bồi-thường giải-quyết được ổn-thỏa. Nhà Quốc-tế Ngân-hàng đã bắt đầu hành-động. Được như thế, thật là cái triệu chứng tốt cho cuộc hòa-bình thế-giới. Các nước tham-dự vào hội-nghị đều phải hi-sinh một đôi chút cả, nhưng không phải hi-sinh cho một cái lý-tưởng viển-vông gì, mà là hi-sinh cho một lẽ yếu cần khẩn-cấp, là cần cho Âu-châu được thảnh-thơi một độ để khôi-phục lại. Kể ra, thì còn có nhiều vấn-đề quan-trọng chưa giải-quyết xong. Nhưng trong các vấn-đề đó, do cuộc Âu-chiến mà phát-sinh ra, thì vấn-đề nợ này là gian-nan hơn cả; nay giải-quyết được, thật là đáng mừng cho Âu-châu. Ngoại-giả còn vấn-đề tài-giảm quân-bị nữa.

Nói về hội-nghị Londres. — Trong vấn-đề tài-giảm quân-bị thì vấn-đề tài-giảm hải-quân, trước đã đem ra thảo-luận ở hội-nghị *Washington*,

không giải-quyết được mà lại thành ra kịch-liệt thêm. Nhưng sau hội Vạn-quốc bàn đi xét lại nhiều lần, thì xem ra cũng đã ràng-rạng hơn trước. Vậy kỳ hội-nghị hải-quân họp ở *Londres* này, cũng có thể mong có kết-quả được.

Kỳ khai-hội, chính Anh Hoàng-đế ra chủ-tịch. Rồi thì đại-biểu các nước họp mặt và nói chuyện riêng với nhau. Thủ-tướng Pháp TARDIEU cùng ngoại-tướng BRIAND thường thương-thuyết luôn với đại-biểu nước Anh là thủ-tướng MACDONALD, đại-biểu Mĩ STIMSON, đại-biểu Ý GRANDI và đại-biểu Nhật WAKATSUKI, để định-ninh cái chương-trình thảo-luận thế nào. Hiện có ba cái thuyết đối nhau. Thuyết nước Anh là định số trọng-tải cho từng hạng tầu một; thuyết của nước Ý là định cái suất-số phần trăm và định cái tổng-số trọng-tải của các nước đến đâu là cùng, nghĩa là có cái ý ngầm muốn đòi cho được bình-đẳng với nước Pháp; thuyết nước Pháp, là định cái tổng-số trọng-tải của mỗi nước, nhưng mỗi nước có quyền được thay đổi hạng tầu nọ ra hạng tầu kia được, như thế thì cần phải liệt-kê các hạng và định cách hạng nọ chuyển-dịch sang hạng kia phải thế nào. Ngoài ba cái thuyết đó, còn lời yêu-cầu của nước Nhật muốn về phần mình được 70 phần trăm số trọng-tải cao nhất.

Mỗi nước chủ-trì cái thuyết của mình, phân-trần các lẽ lợi-hại. Thủ-tướng Pháp TARDIEU thì diễn-giải cái thuyết của nước Pháp rất rõ-ràng. Ông nói rằng đường duyên-hải của nước Pháp rộng, các thuộc-địa của nước Pháp nhiều, lại ở cách xa mấy lần bể, cần phải có đủ số tầu chiến mới phòng-bị sự giao-thông cho chắc-chắn được. Ông lại nói rằng cái thuyết của nước Pháp là đã trù-tính kỹ lắm, số trọng-tải, số đại-bác có hạn-định phân-minh cả. Các nước kia thì tuy nước nào vẫn giữ cái thuyết của nước ấy, nhưng hết thảy đều bằng lòng lấy cái thuyết của nước Pháp làm căn-cứ cho cuộc thảo-luận.

Suốt một tháng đầu, hội-nghị mới định được một cái phương-pháp thảo-luận như thế mà thôi, còn chính vấn-đề cốt-yếu thì chưa đả động đến. Khi thực-lực đem ra thảo-luận, chắc còn xung-đột nhau nhiều.

Nói về Hội Vạn-quốc. — Trong khi hội-nghị trái-khoản họp ở *La Haye*, trước khi hội-nghị hải-quân họp ở *Londres*, thì hội-nghị Hội Vạn-quốc cũng họp ở *Genève* để dự bàn về cách đặt một hội-nghị quốc-tế để xét về vấn-đề quan-thuế trong các nước. Quan-thuế hay là hải-quan-thuế, tức là thuế thương-chánh của các nước đánh đồ hàng ngoại-quốc nhập-cảng nước mình. Thuế này tùy tình-hình kinh-tế của mỗi nước, nặng nhẹ khác nhau, có nước muốn bảo-hộ cho nông-công-thương của mình đánh đồ hàng ngoại-quốc nặng quá, không những làm trở-ngại việc thông-thương trong thế-giới, mà lại gây ra lắm nỗi bất-bình trong quốc-tế. Hội Vạn-quốc theo đuổi cái mục-đích tổ-chức cuộc hoà-bình trong thế-giới, muốn tiêu-trừ những nỗi bất-bình đó, nên định nay mai họp một hội-nghị quốc-tế để bàn xét về vấn-đề quan-thuế.

Nói về nước Anh. — Trong khi hội-nghị hải-quân họp ở *Londres*, thì việc nội-chính nước Anh hình như tạm đình cả lại. Tuy-nhiên việc Ấn-độ cũng là một mối lo to cho Anh đế-quốc. Đảng quốc-gia Ấn-độ họp đại-hội ở *Lahore* đã theo lời ông lãnh-tụ GANDHI, công-nhiên tuyên-bố đòi độc-lập, không hiệp-tác với người Anh, không tuân pháp-luật và không nộp thuế cho chính-phủ Anh. Tình-thế rất là nguy-kịch, không biết rồi cục-diện thay đổi ra thế nào. Chính-phủ Anh định họp một

hội-nghị ở *Londres* để giải-quyết về vấn-đề Ấn-độ. Đảng quốc-gia thì tuyên-bố không tham-dự hội-nghị ấy. Nhưng ngoại-giả còn các đảng ôn-hòa khác, Không biết hội-nghị có họp được không và có kết-quả gì không.

Thuộc về hòa-ước cho Ai-cập độc-lập, thì lúc mới đầu thiên-hạ dị-nghị cũng nhiều, nhưng hiện nay cũng thấy đã êm cả. Nghị-viện Ai-cập đã từng khai-mạc. Ta nên đợi xem sau này nghị-viện cùng quốc-dân Ai-cập đối-phó với cái hòa-ước mới thế nào.

Nói về nước Tây-ban-nha.— Ở Tây-ban-nha mới xảy ra một cuộc chính-biến. Thủ-tướng PRIMO DE RIVERA cầm quyền chuyên-chế bấy lâu, gần đây thấy cái thế nguy, bị bọn quân-nhân và đảng học-giới phản-đối, lại có lẽ cũng vì không được quốc-vương tín-nhiệm, liền thông điện đi các võ-tướng hỏi xem có lòng tin giúp mình nữa không; rồi trước khi các võ-tướng trả lời, thì xem chừng thiên-hạ đã có ý chán mình, bèn đệ giấy cho quốc-vương xin từ chức cả Nội-các. Vua ALPHONSE 13 liền nhận giấy từ chức và giao cho tướng BERENGUER tổ-chức Nội-các mới, lấy toàn người ở ngoài phái quân-nhân cả. Việc chính-biến này xảy ra mau quá, nước Tây-ban-nha cùng cả thế-giới đều lấy làm lạ. Vì không ai ngờ rằng một tay chuyên-chế cương-quyết như tướng PRIMO DE RIVERA mà nhất-đán đổ ngay được như thế. Thì ra cái chính chuyên-chế xưa nay ở đâu cũng thế, tích-lũy cái lòng oán-phẫn của người ta đã nhiều lắm, nhất-đán đổ nhào lúc nào không biết. Tuy-nhiên cũng phải biết công cho thủ-tướng, trong mấy năm cầm quyền thật đã gia tay chấn-loát cho nền kinh-tế trong nước được thịnh-vượng. Từ nay nước Tây-ban-nha đã thoát được quyền chuyên-chế của một người, có lẽ phục-hồi được cái chính-thể đại-nghị tự-do như các nước khác. Quốc-vương ALPHONSE 13 có tiếng là người khôn-khéo lắm, có lẽ cũng có đủ tài giải-quyết được cuộc chính-biến này cho nước.

Nói về nước Ý. — Ở Nước Ý gần đây việc quan-trọng nhất là việc cưới hoàng-thái-tử Ý với công-chúa MARIE-JOSÉ nước Tỉ-lợi-thì. Lễ cưới rất long-trọng, và dân Ý tỏ lòng mến phục nhà vua lắm. Việc này cũng không quan-hệ gì lắm cho cuộc ngoại-giao Âu-châu.

Nói về nước Pháp. — Việc thay đổi nội-các ở nước Pháp thì mấy kỳ trước bản-chí đã nói rồi. Ngoài việc đó thì nội-chính nước Pháp cũng không có việc gì là quan-trọng. Duy có việc đảng xã-hội họp đại-hội hằng năm, thảo-luận kịch-liệt, rồi tuyên-bố rằng đảng nhất-định không tham-dự Chính-phủ. Còn cách làm việc của Nghị-viện thì vẫn trì-hoãn chậm-chạp như thường. Sổ dự-toán năm 1930 vẫn chưa quyết-nghị xong. Đáng lẽ thì đầu năm phải quyết-nghị xong, nhưng vì Nghị-viện làm việc chậm quá, nên chính-phủ đã phải định rằng năm tài-chính không phải bắt đầu từ mồng một tháng giêng như năm thường nữa mà bắt đầu từ mồng một tháng tư năm nọ sang mồng một tháng tư năm kia.

Thời-cục nước Tầu. — *Cứ như các tin gần đây thì cái cuộc Diêm Tưởng phân-tranh ở nước Tầu ngày nay chưa giải-quyết xong, mà Diêm Phùng, cũng chưa hẳn đã dám công-nhiên khai-chiến với Tưởng. Lúc thì có tin Diêm xin từ chức, lúc thì có tin Phùng sẽ xuất-dương; thế mà gần đây Diêm đã thả Phùng về Thiểm-tây, để điều-động quân-đội ở Đồng-quan, mà Diêm thì bị các tướng thúc-giục ra nhận chức Tổng-tư-lệnh mưu lập một-quân chính-phủ ở Bắc-bình để đối-kháng với chính-phủ Nam-kinh. Song cuộc Diêm Tưởng phân-tranh này đáng chú-ý nhất*

là cái thái-độ của Trương Học-Lương. Trương Học-Lương gần đây có thông-điện đại-ý nói rằng Tưởng Giới-Thạch và Diêm Tích-Sơn đều là trụ-thạch của nước nhà, nay nếu không thôi cuộc nội-chiến, rồi đến gốc rễ động lay, người ngoài nom dòm, cái thảm mất nước sẽ không thoát được. Sau khi Tưởng Diêm chia rẽ, đã tỏ bày ý-kiến, xin hai người dung-nạp ý-kiến đồng-chí, tránh khỏi chiến-tranh, lấy đảng-quốc làm trọng, cùng số nhiều các vị lãnh tụ hợp sức tiến-hành, để giải-quyết thời-cục.

Diêm vì thấy các phương đối với mình đều không thực lòng tín-ngưỡng, nên vẫn dùng-dằng chưa dám xuất-binh. Một là vì các tướng-lĩnh còn nhiều người thông điện tỏ lòng ủng-hộ chính phủ trung-ương ; nhất là bức thông-điện của Hàn Phục-Cừ và Thạch Hữu-Tam lại càng làm cho Diêm phải ngã lòng ; hai là đối với quân tây-bắc, việc tiếp-tế khí-giới vẫn chưa thỏa-hiệp ; ba là Trương Học-Lương không tỏ ý tán-thành.

Lại từ khi Phùng Ngọc-Tường trở về Đồng-quan đã mấy lần điện cho Diêm Tích-Sơn giục cấp quân-phí hai trăm vạn, và nói quân bộ-hạ đã kéo sang mặt đông, xin theo như lời ước cấp phát khí-giới. Nghe đâu Diêm đối với sự yêu-sách của các phương lấy làm khốn-nạn, đối với Phùng lại càng do-dự lắm.

Theo như tờ báo Hoa-tinh *có nói rằng Diêm Tích-Sơn từ sau khi tỏ hẳn cái thái-độ phản đối Tưởng Giới-Thạch rồi, những nhân-vật phản Tưởng ở các phương đều họp cả ở Thái-nguyên (tỉnh-thành Sơn-tây) thì nhau thúc giục Diêm tổ-chức quân chính-phủ ở Bắc bình. Xét ra Diêm lần này phản-đối Tưởng, về chính-trị lúc mới chẳng có chủ-trương gì, chỉ là nghe những người phái tả và phái hữu bảo sao thì làm thế, cho nên trước thì nghe bọn Trần Lỗ, Tạ Trì phái Tây-sơn bảo ngầm là họp các ủy-viên trung-ương kỳ thứ nhất, kỳ thứ hai, kỳ thứ ba để tổ-chức ra cán-bộ trung-ương lâm-thời ; kế đó lại tiếp được bức điện của Uông Tinh-Vệ, rồi bỗng thấy thông-điện chỉ-trích kỳ trung-ương toàn-thể đại-hội lần thứ ba của Tưởng triệu-tập trước kia là phi-pháp ; rồi đó lại bị cánh quân-phiệt Bắc-dương là bọn Đoàn Kỳ-Thụy và các phương xui giục, bỗng lại có nghị tổ-chức quân chính-phủ ở Bắc-bình ; hôm gần đây lại vì bọn Trần Công-Bác người về phái cải-tổ quyết giữ cái thuyết « đảng giữ quyền », Diêm lại nghe theo rồi định khôi-phục các chức quyền hành-sự của hội trung-ương toàn-thể đại-hội về hai kỳ trước. Cứ xem các điều đã xét được như trên vừa kể, thì Diêm dẫu là người đứng đầu trong việc phản Tưởng ngày nay, nhưng về chính-trị chẳng có mục-đích gì cả. Vả chăng nghe như Phùng Ngọc-Tường sau khi trở về Thiểm-tây chủ-trì việc quân, cũng không bằng lòng tổ-chức chính-phủ ở Bắc-bình. Phen này Phùng Ngọc-Tường lại ra, cái chí không phải là nhỏ, muốn đem quân tây-bắc một đường thẳng Đồng-quan xuống Vũ-Hán, một đường theo phía đông đến Từ-châu, Bạng phụ, kéo thẳng đến Nam-kinh. Bấy giờ Phùng vào được trước sẽ là chủ, chiếm cứ lấy Nam-kinh, tất dễ hiệu-triệu hơn là lại đặt ra một chính-phủ khác ở Bắc-bình. Xem như vậy thì việc tổ-chức quân-chính-phủ ở Bắc-bình không sao thành-lập được, không phải là không có cớ vậy. Lại có người nói Diêm lần này phản-đối Tưởng Giới-Thạch, phá-hủy đảng quốc dân, là do bọn quân phiệt Bắc-dương mưu toan cái kế-hoạch phục-hưng.*

Có tin rằng Diêm Tích-Sơn mà phát bức điện-văn từ chức, vốn là muốn thử xem ý-kiến các phương thế nào, một mặt thì phái đại-biểu liên-lạc với bọn Lộc Chung-Lân, Hàn Phục-Cừ, Thạch Hữu-Tam ; không ngờ quân Hàn lại kéo đến Trịnh-châu, quân Thạch Hữu-Tam lại tiến gấp lên miền bắc, Diêm bị sự đả-kích rất là luống-cuống, lần này không thể không quyết - định cái phương-pháp cuối cùng, hoặc quả-quyết đánh một trận, hoặc thực-hành xuất-dương, đem cái thực-quyền ở Sơn - tây giao cho Triệu Đái - Văn là người có cái cảm-tình tốt với chính-phủ trung-ương để giữ lấy địa-bàn. Hiện Diêm có triệu-tập cuộc hội-nghị Thái-nguyên, chính là để bàn về hai việc ấy. Lại trước kia Diêm nhân khi giải quyết quân Phùng làm phần từng có lính năm trăm vạn đồng của chính-phủ trung-ương, nhưng chỉ cấp cho Hàn Thạch mỗi người có 50 vạn đồng, cho nên Hàn, Thạch đối với Diêm rất là không bằng lòng, và hiện nay lại đều được chính-phủ trung-ương cấp cho trăm vạn đồng, cho nên ra mặt phản-đối Diêm hẳn. Hiện hai tướng ấy kéo quân lên miền bắc là để áp-bách quân Sơn-tây.

Nhưng cứ như tin báo-cáo thì Diêm đã tỏ ý quả-quyết nhận chức hải-lục-không-quân tổng tư-lệnh. Phùng Ngọc-Tường cũng đã hạ lệnh cho bộ-hạ dự-bị đặt đại-bản-doanh ở Trịnh-châu, để dự-bị đến đó chỉ-huy việc quân.

Phùng Ngọc - Tường ở Đồng - quan triệu các tướng-lĩnh mở cuộc quân-sự hội-nghị, kết-quả quyết định những người làm tổng-chỉ-huy, bắt đầu hành-động quân-sự và định trong cái thời-kỳ rất ngắn, đạo thứ nhất họp ở Trịnh-châu, đạo thứ hai họp ở Yên-thành, đạo thứ ba họp cả ở Tín-dương. Đợi sau khi quân ba đạo kéo đến cả chỗ mục-đích rồi, lập-tức đánh Hán-khẩu và Tử-châu. Đến lúc ấy Phùng sẽ thân đến Trịnh-châu chỉ-huy.

Đứng đầu tập đoàn quân thứ hai là Lộc Chung - Lân, đứng đầu tập đoàn quân thứ ba là Thương Chấn cùng các tướng - lĩnh phát một tờ thông-điện phản đối Tưởng Giới-Thạch. Đoạn đầu bênh vực cái thái-độ của Diêm Tích-Sơn, công-kích chính-phủ trung-ương dùng võ-lực áp-bách dư-luận và kể tội Tưởng Giới-Thạch và cái chính-sách hủ-bại của chính - phủ trung-ương. Nói Tưởng mượn danh biên-khiển, gây nên cái võ-lực trung - tâm của cá - nhân, trong nước vì thế mà khởi cuộc nội-loạn, nhân-dân không được yên-ổn sinh - hoạt, vậy Tưởng nên phải tỉnh-ngộ lại, đem đảng-chính giao trả người nước.

Gần đây Giả Đức-Huệ có vâng mệnh Diêm Tích-Sơn đến Bắc-bình lập-tức bãi bỏ các đảng bộ ở phía bắc Trung-hoa, tức là bỏ cái chế-độ một đảng chuyên-quyền.

Lại có tin ở Thái-nguyên rằng đảng-bộ tỉnh Sơn-tây và thị-đảng-bộ Thái-nguyên đều đã bị Diêm Tích-Sơn hạ lệnh đóng cửa, cho là hai cơ-quan ấy làm rối cuộc trị-an.

Diêm lại hạ lệnh triệt bỏ sở làm việc của tập đoàn quân thứ ba và khu biên-khiển thứ ba, cùng thời dựng ra tổng-bộ Trung-hoa lục-quân.

Diêm ở Thái-nguyên đã nhận chức hải-lục-không-quân tổng - tư - lệnh và yêu cầu ngoại-giao-đoàn thừa nhận làm đoàn-thể giao-chiến. Sau khi Diêm nhận chức liền đến Thạch-gia-trang chỉ-huy việc quân. Phùng Ngọc Tường ở Thiểm-tây cũng nhận chức phó tổng-tư-lệnh. Diêm lại điện cho các phương nói là do người trong đảng suy-cử mình lên.

Trương Học-Lương có gửi điện khuyên Diêm Tưởng nên giảng-hòa, nên Tưởng có điện trả lời rằng : Đang lúc thời-cục nguy-cấp này, ngài xướng đạo việc hòa-bình, tôi rất lấy làm vui lòng. Nhưng Diêm miệt-thị mệnh-lệnh chính-phủ trung-ương, hạ lệnh cho các quân-đội bộ-hạ động binh, kéo xuống miền nam, lại lấy cái danh-nghĩa là quân dân-quốc Trung-hoa, cử bọn Từ Vĩnh-Xương làm tổng-chỉ-huy, cùng thời lại sai các đạo quân do hai đường Tân-phố và Bình-hán xuống phía nam, lại bắt giữ nhiều toa xe ở đường Tân phố phá-hoại đường giao-thông, bắt giam các yếu-nhân chính phủ trung-ương, lại vây bọc hai đảng-bộ Bắc-bình và Hà-bắc, không còn coi pháp-kỷ là gì. Việc đã như thế tôi rất lấy làm lo cho cuộc hòa-bình thống-nhất, không có cách nào làm xong được. Nhưng tôi ngờ Diêm làm như thế hoặc là bị bọn phản-động bao-vi hiếp-bách, thì còn có thể mong hắn nghĩ lại được. Nhưng các tướng-lĩnh có tên trong bản thông-điện phản-đối chính-phủ trung-ương ngày 23 tháng hai, thấy đều thông-điện nói là không dự, đó là Diêm mạo ký vào. Diêm tự-tiện làm liều đến như thế. Cuộc hội-nghị trung-ương toàn-thể lần thứ ba, họp ngày mồng một tháng ba, vẫn dùng cách xử-trí khoan-đại chỉ phái-viên điều-tra chân-tướng để cho Diêm nghĩ mà hối lại, thế là chính phủ trung-ương cố cầu hòa-bình. Tôi nghĩ rằng đảng-quốc muốn làm xong cuộc hòa-bình thống-nhất, cần phải cùng Diêm để huề. Vậy mong ngài giục Diêm nghĩ lại mau mau bỏ cái lệnh động-binh và cái danh-nghĩa quân dân-quốc Trung-hoa, khôi-phục việc giao-thông, rút các đạo quân kéo xuống Nam trở về, hợp sức để mưu cuộc hòa-bình.

Có tin ở Nam-kinh rằng Diêm Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường có hỏi vay các nhà ngân-hàng Mĩ, Pháp, Bỉ một món tiền to, lấy tiền thuế cửa Sùng-văn Bắc-bình làm của để áp. Tổng-bộ trước đã gửi giấy cho bộ ngoại-giao phải giao-thiệp với các nước ấy, yêu-cầu không cho bọn quân-phiệt vay tiền để gây thêm cuộc nội-loạn. Nghe đâu việc giao-thiệp ấy đã có kết-quả.

Người ta nói rằng Tưởng Giới-Thạch định dụ bạn-quân khi nào tiến vào bình-nguyên cõi Hà-nam rồi, sẽ dùng phép đã-chiến tối nước Đức đánh cho một trận giết chết cả. Lần này Tưởng đi ra Ninh-ba là có ý dụ bạn-quân vào sâu vậy.

Tưởng Giới-Thạch định thu quyền của Diêm ở các tỉnh Sơn-tây, Kỳ-châu, Sáp-cáp-nhĩ, Tuy-viễn, Hà-nam giao cả cho Trương Học-Lương, khiến Trương giúp sức chính-phủ trung-ương khử trừ bọn phản-động.

Thị-đảng-bộ Nam-kinh đã thông-điện nói rằng : Diêm Tích-Sơn vốn là dư-nghiệt bọn quân-phiệt, bầy tôi cũ của Viên Thế-Khải ngày xưa, chiếm cứ tỉnh Sơn-tây, gần đây lại câu-kết bọn Trương Tôn-Xương, Ngô Bội-Phu, Đoàn Kỳ Thụy, Uông Tinh-Vệ là bọn không ai thèm kể đến, và các phái An-phúc, Cải-tổ, Tây-sơn, Bắc-dương, ngầm mưu việc đánh đổ đảng-quốc, trước Diêm đã đánh bọn Trương, Quế, Phùng, Bường, nay lại liên-lạc với bọn ấy, giáo-giở biến-hóa, không còn gì là tín-nghĩa. Đến như Phùng Ngọc-Tường lại càng vô sỉ lắm nữa, Diêm, Phùng thực là hai kẻ có tội của đạo-nghĩa liêm-sỉ. Những kẻ như thế mà không trừ đi thì còn ra nước thế nào được, vậy mong cả nước cùng ra sức đánh.

Cứ như các tin trên này thì việc Diêm Tưởng phân-tranh không khéo lại thành ra cuộc nội-chiến, mà đôi bên thắng-phụ có quan-hệ đến cuộc thông-nhất của nước Tàu như thế nào, chưa có thể mà đoánđịnh trước được.

Quảng-tây, — *Tưởng Giới-Thạch cho rằng thời-cục miền Bắc dầu rằng khẩn-cấp, nhưng việc quân ở Quảng-tây cũng rất trọng-yếu, nên đã hạ-lệnh cho hai đạo quân thứ sáu và thứ tám, phải trước hết dẹp yên thời-cục Quảng-tây. Nhưng mãi đến nay quân-sự ở Quảng-tây vẫn chưa kết-thúc, nên Tưởng lại phái ba người đại-biểu là Chu Vĩ, Lâm Bát-Trần, Vương Đật-Phi và viên cố-vấn người Đức xuống Quảng-tây xem xét tình-hình và giúp sức cho hai viên tổng-chỉ-huy là Trần Tế-Hường, Chu Thiện-Lương bàn định mưu-kế tiến đánh.*

Long châu. — *Lý Tôn-Nhân và Hoàng Thiệu-Hùng đã cho 3000 quân do hai tướng Mông Chí-Bán và Lý Bạch-Vân chỉ-huy xuống đánh Long-châu.*

Giu Tác-Giự vì không ngờ Lý với Hoàng dám động binh đánh mình, nên không đề-phòng chi cả, bởi vậy mới một trận mà quân cộng-sản đã bị tan-nát. Tàn-quân của Giu Tác-Giự đã chạy về Hình-nghi-quan, gần phía sông Kỳ-cùng, thì bị nhân-dân ở đấy cướp mất khí-giới.

Việc trong nước

Việc trong nước từ 15 Mars đến 15 Avril. — Tăng giá diêm và giá thuốc lá. — *Bản nghị-định quan Toàn-quyền ký ngày 20 Mars về việc tăng thuế diêm và thuế thuốc lá như sau này :*

Thuế diêm. — *Từ nay mỗi gói một chục bao chịu thuế 6 xu và một phần tư xu (0$0625).*

Thuế thuốc-lá. — *Thuốc lá quấn rồi hay chưa quấn cứ mỗi kilo chịu thuế hơn lên là 1 p. 60 ; thuốc lá « si-gà » mỗi kilo chịu thuế hơn lên 3$20.*

Các đại-biểu dân Pháp ở Nam-kỳ đối với việc Yên-bay. — *Hôm 26 Mars các đại-biểu dân Pháp ở Nam-kỳ có họp hội-đồng ở Sài-gòn do ông* Blanchard *chủ-tọa và có gửi điện-tín về bộ thuộc-địa để tỏ lòng tin-nhiệm quan Toàn-quyền* Pasquier.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — *Hôm 27 Mars quan Thống-sứ* Robin *đi kinh-lý hạt Hải-phòng và Kiến-an*

Hội-đồng Đề-hình họp lần thứ hai tại Yên-bay. — *Ngày 27 Mars Hội-đồng đề-hình đã họp lần thứ hai tại Yên-bay để tra-vấn 65 người bị-cáo là đã gây nên cuộc phiến-loạn.*

Phiên Hội-đồng họp ngày 28 đã tuyên-án 39 người bị xử-tử, 5 người bị đi đày biệt-xứ, 9 người bị 20 năm khổ-sai và 1 người bị 1 năm khổ-sai.

Tòa Thượng-thẩm phúc-thẩm cái án cộng-sản ở Nam-định. — *Phiên tòa họp ngày 29 Mars nghe lời buộc tội của quan Chưởng-lý và lời cãi của các trạng-sư. Các tội-nhân khi tuyên-án đều được giảm tội cả.*

Báo Thần-chung bị cấm xuất-bản. — *Báo* Thần chung *trong Nam-kỳ vì đăng một bài nói về tình-hình kinh-tế và chính-trị nước Nhật, khi đem lên tòa kiểm-duyệt bài ấy ký tên là C. D. mà lúc in vào báo lại ký tên là Cường-Để, tức là đảng-trưởng Việt-Nam-quốc-dân-đảng, nên đã bị Chính-phủ cấm không cho xuất-bản nữa.*

Thợ đình-công ở nhà máy sợi Nam-định. — *Sáng ngày 31 Mars mấy nghìn thợ nhà máy sợi Nam-định vừa đàn ông đàn bà, vì yêu-cầu với chủ tăng lương, rút bớt giờ làm việc và bỏ lệ phạt tiền không được, nên đã nhất loạt đình-công. Mấy người khởi-xướng đã phải bắt giam và nhà máy có quân lính canh-gác.*

Thuộc-địa-bộ đối với việc Yên-bay. — *Ông* PIETRI *là Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng có tuyên-cáo rằng quyền ân-xá các tội-nhân mà Hội-đồng đề-hình xử là cái đặc-quyền của quan Giám-quốc, vậy nay các tội-nhân đã ký giấy xin ân-xá thì các tập hồ-sơ của các người đó phải gửi về Pháp.*

Ông Phan Văn-Trường ở Pháp đã được tha. — *Vì trước kia ông Phan Văn-Trường ở Sài-gòn có trích bài ở báo* Humanité *đăng vào báo* Annam, *bị truy-tố là có ý xui nhân-dân và quân-lính làm loạn, nên tòa án trừng-trị phạt 2 năm tù, sau Đại-thẩm-viện bên Pháp y cái án ấy, lại nhân ông đang ở Pháp nên bị bắt giam tại ngục-thất* Chartres. *Mới rồi nhân ông* LÉON DOUDEL *được ân-xá, các bạn-hữu ông bên vận-động tại Nghị-viện xin Chính-phủ cũng tha cho ông, thì nay ông đã được ra ngoài rồi.*

Quan Toàn-quyền dự lễ khánh-thành sân đá bóng. — *Mới rồi quan Toàn-quyền cùng quan Thống-đốc Nam-kỳ có đến dự-lễ khánh-thành sân đá bóng của Tổng-cục Thể-thao Annam.*

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — *Hôm 2 Avril quan Thống-sứ cùng với viên thư-ký riêng đã đi kinh-lý các tỉnh Bắc-giang, Bắc-ninh, Hà-đông và Sơn-tây. Đến chỗ nào quan Thống-sứ cũng tiếp các quan-chức và các tổng-lý.*

Thể-thao nước nhà. — *Ba người đánh vợt có tiếng (hai người Trung-hoa và một người Phi-luật-tân) đã rời Hương-cảng để sang Nam-kỳ tranh-đấu cùng mấy người đánh vợt Việt-Nam.*

Việc mộ phu đi Tân-thế-giới. — *Chuyến tầu* Gia-long *vừa về chở 430 người cu-li ở Tân-thế-giới về nước nhà. Hôm thứ hai 7 Avril tầu ấy lại chở 593 người đi Tân-thế-giới. Theo bản thống-kế, năm 1929 chở đi Tân-thế giới 6700 cu-li thì đã về đây 6200 người rồi.*

Chính-trị-phạm đi Guyane. — *51 người bị Hội-đồng đề-hình Yên-bay kết án khổ-sai chung-thân và phát-vãng thì tối hôm 9 Avril đã giải xuống Hải-phòng đem đi Côn-lôn để chờ tầu giải đi đầy ở* Guyane.

Còn 52 người bị hội-đồng kết án xử-tử còn chờ nếu quan Giám-quốc bên Pháp bác đơn xin ân-xá thì sẽ phải hành-hình tại Yên-bay.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — *Hôm 10 Avril quan Thống-sứ, cùng quan Đồng-lý và viên thư-ký riêng xuống kinh-lý tỉnh Thái-bình. Ngài đi thăm các đường-xá và các phủ-huyện tỉnh-lỵ.*

Việc Yên-bay tại Hạ-nghị-viện Pháp. — *Ông* PIETRI *là Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng cùng các Thống-soái* CLAUDE, PELLETIER *đã phân-trần cùng Uy-hội thuộc-địa về các phương-pháp phòng-thủ thuộc-địa.*

Hiện đã định ngày xét lời chất-vấn của ông TAITTINGER *về việc biến-động ở Đông-Pháp.*

Khánh-thành đường vô-tuyến điện-thoại Paris-Sài-gòn. — *Hôm 10 Avril ở* Paris *đã khánh-thành đường Vô-tuyến điện-thoại Paris-Sài-gòn. Vua Bảo-đại, rồi đến ông* PIETRI *và ông* OUTREY *ở Pháp có nói chuyện với quan Toàn-quyền* PASQUIER *ở Sài-gòn.*

Sửa đổi trong viện Dân-biểu. — *Quan Toàn-quyền mới ký nghị-định, định rằng từ nay ở Trung-châu xứ Bắc-kỳ từ 40.000 người trở lên mới được bầu một viên Dân-biểu. Trước kia có 20.000 người đã được bầu, vậy kỳ bầu-cử sau số Dân biểu sẽ rút đi một nửa.*

Phủ đổi thành huyện. — *Phủ Mỹ-hào tỉnh Hưng-yên nay đổi thành huyện Mỹ-hào.*

Việc đình-công nhà máy sợi Nam-định. — *Ngày 12 Avril nhà máy sợi đã bắt đầu làm việc như cũ 3 người chủ-động việc đình-công phải kết án một người 6 tháng tù và hai người 3 tháng.*

Xiêm-hoàng tới Sài-gòn. — *Sáng ngày 14 Avril hồi 10 rưỡi, vua Xiêm cùng Hoàng-hậu đã tới Sài-gòn.*

Xiêm-hoàng tên là PRAJADHIPOK *sinh ngày 8 Novembre 1893, tức là vua thứ bảy của họ* CHAKKRI, *trị-vì nước Xiêm từ năm 1782. Ngày 25 Novembre 1925, vương-huynh băng-hà, nên vua* PRAJADHIPOK *lên kế ngôi. Xiêm-hoàng thuộc về phái tân-học mà lại dung-hòa được cả cổ-học. Từ ngày ngôi lên ngôi cải cách các việc chính-trị trong nước, nhân-dân được nhờ lắm. Ngài phái các đại-biểu đi khảo xét các cách cai-trị ngoại-quốc. Hồi mới lên ngôi công-quĩ nhà nước thiếu tiền, vua không tăng thuế, không lập thuế mới mà trong một năm, hạn-chế các sự tiêu-phí trong triều, đã làm cho công-khố được dư dả. Vua chú-trọng nhất về việc buôn-bán và làm ruộng của nhân-dân. Hoàng-hậu* RAMBAIBARNI, *thuộc về hoàng-phái, là một người học rộng, thực xứng với cái địa-vị cao-sang lắm. Ngài được dân-sự hâm-mộ lắm.*

Hiện nay vua Xiêm và Hoàng-hậu là thượng-khách của Đông-Pháp.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

1° *Luận-ngữ loại-ngữ tập thứ nhì.* — Lương Văn-Can tiên-sinh biên-dịch, trích lấy những bài trong sách *Luận-ngữ* mà phân ra từng loại, như tính-mệnh, chí-khí, xử-kỷ, tiếp-vật, v. v., mỗi bài đều có diễn đủ cả âm cả nghĩa, lại có bài thích nghĩa tóm lại, để tiện cho người học chữ nho; trước đã in ra tập thứ nhất. Nay Lương Ngọc-Hiền lại tiếp-tục xuất-bản tập thứ nhì; giá bán 0p.40.

2° *Nam-học Hán-tự khóa-bản.* — Phó-bảng Nguyễn Can-Mộng tiên-sinh soạn ra, đã xuất-bản lần trước, chia ra từng bộ có đủ cả âm nghĩa chữ nho. Nay lại tái-bản, có tăng-bổ và giải-nghĩa kỹ hơn, đủ giúp cho người muốn học Hán-tự, đã được Học-chánh hội-đồng duyệt-y cho vào sách giáo-khoa.

Nam-Phong Tùng-thư

Mới xuất-bản :

Lịch-sử thế-giới. — *Của Phạm Quỳnh biên-dịch. Sách tóm-tắt cả các việc lớn trong lịch-sử cổ-kim Đông-Tây. (Đông-kinh ấn-quán xuất-bản, giá 4 hào, ở xa tiền cước ngoài).*

Xuất-bản trước :

1° — *Văn-minh-luận,* 4 hào.
2° — *Ba tháng ở Paris,* 4 hào.
3° — *Văn-học nước Pháp,* 4 hào.
4° — *L'idéal du Sage,* 4 hào.
5° — *Chính-trị nước Pháp,* quyển thứ I, 4 hào. Quyển thứ II, 5 hào.
6° — *Khảo về tiểu-thuyết* 4 hào.

Sắp xuất-bản :
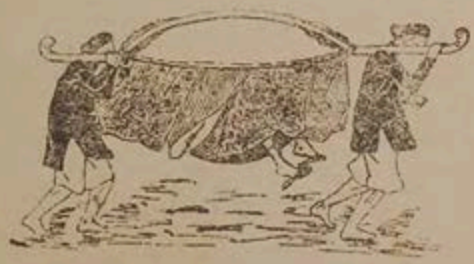
Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire. (*Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở hội Địa-dư Hà-nội*)